

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ
DÂN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỨC LONG GIA LẠI**

**Tại Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**



Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11 năm 2024

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ
DÂN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỨC LONG GIA LAI**

**Tại Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh**

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH SÁCH CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	vi
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG CƠ SỞ	3
1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ	3
1.2. TÊN CƠ SỞ	3
1.2.1. Địa điểm cơ sở	3
1.2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở.....	3
1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	4
1.2.4. Quy mô của cơ sở	4
1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ	5
1.3.1. Công suất của cơ sở	5
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	6
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở	16
1.4. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ	17
1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, hóa chất của cơ sở.....	17
1.4.2. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện	27
1.4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước	27
1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ	33
1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở.....	33
1.5.2. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư.....	35
1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở.....	36
1.5.4. Nhu cầu sử dụng lao động	40
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	41
2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	41
2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	44
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO	

VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	48
3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI.....	49
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	49
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	52
3.1.3. Xử lý nước thải	55
3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI.....	58
3.2.1. Khí thải từ công đoạn phủ keo silicon	58
3.2.2. Khí thải từ công đoạn sấy bo mạch, hàn, in và dán	58
3.2.3. Khí thải từ máy phát điện.....	61
3.2.4. Mùi phát sinh từ khu vực lưu giữ chất thải rắn.....	61
3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG	61
3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI	63
3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG.....	65
3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG	66
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải	66
3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác	67
3.6.2.1. Sự cố tai nạn lao động.....	67
3.6.3.2. Sự cố tràn đổ, rò rỉ nguyên liệu, hóa chất	67
3.6.3.3. Sự cố rơi vãi, rò rỉ chất thải nguy hại	68
3.6.3.4. Sự cố cháy nổ.....	68
3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.....	69
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	72
4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI	72
4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI.....	73
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải	73
4.2.2.1. Nguồn phát sinh khí thải có hệ thống xử lý khí thải: Không có	73
4.2.2.2. Nguồn phát sinh khí thải không có hệ thống xử lý khí thải.....	73
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	74
4.2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất	74
4.2.4. Phương thức xả khí thải	74
4.2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường.....	74
4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	75
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	75

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	75
4.3.3. Giá trị giới hạn với tiếng ồn, độ rung	75
4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI.....	76
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	78
5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	78
5.1.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023	78
5.1.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024	78
5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI	79
5.2.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2023	79
5.2.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải năm 2024.....	79
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	80
6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ.....	80
6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI	80
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	80
6.2.1.1. Quan trắc nước thải.....	80
6.2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp.....	80
6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	80
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	81
6.2.3.1. Giám sát CTRSH	81
6.2.3.2. Giám sát CTRCNTT	81
6.2.3.3. Giám sát CTNH	81
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	82
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	82
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	83
PHỤ LỤC BÁO CÁO	

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	: Nhu cầu oxy sinh học (Biological Oxygen Demand)
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BYT	: Bộ y tế
COD	: Nhu cầu oxy hóa học (Chemical Oxygen Demand)
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
DO	: Oxy hòa tan (Dissolved oxygen)
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
ETM	: Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
KCNC	: Khu Công nghiệp cao
NMXLNTTT	: Nhà máy xử lý nước thải tập trung
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
STNMT	: Sở Tài nguyên và Môi trường
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	: Ủy ban nhân dân
VSV	: Vi sinh vật
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1.1 Công suất của cơ sở	5
Bảng 1.2 Sản phẩm của cơ sở.....	16
Bảng 1.3 Nguyên, vật liệu sử dụng tại cơ sở.....	17
Bảng 1.4 Đặc tính của một số nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất	20
Bảng 1.5. Lượng điện tiêu thụ trong 6 tháng đầu năm 2024 của cơ sở theo hóa đơn điện	27
Bảng 1.6 Tổng lượng nước cấp theo hóa đơn nước trong 06 tháng đầu năm 2024	28
Bảng 1.7 Nhu cầu sử dụng nước và lưu lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn hiện hữu và giai đoạn sản xuất đạt công suất tối đa tại cơ sở	31
Bảng 1.8 Tọa độ vị trí các điểm giới hạn chính của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen	34
Bảng 1.9 Cơ cấu sử dụng đất của nhà máy	35
Bảng 1.10 Diện tích các hạng mục công trình của nhà máy	35
Bảng 1.11 Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại cơ sở.....	37
Bảng 1.12 Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc tại cơ sở	40
Bảng 2.1 Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào NMXLNTTT của Khu Công nghệ cao..	45
Bảng 3.1 Tóm tắt các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở	48
Bảng 3.2 Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	52
Bảng 3.3 Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải.....	55
Bảng 3.4 Thống kê thể tích bể tự hoại 03 ngăn.....	57
Bảng 3.5 Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát khí thải.....	60
Bảng 3.6 Kết quả phân tích khí thải tại ống thoát đầu ra	60
Bảng 3.7 Khối lượng, chủng loại CTRCNTT phát sinh.....	63
Bảng 3.8 Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh.....	64
Bảng 3.9 Tóm tắt nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt ĐTM	71
Bảng 4.1 Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào NMXLNTTT của Khu Công nghệ cao..	73
Bảng 4.2. Giới hạn tiếp nhận nồng độ khí thải trước khí thải ra môi trường.....	74
Bảng 4.3 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	76
Bảng 4.4 Khối lượng, chủng loại CTRCNTT phát sinh tại cơ sở.....	76
Bảng 5.1 Kết quả quan trắc nước thải năm 2023	78
Bảng 5.2 Kết quả quan trắc nước thải năm 2024	78
Bảng 5.3 Kết quả quan trắc khí thải năm 2023	79
Bảng 5.4 Kết quả quan trắc khí thải năm 2024	79

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1 Quy trình công nghệ sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED và các sản phẩm điện tử dân dụng	7
Hình 1.2 Quy trình lắp ráp tivi thuộc công nghệ sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED	10
Hình 1.3 Quy trình công nghệ sản xuất các thiết bị, ứng dụng IoT	11
Hình 1.4 Quy trình công nghệ sản xuất thiết bị, bo mạch điện tử	13
Hình 1.5 Một số công đoạn của quy trình sản xuất tại cơ sở	15
Hình 1.6 Sản phẩm sản xuất tại cơ sở.	16
Hình 1.7 Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hiện hữu, công suất 295.726 đơn vị sản phẩm/6 tháng đầu năm 2024.	32
Hình 1.8 Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hoạt động đạt công suất tối đa, công suất 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm.	32
Hình 1.9 Vị trí của cơ sở trong Khu Công nghệ cao.....	33
Hình 1.10 Mối tương quan của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen với các đối tượng xung quanh.	34
Hình 2.1 Công nghệ NMXLNTTT của KCNC, công suất 5.000 m ³ /ngày.	46
Hình 3.1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở	49
Hình 3.2. Mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của cơ sở	50
Hình 3.3. Mặt bằng thoát nước mưa trên mái nhà của cơ sở	51
Hình 3.4 Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở.....	52
Hình 3.5 Mặt bằng tổng thể thoát nước thải của cơ sở	53
Hình 3.6 Bể tự hoại 3 ngăn minh họa	56
Hình 3.7 Hệ thống thu gom thoát khí thải từ công đoạn sấy bo mạch, hàn, in và dán	58
Hình 3.8 Ống thoát khí thải cao 17,6 m so với mặt đất	59
Hình 3.9 Hệ thống PCCC tại cơ sở	69

MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai được cấp giấy đăng ký doanh nghiệp mã số 5900650673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai đã mua lại toàn bộ nhà xưởng văn phòng của Công ty TNHH QSIC Việt Nam theo Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 41/HĐ-MB ngày 21/04/2016 giữa Công ty Cổ phần Đấu giá Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai. Đến năm 2017, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 7534124041 lần đầu ngày 31/05/2017 với tên Dự án “Dự án đầu tư thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai”. Đến năm 2018, dự án được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 12/01/2018. Sau đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư giao dự án cho Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen làm tổ chức kinh tế thực hiện dự án thể hiện tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án 7534124041 lần đầu ngày 31/05/2017 và chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 24/12/2020.

Do đó, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Long Gia Lai kế thừa toàn bộ nhà xưởng cùng cơ sở vật chất, máy móc thiết bị của Công ty TNHH QSIC Việt Nam để đầu tư nghiên cứu phát triển và giao cho Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen làm chủ đầu tư.

Về phân hồ sơ môi trường, từ năm 2020 đến nay, Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen tiếp tục thực hiện các nội dung đã được duyệt theo Báo cáo đánh giá tác môi trường của dự án “ sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVM ngày 12/01/2018.

Theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, dự án thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường (GPMT) theo các căn cứ sau đây:

- Căn cứ theo khoản 2, Điều 9 về tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, dự án được phân loại là **dự án đầu tư nhóm B thuộc lĩnh vực sản xuất thiết bị điện tử;**
- Căn cứ theo cột 3, số thứ tự 17, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, **dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn;**
- Căn cứ theo số thứ tự 3, mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, **dự án thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường;**

- Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật BVMT số 72/2020/QH14, **dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường** và căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, **dự án lập báo cáo đề xuất cấp GPMT theo mẫu phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;**
- Căn cứ khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, dự án thuộc thẩm quyền cấp GPMT là **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.**
- Căn cứ theo khoản 7 Điều 9 Nghị Quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh của Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/08/2023 và Văn bản số 795/KCNC-QHXDMT ngày 14/07/2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về thẩm quyền thực hiện việc thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường tại Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh → Công ty trình nộp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở **“Dự án đầu tư sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai”** cho **Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh** thẩm định và phê duyệt.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG CƠ SỞ

1.1. TÊN CHỦ CƠ SỞ

Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

- Địa chỉ văn phòng: Lô I3-6, Đường N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **NGUYỄN THANH LÂM**
Chức vụ: Giám đốc Điện thoại: 028 37367186
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7534124041 do Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 31/5/2017, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 24/12/2020.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Đăng ký Kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày 27/04/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/07/2023.

1.2. TÊN CƠ SỞ

Tên cơ sở: **DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỨC LONG GIA LAI**

1.2.1. Địa điểm cơ sở

- Địa điểm cơ sở: Lô I3-6, Đường N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở

- Giấy phép xây dựng số 07/KCNC-GPXD ngày 14/09/2007;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 476522, sổ vào sổ cấp T00001/1a ngày 20/11/2007 và nội dung cấp thay đổi ngày 02/11/2018;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 1201/TD-PCCC ngày 24/10/2008 do Sở Cảnh sát PC&CC Tp.HCM cấp;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số QLCTNH 79.006136.T do Sở Tài nguyên và môi trường Tp.HCM cấp lần 1 ngày 04/01/2019;
- Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Sở Cảnh sát PC&CC Tp.HCM ngày 26/01/2010;
- Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT giữa Ban Quản lý các

dự án đầu tư – xây dựng Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN ngày 03/09/2020;

1.2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai – Nhà máy DLG ANSEN số 58/QĐ-STNMT-CCBVMT do UBND TP.HCM cấp ngày 12/01/2018.

1.2.4. Quy mô của cơ sở

Dự án với tổng mức vốn đầu tư là 299.996.750.000 đồng (*Hai trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*), dự án thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường (GPMT) theo các căn cứ sau đây:

- Căn cứ theo khoản 2, Điều 9 về tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, dự án được phân loại là **dự án đầu tư nhóm B thuộc lĩnh vực sản xuất thiết bị điện tử**;
- Căn cứ theo cột 3, số thứ tự 17, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, **dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn**;
- Căn cứ theo số thứ tự 3, mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, **dự án thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường**;
- Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật BVMT số 72/2020/QH14, **dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường** và căn cứ khoản 3, khoản 6 Điều 28 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, **dự án lập báo cáo đề xuất cấp GPMT theo mẫu phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP**;
- Căn cứ khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, dự án thuộc thẩm quyền cấp GPMT là **Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**;
- Căn cứ theo khoản 7 Điều 9 Nghị Quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh của Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/08/2023 và Văn bản số 795/KCNC-QHXDMT ngày 14/07/2023 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về thẩm quyền thực hiện việc thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp, cấp đổi, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy phép môi trường tại Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ

Chí Minh ➔ Công ty trình nộp báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án đầu tư sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh thẩm định và phê duyệt.

1.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA CƠ SỞ

1.3.1. Công suất của cơ sở

Căn cứ Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai – Nhà máy DLG ANSEN số 58/QĐ-STNMT-CCBVM do UBND TP.HCM cấp ngày 12/01/2018 và công suất sản xuất thực tế trong 6 tháng đầu năm 2024 (từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2024), công suất của cơ sở được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 1.1 Công suất của cơ sở

Stt	Sản phẩm	Công suất theo ĐTM (đvsp/năm)	Công suất năm 2023 (đvsp/năm)	Công suất hiện hữu (đvsp/ 6 tháng đầu năm)	Công suất tối đa (đvsp/năm)	Tỷ lệ sản xuất hiện hữu của từng sản phẩm (%)	Tỷ lệ sản xuất hiện hữu của toàn nhà máy (%)
1	Các thiết bị ứng dụng IoT	3.700.000	0	0	3.700.000	0	3
2	Các thiết bị, bo mạch điện tử	2.640.000	309.056	88.194	2.640.000	3,34	
3	Các thiết bị linh kiện điện tử công nghệ LED	1.020.000	160.954	176.320	1.020.000	17,29	
4	Các sản phẩm điện tử dân dụng	2.640.000	16.728	31.212	2.640.000	1,18	
Tổng cộng		10.000.000	486.734	295.726	10.000.000	-	-

Cơ sở đã đi vào hoạt động từ năm 2020, tỷ lệ sản xuất năm 2021 và 2022 đạt khoảng 6 – 7%/năm, năm 2023 đạt khoảng 4,9% và 6 tháng đầu năm 2024 đạt khoảng 3% so với công suất tối đa. Công suất hoạt động của cơ sở chủ yếu phụ thuộc vào số lượng đơn hàng của công ty Ansen Hồng Kông đưa về, công suất sản xuất năm 2023 giảm so với các năm trước do số lượng đơn hàng ở công ty phía Ansen Hồng Kông sụt giảm dẫn đến công suất thực

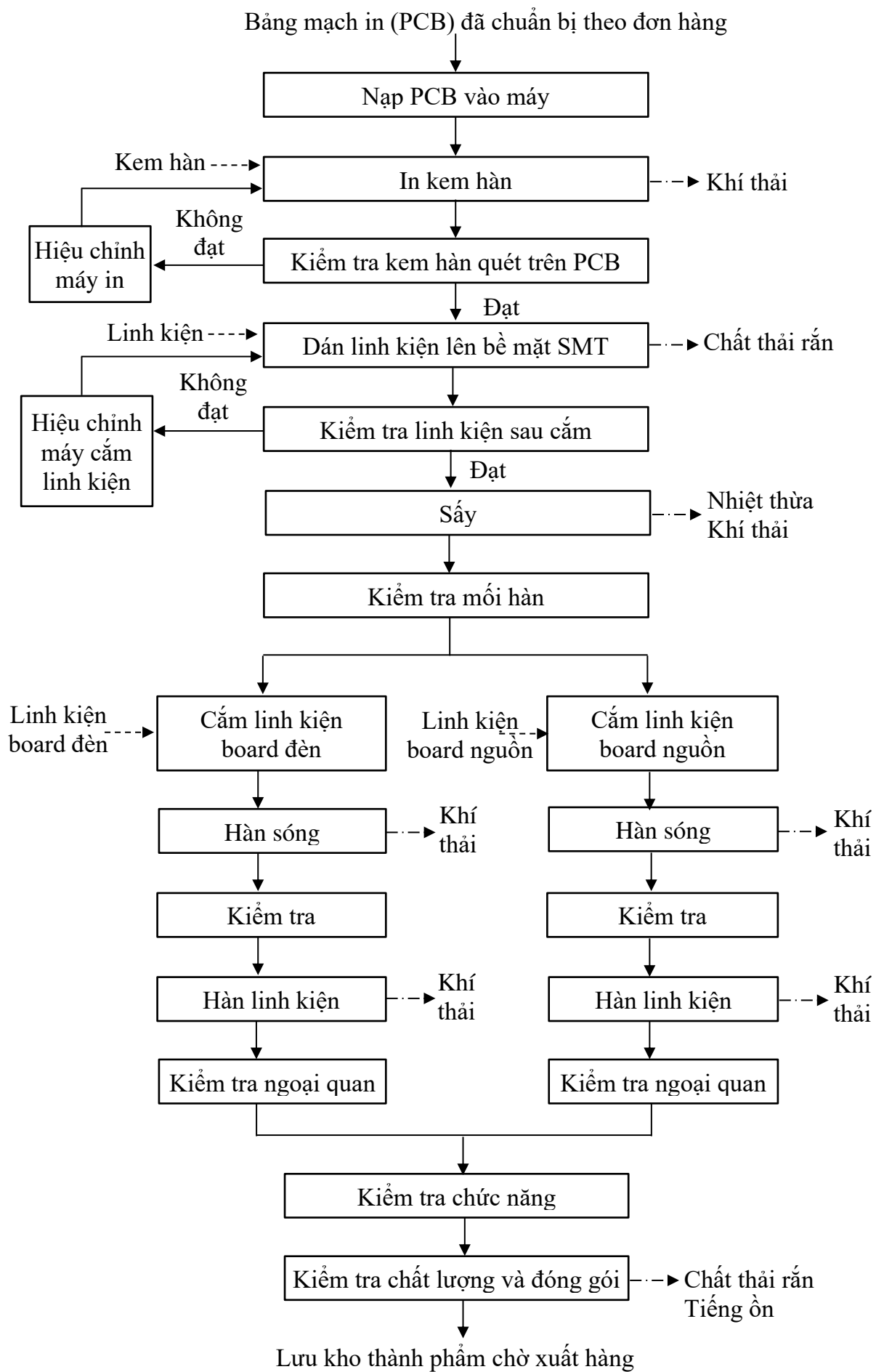
tế của cơ sở cũng giảm theo. Để tăng công suất sản xuất, tránh lãng phí về cơ sở vật chất và nhân công sản xuất, từ năm 2024 chủ cơ sở đã tìm kiếm thêm nguồn khách hàng mới, không chỉ phụ thuộc vào nguồn đơn hàng từ công ty đối tác tại Hồng Kông.

Trong năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, các sản phẩm thuộc thiết bị ứng dụng IoT chưa có đơn đặt hàng, do đó nhà máy không sản xuất loại sản phẩm này trong thời gian nêu trên, máy móc thiết bị đã được đầu tư đầy đủ.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Dây chuyền sản xuất của nhà máy chủ yếu là các dây chuyền khép kín, tự động/bán tự động nên ít phát sinh chất thải, hạn chế được các tác động của con người và môi trường đến chất lượng sản phẩm. Công nghệ sản xuất của cơ sở được trình bày cụ thể dưới đây.

❖ Công nghệ sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED công suất 1.020.000 đơn vị sản phẩm/năm và các sản phẩm điện tử dân dụng công suất 2.640.000 đơn vị sản phẩm/năm



Hình 1.1 Quy trình công nghệ sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED và các sản phẩm điện tử dân dụng

Thuyết minh quy trình:

Công đoạn nạp, in và kiểm tra kem hàn trên bề mặt PCB

Nguyên liệu sản xuất chính đầu vào là bảng mạch in (PCB) đã được chuẩn bị theo đơn hàng được đưa vào máy thực hiện công đoạn in kem hàn, PCB được nạp tự động vào máy in kem hàn. Lớp kem hàn được quét tự động lên bề mặt PCB. Sau đó, PCB được đưa ra khỏi máy in kem hàn, nhân viên tiến hành kiểm tra lớp kem hàn, trường hợp lớp kem hàn không đạt yêu cầu sẽ nhân viên vận hành sẽ hiệu chỉnh máy in và in lại PCB.

Khí thải từ công đoạn này được thu gom và thoát ra môi trường bởi ống thoát chung.

Công đoạn dán linh kiện và kiểm tra

PCB sau khi đã được quét kem hàn được đưa qua công đoạn dán linh kiện (tụ điện, điện trở,...), các linh kiện đã được chuẩn bị sẵn theo yêu cầu của đơn hàng được gắn vào vị trí dán linh kiện và được dán tự động lên PCB theo thông số đã được cài đặt.

Sau khi dán linh kiện, nhân viên vận hành sẽ tiến hành kiểm tra, đối với các PCB đạt yêu cầu được đưa qua công đoạn tiếp theo, đối với các PCB chưa đạt yêu cầu sẽ hiệu chỉnh máy cắm linh kiện và dán lại linh kiện theo đúng yêu cầu.

Công đoạn này chủ yếu phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường như các vỏ cuộn linh kiện được thu gom và lưu trữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy.

Công đoạn sấy và kiểm tra mối hàn

PCB đã dán linh kiện đạt yêu cầu được đưa vào máy sấy tự động sấy trong thời gian 6 phút tại nhiệt độ từ 50 °C đến 250 °C để khô lớp kem hàn trên bề mặt PCB, gắn kết PCB và linh kiện chắc chắn hơn. Sau quá trình sấy, PCB được kiểm tra thủ công các mối hàn và chuyển sang công đoạn tiếp theo.

Đối với một số sản phẩm đặc biệt, các PCB được sấy thêm một lần nữa tại máy sấy thủ công, nhân viên vận hành sẽ đưa các PCB vào máy sấy, sấy ở nhiệt độ từ 80°C đến 120 °C trong 2 đến 12 giờ tùy vào yêu cầu sản phẩm (nếu có), sau đó sẽ kiểm tra mối hàn.

Tại công đoạn này chủ yếu phát sinh khí thải từ quá trình sấy, khí thải được thu gom và thoát ra môi trường bởi ống thoát chung. Nhiệt thừa phát sinh được giải nhiệt bằng các quạt thông gió làm thông thoáng không khí xung quanh khu vực làm việc.

Công đoạn cắm linh kiện (board đèn, board nguồn)

Tiếp theo PCB được đưa qua công đoạn cắm board đèn và board nguồn. Các board đèn được đã chuẩn bị được đưa tự động vào máy và cắm vào các vị trí đã được cài đặt sẵn. Công đoạn cắm board nguồn cũng tương tự như công đoạn cắm board đèn. Hai công đoạn

này được thực hiện độc lập với nhau. Sau khi linh kiện board đèn/board nguồn được cắm lên bề mặt PCB được gọi là PCBA (board mạch hoàn chỉnh).

Công đoạn hàn

Công đoạn này bao gồm quá trình hàn sóng và hàn linh kiện thủ công

Trước khi thực hiện công đoạn hàn sóng, PCBA được qua máy phun Flux để làm ướt bề mặt PCB bằng Flux. Fluxer phun là hệ thống ưu tiên cho công nghệ "không cần rửa" bởi vì nó cung cấp sự kiểm soát tốt nhất sự lắng đọng flux và sự bốc hơi hoặc sự ô nhiễm khi flux chứa trong các thùng kín. Flux tham gia quá trình có nhiệm vụ để loại bỏ các oxit từ PCB và linh kiện để hàn và để thúc đẩy quá trình hàn. Sau đó, PCBA được đưa vào máy hàn sóng tiến hành công đoạn hàn sóng trong thời gian từ 1,5 giây đến 5 giây và được đưa ra kiểm tra.

PCBA sau khi được kiểm tra sẽ được nhân viên hàn thủ công các linh kiện nhỏ để hoàn chỉnh các chi tiết của một sản phẩm.

Tại công đoạn phun flux, hàn sóng có phát sinh khí thải được thu gom và thoát ra môi trường bởi ống thoát chung. Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn thủ công được thu gom vào chụp hút (28 vị trí sử dụng chung với công đoạn kiểm tra chất lượng) sau đó thoát ra môi trường bởi ống thoát chung.

Công đoạn kiểm tra ngoại quan

PCB được nhân viên kiểm tra ngoại quan về số lượng, vị trí các linh kiện, mối hàn, bề mặt PCBA,...

Công đoạn kiểm tra chức năng, kiểm tra chất lượng và đóng gói

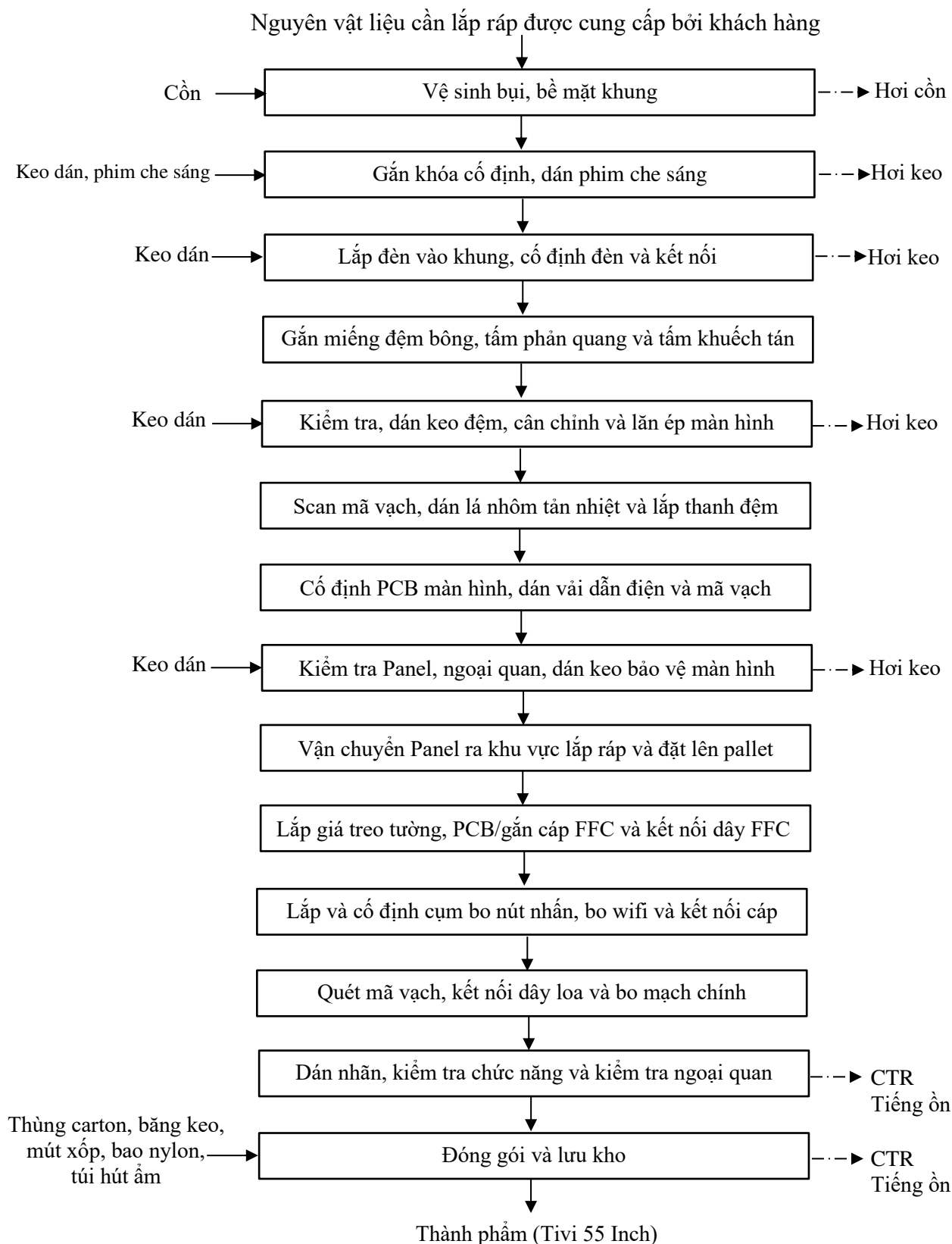
PCBA sau khi được kiểm tra ngoại quan được thực hiện các bước tiếp theo bao gồm:

- Kiểm tra chức năng (120V-277V): Gắn 2 đầu nối dây, gắn 2 dây nguồn và lắp board, gài dây nguồn, quấn dây nguồn ở đoạn dây nối board đèn, lắp board đèn, dán tem.
- Kiểm tra ngoại quan tem: Quấn dây, chuẩn bị giá treo, lắp bìa cách điện, chèn bìa carton giữ giá treo, chuẩn bị vỏ chữ Exit và tấm dẫn sáng.
- Kiểm tra ngoại quan (tấm dẫn sáng): Lắp vỏ mặt trước và vệ sinh
- Kiểm tra ngoại quan thành phẩm: Đặt bìa Carton và sách hướng dẫn, dán tem hộp nhỏ và hộp lớn và đóng gói.

Sản phẩm sau khi đóng gói được lưu khi chờ xuất xưởng.

** Đối với một số sản phẩm như ti vi, nhà máy chỉ nhập nguyên vật liệu về nhà máy và tiến hành lắp ráp các bán thành phẩm không thực hiện các công đoạn SMT.*

Quy trình lắp ráp Tivi chi tiết như sau:

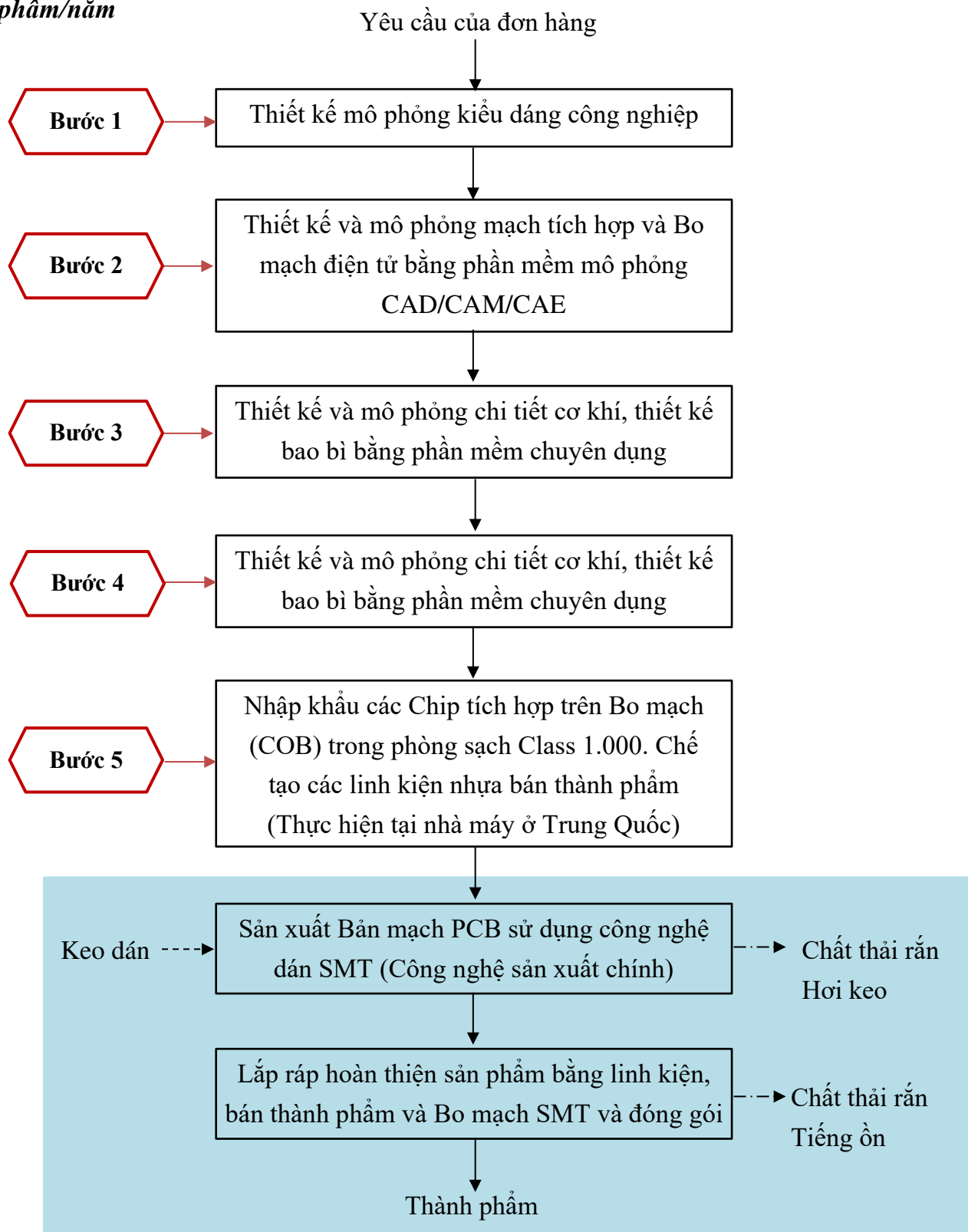


Hình 1.2 Quy trình lắp ráp tivi thuộc công nghệ sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED

Tại đây chủ yếu phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường và tiếng ồn. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và lưu giữ tại khu vực lưu giữ. Tiếng ồn phát sinh không liên tục và mức độ ồn không quá lớn do đó ảnh hưởng không đáng kể. Hơi keo và hơi còn phát sinh không đáng kể, quá trình sản xuất sử dụng một lượng rất nhỏ keo và

công đoạn tra keo diễn ra không liên tục, do đó không gây tác động đến môi trường, trong quá trình sản xuất, công ty thực hiện các biện pháp an toàn lao động và lắp đặt hệ thống thông gió nhằm giảm thiểu tác động thấp nhất đến người lao động.

❖ *Công nghệ sản xuất các thiết bị, ứng dụng IoT công suất 3.700.000 đơn vị sản phẩm/năm*



Hình 1.3 Quy trình công nghệ sản xuất các thiết bị, ứng dụng IoT

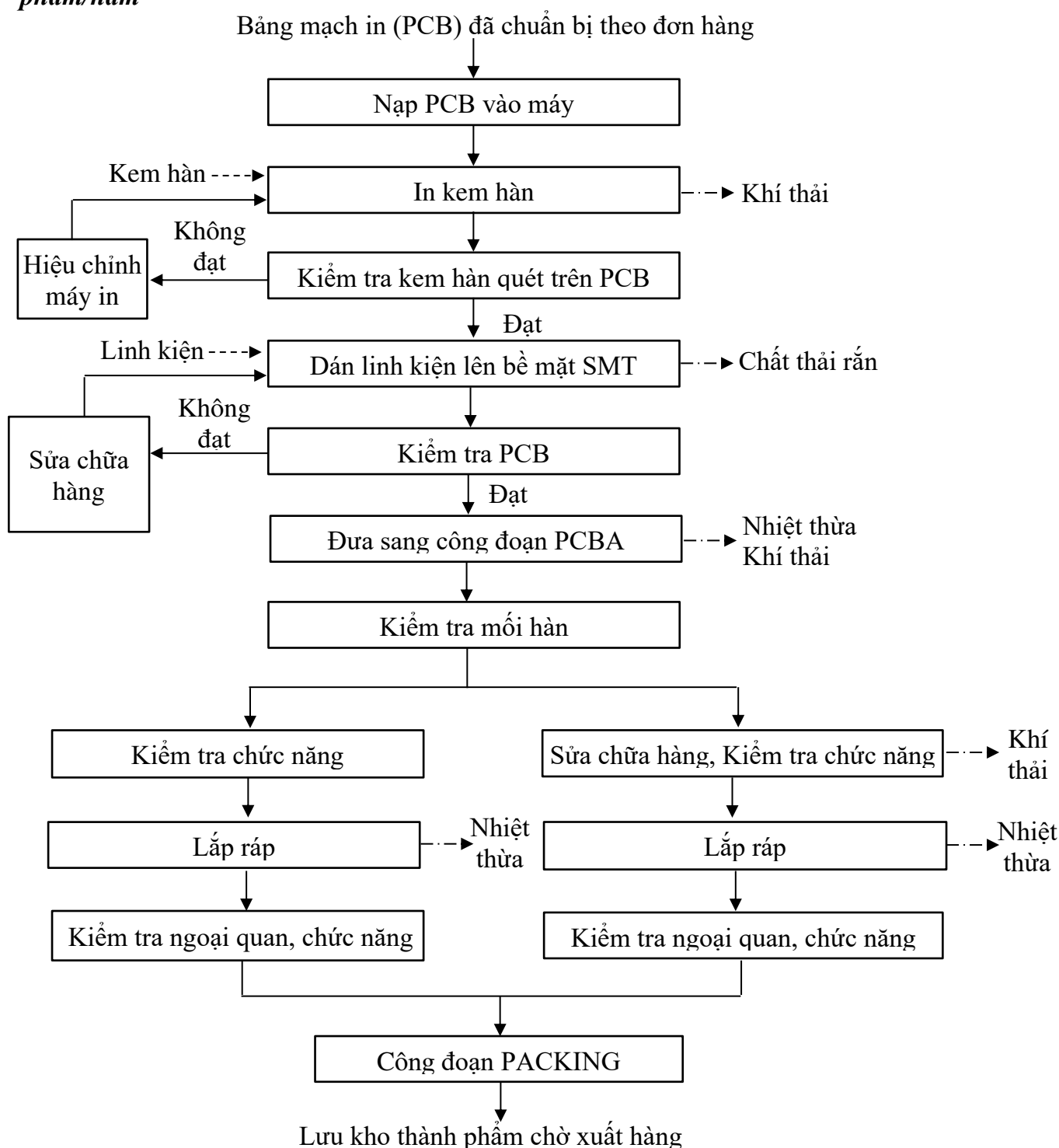
Thuyết minh quy trình:

Công nghệ sản xuất các thiết bị, ứng dụng IoT được sản xuất chủ yếu theo đơn hàng từ Trung Quốc. Các công đoạn từ Bước 1 đến Bước 5 đều được thực hiện tại nhà máy tại Trung Quốc. Công ty nhập các nguyên vật liệu đã được sản xuất từ nhà máy tại Trung Quốc về và tiến hành công đoạn sản xuất chính là dán SMT sau đó lắp ráp hoàn thiện sản phẩm và xuất hàng cho nhà máy tại Trung Quốc. Chi tiết của công nghệ này như sau:

- **Các bản mạch PCB được sản xuất bằng công nghệ SMT:** Các PCB được nạp tự động bằng băng chuyền vào máy in kem hàn. Lớp kem hàn được quét tự động lên bề mặt PCB. Sau đó, PCB được đưa ra khỏi máy in kem hàn, nhân viên tiến hành kiểm tra lớp kem hàn, trường hợp lớp kem hàn không đạt yêu cầu sẽ nhân viên vận hành sẽ hiệu chỉnh máy in và in lại PCB.
- **Công đoạn dán linh kiện và kiểm tra:** PCB sau khi đã được quét kem hàn được đưa qua công đoạn dán linh kiện (tụ điện, điện trở,...), các linh kiện đã được chuẩn bị sẵn theo yêu cầu của đơn hàng được gắn vào vị trí dán linh kiện và được dán tự động lên PCB theo thông số đã được cài đặt. Sau khi dán linh kiện, nhân viên vận hành sẽ tiến hành kiểm tra, đối với các PCB đạt yêu cầu được đưa qua công đoạn tiếp theo, đối với các PCB chưa đạt yêu cầu sẽ hiệu chỉnh máy cắm linh kiện và dán lại linh kiện theo đúng yêu cầu.
- **Công đoạn sấy và kiểm tra mối hàn:** PCB đã dán linh kiện đạt yêu cầu được đưa vào máy sấy tự động sấy trong thời gian 6 phút tại nhiệt độ từ 50°C đến 250°C để khô lớp kem hàn trên bề mặt PCB, gắn kết PCB và linh kiện chắc chắn hơn. Sau quá trình sấy, PCB được kiểm tra thủ công các mối hàn và chuyển sang công đoạn tiếp theo. Đối với một số sản phẩm đặc biệt, các PCB được sấy thêm một lần nữa tại máy sấy thủ công, nhân viên vận hành sẽ đưa các PCB vào máy sấy, sấy ở nhiệt độ từ 80°C đến 120 °C trong thời gian từ 2 giờ đến 12 giờ tùy vào yêu cầu sản phẩm (nếu có), sau đó sẽ kiểm tra mối hàn.
- **Công đoạn lắp ráp:** PCB sau khi qua công đoạn SMT được lắp ráp hoàn thiện.
- **Công đoạn đóng gói :** Sản phẩm sau kiểm tra sẽ được đóng gói và xuất hàng cho nhà máy tại Trung Quốc.

Khí thải phát sinh từ quá trình hàn, sấy được thu gom và thoát ra môi trường bởi ống thoát chung. Nhiệt thừa phát sinh từ công đoạn sấy được giải nhiệt bằng các quạt thông gió làm thông thoáng không khí xung quanh khu vực làm việc. Chất thải rắn phát sinh như các vỏ cuộn linh kiện từ công đoạn dán linh kiện được thu gom và lưu trữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy. Tiếng ồn phát sinh không liên tục và không đáng kể.

❖ Công nghệ sản xuất các thiết bị, bo mạch điện tử công suất 2.640.000 đơn vị sản phẩm/năm



Hình 1.4 Quy trình công nghệ sản xuất thiết bị, bo mạch điện tử

Thuyết minh quy trình:

Quy trình công nghệ sản xuất thiết bị, bo mạch điện tử tương tự như quy công nghệ sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED, chỉ khác nhau tại một số công đoạn đặc trưng như cắm linh kiện theo yêu cầu của sản phẩm, sấy PCB. Do đó các công đoạn sản xuất được thực hiện trên cùng dây chuyền máy móc như nhau với nguyên vật liệu, thông số cài đặt khác nhau. Quy trình công nghệ sản xuất thiết bị, bo mạch điện tử mô tả chi tiết

như sau:

Công đoạn nạp, in và kiểm tra kem hàn trên bề mặt PCB

Nguyên liệu sản xuất chính đầu vào là bảng mạch in (PCB) đã được chuẩn bị theo đơn hàng được đưa vào máy thực hiện công đoạn in kem hàn, PCB được nạp tự động vào máy in kem hàn. Lớp kem hàn được quét tự động lên bề mặt PCB. Sau đó, PCB được đưa ra khỏi máy in kem hàn, nhân viên tiến hành kiểm tra lớp kem hàn, trường hợp lớp kem hàn không đạt yêu cầu sẽ nhân viên vận hành sẽ hiệu chỉnh máy in và in lại PCB.

Khí thải từ công đoạn này được thu gom và thoát ra môi trường bởi ống thoát chung.

Công đoạn dán linh kiện và kiểm tra

PCB sau khi đã được quét kem hàn được đưa qua công đoạn dán linh kiện (tụ điện, điện trở,...), các linh kiện đã được chuẩn bị sẵn theo yêu cầu của đơn hàng được gắn vào vị trí dán linh kiện và được dán tự động lên PCB theo thông số đã được cài đặt.

Sau khi dán linh kiện, nhân viên vận hành sẽ tiến hành kiểm tra, đối với các PCB đạt yêu cầu được đưa qua công đoạn tiếp theo, đối với các PCB chưa đạt yêu cầu sẽ hiệu chuẩn máy cắm linh kiện và dán lại linh kiện theo đúng yêu cầu.

Công đoạn này chủ yếu phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường như các vỏ cuộn linh kiện được thu gom và lưu trữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy.

Công đoạn PCBA, kiểm tra mối hàn và kiểm tra chức năng

PCB đã dán linh kiện đạt yêu cầu được đưa sang công đoạn PCBA và kiểm tra mối hàn. Sản phẩm sau kiểm tra đạt yêu cầu sẽ được đưa qua công đoạn kiểm tra chức năng. Trường hợp sản phẩm lỗi sẽ được qua công đoạn sửa chữa sau đó kiểm tra chức năng.

Tại công đoạn này chủ yếu phát sinh khí thải từ quá trình hàn thủ công và được thu gom thoát ra môi trường bởi ống thoát chung.

Công đoạn lắp ráp sản phẩm

Tiếp theo PCBA sau khi được kiểm tra chức năng được đưa qua công đoạn lắp ráp (vỏ) để hoàn thiện sản phẩm. Tùy theo yêu cầu của đơn hàng, các phần vật liệu đã được chuẩn bị sẵn được đưa vào dây chuyền lắp ráp để tạo thành thiết bị, bo mạch điện tử hoàn chỉnh.

Công đoạn kiểm tra ngoại quan, chức năng

PCBA được nhân viên kiểm tra ngoại quan về số lượng, vị trí các linh kiện, bề mặt.

Công đoạn này không phát sinh chất thải.

Công đoạn Packing

Packing là một thuật ngữ quen thuộc trong xuất nhập khẩu. Packing (Packing list) là phiếu đóng gói hàng hóa, phiếu chi tiết hàng hóa danh sách hàng, bảng kê còn được gọi là phiếu

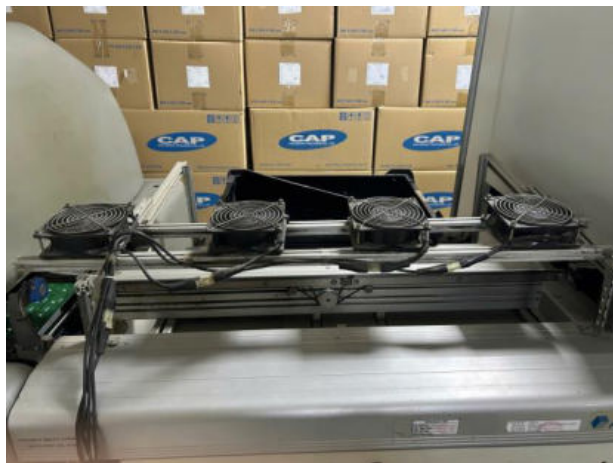
đóng gói. Đây là một chứng từ không thể thiếu trong bộ chứng từ xuất nhập khẩu.

Các sản phẩm đảm bảo được xếp ngăn nắp, đúng quy cách chuẩn bị cho công đoạn kiểm tra và đóng gói thành phẩm. Sản phẩm sau khi đóng gói được lưu kho chờ xuất xưởng.

Tại đây chủ yếu phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường và tiếng ồn. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom và lưu giữ tại khu vực lưu giữ. Tiếng ồn phát sinh không liên tục và mức độ ồn không quá lớn do đó ảnh hưởng không đáng kể.



a. Công đoạn sấy tự động



b. Công đoạn hàn bổ sung



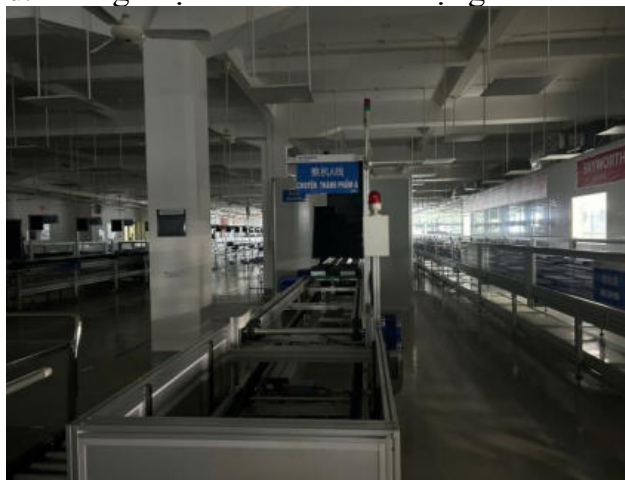
c. Công đoạn lắp ráp linh kiện tự động



d. Công đoạn kiểm tra chất lượng



e. Công đoạn phun Flux



f. Công đoạn lắp ráp thành phẩm tivi

Hình 1.5 Một số công đoạn của quy trình sản xuất tại cơ sở

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở bao gồm các loại sản phẩm tương ứng với sản lượng được trình bày tại bảng sau:

Bảng 1.2 Sản phẩm của cơ sở

Stt	Tên sản phẩm	Sản lượng năm 2023 (đơn vị sản phẩm/năm)	Sản lượng hiện hữu (đơn vị sản phẩm/ 6 tháng đầu năm 2024)	Sản lượng tối đa (đơn vị sản phẩm/năm)
1	Các thiết bị ứng dụng IoT	0	0	3.700.000
2	Các thiết bị, bo mạch điện tử	309.056	88.194	2.640.000
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED	160.954	176.320	1.020.000
4	Các sản phẩm điện tử dân dụng	16.728	31.212	2.640.000
Tổng cộng		486.734	295.726	10.000.000

Một số hình ảnh sản phẩm của cơ sở được thể hiện trong Hình 1.6.



a. Đèn LED (Công nghệ sản xuất Thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED)



b. Chuông cửa (Công nghệ sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng)

c. Bo mạch điện tử

Hình 1.6 Sản phẩm sản xuất tại cơ sở.

1.4. NGUYÊN, NHIÊN, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA CƠ SỞ

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu, điện năng, hóa chất của cơ sở

Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.3 Nguyên, vật liệu sử dụng tại cơ sở

Stt	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng		Xuất xứ
			Công suất hiện hữu (đơn vị/ 6 tháng đầu năm 2024)	Công suất ước tính khi hoạt động công suất tối đa (đơn vị/năm)	
1	Bảng mạch in	Cái	420.549	28.096.600	Trung Quốc
2	Đi-ốt Zener	Cái	68.552	4.570.133	Trung Quốc
3	Đi-ốt Fast	Cái	28.934	1.928.933	Trung Quốc
4	Đèn Led D3mm	Cái	27.845	1.856.333	Trung Quốc
5	Đèn Led D5x8.65mm	Cái	57.766	3.851.067	Trung Quốc
6	Đèn Led D3x7 62x7 62x4 95mm	Cái	271.767	18.117.800	Trung Quốc
7	Đèn Led 0,2W 2835	Cái	962.625	64.175.000	Trung Quốc
8	Đèn Led SMD	Cái	708.412	47.227.467	Trung Quốc
9	Linh kiện bán dẫn	Cái	132.926	8.861.733	Trung Quốc
10	Mạch tích hợp IC	Cái	13.850	923.333	Trung Quốc
11	Điện trở RES	Cái	423.930	28.262.000	Trung Quốc
12	Điện trở chip CHIP RES	Cái	605.598	40.373.200	Trung Quốc
13	Inductor (cuộn cảm)	Cái	81.663	5.444.200	Trung Quốc
14	Mạch tụ Chip CAP	Cái	526.345	35.108.333	Trung Quốc
15	Tụ điện bằng gốm loại MET	Cái	187.625	12.508.333	Trung Quốc
16	Tụ điện bằng gốm loại SMD	Cái	26.496	1.766.400	Trung Quốc
17	Tụ điện bằng gốm loại SMD E.CAP	Cái	8.875	591.667	Trung Quốc

Stt	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng		Xuất xứ
			Công suất hiện hữu (đơn vị/ 6 tháng đầu năm 2024)	Công suất ước tính khi hoạt động công suất tối đa (đơn vị/năm)	
18	Tụ điện điện phân dạng mini MINI E.CAP	Cái	17.340	115.6000	Trung Quốc
19	Tụ điện điện phân E.CAP	Cái	6.231	415.400	Trung Quốc
20	Cuộn cảm	Cái	32.613	2.174.200	Trung Quốc
21	Cuộn lò xo	Cái	36.726	2.448.400	Trung Quốc
22	Tinh thể	Cái	41.412	2.760.800	Trung Quốc
23	Công tắc	Cái	51.204	3.413.600	Trung Quốc
24	Giắc kết nối	Cái	17.592	1.172.800	Trung Quốc
25	Cổng kết nối Micro USB	Cái	165.747	11.049.800	Trung Quốc
26	Cổng kết nối UL1061	Cái	148.823	9.921.533	Trung Quốc
27	Dây điện	Cái	4.692	312.800	Trung Quốc
28	Loa	Cái	18.366	1.224.400	Trung Quốc
29	Vỏ nhựa ABS choke	Cái	239.792	15.986.133	Việt Nam
30	Vỏ nhựa ABS Hole	Cái	119.896	7.993.067	Việt Nam
31	Vỏ nhựa nắp pin	Cái	59.948	3.996.533	Việt Nam
32	Vỏ nhựa ABS Canopy	Cái	59.948	3.996.533	Việt Nam
33	Vỏ nhựa ABS BVI	Cái	59.948	3.996.533	Việt Nam
34	Vỏ nhựa ABS STD	Cái	149.312	9954133	Việt Nam
35	Vỏ nhựa khung	Cái	119.656	7.977.067	Việt Nam
36	Vỏ nhựa ABS stencil	Cái	119.656	7.977.067	Việt Nam
37	Vỏ nhựa ABS cover	Cái	2.316	154.400	Việt Nam
38	Ống kính	Cái	152.359	10.157.267	Việt Nam
39	Vỏ nhựa ABS reflector	Cái	64.000	4.266.667	Việt Nam
40	Vỏ nhựa khung khác loại	Cái	240	16.000	Việt Nam
41	Vỏ nhựa khung bề mặt	Cái	240	16.000	Việt Nam

Stt	Nguyên, vật liệu	Đơn vị	Khối lượng sử dụng		Xuất xứ
			Công suất hiện hữu (đơn vị/ 6 tháng đầu năm 2024)	Công suất ước tính khi hoạt động công suất tối đa (đơn vị/năm)	
42	Dung môi trợ hàn (Flux)	lít	140	9.333	Việt Nam
45	Kem hàn (TLF204-MDS)	Kg	36,5	2.433	Việt Nam
46	Cồn Công nghiệp	lít	72	4.800	Việt Nam
47	Keo đỏ	Kg	0.3	10	Việt Nam
48	Keo vàng	Kg	0	51	Trung Quốc
49	Keo 201	Kg	1.15	38.3	Việt Nam
50	Keo KE-441-T	Kg	31.15	1.038	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen, năm 2024.

Bảng 1.4 Đặc tính của một số nguyên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
I	Sản xuất	
1	Cồn IPA 96 (ISOPROPYL ALCOHOL (IPA)	Tên sản phẩm: Dung dịch Alcohol – vệ sinh sản phẩm Thành phần chính: Isopropanol (10%), Polyether polyols (12%), Polyester polyol (37%), Trichloroethylene (41%) Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Lỏng - Màu sắc: Không màu, trong suốt - Mùi: rượu thơm - pH: 6,8 - Điểm sôi: 75°C $\pm$5 - Áp suất hơi: 13 kPa (20°C) - Mật độ hơi: 4,65 - Khối lượng riêng: 1,40 $\pm$0,05 - Độ hòa tan: hòa tan nhẹ Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Không có khả năng tích lũy
2	Dung môi trợ hàn (BW#200RH Flux)	Tên sản phẩm: LEAD FREE NO CLEAN LIQUID FLUX – sử dụng tại quy trình hàn sóng tự động. Thành phần chính: Isopropyl Alcohol chiếm 60 – 80% khối lượng C.A.S Number 67-63-0 Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Lỏng - Chất lỏng trong suốt màu vàng nhạt hoặc không màu

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
		- Điểm sôi: 82 – 90°C - Áp suất hơi: 33 mgHg (20°C) Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Không phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện bảo quản bình thường - Tính không tương thích: chất oxy hóa
3	Keo KE-441-T	Tên sản phẩm: KE-441-T– sử dụng cố định PCB và vỏ nhựa Thành phần chính: Crytalline free Silica (10-15%), Methyloxinmesilane (1 – 5%), Alkoxysilane (0,5 – 1%), Methylethyketoxime (<1%), Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Chất lỏng đặc trắng đục - Khối lượng riêng: 1,04 (25°C) - Độ hòa tan: không hòa tan Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Không có phản ứng nguy hiểm trong điều kiện sử dụng, lưu trữ và vận chuyển thông thường - Tác dụng với nước, độ ẩm hoặc không khí ẩm tạo thành hợp chất sau: Methylenthylketoxime. Phân loại GHS: - Môi nguy vật lý: Chất lỏng dễ cháy: Loại 4 - Môi nguy sức khỏe: Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt, gây nhạy cảm và kích ứng da: Loại 2 - Môi nguy hiểm môi trường: Sản phẩm không được phân loại theo GHS: Loại 1B
4	Kem hàn	Tên sản phẩm: Kem hàn Lead Free FLT905-CW-4– sử dụng tại quy trình hàn linh kiện Thành phần chính: Sn (96,5%), Ag (3%), Cu (0,5%). Tính chất vật lý và hóa học:

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
		- Trạng thái: Rắn, bột kim loại màu xám có mùi nhẹ - Độ hòa tan: không hòa tan Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Không có khả năng cháy. - Phản ứng với các chất oxy hóa Thông tin độc tính: - Ảnh hưởng độc và mãn tính đối với con người - Khói và bụi do sản phẩm này có thể nguy hại trong trường hợp nuốt phải, hít phải. - Có thể nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (gây kích ứng, chất nhạy cảm), mắt tiếp xúc (gây kích ứng).
5	Chất tẩy rửa kem hàn – KYZEN E5615	Tên sản phẩm: Kyzen E5615 – sử dụng vệ sinh kem hàn Thành phần chính: Dipropylene glycol dimethyl ether (10 - <25%), Dipropylene glycol n-propyl ether (3-<10%). Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Lỏng, không màu, mùi nhẹ - pH: 7,5 (20°C) - Nhiệt độ sôi: 93°C - Nhiệt độ bốc hơi: >93°C - Khả năng cháy (rắn, khí): Không áp dụng - Nhiệt độ phân hủy: Không xác định - Sản phẩm không tự bốc cháy - Sản phẩm không gây nguy hiểm cho nổ - Áp suất hơi: 20hPa (20°C)

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
		- Độ hòa tan: Hoàn toàn hòa tan Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Không phân hủy nếu được sử dụng theo quy cách. - Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến. Thông tin độc tính: - Độc tính cấp tính - Sản phẩm không thuộc đối tượng phân loại theo phương pháp tính của EU.
6	Keo đỏ DA-10	Tên sản phẩm: Keo đỏ DA-10 – chất kết dính exopy sử dụng cho quy trình COB (cố định chip hoặc kim loại) Thành phần chính: Dipropylene glycol dimethyl ether (10 - <25%), Dipropylene glycol n-propyl ether (3-<10%). Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Rắn, màu đỏ - Khả năng chịu nhiệt: 180°C Thông tin độc tính: - Độc tính cấp tính Thông tin sinh thái: - Không có khả năng tích lũy tác động môi trường/lưu vực môi trường có thể xảy ra - Khi thải ra đất hoặc nước hoặc dòng chảy sẽ bay hơi.
7	Keo vàng	Tên sản phẩm: 828H – Keo vàng sử dụng dán cố định loa Thành phần chính: Neoprene <15%, Nhựa tổng hợp <11%, Hydrocarbon >77%. Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Lỏng, nhầy, màu vàng nhạt, mùi thơm - Nhiệt độ sôi: 65°C

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
		- Điểm chớp cháy: -32°C - Điểm đông đặc: -16°C - Trọng lượng riêng: 0,8-0,9 (25°C) - Độ hòa tan: Không hòa tan Thông tin độc tính: - Có thể gây nhạy cảm cho da - Có thể gây khó chịu cho mắt Thông tin sinh thái học: ô nhiễm đất và nước nếu một lượng lớn sản phẩm bị tràn đổ.
8	Keo 201	Tên sản phẩm: Keo 201 – sử dụng dán cố định nhựa và PCB Thành phần chính: 2-cyanoethyl acrylate >99% Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Lỏng, màu vàng nhạt hoặc không màu - Điểm sôi: 60 – 62°C (667 Pa) - Trọng lượng riêng: 1,05 (20°C) - Độ hòa tan: Hòa tan trong toluene, axeton, ethyl acetate Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Ổn định - Hợp chất có hại: Không phát sinh - Chất phân giải nguy hiểm: cháy thành CO, CO₂, NO₂,... - Tránh tiếp xúc với nước và hơi ẩm. Phân loại GHS: - Chất lỏng dễ cháy: Loại 4

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
		- Ăn mòn da/kích ứng: Loại 2 - Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt: Loại 2B Thông tin sinh thái học: Không có dữ liệu
II	Bảo trì	
1	Dầu turbine	Tên sản phẩm: Turbine oil (TO-TA-N) – sử dụng cho hoạt động bảo trì máy móc thiết bị Thành phần chính: Mineral oil 90-100%, Lubricating additives <1%. Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Lỏng, màu vàng nhạt - Trọng lượng riêng: 0,87 - Độ hòa tan: Không hòa tan Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Ổn định tại nhiệt độ và áp suất bình thường - Không có khả năng tự phản ứng - Tránh tiếp xúc với nhiệt, lửa và nguồn đánh lửa. - Hợp chất có hại: Không phát sinh - Chất phân giải nguy hiểm: cháy thành CO, CO₂, NO₂,... - Tránh tiếp xúc với nước và hơi ẩm. Thông tin độc tính: không được phân loại Thông tin sinh thái học: Không có thông tin liên quan
2	Mỡ bôi trơn	Tên sản phẩm: Mỡ bôi trơn Thành phần chính: Thickener (Lithium soap) 5 – 15%, Additives (Containing barium compound) <10%, Base oil (Synthetic ester oil, synthetic hydrocarbon oil) 80-90%.

Stt	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Đặc tính
		Tính chất vật lý và hóa học: - Trạng thái: Rắn, màu vàng nâu - Trọng lượng riêng: 0,9 - Độ hòa tan: Không hòa tan Tính ổn định và khả năng phản ứng: - Ổn định trong điều kiện bình thường - Tránh làm nóng quá mức. Các chất oxy hóa mạnh như hydro peroxide, brom và acid cronic. - Không phản ứng với nước. Thông tin độc tính: Không có dữ liệu Thông tin sinh thái học: Không có dữ liệu

Nguồn: Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen, năm 2024.

1.4.2. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng điện

– Nguồn điện sử dụng tại cơ sở được lấy từ lưới điện quốc gia được cung cấp bởi Công ty Điện lực Thủ Đức. Lượng điện sử dụng trong 6 tháng đầu năm 2024 được ghi nhận thông qua đồng hồ điện như sau:

Bảng 1.5. Lượng điện tiêu thụ trong 6 tháng đầu năm 2024 của cơ sở theo hóa đơn điện

Tháng	Tổng lượng điện tiêu thụ	
	kWh/tháng	kWh/ngày
01/2024	29.590	1.183,6
02/2024	16.059	642,4
03/2024	15.288	611,5
04/2024	11.464	458,6
05/2024	15.306	612,2
06/2024	15.754	630,2
Lượng điện tiêu thụ trung bình ngày: 689,74 kWh/ngày		
Lượng điện tiêu thụ trung bình tháng: 17.244 kWh/tháng		

– Lượng điện tiêu thụ trung bình khoảng 17.244 kWh/tháng tương ứng 689,74 kWh/ngày, lượng điện tiêu thụ lớn nhất 29.590 kWh/tháng tương ứng 1.183,6 kWh/ngày và lượng điện tiêu thụ nhỏ nhất 11.464 kWh/tháng tương ứng 458,6 kWh/ngày.

– Mục đích sử dụng: vận hành tất cả máy móc, thiết bị và chiếu sáng phục vụ cho các hoạt động tại cơ sở.

– Hiện tại cơ sở đang hoạt động đạt khoảng 3% so với công suất hoạt động tối đa. Do đó, lượng điện tiêu thụ lớn nhất khi dự án hoạt động đạt 100% công suất tối đa khoảng 114.640 kWh/tháng tương đương 4.586 kWh/ngày.

– Ngoài ra, cơ sở trang bị một máy phát điện dự phòng công suất 250 KVA, sử dụng cho trường hợp dự án mất điện.

1.4.3. Nguồn cung cấp và nhu cầu sử dụng nước

1.4.3.1. Nguồn cung cấp nước

Hiện tại, nhà máy đang sử dụng nước cấp từ Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và được theo dõi qua đồng hồ. Nước cấp được sử dụng cho các mục đích, bao gồm:

- Nước cấp cho sinh hoạt của công nhân viên;
- Nước cấp cho máy lọc nước uống;
- Nước cấp cho vệ sinh sàn;
- Nước tưới cây, rửa đường giao thông nội bộ;

1.4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước và nhu cầu xả nước thải

Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn tại nhà máy trong 06 tháng đầu năm 2024 như sau:

Bảng 1.6 Tổng lượng nước cấp theo hóa đơn nước trong 06 tháng đầu năm 2024

Tháng	Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn	
	(m ³ /tháng)	(m ³ /ngày)
01/2024	566	22,64
02/2024	777	31,08
03/2024	633	25,32
04/2024	639	25,56
05/2024	335	13,40
06/2024	408	16,32
Trung bình	560	22,39

Như vậy, lưu lượng nước cấp trong 06 tháng đầu năm 2024 theo hóa đơn cấp nước, lưu lượng nước cấp sử dụng lớn nhất là vào tháng 2 với 777 m³/tháng tương đương 31,08 m³/ngày (cơ sở tổng vệ sinh nhà xưởng trước và sau tết Nguyên đán), lưu lượng nước cấp sử dụng thấp nhất vào tháng 5 với 335 m³/tháng tương đương 13,40 m³/ngày và lưu lượng nước cấp trung bình tương đương 22,39 m³/ngày. Do đó, lượng nước cấp sử dụng thường xuyên cho các hoạt động của cơ sở dao động từ 13,40 m³/ngày đến 25,56 m³/ngày. Cơ sở sử dụng giá trị lượng nước cấp trung bình là 22,39 m³/ngày để tính toán. Cụ thể, nước cấp sử dụng cho các mục đích tại nhà máy, bao gồm:

(1) Nhu cầu nước cấp sinh hoạt và xả nước thải:

Nước cấp cho mục đích sinh hoạt của 120 công nhân viên làm việc tại cơ sở được ước lượng dựa trên định mức sử dụng nước theo TCVN 33:2006/BXD tương ứng 25 lít/người/ca. Tổng lưu lượng nước sử dụng được tính toán như sau:

$$\begin{aligned} 150 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/ca} \times 1 \text{ ca/ngày.đêm} \times 3^{(*)} &= 11.250 \text{ lít/ngày.đêm} \\ &= 11,25 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \end{aligned}$$

Ghi chú: (*) Hệ số không điều hoà

Nước cấp sinh hoạt khi cơ sở đạt công suất tối đa tương ứng cho 400 công nhân viên/ngày/2ca làm việc tại cơ sở được ước lượng dựa trên định mức sử dụng nước theo TCVN 33:2006/BXD tương ứng 25 lít/người/ca. Tổng lưu lượng nước sử dụng được tính toán như sau:

$$\begin{aligned} 200 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/ca} \times 2 \text{ ca/ngày.đêm} \times 3 &= 30.000 \text{ lít/ngày.đêm} \\ &= 30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \end{aligned}$$

Nước thải cho mục đích sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt, do đó lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 11,25 m³/ngày.đêm cho công suất hiện hữu và 30 m³/ngày.đêm cho công suất tối đa.

Cơ sở đặt suất ăn công nghiệp cho công nhân viên làm việc tại cơ sở, do đó không phát sinh nước thải từ hoạt động nấu ăn.

Đặc thù hoạt động sản xuất của cơ sở chủ yếu là lắp ráp linh kiện, vật liệu nhựa đã được vệ sinh trước khi nhập về nhà máy để sản xuất, do đó không phát sinh nước thải từ hoạt động sản xuất.

(2) Nhu cầu cấp nước cho máy lọc nước RO

Công ty có bố trí 6 máy lọc nước sử dụng màng lọc RO cấp nước uống cho công nhân viên công suất 20 lít/giờ, hoạt động trung bình 8 giờ/ngày.đêm với tỷ lệ thu hồi nước tinh khiết là 60%. Lượng nước sử dụng cho hoạt động lọc nước được tính toán như sau:

$$20 \text{ lít/giờ} \times 8 \text{ giờ/ngày.đêm} \times 6 \text{ máy} = 960 \text{ lít/ngày.đêm} = 0,960 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Lượng nước tinh khiết thu hồi:

$$20 \text{ lít/giờ} \times 8 \text{ giờ/ngày.đêm} \times 60\% \times 6 \text{ máy} = 576 \text{ lít/ngày.đêm} = 0,58 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Lượng nước thải phát sinh từ hoạt động lọc nước RO với tỷ lệ thải bỏ 40% tương ứng:

$$0,96 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \times 40\% = 384 \text{ lít/ngày.đêm} = 0,38 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}.$$

(3) Nhu cầu nước cấp vệ sinh sàn

Công ty vệ sinh khu vực văn phòng và nhà xưởng sản xuất 02 lần/ngày. Lượng nước sử dụng cho việc lau sàn nhà ước tính khoảng 0,74 m³/ngày.đêm.

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh sàn nhà được thu gom và thoát cùng nước thải nhà vệ sinh của nhà máy và được tính bằng 100% lượng nước cấp cho vệ sinh sàn nhà.

(4) Nhu cầu nước cấp tưới cây

Nước cấp cho hoạt động tưới cây tại nhà máy được tính theo định mức cấp nước cho hoạt động tưới cây theo QVCN 01/2021/TT-BXD, định mức 3,5 l/m²/ngày.đêm. Với diện tích trồng cây xanh là 1.530,4 m², tính toán lượng nước cấp phục vụ cho hoạt động tưới cây như sau:

$$1.530,4 \text{ m}^2 \times 3,5 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm} = 5.356 \text{ lít/ngày.đêm} = 5,36 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Hoạt động tưới cây không phát sinh nước thải, toàn bộ nước tưới cây ngấm vào đất và bay hơi một phần.

(5) Nhu cầu nước cấp rửa đường

Nước cấp cho hoạt động rửa đường nội bộ tại nhà máy được tính theo định mức cấp nước cho hoạt động rửa đường theo QVCN 01/2021/TT-BXD, định mức 1,5 l/m²/ngày.đêm. Với diện tích đường giao thông là 2.723 m², tính toán lượng nước cấp phục vụ cho hoạt động rửa đường như sau:

$$2.723 \text{ m}^2 \times 1,5 \text{ lít/m}^2/\text{ngày.đêm} = 4.085 \text{ lít/ngày.đêm} = 4,08 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

Hoạt động rửa đường không phát sinh nước thải, toàn bộ nước ngấm vào đất và bay hơi một phần.

Từ các số liệu tính toán trên, lưu lượng nước cấp sử dụng cho toàn bộ nhà máy tương ứng với nhu cầu xả nước thải trong giai đoạn hiện hữu và khi nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa được tổng hợp và trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 1.7 Nhu cầu sử dụng nước và lưu lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn hiện hữu và giai đoạn sản xuất đạt công suất tối đa tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Giai đoạn hiện hữu (Công suất 295.726 đơn vị sản phẩm/ 6 tháng đầu năm 2024)		Giai đoạn hoạt động tối đa (Công suất 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm)		Phương án thu gom xử lý
		Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	Nước cấp (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	
1	Nước cấp sinh hoạt ⁽¹⁾	11,25	11,25	30	30	<i>Xử lý sơ bộ tại bể tự hoại</i>
2	Nước cấp cho lọc RO ⁽²⁾	0,96	0,38	0,96	0,38	<i>Xả vào sàn nhà vệ sinh theo đường ống thoát ra hố ga thoát nước thải</i>
3	Nước cấp cho vệ sinh sàn ⁽³⁾	0,74	0,74	0,74	0,74	
4	Nước cấp tưới cây ⁽⁴⁾	5,36	-	5,36	-	Không phát sinh nước thải
5	Nước cấp rửa đường ⁽⁴⁾	4,08	-	4,08	-	Không phát sinh nước thải
Tổng		22,39	12,37	41,14	31,12	-

Ghi chú:

⁽¹⁾: Căn cứ Bảng 3.4, TCVN 33:2006/BXD, định mức 25 lít/người/ca đối với hoạt động sản xuất.

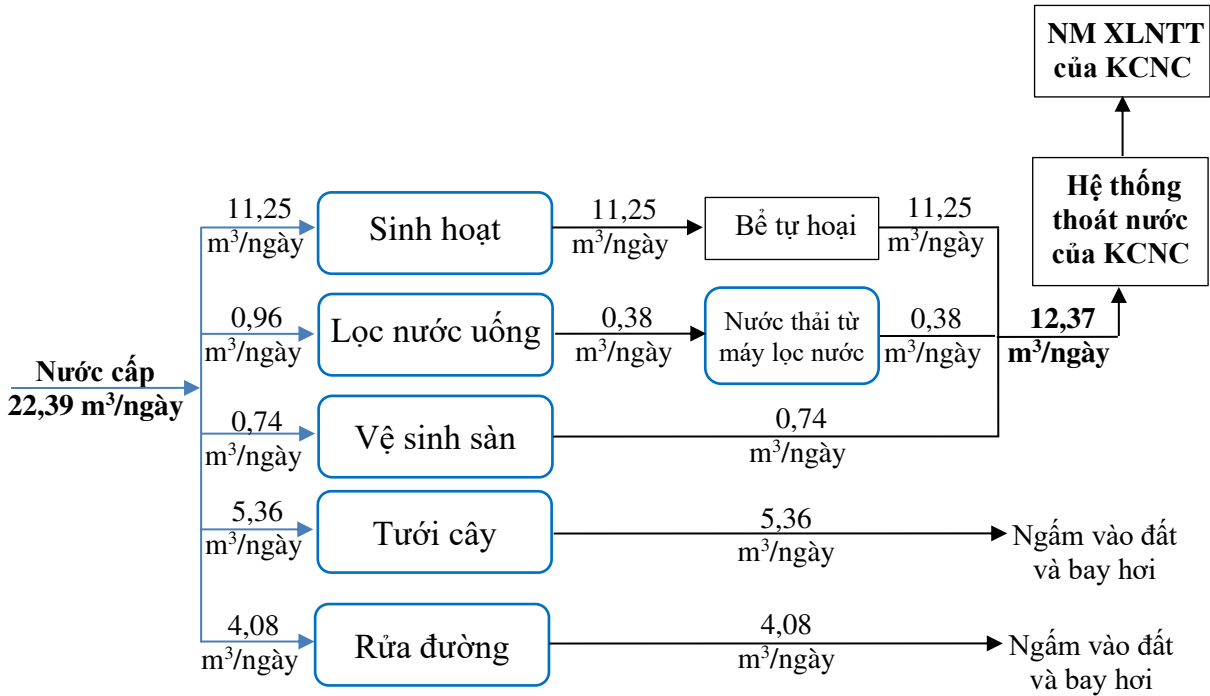
⁽²⁾: Căn cứ nhu cầu sử dụng và công suất của máy lọc nước sử dụng tại nhà máy.

⁽³⁾: Căn cứ nhu cầu sử dụng nước thực tế tại nhà máy.

⁽⁴⁾: Căn cứ Mục 2.10.1, QCVN 01/2021/TT-BXD. Định mức nước tưới cây 3,5 lít/m²/ngày.đêm, nước rửa đường 1,5 lít/m²/ngày.đêm.

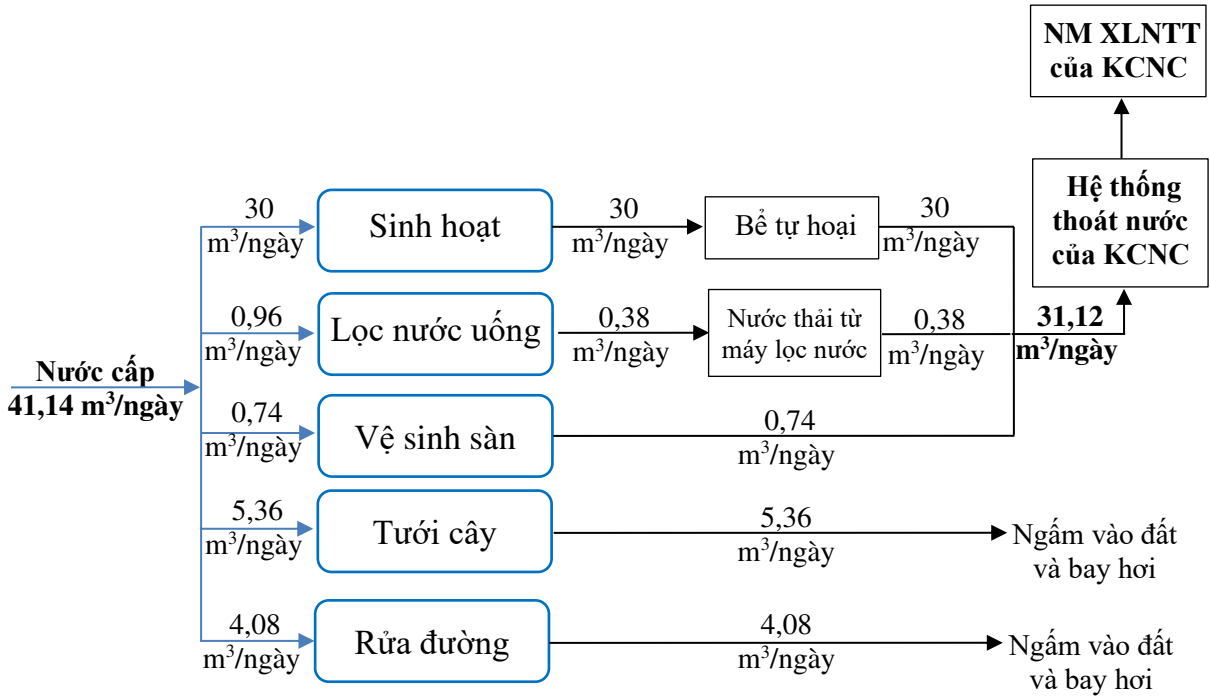
Sơ đồ cân bằng nước trong giai đoạn hiện hữu (Công suất 295.726 đơn vị sản phẩm/6 tháng đầu năm 2024) và giai đoạn hoạt động tối đa (Công suất 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm) được thể hiện tại các hình như sau:

➤ Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hiện hữu:



Hình 1.7 Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hiện hữu, công suất 295.726 đơn vị sản phẩm/6 tháng đầu năm 2024.

➤ Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hoạt động đạt công suất tối đa:



Hình 1.8 Sơ đồ cân bằng nước giai đoạn hoạt động đạt công suất tối đa, công suất 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm.

Lượng nước thải phát sinh của nhà máy trong giai đoạn hiện hữu là 12,37 m³/ngày.đêm và giai đoạn hoạt động đạt tối đa công suất là 31,12 m³/ngày.đêm được đầu nổi và thoát vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao.

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN CƠ SỞ

1.5.1. Vị trí địa lý của cơ sở

Dự án “Dự án đầu tư sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, có tổng diện tích mặt bằng là 8.506,7 m².

Vị trí tiếp giáp của nhà máy được mô tả cụ thể như sau:

- Phía Bắc: tiếp giáp với khu đất chưa xây dựng của Công ty Intel;
- Phía Đông: tiếp giáp với Công ty VMICRO;
- Phía Tây: tiếp giáp với đường nội bộ KCNC N2, lộ giới 10m;
- Phía Nam: tiếp giáp với đường nội bộ KCNC N2, lộ giới 10m;

Vị trí nhà máy trong KCNC được thể hiện trong Hình 1.9.



Nguồn: Google Earth (tháng 10/2024).

Hình 1.9 Vị trí của cơ sở trong Khu Công nghệ cao

Tọa độ vị trí các điểm giới hạn của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.8 Tọa độ vị trí các điểm giới hạn chính của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen

Ký hiệu điểm	Tọa độ VN2000		Cạnh (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1200196.513	615310.390	40,04
2	1200178.144	614953.074	27,45
3	1200159.600	614973.315	50,00
4	1200125.830	615010.184	45,54
5	1200095.071	615043.766	Cung
6	1200092.332	615032.673	Cung
7	1200087.696	615018.844	Cung
8	1200074.410	614992.179	Cung
9	1200056.411	614968.439	Cung
10	1200056.453	614964.334	Cung
11	1200063.371	614957.113	10,00
12	1199969.151	615558.595	35,26
13	1200063.371	614957.113	47,05
1	1200196.513	615310.390	40,04

Sơ đồ vị trí của cơ sở với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh được thể hiện ở Hình 1.10.



Nguồn: Google Earth (tháng 10/2024).

Hình 1.10 Mối tương quan của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen với các đối tượng xung quanh. Cơ sở nằm trong Khu Công nghệ cao đã được đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng như đường giao thông, hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc, cấp nước và xử lý nước thải nên rất thuận lợi cho hoạt động của dự án. Nhà máy giặt tuyến đường chính – đường N2 của KCNC. Nhà máy có 02 cổng chính ra vào nằm trên đường N2 (phía Đông Nam và Tây Nam khu

đất dự án). Đường N2 kết nối với đường D1 là trục đường chính của KCN C để đi đến các khu vực lân cận, do đó rất thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa của nhà máy. Khoảng cách từ dự án đến các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội như sau:

- Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC cách vị trí dự án khoảng 1,4km về phía Đông;
- Cổng KCNC: cách vị trí dự án khoảng 1,2 km về phía Tây Bắc.
- Trục đường chính D1: cách vị trí dự án 0,2 km về phía Nam.

1.5.2. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Long Gia Lai đã đấu thầu và mua lại nhà xưởng cùng toàn bộ cơ sở vật chất, máy móc thiết bị của Công ty TNHH QSIC Việt Nam để đầu tư nghiên cứu phát triển, sau đó giao cho Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen làm chủ đầu tư thực hiện dự án. Đến nay, Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen kế thừa và giữ nguyên hiện trạng các hạng mục công trình, chi tiết như sau:

Bảng 1.9 Cơ cấu sử dụng đất của nhà máy

Stt	Loại đất	Diện tích theo ĐTM đã được duyệt ⁽¹⁾ (m ²)	Diện tích theo thực tế (m ²)
1	Đất xây dựng công trình	4.252,9	4.253,3
1.1	Đất công trình kỹ thuật, phụ trợ	112,1	112,1
1.2	Văn phòng	732,2	732,2
1.3	Xưởng	3.408,6	3.409
2	Đất cây xanh	1.530,4	1530,4
3	Đất giao thông, sân bãi	2.723,4	2.723
	Tổng	8.506,7	8.506,7

(1): Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án số 58/QĐ-STNMT-CCBVT ngày 12/01/2018.

Bảng 1.10 Diện tích các hạng mục công trình của nhà máy

Stt	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích sàn xây dựng	12.088,5	100
1	Khu vực xưởng	7.264	60,09
1.1	Khu vực sản xuất	7.194	59,51
1.2	Khu nhà vệ sinh	70	0,58
2	Khu vực văn phòng – hành chính	4.000	33,09
2.1	Phòng họp cá nhân	75	0,62
2.2	Văn phòng làm việc	3.270	27,05
2.3	Phòng họp	100	0,83
2.4	Phòng y tế	40	0,33
2.5	Nhà ăn	450	3,72
2.6	Khu vực nhà vệ sinh	70	0,58
3	Khu vực kho	824,5	6,82
3.1	Kho thành phẩm	300	2,48
3.2	Kho nguyên vật liệu	494,5	4,09
3.3	Kho chất thải (chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại)	30	0,25

1.5.3. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ dây chuyền sản xuất của cơ sở được trình bày trong bảng sau.

Bảng 1.11 Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng tại cơ sở

Stt	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng (%)	Chức năng/ Mục đích sử dụng
1	Máy chuyển đổi tín hiệu video kết nối tương ứng	Cái	2	2023	Trung Quốc	100	Tạo kênh angten
2	Máy phát kỹ thuật số	Cái	2	2023	Trung Quốc	100	Tạo kênh angten
3	Máy phân tích quang phổ	Cái	1	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra angten
4	Bộ phân chia và khuếch đại	Cái	1	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra âm thanh
5	Máy phát tín hiệu NC816	Cái	6	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra OC
6	Máy phân tích màu màn hình CA-P427	Cái	3	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra chất lượng
7	Nguồn tín hiệu HDMI2.0 S200+	Cái	7	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra tín hiệu HDMI
8	Máy kiểm tra điện áp chịu đựng EST330	Cái	3	2023	Đài Loan	100	Kiểm tra điện áp
9	Bộ kiểm tra mạng (DCLS-P100)	Cái	2	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra tín hiệu mạng nội bộ LAN
10	Máy đo công suất điện yokogawa wt310e	Cái	1	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra công suất
11	Máy kiểm tra độ vỡ giấy DCP-NPY5600	Cái	2	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra độ vỡ giấy
12	Máy kiểm tra độ co rút	Cái	4	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra độ co rút
13	Cảm biến tĩnh điện loại cầm tay	Cái	1	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra sản phẩm
14	Máy chấm keo	Cái	1	2020	Trung Quốc	100	Công đoạn dán
15	Máy ép keo	Cái	1	2020	Trung Quốc	100	Công đoạn dán
16	Bộ máy tính có hệ thống quét và in mã vạch	Cái	1	2020	Hàn Quốc	100	Scan và in tem
17	Hệ thống phần mềm gỡ lỗi cân bằng trắng Dongle (bao gồm) (tự chế)	Cái	1	2020	Hàn Quốc	100	Cân bằng trắng tivi (hiệu chỉnh màu sắc tivi)
18	Máy phân tích màu màn hình CA-410	Cái	1	2020	Đài Loan	100	Kiểm tra chất lượng
19	Phần mềm/ PC có thể hiển thị được	Cái	1	2020	Đài Loan	100	Kiểm tra chất lượng
20	Bộ tạo tín hiệu video	Cái	1	2020	Đài Loan	100	Kiểm tra chất lượng
21	Khe cắm DTV	Cái	1	2020	Hàn Quốc	100	Kiểm tra chất lượng
22	Máy kiểm tra điện áp dư	Cái	1	2010	Singapore	70	Công đoạn SMT
23	Đồng hồ đo điện DC (Đo điện áp hiện tại/ Mức tiêu thụ điện năng)	Cái	1	2007	Nhật Bản	70	Công đoạn in
24	Nguồn điện xoay chiều AC	Cái	1	2014	Hàn Quốc	80	Kiểm tra chất lượng
25	Máy kiểm tra âm thanh	Cái	1	2008	Hà Lan	70	Đo cường độ âm thanh

Stt	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng (%)	Chức năng/ Mục đích sử dụng
26	Tự động nạp bo mạch(PCB) vào dây chuyền sản xuất	Cái	1	2009	Trung Quốc	70	Công đoạn SMT
27	Tự động in kem hàn lên bo mạch	Cái	1	2010	Trung Quốc	70	Công đoạn SMT
28	Tự động kiểm tra chất lượng kem hàn in trên bo mạch	Cái	1	2019	Trung Quốc	90	Công đoạn hàn
29	Tự động gắn linh kiện lên bề mặt bo mạch	Cái	1	2014	Singapore	80	Công đoạn SMT
30	Tự động gắn linh kiện lên bề mặt bo mạch	Cái	1	2010	Trung Quốc	70	Công đoạn SMT
31	Nung chảy chất hàn để hàn gắn linh kiện SMT	Cái	2	2018-2019	Trung Quốc	90	Công đoạn hàn
32	Tự động kiểm tra và phát hiện lỗi trên bo mạch SMT	Cái	2	2017-2020	Trung Quốc	90	Công đoạn dán
33	Tự động cắm linh kiện dạng xuyên lỗ vào bo mạch	Cái	2	2013	Hồng Kông	80	Công đoạn hàn
34	Hàn linh kiện trên bo mạch PCB bằng công nghệ hàn sóng	Cái	1	2010	Trung Quốc	70	Công đoạn hàn
35	Tráng màng bạc lên vỏ nhựa bằng nhiệt và áp lực	Cái	2	2018-2019	Trung Quốc	90	Công đoạn hàn
36	Hàn kết nối các vật liệu nhựa bằng sóng siêu âm	Cái	2	2017-2020	Trung Quốc	90	Công đoạn hàn
37	Hàn kết nối chip vào bo mạch bằng dây nhôm	Cái	2	2013	Hồng Kông	80	Công đoạn hàn
38	Cân điện tử	Cái	1	2023	Hồng Kông	100	Cân linh kiện, thiết bị
39	Máy đo lực kéo đẩy FB-20K	Cái	2	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra sản phẩm
40	Máy đo nhiệt độ độ ẩm	Cái	3	2023	Trung Quốc	100	Đo nhiệt độ độ ẩm
41	Máy hiện sóng số 2 kênh	Cái	2	2023	Trung Quốc	100	Kiểm tra chất lượng
42	Máy biến thế	Cái	1	2023	Trung Quốc	100	Biến đổi điện áp
43	Máy đo độ sáng	Cái	1	2022	Trung Quốc	95	Đo cường độ ánh sáng
44	Máy đo dòng điện	Cái	1	2020	Trung Quốc	90	Kiểm tra dòng điện
45	Wrist Strap Test (Máy kiểm tra tĩnh điện)	Cái	2	2020	Trung Quốc	90	Kiểm tra tĩnh điện
46	Máy trộn kem chì	Cái	1	2018	Trung Quốc	80	Công đoạn SMT
47	Máy hút chân không	Cái	1	2019	Trung Quốc	85	Hút chân không
48	Máy kiểm tra độ rơi	Cái	1	2018	Singapore	90	Kiểm tra chất lượng
49	Máy kiểm tra tuổi thọ nút nhấn	Cái	1	2020	Trung Quốc	90	Kiểm tra chất lượng
50	Máy kiểm tra vật rung lắc	Cái	1	2020	Trung Quốc	90	Kiểm tra chất lượng
51	Máy kiểm tra nhiệt độ và độ ẩm giả lập	Cái	1	2020	Trung Quốc	95	Kiểm tra nhiệt độ, độ ẩm

Stt	Tên máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Xuất xứ	Tình trạng sử dụng (%)	Chức năng/ Mục đích sử dụng
52	Máy đo lực kéo	Cái	1	2020	Hồng Kông	95	Đo lực kéo
53	Máy kiểm tra ma sát	Cái	1	2020	Trung Quốc	90	Đo lực ma sát
54	Máy kiểm tra độ chính xác đèn led	Cái	1	2020	Trung Quốc	90	Kiểm tra chất lượng
55	Máy kiểm tra quang phổ và dạ quang	Cái	1	2020	Trung Quốc	95	Kiểm tra chất lượng
56	Máy test cao áp	Cái	1	2020	Singapore	90	Kiểm tra điện áp cao
57	Máy kiểm tra lực xoắn	Cái	1	2020	Trung Quốc	90	Kiểm tra lực xoắn
58	Máy dập nóng	Cái	2	2020	Trung Quốc	95	Công đoạn ép bạc
59	Máy phát điện dự phòng 250 KVA	Cái	1	2009	Mỹ	90	Phát điện trong trường hợp mất điện

1.5.4. Nhu cầu sử dụng lao động

Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc tại cơ sở được trình bày trong Bảng sau.

Bảng 1.12 Nhu cầu sử dụng lao động và thời gian làm việc tại cơ sở

Stt	Nội dung	Hiện hữu	Khi hoạt động tối đa 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm
1	Số lượng công nhân viên	150 người	400 người
2	Thời gian làm việc	300 ngày/năm	300 ngày/năm
		26 ngày/tháng	26 ngày/tháng
		01 ca/ngày	02 ca/ngày
		08 giờ/ca	08 giờ/ca

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Dự án “Dự án đầu tư thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen tại Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với ngành nghề sản xuất sản xuất linh kiện điện tử. Do đó, ngành nghề của dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của của KCNC.

Khu Công nghệ cao được thành lập theo Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là khu kinh tế - kỹ thuật được xây dựng và phát triển trên cơ sở công nghệ cao, nhằm tập trung thu hút đầu tư nước ngoài và huy động các nguồn lực trong nước về khoa học và công nghệ cao, hình thành một lực lượng sản xuất hiện đại. Vì vậy, các ngành nghề được quy hoạch phát triển trong KCNC là các ngành nghề công nghệ tạo ra sản phẩm có giá trị cao ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sinh học, y tế, nông nghiệp, công nghiệp và bảo vệ môi trường.

Khu Công nghệ cao đã được Bộ TNMT cấp Quyết định số 333/QĐ-BTNMT ngày 23/03/2004 về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh”; Giấy phép xả thải số 544/GP-BTNMT ngày 08/03/2019 (còn gọi là Giấy phép môi trường thành phần).

Theo Quyết định số 49/2010/QĐ -TTg ngày 19/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ, ngành nghề thu hút đầu tư vào KCNC Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

- Ngành công nghệ thông tin, truyền thông và công nghệ phần mềm tin học;
- Ngành công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản và y tế;
- Ngành công nghệ vi điện tử, cơ khí chính xác, cơ - điện tử, quang - điện tử và tự động hóa;
- Công nghệ vật liệu mới, công nghệ nano;
- Công nghệ môi trường, công nghệ năng lượng mới;
- Một số công nghệ đặc biệt khác.

Phân khu chức năng của Khu Công nghệ cao

Tổng diện tích của KCNC là 913 ha, đã được đầu tư hoàn chỉnh đồng bộ hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện và hệ thống thông tin liên lạc. Theo quy hoạch, KCNC chia làm 02 giai đoạn phát triển:

- Giai đoạn 1 đầu tư 326 ha, hiện nay 100% diện tích đất dành cho dịch vụ công nghệ cao đã được lấp đầy.

- Giai đoạn 2 đầu tư 587 ha, KCNC xúc tiến cho thuê đất dành cho sản xuất trong giai đoạn 2. Hiện tại, KCNC đang đẩy mạnh việc cho thuê nhà xưởng xây sẵn và đất dành cho hoạt động nghiên cứu – triển khai, ương tạo, đào tạo.

Theo Quyết định số 2376/QĐ-UBND ngày 12/05/2016 của UBND Tp.HCM về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 (quy hoạch phân khu) KCNC Tp.HCM - Giai đoạn I, KCNC giai đoạn 1 bao gồm các khu chức năng như sau:

- Đất KCNC: có diện tích 301,1 ha, gồm các khu chức năng sau:

+ Khu sản xuất công nghệ cao: có diện tích 111,87 ha chiếm tỷ lệ 37,15%;

+ Khu nghiên cứu – phát triển và đào tạo – vườn ương: có diện tích 35,43 ha chiếm tỷ lệ 11,76%;

+ Khu quản lý – dịch vụ công nghệ cao: có diện tích 22,61 ha chiếm tỷ lệ 7,51%;

+ Khu nhà ở (gồm dịch vụ công cộng khu ở và khu ở chuyên gia): có diện tích 33,83 ha chiếm tỷ lệ 11,23%;

+ Khu cây xanh – mặt nước: có diện tích 56,31 ha chiếm tỷ lệ 18,70%;

+ Giao thông – bãi đậu xe KCNC: có diện tích 40,57 ha chiếm tỷ lệ 13,47%;

+ Khu hạ tầng kỹ thuật đầu mối: có diện tích 0,52 ha chiếm tỷ lệ 0,18%.

- Đất của các dự án khác nằm trong ranh KCNC: có diện tích 24,95 ha.

Do đó, dự án thực hiện tại Lô I3-6, Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với phân khu chức năng của Khu Công nghệ cao.

Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của Khu công nghệ cao hoàn chỉnh, ổn định gồm:

➤ **Hệ thống giao thông**

Hệ thống giao thông gồm hai trục đường chính là đường D1 và D2 có lộ giới 52 m kết nối giao thông nội khu và bên ngoài Khu Công nghệ cao. Các tuyến giao thông nội khu có chiều rộng mặt đường từ 19 m - 32 m có kết cấu vững chắc, hệ thống cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước, thu gom nước thải được đi ngầm theo tuyến giao thông nội khu.

➤ **Mạng lưới điện**

Hệ thống điện công suất 110KVA được kết nối đến 03 trạm cung cấp khác nhau, đảm bảo hoạt động 24/7.

➤ **Hệ thống cấp nước**

Nguồn nước cấp cho Khu công nghệ cao được lấy từ nhà máy nước Thủ Đức và Bình An, tổng công suất 24.300 m³/ngày.đêm.

Mạng lưới cấp nước của Dự án sử dụng mạng lưới cấp nước của Khu Công nghệ cao được đầu nối với tuyến ống HDPE DN100 của Khu công nghệ cao đặt âm trên vỉa hè đường D12.

➤ Công tác bảo vệ môi trường

Về công tác bảo vệ môi trường, các doanh nghiệp trong Khu công nghệ cao đều tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, trong năm không có doanh nghiệp nào vi phạm về môi trường.

Khí thải từ các doanh nghiệp được thu gom và xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường qua ống khói hoặc ống xả, thành phần khí thải chủ yếu là bụi, SO_x, CO, NO_x, và các hợp chất bay hơi như Toluen, Xylen, Aceton, THC. Định kỳ hằng năm, Ban Quản lý Khu công nghệ cao tổ chức đấu thầu rộng rãi để chọn đơn vị tư vấn có năng lực và kinh nghiệm quan trắc chất lượng môi trường không khí tại các doanh nghiệp hai lần một năm (mỗi doanh nghiệp chỉ kiểm tra lấy mẫu một lần trong năm).

Chất thải rắn thông thường

Toàn bộ chất thải sinh hoạt: Doanh nghiệp ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghệ cao Tp.HCM để thu gom và vận chuyển chất thải sinh hoạt của các doanh nghiệp, đơn vị trong Khu công nghệ cao đến nơi xử lý theo quy định.

Chất thải công nghiệp thông thường: Doanh nghiệp bố trí nơi lưu trữ và tự ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển.

Chất thải nguy hại

Ban Quản lý phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường (Sở TNMT và UBND Thành phố Thủ Đức) giám sát công tác quản lý chất thải nguy hại của các doanh nghiệp, đơn vị trong Khu công nghệ cao. Tất cả các doanh nghiệp, đơn vị đang hoạt động trong Khu công nghệ cao đã đăng ký sở chủ nguồn thải chất thải nguy hại, thực hiện thu gom, phân loại và bố trí vị trí lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định. Các doanh nghiệp, đơn vị còn lại do phát sinh lượng nhỏ nên tạm thời lưu giữ tại đơn vị theo quy định. Các công ty hiện đang ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại với các doanh nghiệp, đơn vị trong Khu công nghệ cao là: Công ty TNHH XD MT Chân Lý, Công ty Siam City Cement, Công ty Trái Đất Xanh, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị Tp.HCM, Holcim Việt Nam, Công ty TNHH SX TM DV Môi trường Việt Xanh,...

Nước thải

Toàn bộ nước thải từ các doanh nghiệp, đơn vị trong Khu công nghệ cao được thu gom và xử lý tại NMXLNT tập trung đạt quy chuẩn quy định trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Hiện nay, Ban Quản lý đã có nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 5.000 m³/ngày.đêm đang hoạt động ổn định đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Mạng lưới thoát nước mưa mạng lưới thoát nước thải và xử lý nước thải

Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải của Khu công nghệ cao được xây dựng riêng biệt:

- Hệ thống thu gom nước mưa được bố trí dọc các tuyến đường nội bộ trong Khu công nghệ cao, đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa chảy tràn trong Khu công nghệ cao. Hệ thống thu gom nước mưa của Khu công nghệ cao là hệ thống cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn kết hợp với cống hộp. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ được xả trực tiếp ra sông Gò Công, sau đó dẫn ra sông Tắc và đổ về sông Đồng Nai.

- Hệ thống thu gom nước thải là cống thoát nước thải chung của Khu công nghệ cao được xây lắp là cống bê tông ly tâm đặt ở trục chính dọc và chính ngang theo dạng xương cá. Hệ thống thu gom nước thải được bố trí dọc các nhà máy, xí nghiệp để thu gom nước thải dẫn về NMXLNTTT của Khu công nghệ cao, với công suất 5.000 m³/ngày.đêm, các module còn lại sẽ được tiếp tục đầu tư trong tương lai để đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của tất cả các nhà đầu tư trong Khu công nghệ cao. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh tại các nhà máy, xí nghiệp sẽ được thu gom và đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của Khu công nghệ cao. Sau đó sẽ được dẫn về NMXLNTTT của Khu công nghệ cao để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($k_q = 0,9$; $k_f = 0,9$), trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là sông Gò Công, sau đó đổ về sông Tắc trước khi dẫn ra sông Đồng Nai.

Hệ thống xử lý nước thải

Khu Công nghệ cao đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 544/GP-BTNMT ngày 08/03/2019, với lưu lượng xả thải lớn nhất là 9.000 m³/ngày.đêm với thời hạn giấy phép 10 năm (đến hết ngày 08/03/2029).

Từ những nội dung trên cho thấy cùng với ngành nghề của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen có vị trí và ngành nghề phù hợp khi đầu tư vào KCNC. Bên cạnh đó, vị trí dự án tại KCNC đã có hệ thống hạ tầng (điện, nước cấp, giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải) hoàn chỉnh, do đó KCNC hoàn toàn đáp ứng nhu cầu về hạ tầng cho việc hoạt động của dự án.

2.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Dự án “Dự án đầu tư thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai của Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen tại Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn thành tất cả các thủ tục liên quan đến môi trường.

Nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất 5.000 m³/ngày đã xây dựng đảm bảo thu gom nước thải từ các nguồn trong Phân khu I của KCNC và xử lý triệt để nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam trước khi thải ra sông Gò Công, Phường Long Thạnh Mỹ,

Thành phố Thủ Đức, Tp. HCM. Hiện nay, nhà máy xử lý nước thải tập trung chưa hoạt động hết công suất nên hoàn toàn có thể tiếp nhận nước thải của dự án. Công nghệ kết hợp giữa quá trình xử lý sinh học và hóa lý.

Nước thải phát sinh từ cơ sở đầu nối vào KCNC được ước tính tối đa là 31,12 m³/ngày. Lưu lượng nước thải từ cơ sở là rất nhỏ, công suất của NMXLNTTT của KCNC hoàn toàn còn khả năng tiếp nhận và xử lý phát sinh từ cơ sở. Do đó, khi tiếp nhận nước thải từ cơ sở, công suất của NMXLNTTT của KCNC hoàn toàn đảm bảo khả năng xử lý nước thải phát sinh từ dự án.

Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào NMXLNTTT của Khu Công nghệ cao

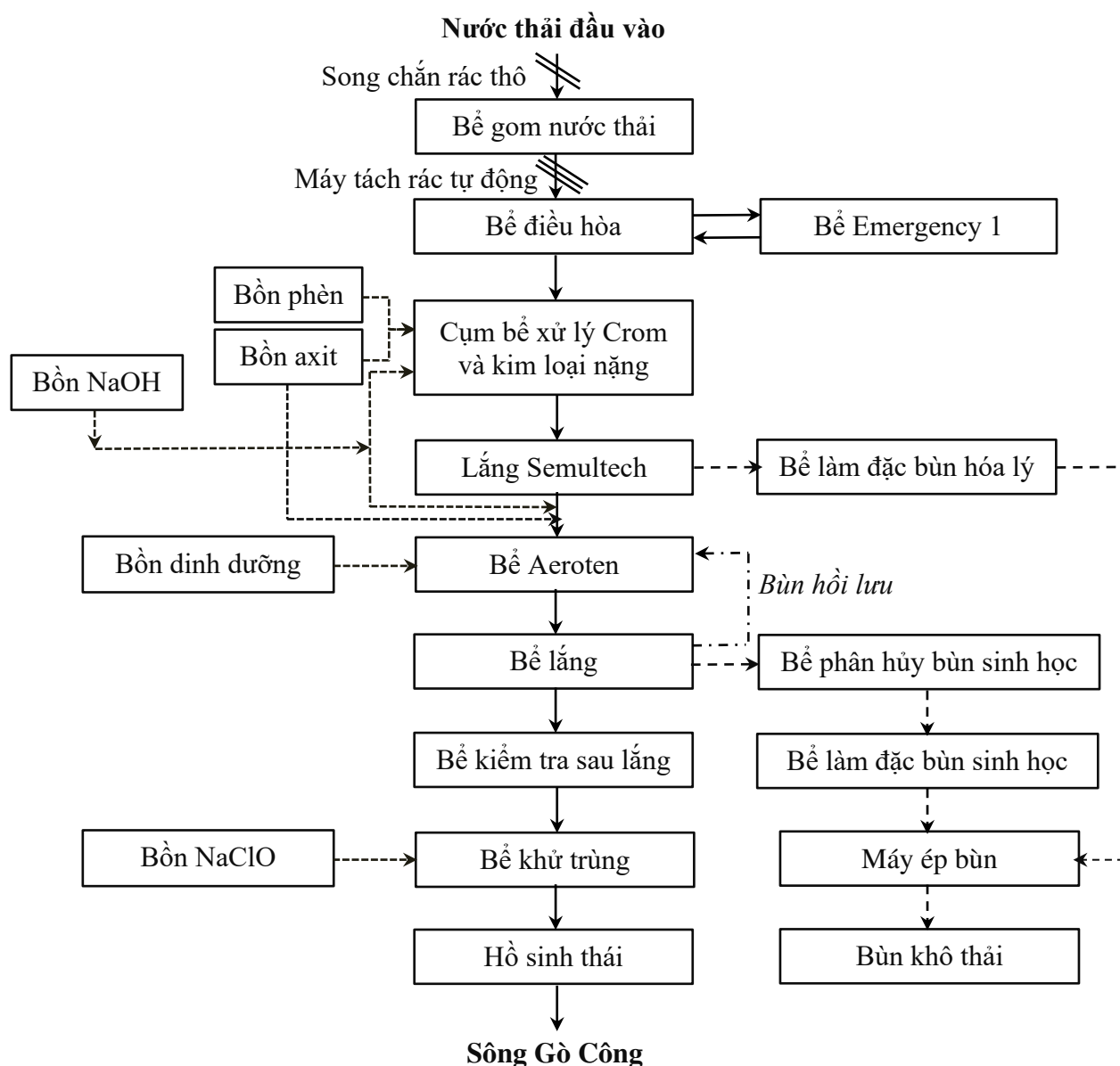
Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào NMXLNTTT của Khu Công nghệ cao được thể hiện trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào NMXLNTTT của Khu Công nghệ cao

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nước thải đầu vào NMXLNTTT
1	Màu	Pt-Co	150
2	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000
3	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	15
4	Tổng PCB	mg/l	0,003
5	Amoni (tính theo nitơ)	mg/l	29
6	Tổng Nitơ	mg/l	60
7	Tổng Photpho	mg/l	14
8	Nhiệt độ	°C	<60
9	pH	-	5-9
10	BOD ₅ (20°C)	mg/l	250
11	COD	mg/l	600
12	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
13	Asen	mg/l	0,1
14	Thủy ngân	mg/l	0,005
15	Chì	mg/l	0,5
16	Cadimi	mg/l	0,02
17	Crom (VI)	mg/l	0,1
18	Crom (III)	mg/l	2
19	Đồng	mg/l	1
20	Kẽm	mg/l	2
21	Niken	mg/l	1
22	Mangan	mg/l	1
23	Sắt	mg/l	10
24	Cyanua	mg/l	0,1
25	Phenol	mg/l	0,05
26	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
27	Sunfua	mg/l	0,5
28	Florua	mg/l	2
29	Clo dư	mg/l	2
30	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	37.10 ⁷

Nguồn: Quyết định số 257/QĐ-KCNC của Ban quản lý Khu Công nghệ cao TP HCM về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh”, ngày 24/12/2020.

Quy trình công nghệ của NMXLNTTT của KCNC được trình bày trong các Hình sau:



Hình 2.1 Công nghệ NMXLNTTT của KCNC, công suất 5.000 m³/ngày.

Thuyết minh quy trình

Nước thải của các doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC phải được xử lý cục bộ, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho quá trình xử lý tiếp theo ở NMXLNTTT.

Tại các công trình xử lý cục bộ của từng doanh nghiệp, đơn vị trong KCNC, nước thải đã được loại bỏ các tạp chất có kích thước lớn (rác, cát,...) để tránh hiện tượng lắng cặn trong hệ thống đường ống chuyển tải. Các thành phần ô nhiễm cần phải giảm thiểu trước khi vào xử lý tập trung là: Dầu mỡ, các chất vô cơ có kích thước nhỏ và một số chất độc hại khác.

Đầu tiên nước thải chảy vào bể bơm, tại bể này có đặt 3 lớp song chắn rác bằng inox với các kích thước mắt lưới từ lớn đến nhỏ 60mm; 30mm; 16mm để loại bỏ các cặn rác có kích thước lớn mà nó có thể có từ các hệ thống thoát nước, trên các mương dẫn sau đó nước thải tiếp tục chảy vào bể điều hoà. Bể này có tác dụng điều hoà lưu lượng và nồng độ chất

bắn của các giờ xả nước khác nhau trong ngày từ các nhà máy. Để tránh hiện tượng lắng cặn khi nén được cung cấp vào bể để xáo trộn hoàn toàn nước thải.

Tiếp theo nước từ bể điều hòa được bơm sang bể phản ứng. Tại bể này các hóa chất phản ứng PAC; NaOH được đưa vào từ bơm định lượng. Tại bể này hình thành các bông cặn có khả năng hấp phụ các cặn bẩn có trong nước thải. Tiếp theo nước thải tự chảy sang bể lắng I. Bể lắng I có chức năng loại bỏ các chất lắng được mà các chất này có thể gây ra hiện tượng bùn lắng trong nguồn tiếp nhận, tách dầu mỡ và các chất nổi khác, giảm tải trọng hữu cơ cho các công trình xử lý phía sau. Phần bùn trong nước thải được giữ lại ở đáy bể lắng. Lượng bùn này được bơm qua bể chứa bùn sau đó bơm vào máy ép bùn ly tâm thành bùn khô thải bỏ.

Nước thải sau khi xử lý ở bể lắng sẽ được bơm qua bể khử Cyanua để ổn định hàm lượng BOD₅, COD. Từ đây nước thải tiếp tục đưa vào bể aeroten, chất hữu cơ ở dạng keo và hoà tan có trong nước thải được xử lý với sự tham gia của vi khuẩn hiếu khí, oxy dùng cho quá trình được cung cấp từ máy thổi khí. Trong quá trình này vi khuẩn hiếu khí sử dụng chất hữu cơ để duy trì hoạt động sống và phần lớn tạo thành tế bào mới (bùn sinh học).

Nước thải sau quá trình xử lý sinh học tiếp tục tự chảy sang bể lắng, tại bể này toàn bộ cặn lơ lửng sinh ra trong quá trình xử lý sinh học hiếu khí sẽ được lắng xuống đáy bể.

Nước thải sau lắng được đưa về bể chứa trung gian. Từ bể này nước thải được bơm sang hệ thống bể lọc áp lực nhằm loại bỏ hoàn toàn cặn lơ lửng có kích thước, tỷ trọng nhỏ mà nó không có khả năng lắng bằng trọng lực.

Sau quá trình lọc là quá trình khử trùng. Hóa chất dùng để khử trùng là dung dịch Chlorine, quá trình này diễn ra tại bể tiếp xúc Chlorine. Toàn bộ vi khuẩn có trong nước thải được xử lý trong thời gian tiếp xúc với hoá chất này. Nước thải sau xử lý có chất lượng đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Cột A ($K_q = 0,9$; $K_f = 0,9$) được đưa ra hồ sinh thái và thải ra nguồn tiếp nhận là sông Gò Công.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Tóm tắt các hạng mục công trình bảo vệ môi trường được trình bày cụ thể dưới đây:

Bảng 3.1 Tóm tắt các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Stt	Hạng mục	Công trình BVMT đã được phê duyệt và xây dựng theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 58/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 12/01/2018		Công trình thay đổi, điều chỉnh so với ĐTM	Công trình BVMT xin cấp phép
		Hạng mục công trình đã được phê duyệt	Hạng mục công trình đã xây dựng, lắp đặt		
1	Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa	- 01 vị trí đầu nổi thoát nước mưa vào KCNC	- 01 vị trí đầu nổi thoát nước mưa vào KCNC	Không thay đổi	- 01 vị trí đầu nổi thoát nước mưa vào KCNC.
2	Mạng lưới thu gom, thoát nước thải	- 01 vị trí đầu nổi nước thải vào KCNC	- 01 vị trí đầu nổi nước thải vào KCNC	Không thay đổi	- 01 vị trí đầu nổi nước thải vào KCNC.
3	Mạng lưới thu gom và thoát khí thải	- Chụp hút → Quạt hút → Ống khói thoát khí thải D600x400mm	- Chụp hút → Quạt hút → Ống khói thoát khí thải D600x400mm	Không thay đổi	- 01 ống khói thoát khí thải
4	Công trình lưu giữ CTRSH	- 01 khu vực tập kết CTRSH tại cổng của Công ty	- 01 khu vực tập trung CTRSH tại cổng của Công ty có diện tích 6 m ²	Không thay đổi	- 01 khu vực tập trung CTRSH diện tích 6 m ²
5	Công trình lưu giữ CTRCNTT	- 01 khu vực lưu giữ CTRCNTT có diện tích 15 m ²	- 01 khu vực lưu giữ CTRCNTT có diện tích 6 m ²	Giảm diện tích	- 01 khu vực lưu giữ CTRCNTT diện tích 6 m ²
6	Công trình lưu giữ CTNH	- 01 khu vực lưu giữ CTNH diện tích 15 m ²	- 01 khu vực lưu giữ CTNH diện tích 6 m ²	Giảm diện tích	- 01 khu vực lưu giữ CTNH diện tích 6 m ²

3.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

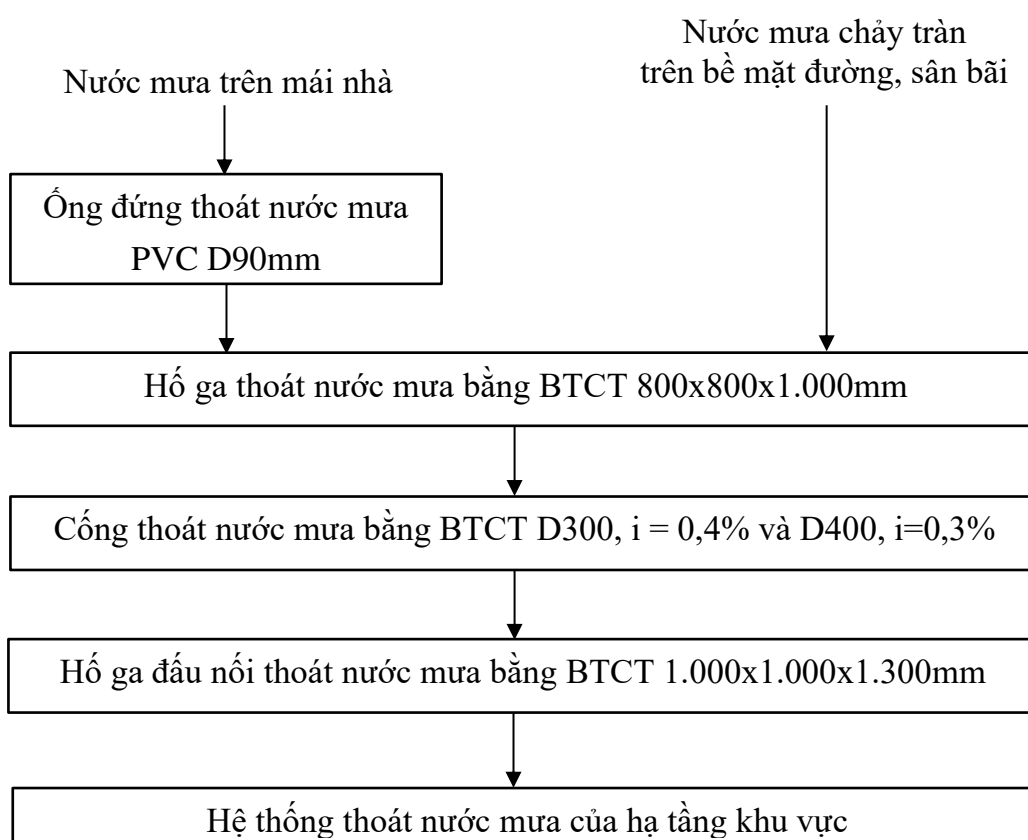
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải. Khu vực sân bãi được bê tông hoá và tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.

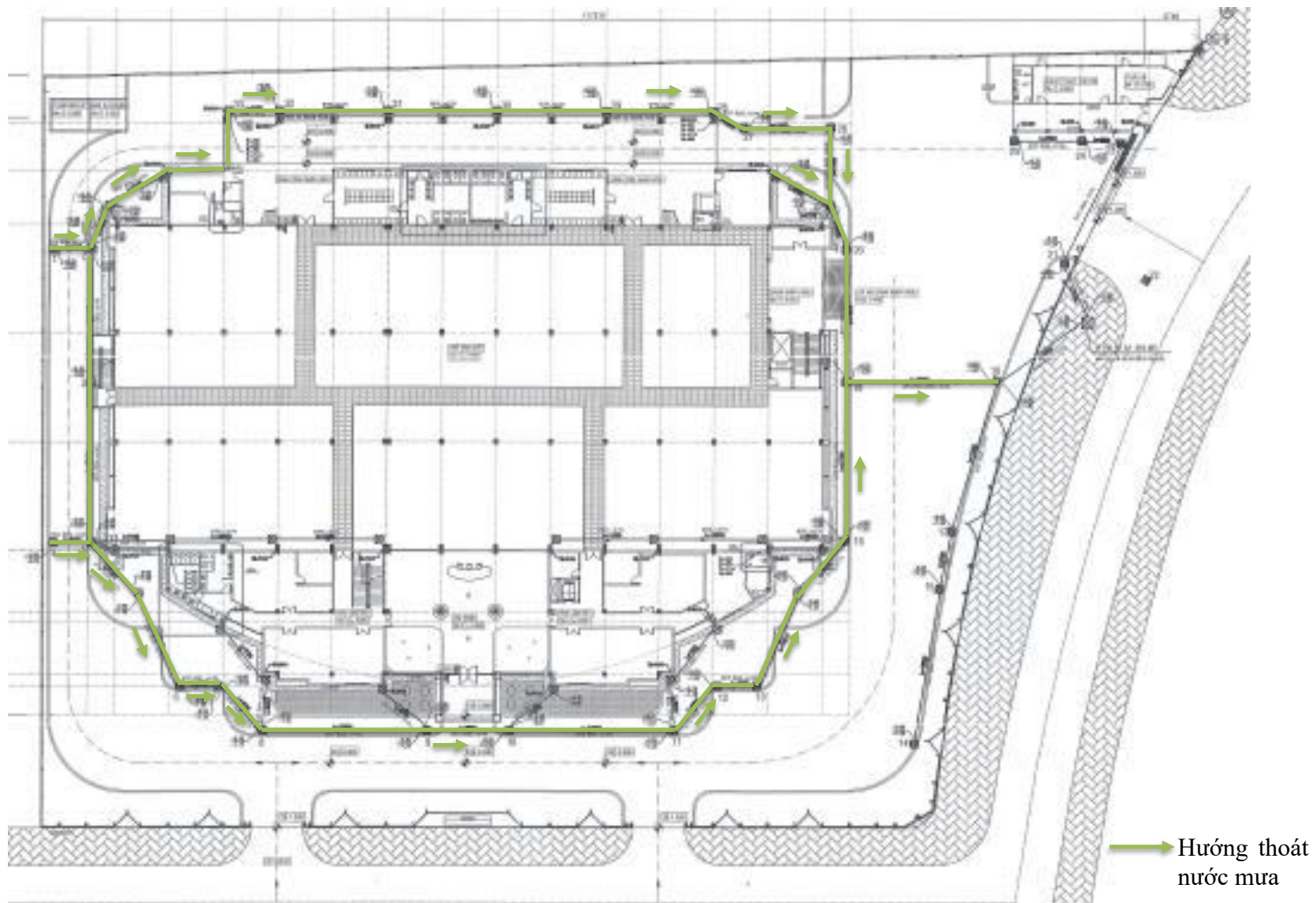
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom vào 33 hố ga thoát nước mưa được bố trí dọc theo nhà xưởng và đường nội bộ trong khuôn viên nhà máy, sau đó nước mưa chảy tự nhiên theo độ dốc theo tuyến cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép đúc sẵn D300, $i = 0,4\%$ và D400, $i = 0,3\%$ đặt ngầm để thoát nước mưa triệt để ra hố ga thoát nước hạ tầng khu vực.

- Đối với nước mưa trên mái nhà được thu qua phễu thu có đường kính D90 mm vào hệ thống ống đứng thoát nước D90 mm bằng nhựa PVC, sau đó đầu nối vào các hố ga thoát nước mưa được bố trí dọc theo nhà xưởng và chảy tự nhiên theo độ dốc theo tuyến cống thoát nước mưa bằng bê tông cốt thép đúc sẵn D300, D400 đặt ngầm để thoát nước mưa triệt để ra hố ga thoát nước hạ tầng khu vực.

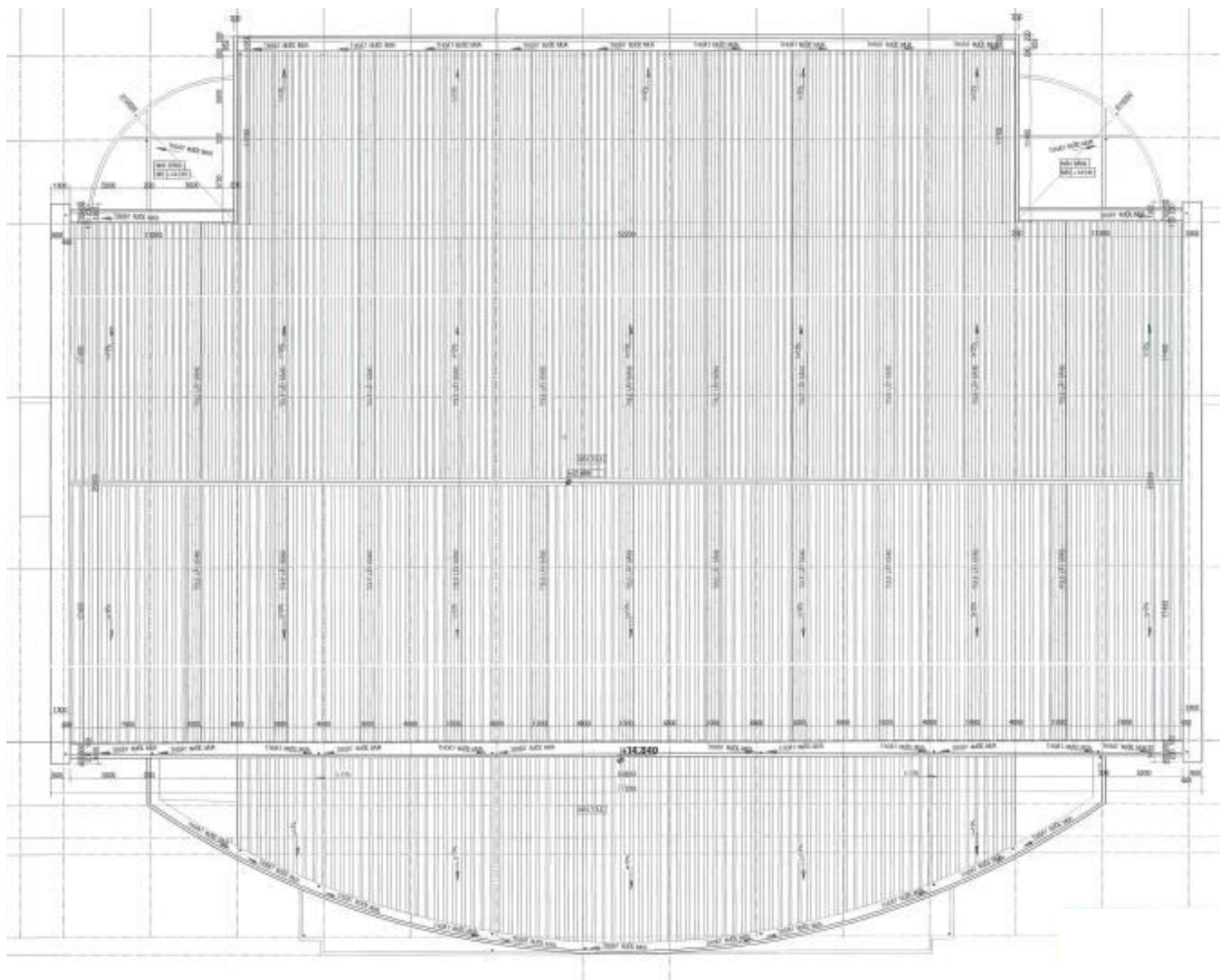
Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa của cơ sở được trình bày tại hình 3.1 như sau:



Hình 3.1 Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cơ sở



Hình 3.2. Mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của cơ sở



Thông số kỹ thuật của mạng lưới thu gom, thoát nước mưa được trình bày như sau:

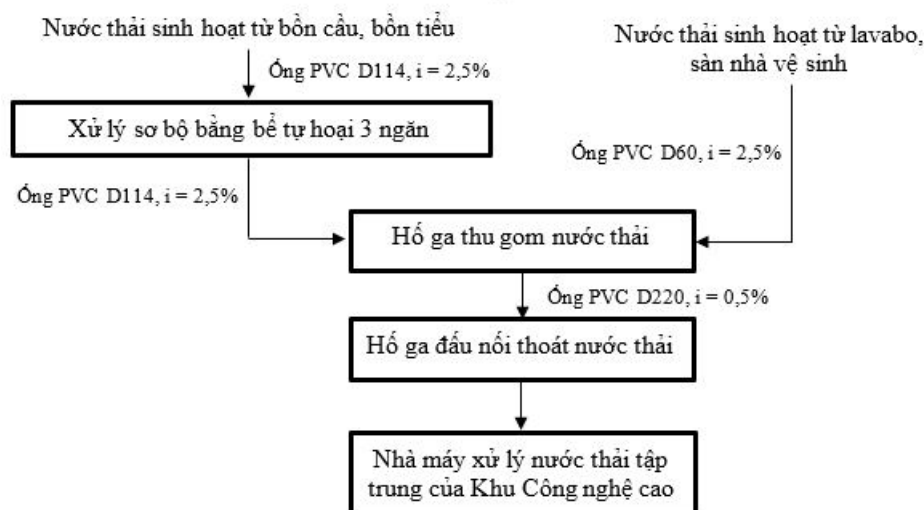
Bảng 3.2 Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa

Stt	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	Thông số của hệ thống	Vị trí lắp đặt
1	Ống đứng thu nước mưa	- Đường kính: D90 mm - Số lượng ống: 30 ống - Khoảng cách giữa các ống: 5,8 m - Vật liệu: PVC	Dẫn nước mưa trên mái xuống hệ thống thu gom dưới mặt đất
2	Hố ga thoát nước mưa	- Nắp đan BTCT - Kích thước 0,8 x 0,8 x 1 m - Đáy tạo dốc 0,5%, chống thấm - Số lượng: 32 cái	Trong khuôn viên cơ sở
3	Cống thoát nước mưa	- BTCT đúc sẵn - Đường kính: D300, D400 - Chiều dài tuyến cống D300: $\approx 220\text{m}$ - Chiều dài tuyến cống D400: $\approx 39\text{m}$	Bố trí trên toàn diện tích sân bãi Đầu nối vào hố ga thoát nước mưa
4	Hố ga đầu nối	- Nắp đan BTCT - Kích thước 1 x 1 x 1,3 m - Đáy tạo dốc 0,5%, chống thấm - Số lượng: 01 cái	Đường N2

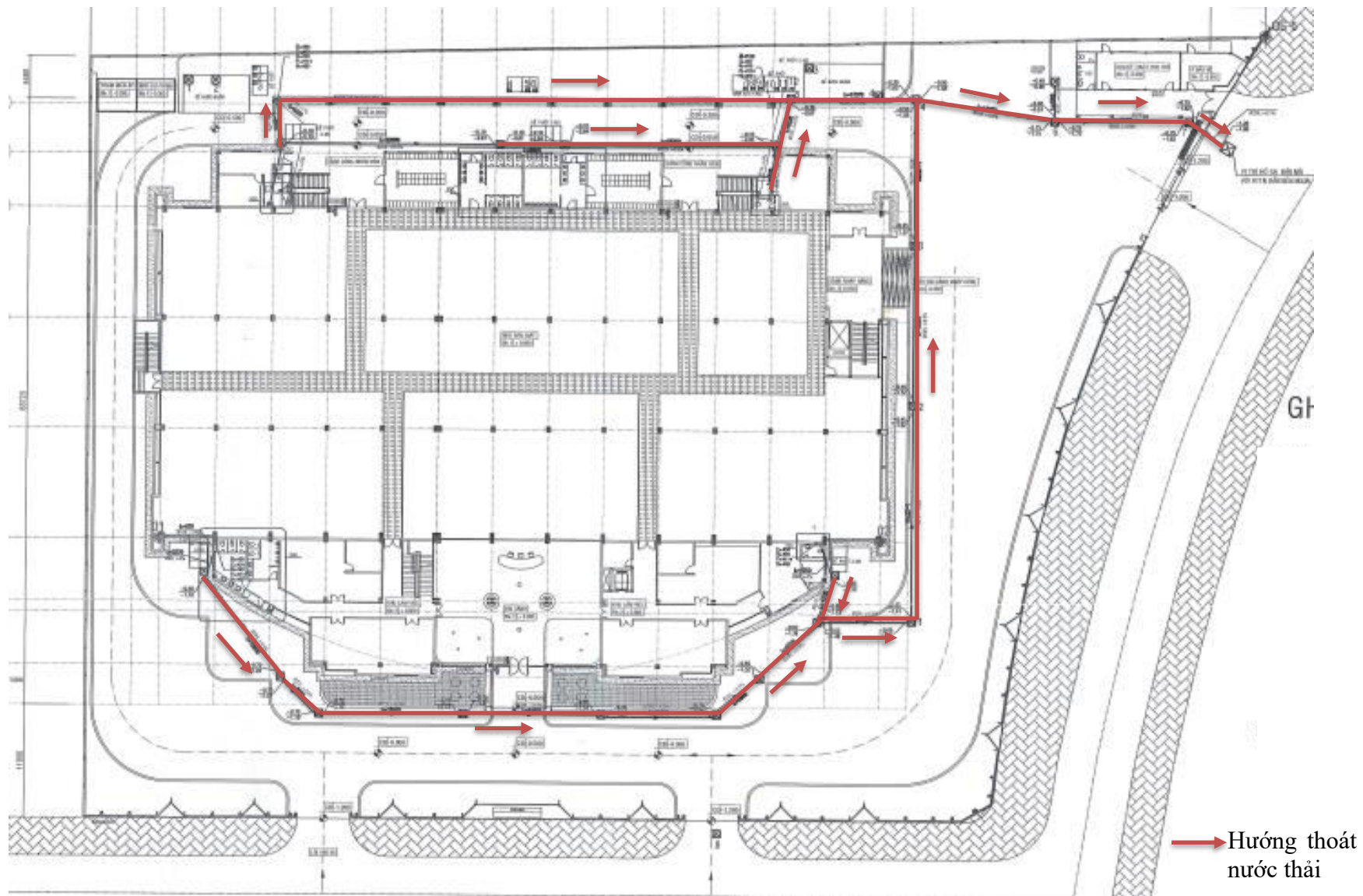
- Điểm đầu nối nước mưa với mạng lưới thoát nước mưa của Khu Công nghệ cao tại 01 vị trí trên đường N2, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có tọa độ như sau: Tọa độ: X = 1200085; Y = 615009;

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được đầu tư hoàn chỉnh, đảm bảo nước thải được thu gom, thoát riêng với nước mưa. Mặt bằng tổng thể thoát nước thải của cơ sở được thể hiện như sau:



Hình 3.4 Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của cơ sở



Hình 3.5 Mặt bằng tổng thể thoát nước thải của cơ sở

❖ Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, âu tiêu từ các tầng được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D114mm, $i = 2 - 2,5\%$ về 6 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 3-5 m³/bể để xử lý sơ bộ, nước thải sau xử lý sơ bộ tự chảy ra hố ga thu gom nước thải bằng đường ống nhựa PVC D114mm, $i = 2,5\%$ về hố thu gom nước thải, sau đó nước thải tự chảy ra hố ga đầu nối nước thải bằng đường ống nhựa PVC D220, $i = 0,5\%$ và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCNC.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ lavabo (bồn rửa tay), sàn nhà vệ sinh từ các tầng cùng với nước thải từ các máy lọc nước uống được xả về sàn nhà vệ sinh và nước thải từ quá trình vệ sinh sàn nhà xưởng, văn phòng được dẫn về hố thu gom nước thải bằng đường ống PVC D60mm, $i = 2,5\%$, sau đó nước thải tự chảy ra hố ga đầu nối nước thải bằng đường ống nhựa PVC D220, $i = 0,5\%$ và đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của KCNC.

❖ Điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao tại 01 điểm đầu nối nước thải trên đường N2, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể công trình thoát nước thải và điểm đầu nối nước thải của cơ sở được trình bày cụ thể dưới đây.

- Kết cấu/Vật liệu: Ống nhựa PVC;
- Đường kính: D220 mm;
- Chiều dài: 5m.
- Điểm đầu nối nước thải sau với hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao:
 - + Số lượng: 01 vị trí đầu nối tại hố ga đầu nối nước thải với hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao.
 - + Tọa độ: X = 1200094, Y = 615010, kích thước hố ga D_xR_xC 1.000x1.000x1.300mm trên Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải:

Toàn bộ lượng nước thải phát sinh của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghệ cao theo Hợp đồng số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 03/09/2020 – Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

Đường ống thoát nước thải làm bằng ống PVC, nước thải được thu gom từ điểm đầu đến

cuối không có sự rò rỉ ra bên ngoài và đảm bảo nước thải luôn chảy một chiều từ vị trí phát sinh nước thải thuộc cơ sở đến vị trí đầu nối thoát nước thải chung của hạ tầng khu vực. Đường thoát nước thải của dự án hoàn toàn đáp ứng đủ yêu cầu kỹ thuật về xả nước thải. Đồng thời, nắp hố ga được thiết kế thuận tiện để quan trắc nước thải định kỳ.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 3.3 Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước thải

Stt	Hệ thống thu gom, thoát nước thải	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Ống thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu (nước thải đen)	- Đường kính D114mm - Độ dốc: $i = 2 - 2,5\%$ - Vật liệu: PVC	Dẫn nước thải về bể tự hoại 03 ngăn
2	Ống thu gom nước thải sinh hoạt phát sinh từ lavabo, sàn nhà vệ sinh (nước thải xám)	- Đường kính D60mm - Độ dốc: $i = 2,5\%$ - Vật liệu: PVC	Dẫn nước thải về hố thu gom nước thải
3	Ống thoát nước thải từ bể tự hoại đến hố thu gom nước thải	- Đường kính D114mm - Độ dốc: $i = 2,5\%$ - Vật liệu: PVC	Dẫn nước thải từ bể tự hoại đến hố thu gom nước thải
4	Hố thu gom nước thải	- Kích thước: 1x1x1,3m - Nắp đan BTCT - Đáy láng bê tông - Tường dày 150mm - Số lượng: 21 cái	Thu gom toàn bộ nước thải phát sinh
5	Tuyến cống thoát nước thải	- Đường kính D220 mm - Độ dốc: $i = 0,5\%$ - Vật liệu: BTCT - Chiều dài: 88 m	Dẫn nước thải từ các hố thu nước thải đến hố ga đầu nối
6	Hố ga đầu nối	- Kích thước: 1x1x1,3m - Nắp đan BTCT - Đáy láng bê tông - Tường dày 150mm - Số lượng: 01 cái	Đầu nối thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao

3.1.3. Xử lý nước thải

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

❖ Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

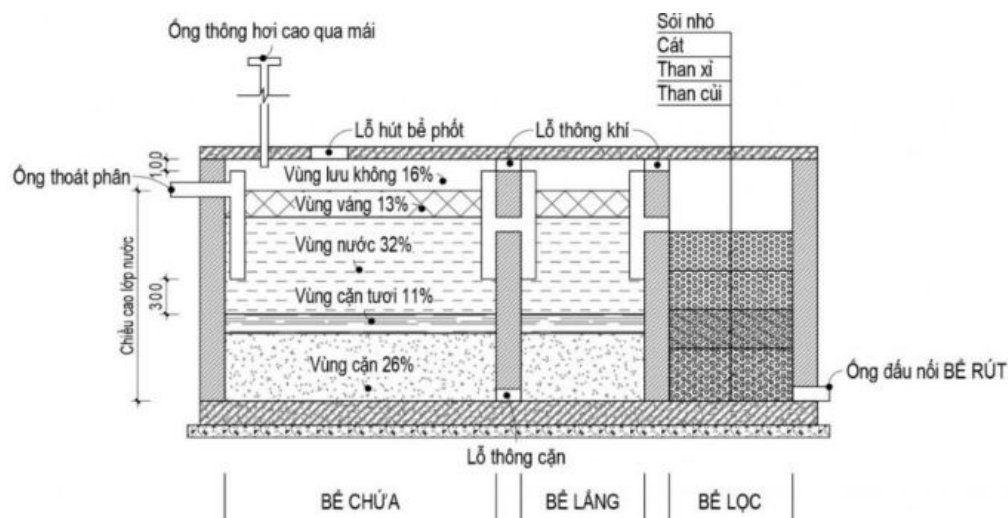
Công ty đã xây dựng 06 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích 3-5 m³/bể để lưu chứa và xử lý sơ bộ nước thải phát sinh từ bồn cầu, bồn tiểu của 07 khu nhà vệ sinh (Tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và phòng bảo vệ). Cấu tạo của bể tự hoại 03 ngăn được thiết kế bao gồm ngăn chứa, ngăn

lắng và ngăn lọc với chức năng tương ứng như sau:

- Ngăn chứa: chức năng chứa các chất thải lỏng và phân từ hoạt động sinh hoạt. Khi xả nước, chất thải theo đường ống trôi xuống ngăn chứa, đợi các vi sinh vật phân hủy thành bùn. Diện tích ngăn chứa thường sẽ khá lớn, chiếm 50% tổng thể tích của bể.
- Ngăn lắng: chức năng lắng các thành phần không thể phân hủy được ở ngăn chứa như tóc, chất vô cơ, kim loại, các thành phần khó phân hủy sinh học,... Ngăn lắng chiếm 25% tổng thể tích của bể.
- Ngăn lọc: chức năng lọc các chất thải rắn lơ lửng trong nước, không thể phân hủy và lắng tại ngăn chứa và ngăn lắng và các chất rắn sau khi phân hủy. Thể tích ngăn lọc bằng 25% tổng thể tích của bể.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 03 ngăn:

Nước thải được thu gom vào bể tự hoại 3 ngăn theo đường ống dẫn xuống ngăn chứa, quá trình phân hủy kỵ khí diễn ra tại đây nhờ hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4 , CO_2 , H_2S ,.... Sau quá trình phân hủy, chất thải sẽ biến thành dạng bùn, lắng xuống đáy bể tại ngăn chứa. Với các chất thải khó phân hủy hoặc không thể phân hủy như các chất vô cơ, tóc, kim loại... sẽ đưa sang bể lắng và đọng lại phía dưới đáy bể. Các thành phần như chất rắn lơ lửng được xử lý tại ngăn lọc. Cặn trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy sẽ giữ lại khoảng 20% lặn cặn đã lên men trong bể để tạo điều kiện phân hủy thuận lợi cho bùn cặn tươi mới lắng. Nước thải được lưu trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể. Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ được chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.



Hình 3.6 Bể tự hoại 3 ngăn minh họa

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn theo tuyến cống thoát nước thải thoát cùng với nước thải sinh hoạt khác vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao trên đường N2, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Đánh giá khả năng đáp ứng của các bể tự hoại tại dự án**

Để đánh giá khả năng đáp ứng của các bể tự hoại có thể tiếp nhận tối đa lượng nước thải sinh hoạt phát sinh, cơ sở tính toán chi tiết như sau:

a. Thông số tính toán

- Số lượng bể: 06 bể
- Bể tự hoại phục vụ 200 công nhân viên x 2 ca/ngày.đêm
- Tiêu chuẩn xả thải: $q_0 = 20 \text{ l/người/ngày}$ (Hỗn hợp nước thải đen + xám)
- Thời gian lưu: $t_n = 1 \text{ ngày}$
- Thời gian phân hủy: $t_b = 20 \text{ ngày}$
- Thời gian lưu giữ bùn sau phân hủy: $t_t = 6 \text{ tháng}$

2. Tính toán thiết kế bể tự hoại 3 ngăn

Dung tích cần thiết vùng tách cặn:

$$V_n = Q \times t_n = N \times q_0 \times t_n / 1.000 = 400 \times 20 \times 1 / 1.000 = 8 \text{ m}^3$$

Dung tích vùng phân hủy cặn tươi:

$$V_b = 0,5 \times N \times t_b / 1.000 = 0,5 \times 400 \times 20 / 1.000 = 4,0 \text{ m}^3$$

Dung tích vùng lưu giữ bùn sau phân hủy:

$$V_t = r \times N \times T / 1.000 = 20 \times 400 \times 0,5 / 1.000 = 4,0 \text{ m}^3$$

Dung tích phần váng nổi:

$$V_v = 0,5 \times V_t = 0,5 \times 4,0 = 2,0 \text{ m}^3$$

Dung tích ướt của bể tự hoại:

$$V_{ur} = V_n + V_b + V_t + V_v = 8 + 4 + 4 + 2 = 18 \text{ m}^3$$

Thể tích phần lưu không trên bề mặt nước:

$$V_k = 10\% \times V_{ur} = 10\% \times 18 = 1,8 \text{ m}^3$$

Tổng thể tích bể tự hoại:

$$V = V_{ur} + V_k = 18 + 1,8 = 19,8 \text{ m}^3$$

Bảng 3.4 Thống kê thể tích bể tự hoại 03 ngăn

Sтт	Nội dung	Thể tích (m ³)
1	Bể tự hoại số 1,2,3,4,5	3 x 5
2	Bể tự hoại số 6	5
Tổng		20

Từ các thông số và tính toán được trình bày ở trên, số lượng bể tự hoại tương ứng với tổng thể tích được bố trí, các bể tự hoại hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận nước thải sinh hoạt khi cơ sở hoạt động đạt tối đa công suất.

3.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

Nguồn phát sinh: Cơ sở hoạt động với lĩnh vực sản xuất, lắp ráp linh kiện điện tử nên nguồn khí thải phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

- Khí thải (Hơi dung môi) phát sinh từ công đoạn phủ keo silicon;
- Khí thải phát sinh từ đoạn sấy bo mạch, hàn, in và dán linh kiện điện tử
- Khí thải máy phát điện dự phòng;
- Mùi phát sinh từ khu vực lưu giữ chất thải rắn;

3.2.1. Khí thải từ công đoạn phủ keo silicon

Quy trình sản xuất của cơ sở chủ yếu là tự động hóa nên hạn chế các ô nhiễm đến môi trường, riêng quá trình phủ keo silicon tự động sẽ phát sinh hơi dung môi.

Tại khu vực sản xuất có phát sinh hơi keo công ty bố trí các cụm quạt công nghiệp nhằm thông thoáng không khí tại khu vực sản xuất tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc tại dự án và môi trường không khí xung quanh.

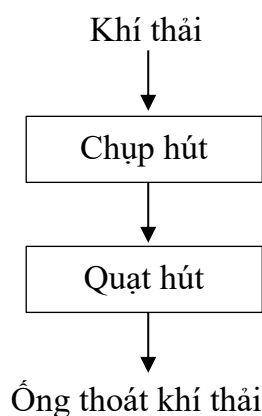
3.2.2. Khí thải từ công đoạn sấy bo mạch, hàn, in và dán

Công đoạn sấy bo mạch, hàn, in và dán linh kiện điện tử là các công đoạn phát sinh khí thải chủ yếu của nhà máy.

Công đoạn sấy, in và dán linh kiện điện tử phát sinh khí thải chủ yếu là khí THC.

Công đoạn hàn linh kiện điện tử phát sinh chủ yếu là hơi chì.

Để giảm thiểu tác động từ khí thải phát sinh, Công ty đã lắp đặt một hệ thống đường ống thu gom và thoát khí thải như sau:



Hình 3.7 Hệ thống thu gom thoát khí thải từ công đoạn sấy bo mạch, hàn, in và dán

Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy tự động được thu gom bằng đường ống ruột gà lõi thép có đường kính 200mm về đường ống thu gom chung trước khi thoát ra ống thoát khí thải với kích thước 600x400mm, cao 3,7 m so với mặt đất nhờ quạt hút. Đối với một số loại mã sản phẩm có yêu cầu cần thực hiện sấy tại hệ thống sấy thủ công, khí thải phát sinh sẽ được thu gom bằng đường ống có đường kính 100mm về ống thu gom chung trước khi thoát ra ống thoát khí thải.

Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, in dán linh kiện được thu gom bằng 2 đường ống ruột gà lõi thép có đường kính 200mm về ống thu gom chung trước khi thoát ra ống thoát khí thải với kích thước 600x400mm, cao 3,7m so với mặt đất nhờ quạt hút.

Khí thải phát sinh từ máy phun Flux được thu gom bằng 1 đường ống ruột gà lõi thép có đường kính 200mm về ống thu gom chung trước khi thoát ra ống thoát khí thải với kích thước 600x400mm, cao 3,7m so với mặt đất nhờ quạt hút.

Khí thải phát sinh từ công đoạn kiểm tra chất lượng được thu gom về 28 chụp thu gom tại 28 vị trí vào 2 đường ống thu gom bằng nhựa PVC có đường kính 150mm về đường ống thu gom chung trước khi thoát ra ống thoát khí thải với kích thước 600x400mm, cao 3,7m so với mặt đất nhờ quạt hút.



Hình 3.8 Ống thoát khí thải cao 17,6 m so với mặt đất

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát khí thải của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 3.5 Tổng hợp các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát khí thải

Stt	Hệ thống thu gom, thoát khí thải	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Ống thu gom khí thải phát sinh từ công đoạn sấy tự động	- Đường kính D200mm - Vật liệu: Thép - Số lượng: 1 ống	Dẫn khí thải về hệ thống ống góp chung
2	Ống thu gom khí thải phát sinh từ công đoạn sấy thủ công	- Đường kính D100mm - Vật liệu: Thép - Số lượng: 1 ống	Dẫn khí thải về hệ thống ống góp chung
3	Ống thu gom khí thải phát sinh từ máy phun Flux	- Đường kính D200mm - Vật liệu: Thép - Số lượng: 1 ống	Dẫn khí thải về hệ thống ống góp chung
4	Ống thu gom khí thải phát sinh từ công đoạn kiểm tra chất lượng	- Đường kính D150mm - Vật liệu: PVC - Số lượng: 2 ống	Dẫn khí thải về hệ thống ống góp chung
5	Ống góp chung thu gom khí thải phát sinh	- Đường kính 600x400mm - Vật liệu: thép - Số lượng: 1 hệ thống	Dẫn khí thải thoát ra ống thoát khí thải
6	Quạt hút	- Công suất: 4HP - Lưu lượng: 5.000 m ³ /h - Điện áp: 220-380/50Hz - Số lượng: 1 cái	Đưa khí thải từ ống góp chung đến ống thoát khí thải
7	Ống thoát khí thải	- Kích thước 600x400mm - Lưu lượng: - Vật liệu: Thép - Số lượng: 1 ống - Chiều cao: 17,6 m (so với mặt đất)	Thoát khí thải ra môi trường bên ngoài

Ngoài ra, Công ty còn bố trí các hệ thống quạt thông gió tại các công đoạn này nhằm làm thông thoáng môi trường không khí khu vực làm việc.

Chất lượng khí thải phát sinh được Công ty giám sát thông qua kết quả phân tích khí thải. Kết quả phân tích chất lượng khí thải phát sinh được trình bày như sau:

Bảng 3.6 Kết quả phân tích khí thải tại ống thoát đầu ra

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
I	Ngày lấy mẫu 08/11/2023			
1	n-Propanol	mg/Nm ³	22,8	980
2	Metylen Clorua	mg/Nm ³	27,3	1.750
II	Ngày lấy mẫu 27/12/2023			
1	n-Propanol	mg/Nm ³	16,5	980
2	Metylen Clorua	mg/Nm ³	31,9	1.750

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
III	Ngày lấy mẫu 21/03/2024			
1	n-Propanol	mg/Nm ³	6,2	980
2	Metylen Clorua	mg/Nm ³	3,6	1.750
IV	Ngày lấy mẫu 25/07/2024			
1	n-Propanol	mg/Nm ³	KPH (LOD = 1,5)	980
2	Metylen Clorua	mg/Nm ³	KPH (LOD = 0,81)	1.750

Từ các kết quả phân tích chất lượng khí thải phát sinh cho thấy, nồng độ chỉ tiêu được giám sát thấp hơn rất nhiều so với giá trị giới hạn cho phép của QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ. Các phiếu kết quả phân tích được đính kèm tại Phần phụ lục của báo cáo.

3.2.3. Khí thải từ máy phát điện

Nhà máy có trang bị 01 máy phát điện dự phòng công suất 250 kVA, sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố mất điện hoặc nguồn điện cấp không ổn định. Vì tính chất hoạt động không thường xuyên nên lưu lượng khí thải của máy phát điện dự phòng phát sinh không liên tục. Tuy nhiên, để đảm bảo môi trường không bị ô nhiễm khi hoạt động máy phát điện, cơ sở đã bố trí ống dẫn để đưa khí thải phát sinh thoát ra ngoài môi trường theo đúng quy định cụ thể như sau:

- Máy phát điện được đặt tại khu vực riêng biệt ngoài tại tầng trệt có diện tích 18 m²;
- Sử dụng nhiên liệu dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05S);
- Khí thải phát sinh được thoát ra ngoài thông qua miệng ống khói có đường kính D140mm với chiều cao 2,8m (so với mặt đất);
- Lưu lượng khí thải của máy phát điện: 2.658 m³/h.
- Khí thải ống khói máy phát điện đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bụi và các chất vô cơ trước khi thải ra môi trường .

3.2.4. Mùi phát sinh từ khu vực lưu giữ chất thải rắn

- Chất thải rắn được lưu chứa trong nhà chứa riêng biệt và được đặt ở khu vực tách biệt với nhà xưởng sản xuất nên hạn chế ảnh hưởng đến môi trường xung quanh;
- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hằng ngày nhằm hạn chế được sự phân hủy các thành phần hữu cơ có trong chất thải nên hạn chế mùi phát sinh;
- Khu vực lưu giữ CTNH được bố trí kín, các thiết bị chứa đều được bố trí nắp đậy.

3.3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

❖ Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

CTRSH phát sinh từ công nhân viên làm việc tại nhà máy trong năm 2023 khoảng 41,2 tấn/năm tương đương 137,3 kg/ngày, tương đương 0,92 kg/người/ngày. Thu gom CTRSH phát sinh đưa về khu vực lưu chứa CTRSH với diện tích 6 m² (D x R = 3 m x 2 m). Chủ cơ sở bố trí 12 thùng chứa có nắp đậy thể tích 60L tại các khu vực trong nhà máy. Hàng ngày CTRSH sẽ được thu gom về khu vực lưu giữ CTRSH của nhà máy sau đó chuyển cho đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng đã ký.

Hiện nay, việc phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, cũng như tần suất thu gom CTRSH tại TP.HCM được quy định tại Điều 5 Quyết định 12/2019/QĐ-UBND (được sửa đổi bởi khoản 2 Điều 1 Quyết định 09/2021/QĐ-UBND), chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại CTRSH tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý, thành 03 nhóm như sau:

- Nhóm chất thải có khả năng phân hủy sinh học.
- Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.
- Nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải nguy hại).

Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công nghệ cao TP.HCM thu gom và xử lý theo Hợp đồng số 29/HĐ-SHTPCo-KDDV ngày 24/3/2023 với tần suất thu gom 01 lần/ngày để giảm thiểu sự phát sinh mùi từ quá trình lưu giữ.

Trong giai đoạn hoạt động công suất tối đa, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở ước tính khoảng 110,4 tấn/năm tương đương 368 kg/ngày. Dự án vẫn tiếp tục sử dụng khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt hiện hữu, tuy nhiên sẽ tăng tần suất thu gom nếu cần. Chất thải rắn sinh hoạt được giao cho đơn vị thu gom hiện hữu, đảm bảo toàn bộ lượng chất thải phát sinh được thu gom triệt để.

❖ Công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

Khối lượng CTCRCNTT phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy trong năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 được thống kê theo phiếu xuất kho của nhà máy lần lượt là 3,81 tấn/năm, trung bình khoảng 318 kg/tháng và 3,11 tấn/năm, trung bình khoảng 519 kg/tháng.

Ước tính khối lượng CTCRCNTT phát sinh khi nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa khoảng 103,9 tấn/năm tương đương 8,67 tấn/tháng.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất được thu gom bởi Công ty TNHH Thương mại – Xử lý Môi trường Thành Lập theo hợp đồng kinh tế số 2601/2024/HĐKT/TL-DLG ngày 26/01/2024 (hợp đồng được đính kèm Phụ lục báo cáo)

với tần suất thu gom 01 lần/ngày. Khi nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa, khối lượng CTRCNTT phát sinh lớn, nhà máy sẽ tăng cường tần suất thu gom đảm bảo CTRCNTT không gây rơi vãi, phát tán bụi ra môi trường khu vực dự án.

Ngoài ra, trước khi thu gom nhà máy có tiến hành phân loại các chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế để chuyển giao cho Công ty TNHH TM Nam Thuận Phát theo hợp đồng thu gom phế liệu số 0101/2024/HĐKT ngày 01/01/2024 ((hợp đồng được đính kèm Phụ lục báo cáo).

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong nhà máy được thu gom, tập trung về khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 6 m² (D x R = 3m x 2m).

Thành phần và khối lượng CTRCNTT phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2024 và ước tính khi hoạt động công suất tối đa được trình bày trong Bảng sau.

Bảng 3.7 Khối lượng, chủng loại CTRCNTT phát sinh

Stt	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng phát sinh giai đoạn hiện hữu	Khối lượng phát sinh giai đoạn công suất tối đa
1	Thùng carton thải	Kg	1.116	37.200
2	CTCNTT không nguy hại (vụn nhựa, vỏ dây điện, Sắt, Nhôm, Đồng,...)	Kg	950	32.000
3	Nylon	Kg	100	3.400
4	Băng keo thải	Kg	700	23.000
5	Pallet hư	Kg	188	6.300
6	Mút xốp	Kg	60	2.000
Tổng			3.114	103.900

Nguồn: Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen, năm 2024.

3.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Để giảm thiểu tối đa các tác động do CTNH, Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Phân loại CTNH: thực hiện phân loại CTNH tại nguồn;
- Thu gom CTNH phát sinh trong dây chuyền sản xuất về khu vực lưu giữ CTNH ược bố trí riêng biệt theo quy định trong khu vực tập trung chất thải với diện tích là 6 m², chờ giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định;
- Tại khu vực tập trung, mỗi loại CTNH được chứa vào các thùng có nắp đậy và dán nhãn (tên, mã CTNH) tương ứng với mỗi loại. Khu vực lưu giữ CTNH được bố trí đầy đủ các phương tiện, thiết bị ứng phó sự cố theo quy định. Khu vực lưu giữ CTNH đáp ứng những điều kiện sau đây:

- + Mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
- + Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong.
- + Có biện pháp cách ly với các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.
- + Khu vực lưu giữ CTNH dễ cháy, nổ bảo đảm khoảng cách không dưới 10 (mười) m với các thiết bị đốt khác.
- + Mỗi thùng chứa và khu vực lưu giữ có dán nhãn CTNH nguy hại tương ứng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo đúng quy định.

CTNH sau khi được thu gom sẽ được chuyển giao cho Công ty TNHH Thương mại – Xử lý Môi trường Thành Lập thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng kinh tế số 2601/2024/HĐKT/TL-DLG ngày 26/01/2024.

Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh trong năm 2023, 6 tháng đầu năm 2024 và ước tính khi hoạt động công suất tối đa được trình trong Bảng sau.

Bảng 3.8 Thành phần và khối lượng CTNH phát sinh

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh			Ký hiệu phân loại
				Năm 2023 ⁽¹⁾ (Kg/năm)	6 tháng đầu năm 2024 (Kg/6 tháng đầu năm 2024)	Hoạt động công suất tối đa ⁽²⁾ (Kg/năm)	
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	14	2 ⁽¹⁾	20 ⁽²⁾	NH
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	0	0	50 ⁽²⁾	KS
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	175	78 ⁽¹⁾	2.600 ⁽²⁾	KS
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	77	58 ⁽¹⁾	360 ⁽²⁾	KS
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Lỏng	19 02 06	642	420 ⁽¹⁾	14.000 ⁽³⁾	NH
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	10	2 ⁽¹⁾	600 ⁽²⁾	NH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh			Ký hiệu phân loại
				Năm 2023 ⁽¹⁾ (Kg/năm)	6 tháng đầu năm 2024 (Kg/6 tháng đầu năm 2024)	Hoạt động công suất tối đa ⁽²⁾ (Kg/năm)	
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	Lỏng	17 02 04	-	-	1.500 ⁽²⁾	NH
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	-	-	20 ⁽²⁾	KS
Tổng cộng				918	560	19.150	

Ghi chú:

⁽¹⁾ Khối lượng phát sinh thực tế theo chứng từ thu gom CTNH năm 2026 và 6 tháng đầu năm 2024.

⁽²⁾ Theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại mã số QLCTNH 79.006136.T của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp và ước tính khối lượng chất thải phát sinh tối đa.

⁽³⁾ Theo công thức tam suất: $420 \times 100\%$ (công suất tối đa) / 3% (công suất hiện hữu) $\times 100 = 14.000$ kg.

Trong giai đoạn nhà máy hoạt động đạt công suất tối đa, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 8.650 kg/năm. Công ty vẫn tiếp tục sử dụng khu vực lưu giữ chất thải nguy hại hiện hữu với diện tích 6 m² (D x R = 3m x 2m), tuy nhiên sẽ tăng tần suất thu gom nếu cần. Chất thải nguy hại được giao cho đơn vị thu gom hiện hữu, đảm bảo toàn bộ lượng chất thải phát sinh được thu gom triệt để.

3.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

Nguồn ồn phát sinh do những nguyên nhân sau:

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ quá trình hoạt động của các máy móc, thiết bị sản xuất trong nhà xưởng, máy phát điện.
- Do đó, tiếng ồn tại dự án ảnh hưởng trực tiếp đến nhân viên, tiếng ồn không ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.

Nguyên lý gây ra tiếng ồn và độ rung:

- Gây ra bởi sự làm việc của các máy móc do sự chuyển động của các cơ cấu phát ra tiếng ồn không khí trực tiếp.
- Gây ra bởi bề mặt các cơ cấu hoặc các bộ phận kết cấu liên quan với chúng.
- Gây ra bởi sự va chạm cơ học giữa các vật thể trong các thao tác lắp ráp.
- Từ các loại dụng cụ cơ khí với bộ phận chuyển động điện là những nguồn rung động gây tác dụng cục bộ lên cơ thể con người.

Để hạn chế ảnh hưởng tới mức thấp nhất đến sức khỏe của người lao động, nhà máy áp dụng các biện pháp nhằm khống chế tác động của nguồn ô nhiễm này, cụ thể như sau:

- Máy phát điện dự phòng được bố trí, lắp đặt tại khu vực phòng riêng với vật liệu cách âm, chống ồn, rung, hạn chế tối đa các tác động đến khu vực xung quanh.
- Giải pháp cục bộ chống ồn cho công nhân như trang bị nút bịt tai ;
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và bố trí ca, kíp luân phiên hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc tốt ;
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, kiểm tra độ mòn chi tiết máy và dùng dầu bôi trơn nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra từ các máy móc, thiết bị một cách thấp nhất;
- Nhà xưởng được xây dựng bằng các vật liệu hạn chế tiếng ồn nhằm giảm thiểu tối đa tiếng ồn ra khu vực bên ngoài;
- Ống thoát khí thải máy phát điện có kích thước D140mm, H = 2,8m.

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

- Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

3.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

❖ Đối với bể tự hoại

- **Nguyên nhân:**

- + Tắc nghẽn bồn cầu;
- + Tắc đường ống dẫn do có rác kích thước lớn thải vào;
- + Tắc đường ống dẫn khí;
- + Bùn bể tự hoại đầy mà không tiến hành thu gom, xử lý.

- **Tác động:**

- + Phân, nước tiểu không tiêu thoát được gây ứ đọng.
- + Gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu.
- + Bùn bể tự hoại đầy gây ứ đọng và khó phân hủy dẫn đến tràn bùn qua ngăn lọc và ra

hồ ga thoát nước sau xử lý.

- *Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:*

- + Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu;
- + Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh;
- + Bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

3.6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

3.6.2.1. Sự cố tai nạn lao động

An toàn cho nhân viên luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu. Do đó, để ngăn ngừa xảy ra tai nạn lao động đối với nhân viên làm việc tại nhà máy, Công ty đã thực hiện các quy định sau:

- Định kỳ tổ chức tập huấn, huấn luyện các biện pháp an toàn lao động cho công nhân làm việc tại các vị trí;
- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như nón, ủng, khẩu trang, găng tay, nút chống ồn,...;
- Yêu cầu công nhân thực hiện nghiêm túc các nội quy về an toàn lao động khi làm việc;
- Có phòng y tế nhằm chăm sóc sức khỏe cho công nhân và sơ cứu kịp thời khi có tai nạn lao động xảy ra;
- Hằng năm, nhà máy có liên kết với các trung tâm tiến hành đào tạo cho toàn thể cán bộ, công nhân về an toàn lao động và vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ máy móc để ngăn ngừa các tác động xấu có thể xảy ra.

3.6.3.2. Sự cố tràn đổ, rò rỉ nguyên liệu, hóa chất

Biện pháp phòng ngừa

Để phòng ngừa sự cố tràn đổ hóa chất, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Có khu vực trộn hóa chất riêng biệt phục vụ cho quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị. Khu vực này được quy định nghiêm ngặt và hạn chế đối đa công nhân ra vào nhằm giảm thiểu tai nạn lao động có thể xảy ra.
- Giao nhiệm vụ và hướng dẫn nhân viên thao tác đúng khi thực hiện pha chế.
- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các thùng (bồn) chứa hóa chất để phát hiện rò rỉ và ứng cứu kịp thời khi xảy ra sự cố.
- Trang bị khẩu trang chuyên dùng cho công nhân làm việc tiếp xúc với hóa chất.
- Có bố trí các bảng dữ liệu an toàn hóa chất tại các khu vực sử dụng hóa chất nguy hiểm.

Biện pháp ứng phó

Tuỳ theo loại hoá chất và mức độ ô nhiễm mà Công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn.
- Yêu cầu ngưng tất cả các hoạt động phát sinh ngọn lửa.
- Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh nhằm hạn chế hóa chất tràn đổ lan rộng hơn.
- Khắc phục rò rỉ có sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân thích hợp.

3.6.3.3. Sự cố rơi vãi, rò rỉ chất thải nguy hại

- Khu vực lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.
 - + Khu vực chứa CTNH có sàn, vách xung quanh bao kín, sử dụng vật liệu chống thấm, không cháy, chịu ăn mòn và không phản ứng hóa học với CTNH,
 - + CTNH sẽ được lưu trữ tại các thùng chứa riêng, có dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn dán sẽ được ghi chú đầy đủ các thông tin: Tên, mã CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói và dấu hiệu cảnh báo.
 - + Có bố trí rãnh thu nước thải về hố ga thấp hơn sàn để đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc có sự cố rò rỉ, tràn dầu;
 - + Chuẩn bị các vật liệu chống thấm (cát khô, mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi CTNH ở dạng lỏng;
 - + Hướng dẫn nội quy an toàn về CTNH cho công nhân khi tiếp xúc, thu gom, vận chuyển và lưu trữ.
- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

3.6.3.4. Sự cố cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa

Nhà máy đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa PCCC như sau:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho nhân viên và dụng cụ phòng cháy chữa cháy;
- Thành lập tổ, đội phòng cháy chữa cháy;
- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;
- Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Tuyên truyền nâng cao ý thức chấp hành của tất cả các cán bộ, nhân viên làm việc tại khu vực dự án.

Ngoài ra, Công ty đã thiết kế hệ thống PCCC và được Phòng Cảnh sát PC&CC Tp.HCM nghiệm thu tại văn bản số 1372/PCCC-P2 ngày 16/4/2015 bao gồm:

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, lối thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động, đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chữa cháy tự động Sprinkler, bình chữa cháy;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng

Biện pháp ứng cứu khi xảy ra sự cố cháy nổ

- Phát lệnh khẩn cấp thông báo sự cố cháy;
- Ngắt toàn bộ hệ thống cấp điện của Công ty;
- Sơ tán nhân viên theo đường thoát hiểm đến khu vực an toàn;
- Kịp thời phát hiện khu vực xảy ra sự cố cháy;
- Sử dụng các thiết bị chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy nếu quy mô cháy nhỏ, có thể kiểm soát;
- Cấp báo kịp thời cho đơn vị phòng cháy chữa cháy của địa phương để nhanh chóng khắc phục sự cố và ngăn ngừa cháy lan ra khu vực xung quanh.



Hình 3.9 Hệ thống PCCC tại cơ sở

3.7. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.9 Tóm tắt nội dung thay đổi của cơ sở so với quyết định phê duyệt ĐTM

Stt	Nội dung	Nội dung theo quyết định ĐTM đã được duyệt	Nội dung thay đổi so với quyết định ĐTM đã được duyệt	Lý do thay đổi
1	Diện tích khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường	15 m ²	6 m ²	Dựa trên diện tích thực tế đã hoàn công các hạng mục công trình chính theo GPXD số 07/KCNC-GPXD ngày 14/09/2007 và bố trí lại khu vực lưu giữ nhằm tuân thủ các yêu cầu về quản lý chất thải theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022
2	Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại	15 m ²	6 m ²	

Đánh giá tác động đến môi trường đối với những thay đổi trên

Việc bố trí lại các công trình lưu giữ chất thải rắn tại nhà máy nhằm tuân thủ các yêu cầu về quản lý chất thải quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và phù hợp về yêu cầu xây dựng. Diện tích khu vực lưu giữ chất thải vẫn đảm bảo khả năng lưu chứa, khi khối lượng chất thải phát sinh nhiều hơn công ty sẽ tăng cường tần suất thu gom và chuyển giao chất thải theo đúng quy định.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao, không xả trực tiếp ra môi trường).

Công ty đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT ngày 03/09/2020 giữa Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen với Ban Quản lý các Dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu gom, xử lý nước thải, đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án.

 **Nội dung tóm tắt đối với nước thải được trình bày như sau:**

❖ Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ bồn cầu, âu tiểu của khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và khu vực nhà bảo vệ;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ lavabo, sàn nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và khu vực nhà bảo vệ;

❖ Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa 31,12 m³/ngày đêm.

❖ Dòng nước thải

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, âu tiểu của khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và khu vực nhà bảo vệ (nguồn số 01) được thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D114mm, độ dốc $i = 2\%$, dẫn về bể tự hoại ($V = 3 \text{ m}^3 \times 7 \text{ bể}$) để xử lý sơ bộ. Nước thải sau bể tự hoại tự chảy về hố thu nước thải. Nước thải từ lavabo, sàn nhà vệ sinh của khu vực văn phòng, khu vực xưởng sản xuất tầng trệt, lầu 1, lầu 2 và khu vực nhà bảo vệ (nguồn số 02) được thu gom bằng đường ống nhựa có đường kính D60mm, độ dốc $i = 2,5\%$ tự chảy về hố thu nước thải. Nước thải từ hố thu gom nước thải thoát ra hố ga đầu nối thoát nước thải vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công nghệ cao bằng đường ống nhựa có đường kính D220mm, độ dốc $i = 0,5\%$.

❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và giới hạn tiếp nhận của Khu Công nghệ cao, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCNC Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 257/QĐ-KCNC ngày 24/12/2020 của Ban Quản lý Khu

Công Nghệ Cao Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày trong Bảng 4.1.

Bảng 4.1 Giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào NMXLNTTT của Khu Công nghệ cao

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải
1	pH	-	5 – 9
2	BOD ₅	mg/L	250
3	COD	mg/L	600
4	TSS	mg/L	300
5	As	mg/L	0,1
6	Hg	mg/L	0,005
7	Pb	mg/L	0,5
8	Cd	mg/L	0,02
9	Cr ⁶⁺	mg/L	0,1
10	CN ⁻	mg/L	0,1
11	Tổng Phenol	mg/L	0,05
12	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	100
13	S ²⁻	mg/L	0,5
14	Tổng Nitơ	mg/L	60
15	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	14
16	Coliform	MPN/100mL	37×10^7

❖ **Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải**

- Vị trí xả nước thải: 01 Điểm đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao;
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1200094; Y = 615010 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45' múi chiều 3°);
- Phương thức xả thải: Nước thải sinh hoạt từ bồn cầu, âu tiêu sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại cùng với nước thải sinh hoạt từ lavabo, sàn nhà vệ sinh tự chảy theo đường ống BTCT có đường kính D220mm, độ dốc i = 0,5% vào mạng lưới thu gom thoát nước thải của Khu Công nghệ cao.

❖ **Nguồn tiếp nhận nước thải:** Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

4.2.2.1. Nguồn phát sinh khí thải có hệ thống xử lý khí thải: Không có

4.2.2.2. Nguồn phát sinh khí thải không có hệ thống xử lý khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy tự động;
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy thủ công;

- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ công đoạn hàn, in, dán tự động;
- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ máy phun Flux;
- Nguồn số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn kiểm tra chất lượng;
- Nguồn số 06: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải phát sinh từ nguồn số 01, 02, 03, 04, 05 được thu gom về ống góp chung bằng thép có đường kính 600x400mm, sau đó thoát ra ống thoát khí thải bằng thép có kích thước 600x400mm tại tọa độ vị trí xả khí thải $X = 1200138$, $Y = 614991$;
- Dòng khí thải số 02: Khí thải phát sinh từ nguồn số 06 thoát ra ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng công suất 250 kVA có đường kính 140mm tại tọa độ vị trí xả khí thải $X = 1200171$, $Y = 614954$.

4.2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ;
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.658 m³/giờ;

4.2.4. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải đáp ứng quy định môi trường được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải tương ứng, phương thức xả liên tục (trong thời gian nhà máy vận hành sản xuất).
- Dòng khí thải số 02: Khí thải đáp ứng quy định môi trường được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải tương ứng, phương thức xả liên tục (trong thời gian hoạt động của máy phát điện dự phòng).

4.2.5. Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giới hạn tiếp nhận nồng độ khí thải trước khi thải ra môi trường

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	n-Propanol (CH ₃ CH ₂ CH ₂ OH)	mg/Nm ³	980	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải	Không thuộc đối tượng phải quan trắc

2	Metylen Clorua (CH ₃ Cl)	mg/Nm ³	1.750	định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
II Dòng khí thải số 02					
1	Không giám sát	-	-	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)

4.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực xưởng sản xuất tầng trệt;
- Nguồn số 02: Khu vực xưởng sản xuất lầu 1;
- Nguồn số 03: Khu vực đóng gói lầu 2;
- Nguồn số 04: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 250 KVA (không thường xuyên);

4.3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 1200130; Y = 614976;
 - Nguồn số 02: Tọa độ: X = 1200125; Y = 614976;
 - Nguồn số 03: Tọa độ: X = 1200141; Y = 614976;
 - Nguồn số 04: Tọa độ: X = 1200171; Y = 614954;
- (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

4.3.3. Giá trị giới hạn với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

4.3.3.1. Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

4.3.3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tăng cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

4.4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI CHẤT THẢI

- Chung loại, khối lượng CTNH phát sinh đề nghị được cấp phép trong quá trình hoạt động của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.3 Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20
2	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 02	50
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	2.600
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	360
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	Lỏng	19 02 06	14.000
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	600
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn khác	Lỏng	17 02 04	1.500
8	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	20
Tổng cộng				19.150

- Chung loại, khối lượng CTCNTT đề nghị được cấp phép trong quá trình hoạt động của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 4.4 Khối lượng, chủng loại CTCNTT phát sinh tại cơ sở

Stt	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
1	Thùng carton thải	37.200
2	CTCNTT không nguy hại (vụn nhựa, vỏ dây điện, Sắt, Nhôm, Đồng,...)	32.000
3	Nylon	3.400

Stt	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (Kg/năm)
4	Băng keo thải	23.000
5	Pallet hư	6.300
6	Mút xốp	2.000
Tổng cộng		103.900

- Khối lượng CTRSH phát sinh trong quá trình hoạt động: 110,4 tấn/năm tương đương 368 kg/ngày.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

5.1.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023

- Thời gian quan trắc: 28/03/2023; 07/06/2023; 27/09/2023; 27/12/2023.
- Vị trí quan trắc: Hồ ga nước thải cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao.

Bảng 5.1 Kết quả quan trắc nước thải năm 2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCNC
			Ngày 28/03/2023 ^(*)	Ngày 07/06/2023 ^(*)	Ngày 27/09/2023 ^(**)	Ngày 27/12/2023 ^(**)	
1	pH	-	6,77	6,91	6,07	6,86	5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	35	38	28	98	250
3	COD	mg/l	62	71	72	194	600
4	TSS	mg/l	51	54	<15	75	300
5	Amoni	mg/l	9,4	22	7,0	25,4	29
6	Tổng Nitơ	mg/l	16,1	56	9,5	37,3	60
7	Tổng Photpho	mg/l	2,6	1,9	0,63	4,3	14
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	<1	<1	KPH	KPH	-
9	Coliforms	MPN/100ml	2,1x10 ³	2,4x10 ³	940	3.700	37x10 ⁷

Ghi chú:

(*): Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi trường Phương Nam

(**): Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu thực hiện

Nhận xét: Dựa vào kết quả quan trắc đối với nước thải được trình bày tại bảng 5.1 cho thấy, nước thải phát sinh tại cơ sở trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước thải chung hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu Công nghệ cao.

5.1.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2024

- Thời gian quan trắc: 21/03/2024, 25/07/2024;
- Vị trí quan trắc: Hồ ga nước thải cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghệ cao.

Bảng 5.2 Kết quả quan trắc nước thải năm 2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCNC
			Ngày 21/03/2024 ^(*)	Ngày 25/07/2024 ^(**)	
1	pH	-	6,69	7,13	5 – 9
2	BOD ₅	mg/l	73	14	250
3	COD	mg/l	156	35	600
4	TSS	mg/l	81	33	300
5	Amoni	mg/l	16,8	27,6	29
6	Tổng Nitơ	mg/l	32,4	22	60

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCNC
			Ngày 21/03/2024 ^(*)	Ngày 25/07/2024 ^(**)	
7	Tổng Photpho	mg/l	2,8	2,065	14
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	KPH	-
9	Coliforms	MPN/100ml	2.700	1.700	37x10 ⁷

Ghi chú:

(*): Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu thực hiện

(**): Viện Môi trường và Tài nguyên – Trung tâm Công nghệ Môi trường

Nhận xét: Dựa vào kết quả quan trắc đối với nước thải được trình bày tại bảng 5.2 cho thấy, nước thải phát sinh tại cơ sở trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước thải chung hoàn toàn đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu Công nghệ cao.

5.2. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

5.2.1 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải năm 2023

- Thời gian quan trắc: 08/11/2023; 27/12/2023.

- Vị trí quan trắc: Ống thoát khí thải

Bảng 5.3 Kết quả quan trắc khí thải năm 2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 20:2009/BTNMT
			Ngày 28/03/2023 ^(*)	Ngày 07/06/2023 ^(*)	
1	n-Propanol	mg/Nm ³	22,8	16,5	980
2	Metylen Clorua	mg/Nm ³	27,3	31,9	1.750

Ghi chú:

(*): Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu thực hiện

Nhận xét: Dựa vào kết quả quan trắc đối với khí thải được trình bày tại bảng 5.3 cho thấy, nồng độ chất ô nhiễm cần kiểm soát trong khí thải phát sinh tại cơ sở thấp hơn rất nhiều lần so với QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

5.2.2 Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải năm 2024

- Thời gian quan trắc: 21/03/2024; 25/07/2024.

- Vị trí quan trắc: Ống thoát khí thải

Bảng 5.4 Kết quả quan trắc khí thải năm 2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 20:2009/BTNMT
			Ngày 21/03/2024 ^(*)	Ngày 25/07/2024 ^(**)	
1	n-Propanol	mg/Nm ³	6,2	KPH (LOD = 0,81)	980
2	Metylen Clorua	mg/Nm ³	3,6	KPH (LOD = 1,5)	1.750

Ghi chú:

(*): Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu thực hiện

(**): Viện Môi trường và Tài nguyên – Trung tâm Công nghệ Môi trường

Nhận xét: Dựa vào kết quả quan trắc đối với khí thải được trình bày tại bảng 5.4 cho thấy, nồng độ chất ô nhiễm cần kiểm soát trong khí thải phát sinh tại cơ sở thấp hơn rất nhiều lần so với QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA CƠ SỞ

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý sơ bộ tại bể tự hoại. Do đó, căn cứ theo điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.

Khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất tại cơ sở được thu gom và thoát ra ống thoát khí thải, không qua hệ thống xử lý bụi, khí thải vẫn được giới hạn cho phép theo quy định. Do đó, căn cứ theo điểm c, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cơ sở không thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống thoát khí thải.

6.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

6.2.1.1. Quan trắc nước thải

Căn cứ theo khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 – Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án thuộc trường hợp đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, do đó cơ sở không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định.

6.2.1.2. Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp

Theo khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 – Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên không thực hiện quan trắc khí thải định kỳ.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Theo khoản 2, Điều 97 và khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 – Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, cơ sở không thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục XXVIII và Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên không thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải và khí thải.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

6.2.3.1. Giám sát CTRSH

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ CTRSH tại khuôn viên cơ sở;
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, mùi, hiệu lực hợp đồng thu gom;
- *Tần suất giám sát:* Theo tần suất thu gom thực tế.
- *Theo quy định:* Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

6.2.3.2. Giám sát CTRCNTT

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ CTRCNTT tại khu vực lưu giữ chất thải;
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hiệu lực hợp đồng thu gom;
- *Tần suất giám sát:* Theo tần suất thu gom thực tế;
- *Theo quy định:* Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

6.2.3.3. Giám sát CTNH

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ CTNH tại khu vực lưu giữ chất thải;
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, hiệu lực hợp đồng;
- *Tần suất giám sát:* Theo tần suất thu gom thực tế;
- *Theo quy định:* Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Kể từ khi hoạt động đến thời gian hiện tại, cơ sở được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra về bảo vệ môi trường. Kết quả của đợt kiểm tra được thể hiện tại Thông báo số 9101/TB-STNMT-CTR ngày 27/09/2023 (*văn bản đính kèm tại phần phụ lục báo cáo*) về kết quả kiểm tra chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và tài nguyên nước, kết luận và yêu cầu của đợt kiểm tra như sau:

- Kết luận: Qua kết quả kiểm tra, ***chưa phát hiện Công ty vi phạm quy định pháp luật bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.***
- Yêu cầu: Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Kiểm tra đảm bảo chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định; Rà soát thực hiện thủ tục hồ sơ giấy phép môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thời điểm nộp hồ sơ căn cứ tại Điểm a, Khoản 22, Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Đảm bảo thực hiện các nội dung theo Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 12/01/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

Trong quá trình hoạt động, Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen xin cam kết sẽ thực hiện tốt những nội dung về xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nổi của hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu Công nghệ cao.
- Khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án được thu gom và giám sát đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Tiếng ồn của máy móc, thiết bị sản xuất công nghiệp sẽ đảm bảo tiêu chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.
- Đối với chất thải thông thường:
 - + Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được chủ dự án chứa vào các thùng chứa rác chuyên dụng và bố trí riêng dọc các dây chuyền sản xuất của nhà máy. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom theo đúng quy định.
 - + Chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất tập kết vào vị trí lưu giữ quy định và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.
- Chất thải nguy hại được lưu trữ trong khu vực lưu giữ chất thải riêng, phân loại, dán nhãn, biển cảnh báo đúng quy định, thực hiện hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường.
- Công khai Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm và trình nộp theo định kỳ.

Trong quá trình hoạt động, nếu có yếu tố môi trường nào phát sinh, Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen sẽ thông báo ngay với cơ quan quản lý môi trường địa phương để xử lý nguồn ô nhiễm này. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường gây tác hại đến môi trường xung quanh, chúng tôi sẽ tiến hành khắc phục và đền bù những thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1 VĂN BẢN PHÁP LÝ

PHỤ LỤC 2 BẢN VẼ

PHỤ LỤC 3 KẾT QUẢ QUAN TRẮC

PHỤ LỤC 1.1

VĂN BẢN PHÁP LÝ

CỦA CÔNG TY

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315016980 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Đăng ký Kinh doanh cấp đăng ký lần đầu ngày 27/04/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/07/2023.
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7534124041 do Ban quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận lần đầu ngày 31/5/2017, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày 24/12/2020.
3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai – Nhà máy DLG ANSEN số 58/QĐ-STNMT-CCBVM do UBND TP.HCM cấp ngày 12/01/2018.
4. Giấy phép xây dựng số 07/KCNC-GPXD ngày 14/09/2007;
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 476522, sổ vào sổ cấp T00001/1a ngày 20/11/2007 và nội dung cấp thay đổi ngày 02/11/2018;
6. Hợp đồng thuê đất số 132/HĐTĐ/KCNC-2018 giữa Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai ngày 02/09/2018;
7. Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 41/HĐ-MB ngày 21/04/2016;
8. Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 1201/TD-PCCC ngày 24/10/2008 do Sở Cảnh sát PC&CC Tp.HCM cấp;
9. Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Sở Cảnh sát PC&CC Tp.HCM ngày 26/01/2010;
10. Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số QLCTNH 79.006136.T do Sở Tài nguyên và môi trường Tp.HCM cấp lần 1 ngày 04/01/2019;
11. Biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Sở Cảnh sát PC&CC Tp.HCM ngày 26/01/2010;
12. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT giữa Ban Quản lý các dự án đầu tư – xây dựng Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN ngày 03/09/2020;
13. Phụ lục số 03 kèm Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT giữa Ban Quản lý các dự án đầu tư – xây dựng Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN ngày 03/09/2020;

14. Hợp đồng thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt) không nguy hại số 29/HĐ-SHTPCo-KDDV ngày 24/3/2023;
15. Hợp đồng thu gom phế liệu số 0101/2024/HĐKT ngày 01/01/2024;
16. Hợp đồng kinh tế số 2601/2024/HĐKT/TL-DLG về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường ngày 26/01/2024;
17. Thông báo số 9101/TB-STNMT-CTR kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen ngày 20/09/2023;

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0315016980

Đăng ký lần đầu: ngày 27 tháng 04 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 06 tháng 07 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DLG ANSEN ELECTRONICS
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DLG ANSEN

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô i3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3736 7186

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ALPHA SEVEN

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 5900437257

Ngày cấp: 08/03/2022 Nơi cấp: Phòng ĐKKD Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ trụ sở chính: *Lô I3-6 Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THANH LÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/12/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052081002857

Ngày cấp: 29/11/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 159/77/27 Trần Văn Đang, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 159/77/27 Trần Văn Đang, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí
Minh, Việt Nam



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 7534124041

Chứng nhận lần đầu: Ngày 31 tháng 5 năm 2017

Chứng nhận thay đổi lần thứ 1: Ngày 24 tháng 12 năm 2020

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 08 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Quyết định số 19/2015/QĐ-TTg ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định tiêu chí doanh nghiệp Công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-UBND-TC ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư do Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen nộp ngày 10/12/2020,

**BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



Chứng nhận:

Dự án đầu tư DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỨC LONG GIA LAI; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7534124041 cấp ngày 31/5/2017, đăng ký điều chỉnh thời gian thực hiện dự án;

Chứng nhận nhà đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI

Tên viết tắt: DLGL CIN JSC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 28/10/2009 (thay đổi lần thứ 4 ngày 27/5/2016), mã số doanh nghiệp là 5900650673.

2. Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

3. Điện thoại: 0905 884 589

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, gồm:

- Họ tên: ĐỖ THÀNH NHÂN
- Giới tính: Nam Chức danh: Giám đốc
- Sinh ngày: 10/6/1979 Quốc tịch: Việt Nam
- Chứng minh nhân dân số: 230511191
- Ngày cấp: 23/6/2010 Nơi cấp: Công an Tỉnh Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 109/2 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hội Phú, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Chỗ ở hiện tại: 109/2 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hội Phú, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Điện thoại: 0905 884 589
- Email: thanhnhanktk@gmail.com

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Điện Tử DLG Ansen, mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: 0315016980 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27/4/2018 cấp thay đổi lần thứ 1 ngày 13/9/2019.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. **Tên dự án đầu tư:** DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT THIẾT BỊ ĐIỆN TỬ DÂN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỨC LONG GIA LAI

Tên gọi tắt: DLG ANSEN ELECTRONICS

2. **Mục tiêu của dự án:**



STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành	Mã ngành theo VSIC
1	Phát triển và sản xuất các thiết bị ứng dụng IoT (Internet of Things).	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
2	Phát triển và sản xuất các thiết bị, bo mạch điện tử.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
3	Phát triển và sản xuất các sản phẩm điện tử dân dụng.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
4	Phát triển và sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển.	sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
5	Phát triển và sản xuất các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
6	Thiết lập bộ phận phát triển khoa học kỹ thuật phục vụ cải tiến, phát triển sản phẩm và quy trình sản xuất.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210

3. Quy mô của dự án:

3.1 Quy mô kiến trúc xây dựng:

- Diện tích đất xây dựng: 3.995,2 m² (Ba ngàn chín trăm chín mươi lăm phẩy hai mét vuông).
- Diện tích sàn xây dựng: 12.088,5 m² (Mười hai ngàn tám mươi tám phẩy năm mét vuông), gồm:
 - + Khu vực sản xuất: 7.264 m² (Bảy ngàn hai trăm sáu mươi bốn mét vuông);
 - + Khu vực Văn phòng (hoạt động hành chính, đào tạo, nghiên cứu phát triển...): 4.000 m² (Bốn ngàn mét vuông);
 - + Khu vực kho: 824,5 m² (Tám trăm hai mươi bốn phẩy năm mét vuông).
- Diện tích xây dựng hạ tầng kỹ thuật: 4.511,5 m² (Bốn ngàn năm trăm mười một phẩy năm mét vuông).

3.2 Công suất thiết kế: 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm.

3.3 Quy mô sản phẩm dự kiến:

STT	Loại sản phẩm	Số lượng đơn vị sản phẩm/Năm	Giá trị (USD)
1	Các thiết bị ứng dụng IoT (Internet of Things)	3.700.000	7.400.000
2	Các thiết bị, bo mạch điện tử	2.640.000	7.560.000
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử công nghệ LED	1.020.000	4.800.000
4	Các sản phẩm điện tử dân dụng	2.640.000	840.000
Tổng cộng		10.000.000	20.600.000

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô I3-6, Đường N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.



5. Diện tích đất sử dụng: 8.506,7 m² (Tám ngàn năm trăm lẻ sáu phẩy bảy mét vuông).

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 299.996.750.000 VNĐ (Hai trăm chín mươi chín tỷ chín trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), tương đương 13.483.000 USD (Mười ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đô la Mỹ) theo tỷ giá 22.250 VNĐ/USD.

6.1 Nguồn vốn:

a) **Vốn góp:** 66.750.000.000 VNĐ (Sáu mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 22,3% tổng vốn đầu tư.

b) **Vốn vay:** 233.246.750.000 VNĐ (Hai trăm ba mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), tương đương 10.483.000 USD (Mười triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 77,7% tổng vốn đầu tư.

6.2 Cơ cấu vốn:

a) **Vốn cố định:** 112.573.430.000 VNĐ (Một trăm mười hai tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng), tương đương 5.059.480 USD (Năm triệu năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 37,5% tổng vốn đầu tư. Cụ thể:

+ Nhà xưởng, văn phòng: 66.750.000.000 VNĐ (Sáu mươi sáu tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng), tương đương 3.000.000 USD (Ba triệu đô la Mỹ);

+ Máy móc thiết bị sản xuất: 44.121.750.000 VNĐ (Bốn mươi bốn tỷ một trăm hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), tương đương 1.983.000 USD (Một triệu chín trăm tám mươi ba ngàn đô la Mỹ);

+ Máy móc thiết bị nghiên cứu triển khai: 1.701.680.000 VNĐ (Một tỷ bảy trăm lẻ một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng), tương đương 76.480 USD (Bảy mươi sáu ngàn bốn trăm tám mươi đô la Mỹ);

b) **Vốn lưu động:** 50 tỷ đồng (Năm mươi tỷ đồng), chiếm tỷ lệ 9,3% tổng vốn đầu tư.

6.3 Tiến độ thực hiện vốn:

STT	Thời gian	Nguồn vốn	Thành tiền (VNĐ)
1	Năm 2017 – 2018	Vốn góp	66.750.000.000
		Vốn vay	131.545.070.000
2	Năm 2018 – 2019	Vốn vay	51.701.680.000
3	Năm 2020	Vốn vay	50.000.000.000
Tổng cộng			299.996.750.000

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 48 (Bốn mươi tám) năm kể từ ngày 01/02/2007.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

STT	Thời gian	Nội dung thực hiện
1	Năm 2017 – 2018	+ Hoàn thiện thủ tục đăng ký đầu tư, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. + Lắp đặt và vận hành thử máy móc thiết bị sản xuất.



		+ Hoạt động sản xuất đạt 50% công suất thiết kế trở lên.
2	Năm 2018 - 2019	+ Hoàn thiện vận hành toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất. + Lắp đặt và vận hành thử máy móc thiết bị nghiên cứu phát triển. + Hoạt động sản xuất đạt 90% công suất thiết kế.
3	Năm 2020	+ Hoàn thiện vận hành máy móc thiết bị nghiên cứu phát triển. + Hoạt động đạt 100% công suất thiết kế.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Dự án được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Mục a, Khoản 1, Điều 13 và Khoản 1, Điều 14 của Văn bản hợp nhất Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014 của Văn phòng Quốc hội.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Dự án được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 16 của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật;

Nhà đầu tư phải tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai đối với dự án đầu tư tại Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhà đầu tư có trách nhiệm chấp hành các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến việc thi hành bảo vệ môi trường;

Nhà đầu tư phải thực hiện đúng theo cam kết tại Văn bản số 27/CV-ĐTXD ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Đức Long Gia Lai gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhà đầu tư phải lưu ý áp dụng các biện pháp và phương án cụ thể đáp ứng các yêu cầu về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

Việc xây dựng các công trình của dự án phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, và của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch và xây dựng;

Việc tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động tại dự án phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động Việt Nam;

Dự án nhận chuyển giao công nghệ từ bên ngoài phải thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước Việt Nam về chuyển giao công nghệ;

Sản phẩm của dự án nếu tiêu thụ tại Việt Nam phải đăng ký chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, hợp chuẩn và phải chịu sự kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam;

Đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện, dự án phải đáp ứng điều kiện quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện quyền xuất khẩu - nhập khẩu sau khi được cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cấp phép hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương;



Số: **58** /QĐ-STNMT-CCBVMT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng **01** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án
“Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai”
tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty cổ phần
Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai - Nhà máy DLG ANSEN.**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 121/2003/QĐ-UB ngày 18/7/2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển đổi mô hình tổ chức Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai - Nhà máy DLG ANSEN họp ngày 05/10/2017 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số 04-CV/2017-ĐLGL ngày 14/12/2017 của Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai - Nhà máy DLG ANSEN.

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 (sau đây gọi là dự án) được lập bởi Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai - Nhà máy DLG ANSEN (sau đây gọi là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây: 



1. Phạm vi, quy mô của dự án:

1.1 Phạm vi: dự án được triển khai trên khu đất có diện tích 8.506,7 m² tại lô I3-6, đường N2, Khu công nghệ cao, Quận 9.

1.2 Quy mô: đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị điện tử công nghệ cao với công suất 10.000.000 đơn vị sản phẩm/năm; gồm các sản phẩm: thiết bị - linh kiện điện tử công nghệ Led, sản phẩm điện tử dân dụng, thiết bị ứng dụng internet (IoT), thiết bị - bo mạch điện tử.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Thiết bị linh kiện điện tử công nghệ Led: nguyên liệu (linh kiện điện tử, bảng mạch điện, ...) → kiểm tra → dây chuyền nạp linh kiện SMT → in/tráng keo hàn → đặt linh kiện SMD → sấy, kết nối các linh kiện lên bo mạch → làm nguội → vệ sinh → kiểm tra bằng mắt thường/máy quang học điện tử tự động → dây chuyền linh kiện cắm lỗ lên PCB (nếu có) → hàn sóng → rửa, sấy khô, → đánh bóng → kiểm tra → lắp ráp thành phẩm → kiểm thử → đóng gói.

+ Quy trình sản xuất các thiết bị ứng dụng IoT (Internet of Thing): thiết kế và mô phỏng mạch tích hợp và bo mạch điện tử bằng phần mềm mô phỏng CAD/CAM/CAE → nhập khẩu linh kiện điện tử → dán linh kiện điện tử trên bo mạch → lắp ráp, hoàn thiện sản phẩm.

+ Quy trình sản xuất các thiết bị, bo mạch điện tử: nhập khẩu linh kiện → sấy khô, hút ẩm, làm sạch bề mặt PCB → cố định chip bằng keo, nối chip lên bo mạch → kiểm tra → đóng gói.

- Các hạng mục công trình xây dựng: gồm khu vực xưởng, khu vực văn phòng – hành chính, khu vực kho.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1 Thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý ô nhiễm bụi, tiếng ồn, rung, khí thải, nước thải, chất thải rắn trong giai đoạn thi công xây dựng đảm bảo đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường theo QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 05:2013/BTNMT; có biện pháp thoát nước chung, đảm bảo không gây ngập úng khu vực;

2.2 Xây dựng tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải; bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao; Xây dựng hồ ga thoát nước thải sau xử lý thuận tiện cho công tác kiểm tra, giám sát;

2.3 Giảm thiểu và xử lý khí thải, bụi, mùi, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án, đảm bảo đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với khí thải, chất lượng không khí xung quanh, tiếng ồn, rung theo QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 05:2013/BTNMT;

2.4 Bố trí khu vực tập kết chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại riêng biệt. Phân loại, lưu giữ và hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định; 

2.5 Thực hiện các biện pháp an toàn lao động, các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố môi trường;

2.6 Thực hiện chương trình quản lý môi trường trong suốt quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án. Thực hiện chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ cho Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) và các cơ quan chức năng.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường

4. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai Nhà máy DLG ANSEN là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Quyết định gồm 04 trang, có đóng dấu giáp lai./. 20

Nơi nhận:

- CN Cty CP ĐTXD Đức Long Gia Lai- Nhà máy DLG ANSEN;
- Bộ TN và MT;
- UBND TP.HCM;
- UBND /P.TNMT h.Cù Chi;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TĐMT (3b).Trinh.11;



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Thanh Mỹ



BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO

BẢN SẠC

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 07 /KCNC-GPXD

Xây dựng mới	x
Cải tạo, sửa chữa	

1. Cấp cho : Công ty TNHH QSIK Việt Nam.
2. Trụ sở : Lô I3-6 đường N2, Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh,
Địa chỉ liên lạc: 09 đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Đakao – Q.1, Tp Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 8.200.947 ; Fax: 84-8.200.947
3. Được phép xây dựng công trình: **Văn phòng; Nhà xưởng sản xuất.**

Theo thiết kế có ký hiệu:

- + Kiến trúc: - Kiến trúc có dạng nhà xưởng sản xuất công nghiệp.
- Theo thiết kế có ký hiệu như sau: (09 bản vẽ) KT 02/15 đến KT 10/15; (tháng 03/2007);
- + Kết cấu: - Móng, cột, khung, sàn: beton cốt thép; vì kèo: thép; mái lợp tole, tường xây gạch;
- Theo thiết kế có ký hiệu như sau: (02 bản vẽ) KT 11/15 đến KT 12/15 (tháng 03/2007);
- + Cấp điện: (01 bản vẽ) có ký hiệu CPXD 15/15 (tháng 03/2007);
- + Cấp nước: (01 bản vẽ) có ký hiệu CPXD 13/15 (tháng 05/2007);
- + Thoát nước: (01 bản vẽ) có ký hiệu CPXD 14/15 (tháng 05/2007)

Do Công ty TNHH THIẾT KẾ & TƯ VẤN XÂY DỰNG RDTQ thiết lập.

▪ **Gồm các nội dung sau đây:**

- + Diện tích xây dựng tầng 1 = 3.995,20 m².
- + Tổng diện tích sàn xây dựng = 12.088,50 m².
- + Chiều cao công trình: 17,70m (so với cốt nền hoàn thiện); số tầng: 03.
- + Trên lô đất: I3-6. Diện tích: 8.506,70m², Khu công nghệ cao TP.HCM.
- + Cốt nền xây dựng công trình: $\geq 0,45$ m so với cốt nền san lấp của khu đất.
- + Chỉ giới xây dựng (khoảng lùi): Cách ranh đất tiếp giáp đường giao thông nội khu N2 (phía Tây-Nam) 15m; N2 (phía Đông-Nam) đoạn gần ranh giao đất 13,35m; đoạn xa ranh giao đất 24,49m; Cách các ranh khu đất khác tối thiểu 5m.
- + Màu sắc công trình: Màu sáng phù hợp với cảnh quan kiến trúc chung.

4. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTD/KCNC-2007 ngày 10/4/2007.
5. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không.
6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng mà chưa có công trình nào thuộc dự án nêu tại điểm 3 của Giấy phép xây dựng này được khởi công thì Công ty TNHH Qsic Việt Nam phải xin gia hạn giấy phép xây dựng.

TP.HCM, ngày 14 tháng 9 năm 2007

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND phường Tăng Nhơn Phú A; phường Tân Phú - Q.9 (Bản sao để biết);
- Lưu. (6)



1- Những điều cần lưu ý

1.1 Căn cứ quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 được phê duyệt kèm theo Quyết định số 43/QĐ- KCNC ngày 12/4/2007 của Trưởng ban quản lý khu công nghệ cao. Vị trí xây dựng thuộc khu quy hoạch I -6 khu sản xuất công nghệ cao.

1.2 Giấy phép xây dựng này thay thế cho Giấy phép xây dựng số 06/KCNC-GPXD ngày 31/5/2007 đã thất lạc và hủy bỏ tại văn bản số 530/KCNC-VP ngày 07/8/2007.

2- Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

2-1 Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2-2 Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư xây dựng và giấy phép xây dựng này.

2-3 Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải ...).

2-4 Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

2-5 Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG SÀI GÒN

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 000.042.285

Quyển số: 02 Thời gian có hiệu lực: 02/09/2007

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 09 năm 2007



TP.HCM, ngày tháng năm 200...

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
02-11-2018	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, số: 5900650673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2009, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 27/05/2016. Địa chỉ trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, Tp.Pleiku, tỉnh Gia Lai Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với tài sản là công trình như sau: a) Loại công trình: Nhà xưởng-Văn phòng - Lô I3-6 đường N2, KCN cao, phường Tân Phú và phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, TP.HCM; b) Diện tích xây dựng: Văn phòng: 731,2 m²; Xưởng sản xuất: 3333,8m² c) Diện tích sàn: Văn phòng: 1870,9m²; Xưởng sản xuất: 10001,4m² d) Hình thức sở hữu: sở hữu riêng; đ) Cấp (hạng): -/- e) Thời hạn sở hữu: đến ngày 01/02/2055 Căn cứ: Giấy phép xây dựng số 07/GPXD ngày 14/09/2007 do Ban Quản lý KCN cao cấp; Công văn số 659/KCNC-QHXDMT ngày 01/09/2010 của Ban Quản lý KCN cao V/v xác nhận công trình hoàn thành công trình Nhà xưởng-văn phòng tại số Lô I3-6 đường N2, KCN cao, phường Tân Phú và phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, TP.HCM. Ghi chú: Ngoài các phần hạng mục công trình nêu ở điểm trên đây; còn có phần diện tích Công trình phụ trợ (1), Nhà bảo vệ (2), Công trình phụ trợ (trạm điện) (3), Công trình phụ trợ (nhà máy phát điện) (4), thuộc trường hợp không được chứng nhận trên Giấy chứng nhận theo điều 35 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Xem sơ đồ tài sản gắn liền với đất sau khi chỉnh lý được thể hiện tại trang bổ sung số 02 thay thế cho sơ đồ tại mục III trang 3 Giấy chứng nhận này. Nội dung đăng ký được thực hiện theo hồ sơ số 022231. Khi hết hạn thuê đất, việc xử lý về sở hữu công trình xây dựng trên đất có thời hạn được giải quyết theo quy định pháp luật.	GIÁM ĐỐC VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ Đã Huy Quang

Kèm theo GCN này có Trang bổ sung số: 01, 02

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CẦN CHÚ Ý:

- Được hưởng quyền và phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Phải mang Giấy chứng nhận này đến đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền khi: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất; người sử dụng đất được phép đổi tên; có thay đổi về hình dạng, kích thước, diện tích thửa đất; chuyển mục đích sử dụng đất; có thay đổi thời hạn sử dụng đất; chuyển đổi từ hình thức Nhà nước cho thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất; Nhà nước thu hồi đất.
- Không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp giấy.
- Nếu có thắc mắc hoặc cần tìm hiểu về chính sách, pháp luật đất đai, có thể hỏi cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan quản lý đất đai có liên quan. Cán bộ địa chính và cơ quan quản lý đất đai có trách nhiệm giải đáp thắc mắc hoặc cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật đất đai cho người sử dụng đất.



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Số AK 476522

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG NHẬN

I- Tên người sử dụng đất

CÔNG TY TNHH QSIK VIỆT NAM (QSIK VIỆT NAM CO.,LTD)

- Giấy phép đầu tư số 09/GP-KCNC-HCM ngày 11/11/2005 do Ban Quản lý khu công nghệ cao TPHCM cấp.
- Địa chỉ : Lô I3-6 Khu công nghệ cao TPHCM, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

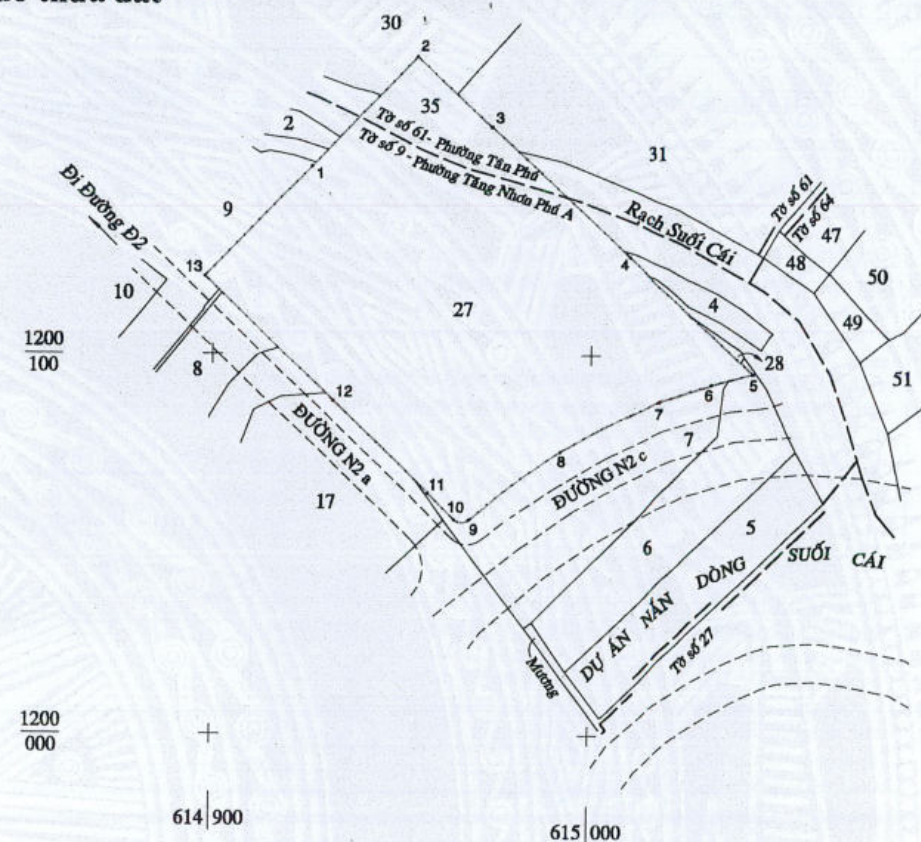
II- Thửa đất được quyền sử dụng

- 1- Thửa đất số : 27, 35 2- Tờ bản đồ số : 9 và 61 phường Tăng Nhơn Phú A và Tân Phú, quận 9 (Theo tài liệu năm 2003)
- 3- Địa chỉ thửa đất : Lô I3-6 Khu công nghệ cao TPHCM, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.
- 4- Diện tích : 8.506,7 m²
(Bằng chữ : Tám ngàn năm trăm lẻ sáu phẩy bảy mét vuông)
Trong đó : - Phường Tăng Nhơn Phú A : 7.822,1 m²
- Phường Tân Phú : 684,6 m²
- 5- Hình thức sử dụng :
 - + Sử dụng riêng : 8.506,7 m²
 - + Sử dụng chung : Không m²
- 6- Mục đích sử dụng : Xây dựng nhà xưởng.
- 7- Thời gian sử dụng : 48 năm, kể từ ngày 01/02/2007.
- 8- Nguồn gốc sử dụng đất : Thuê đất của Ban quản lý khu công nghệ cao TPHCM (Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTD/KCNC-2007 ngày 01/02/2007) và phụ lục hợp đồng thuê đất số PL_18/KCNC-2007 ngày 29/10/2007).

III- Tài sản gắn liền với đất

IV- Ghi chú

V- Sơ đồ thửa đất



Tỷ lệ : 1/2000

Phần chi tiết xem bản đồ hiện trạng vị trí số : 24892 /GD-TNMT
do Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 31 tháng 8 năm 2007.

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

Số hiệu điểm	Tọa độ		Cạnh
	X(m)	Y(m)	
1	1200196.513	615310.390	40.04
2	1200178.144	614953.074	27.45
3	1200159.600	614973.315	50.00
4	1200125.830	615010.184	45.54
5	1200095.071	615043.766	Cung
6	1200092.332	615032.673	Cung
7	1200087.696	615018.844	Cung
8	1200074.410	614992.179	Cung
9	1200056.411	614968.439	Cung
10	1200056.453	614964.334	Cung
11	1200063.371	614957.113	10.00
12	1199969.151	615558.595	35.26
13	1200063.371	614957.113	47.05
1	1200196.513	615310.390	40.04

Hệ tọa độ VN-2000

Ngày 20 tháng 11 năm 2007

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TUQ.CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 10-08-2022

Số CT 00714/K-08-SCT/BS
CÔNG CHỨNG VIÊN

- Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : T.



Nguyễn Thị Quý

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

9 và 61 phường Tăng Nhơn Phú A và
Tân Phú, Q. 9 (Theo tài liệu năm
2003).

Thửa đất số: 27, 35

Tờ bản đồ số:

Số phát hành GCNQSDĐ: AK 476522

Số vào sổ cấp giấy: T00001/1a

ngày cấp 20/11/2007.

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
14-10-2009	Thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai với NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG SỐ GIAO DỊCH theo Hợp đồng số 01 ngày 08/10/2009. SĐK: 41-2009-002436, lúc 9:45 phút ngày 14/10/2009. <u>Ghi chú:</u> - Khi tài sản gắn liền với đất là tài sản hình thành trong tương lai đã được hình thành, các bên phải đăng ký thay đổi nội dung thế chấp đã đăng ký theo quy định. - Giá trị tài sản thế chấp do các bên tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm trước pháp luật.	KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ PHÓ TRƯỞNG PHÒNG <i>Callu</i> <i>Phạm Anh Thư</i> TL.GIÁM ĐỐC TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ <i>Nguyễn Thị Thanh Thúy</i>
30-06-2016	Xóa nội dung đăng ký thế chấp ngày 14/10/2009, theo hồ sơ số 007996.XC.	

Trang bổ sung số: 01

VI- Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 27,35

Tờ bản đồ số: 9 và 61

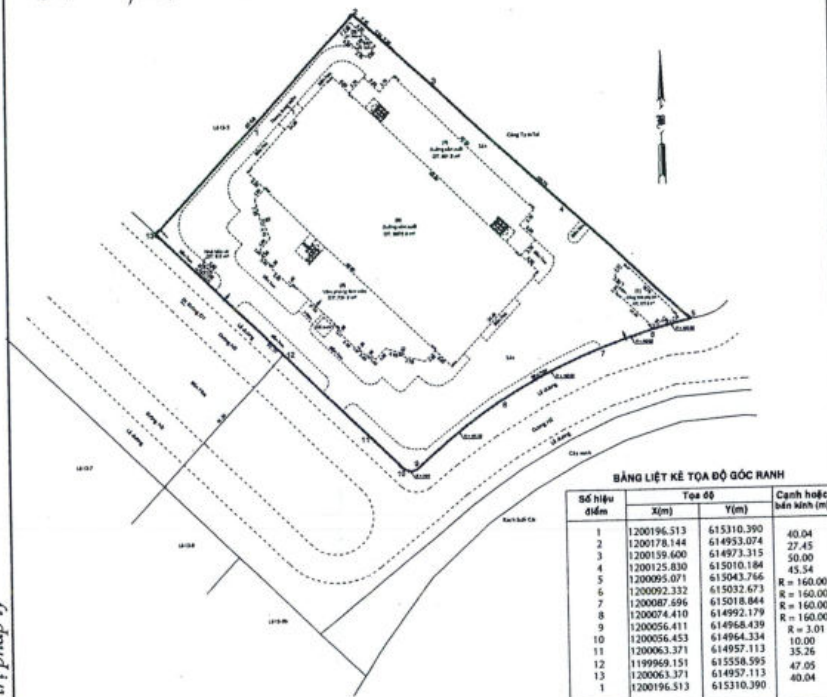
Số phát hành GCN: AK 476522

Số vào sổ cấp GCN: T 00001/19

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Sơ đồ tài sản gắn liền với đất được chỉnh lý cập nhật theo nội dung chứng nhận thay đổi trên Giấy chứng nhận này; ngày 02/11/2018 theo hồ sơ số 022231.



Phần chi tiết xem Bản vẽ sơ đồ hiện trạng công trình xây dựng được Ban Quản lý KCN Cao duyệt ngày 01/12/2017.

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: .D2



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(Chuyển tiếp Trang bổ sung số: ...)	

Số: 132/HĐTĐ/KCNC-2018

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu Kinh tế, Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 99/2003/NĐ-CP ngày 28/8/2003 của Chính phủ về ban hành Quy chế Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 89/2017/TT-BTC ngày 23/8/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu Kinh tế, Khu Công nghệ cao;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 145/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 146/2002/QĐ-TTg ngày 24/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;



Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-KCNC ngày 23/12/2014 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế thu và sử dụng phí bảo trì công trình hạ tầng và tiện ích công cộng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK476522, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00001/1a cấp ngày 20/11/2007 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH QSIC Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV QSIC Việt Nam – sau đây viết tắt là QSIC) tại Lô I3-6, Đường N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt Lô I3-6);

Căn cứ Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 41/HĐ-MB ngày 21/4/2016 giữa Công ty Cổ phần Đấu giá Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô I3-6;

Căn cứ nội dung hồ sơ thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư của QSIC gửi đến Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/9/2018 (số đến 3169), gồm: (i) Thông báo chấm dứt hoạt động dự án đầu tư ngày 21/8/2018; (ii) Biên bản họp Hội đồng quản trị số 18-03/HĐQT ngày 21/8/2018 của Công ty Quality Systems Integrated Corporation về việc giao cho QSIC và Ông Kiem Le Tinh toàn quyền quyết định thanh lý tài sản, mua, bán tài sản, làm việc với các cơ quan có liên quan để chấm dứt dự án tại Lô I3-6; (iii) Quyết định số 18-04/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2018 của Công ty Quality Systems Integrated Corporation về việc giao cho QSIC và Ông Kiem Le Tinh toàn quyền quyết định thanh lý tài sản, mua, bán tài sản, làm việc với các cơ quan có liên quan để chấm dứt dự án tại Lô I3-6; và (iv) Giấy chứng nhận đầu tư số 413 043 000074 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho QSIC (Chứng nhận lần đầu ngày 11/11/2005, đăng ký lại ngày 14/02/2014);

Căn cứ Mục (b) Khoản 5.4 Điều 5 tại Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTD/KCNC-2007 ngày 01/02/2007 ký kết giữa QSIC và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, quy định về trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê lại đất theo thỏa thuận của các bên;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số dự án 7534124041) ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai,

Hôm nay, ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Văn phòng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất (Bên A):

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đại diện : Ông **LÊ HOÀI QUỐC** - Trưởng ban
Trụ sở : Lô T2-3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84.28) 3736 0291 Fax : (84.28) 3736 0292
Tên tài khoản : BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số tài khoản : 3713.0.9077565
Tại : Kho bạc Nhà nước Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Bên thuê đất (Bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI

Đại diện : Ông **ĐỖ THÀNH NHÂN** - Giám đốc
Trụ sở : 43 Lý Nam Đế, Phường Trà Bá, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Điện thoại : (84.28) 54316667 Fax : (84.28) 54316676
Tên tài khoản : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI
Số tài khoản : 62010000871816
Tại : Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Gia Lai

III. Hai Bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê đất (Hợp đồng) với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất là 8.506,7 m² (Tám nghìn năm trăm lẻ sáu phẩy bảy mét vuông)
Tại Lô I3-6, Đường N3, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK476522, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00001/1a cấp ngày 20/11/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Thời hạn thuê đất: 48 năm, kể từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK476522, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00001/1a cấp ngày 20/11/2007 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Mục đích sử dụng đất thuê: Để triển khai dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (mã số dự án 7534124041) ngày 31/5/2017 do **Bên A** cấp.
5. Tình trạng lô đất: Đất có kèm hạ tầng kỹ thuật và đã có san lấp.

ĐIỀU 2.

1. Hết thời hạn thuê đất tại Khoản 3 Điều 1, **Bên B** có quyền thực hiện thủ tục gia hạn thời gian thuê đất theo quy định đề phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được **Bên A** cấp. Giá cho thuê đất được xác định tại thời điểm gia hạn theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Việc cho thuê đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

ĐIỀU 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này, phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư do **Bên A** cấp, và phù hợp với quy định trong Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh.

ĐIỀU 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. **Bên A** bảo đảm việc sử dụng đất của **Bên B** trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, **Bên B** có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp **Bên B** bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi **Bên B** bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của **Bên B** trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

Trường hợp **Bên B** muốn chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất cho tổ chức, cá nhân khác, thì tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện đầu tư vào Khu Công nghệ cao, phải thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định và ký Hợp đồng thuê đất với **Bên A**.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu **Bên B** trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho **Bên A** biết trước ít nhất là 06 (sáu) tháng. **Bên A** trả lời cho **Bên B** trong thời gian 03 (ba) tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của **Bên B**. Thời điểm kết thúc Hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Ngoài tiền thuê đất, **Bên B** còn phải trả cho **Bên A** hoặc bên được **Bên A** chỉ định phí sử dụng các tiện ích công cộng và phí duy tu hạ tầng cơ sở, phí bảo vệ theo quy định của **Bên A**. Ngoài ra, **Bên B** còn phải thanh toán tiền điện, nước, viễn thông, xử lý nước thải, xử lý rác và các dịch vụ khác mà **Bên B** sử dụng hoặc được cung cấp cùng các loại phí theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. **Bên A** sẽ là đầu mối hướng dẫn **Bên B** tiến hành các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật đất đai hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Để được hỗ trợ, **Bên B** phải triển khai dự án theo đúng tiến độ đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

ĐIỀU 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
3. **Bên B** bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
4. **Bên B** bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

ĐIỀU 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 8.

1. Hợp đồng này được lập thành 09 (Chín) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 03 (Ba) bản, 01 (Một) bản gửi Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, 01 (Một) bản gửi Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, và 01 (Một) bản gửi Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hợp đồng này thay thế Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTĐ/KCNC-2007 ngày 01/02/2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê đất số PL_18/KCNC-2007 ngày 29/10/2007 giữa Bên A và QSIC.
3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. / 

BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI

BÊN A
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 10-08-2022

Số CT: 007144-08 S-CT/BS
CÔNG CHỨNG VIỆN

Ông ĐỖ THANH NHÀN
GIÁM ĐỐC

Ông LÊ HOÀI QUỐC
TRƯỞNG BAN



Namien Thi Quy



PHỤ LỤC 3

(Kèm theo Hợp đồng số: 121/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 03/9/2020)

Căn cứ Hợp đồng số: 121/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 03/9/2020 giữa Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN về việc cung cấp dịch vụ xử lý nước thải.

Hôm nay, ngày .../2... tháng .../2... năm 2022, hai bên gồm:

Bên A: BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đại diện : **Ông PHẠM HỮU MINH** Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách
Theo quyết định số 309/QĐ-KCNC ngày 29/10/2019.

Địa chỉ : Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh.

Tài khoản : 31410002531451 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điện thoại : (028) 3736 0462, 3730 7390. Fax: (028) 3736 0470.

Mã số thuế: 0306678152.

Bên B: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Đại diện : Ông ĐANG CÔNG BÌNH..... Chức vụ: Giám đốc.....

Địa chỉ : Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP HCM, VN

Điện thoại: 0283.736.186.....

Mã số thuế: 0315016980

Hai bên thỏa thuận và thống nhất điều chỉnh Hợp đồng số: 121/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 03/9/2020 bằng Phụ lục này, cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. ĐIỀU CHỈNH KHOẢN 1 ĐIỀU 7 “GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN” CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 121/HĐ-BQLCDA-XLNT NGÀY 03/9/2020

Nội dung cũ:

1. Mức phí:

a) Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: 0,24 USD/m³ (căn cứ theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND thành phố Hồ Chí Minh Quyết định về một số cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố).

- Thời điểm tính phí xử lý nước thải: Bắt đầu từ kỳ 9(từ ngày 21 tháng 8 năm 2020).

- Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

- Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

- Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều chỉnh mới:

1. Giá dịch vụ thoát nước thải và xử lý nước thải:

- Là giá được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Quyết định ban hành.
- Bên A ghi nhận khối lượng nước thải xả thải của Bên B hàng tháng để làm cơ sở tính toán tiền dịch vụ thoát nước thải và xử lý nước thải.
- Bên A sẽ thông báo và phát hành hóa đơn tài chính để thu tiền sử dụng dịch vụ thoát nước thải và xử lý nước thải gửi Bên B.
- Lượng nước thải xử lý được xác định: lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.
- Khi có sự thay đổi mức giá thì Bên A sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản và đương nhiên mức giá mới được áp dụng mà không cần bổ sung vào Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng này.

ĐIỀU 2. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT ký ngày 03/9/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.

Các điều khoản, nội dung còn lại của Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 121/HĐ-BQLCDA-XLNT không đề cập tới, vẫn được giữ nguyên không thay đổi.

Phụ lục này được thành lập 06 (sáu) bản, mỗi bên giữ 03 (ba) bản để làm cơ sở thực hiện và có giá trị pháp lý như nhau./.

Đại diện Bên A *nhc*
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Hữu Minh

Đại diện Bên B *ĐHB*
GIÁM ĐỐC



Đặng Công Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN BÁN ĐẤU GIÁ

Số: 41/HĐ-MB

- Căn cứ Bộ luật dân sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam 2005
- Căn cứ Nghị định 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản.
- Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.
- Căn cứ Thông tư 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư Pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản
- Căn cứ Hợp đồng bán đấu giá tài sản số: 76/2016/HĐ-BĐGTS ngày 14/03/2016 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông - OCB và Công ty Cổ phần Đấu giá Sài Gòn .
- Căn cứ biên bản bán đấu giá ngày 21 tháng 04 năm 2016 của Công ty cổ phần Đấu giá Sài Gòn.

Hôm nay, ngày 21/04/2016, chúng tôi ký tên dưới đây gồm:

I- Đơn vị tổ chức bán đấu giá:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẤU GIÁ SÀI GÒN

- Địa chỉ: 86 cư xá Nguyễn Văn Trỗi – P17 - Quận Phú Nhuận – TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (08) 73007679 Fax: (08) 73007679
- Tài khoản số : 0111.10.0009047.003 Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Trung Tâm Kinh Doanh.
- Đại diện : Ông **Hoàng Huy Công** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá: Ông Hoàng Huy Công - Chứng chỉ hành nghề số: 766/TP/ĐG-CCHN do Bộ Tư Pháp cấp ngày 12/6/2013.

II- Người trúng đấu giá tài sản:

Đơn vị: CTY CP ĐT-XD ĐỨC LONG GIA LAI

MSKH: 02

- ĐKKD số: **590 065 0673** cấp ngày 28/10/2009 tại Sở KHĐT Gia Lai
 - Địa chỉ: 43 Lý Nam Đế, P.Trà Bá, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Đại diện: Ông NGUYỄN ĐÌNH THIÊN (Theo Giấy ủy quyền số ..18/GUQ...*ALGL*..... và Biên bản họp Hội đồng quản trị đính kèm)
- CMND số: **025 330 621** Cấp ngày 14/06/2010 tại CA TP.HCM
 - Thường trú: 112/18 KP5, P.Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM

Hai bên thống nhất ký Hợp đồng với các nội dung như sau:

Điều 1: THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN.

- Thời gian bán đấu giá: 09 giờ 00 phút ngày 21/04/2016.
- Địa điểm bán đấu giá: Công ty Cổ phần Đấu giá Sài Gòn - số 86 cư xá Nguyễn Văn Trỗi, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh (nơi tổ chức phiên đấu giá tài sản).

Điều 2: THÔNG TIN TÀI SẢN MUA BÁN.

2 Tài sản bán đấu giá, nguồn gốc và tình trạng pháp lý, giá khởi điểm

2.1 Tài sản bán đấu giá: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô I3-6 Khu công nghệ cao TP.HCM, Phường Tăng Nhơn Phú A và Tân Phú, Quận 9, TP.HCM, cụ thể:

a) Quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số: 27,35;
 - Tờ bản đồ số: 9 và 61. Phường Tăng Nhơn Phú A và Tân Phú, Quận 9, Tp.HCM (Theo tài liệu năm 2003).
 - Địa chỉ thửa đất: Lô I3-6 Khu công nghệ cao TpHCM, Quận 9, Tp.HCM.
 - Diện tích: 8506,7m² (Bằng chữ: Tám ngàn năm trăm lẻ sáu phẩy bảy mét vuông).
Trong đó: - Phường Tăng Nhơn Phú A: 7.822,1 m²
- Phường Tân Phú: 684,6 m²
 - Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng: 8506,7 m²
Sử dụng chung: Không m²
 - Mục đích sử dụng đất: Xây dựng nhà xưởng
 - Thời hạn sử dụng: 48 năm, kể từ ngày 01/02/2007
 - Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất của Ban quản lý khu công nghệ cao Tp. HCM.
- b) Tài sản gắn liền với đất: Văn phòng, nhà xưởng
- Địa chỉ tài sản: Lô I3-6 Khu công nghệ cao TP.HCM, Quận 9, TP.HCM.
 - Tổng diện tích sàn xây dựng: 12.088,5 m²

2.2.- Nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản bán đấu giá:

(*) Công ty TNHH MTU quản lý tài sản: Đây là tài sản của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) theo hợp đồng bán đấu giá tài sản số 76/2016/HĐ-BĐGT ngày 14/03/2016 giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) và Công ty Cổ phần Đấu giá Sài Gòn bán để thu hồi nợ.

Sách của các tài sản: Văn bản pháp lý và các giấy tờ liên quan đến tài sản

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN QSD Đất: T00001/1a do Sở Tài Nguyên và Môi Trường - Tp. HCM cấp ngày 02/11/2007.

Giấy phép xây dựng số: 07/KCNC-GPXD ngày 14/09/2007 của Ban quản lý khu công nghệ cao.

Công văn "V/v Xác nhận công trình hoàn thành của Công ty TNHH Qsic Việt Nam" số 659/KCNC-QHXDMT ngày 01/09/2010 của Ban quản lý khu Công nghệ cao.

Hợp đồng thuê đất số 18/HĐTĐ/KCNC-2007 ngày 01/02/2007 giữa BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TPHCM và CÔNG TY TNHH QSIC VIỆT NAM; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số: PL_18/KCNC-2007 ngày 29/10/2007.

Giấy xác nhận ngày 26/03/2009 của Phòng Tài chính - Kế toán Ban quản lý Khu công nghệ cao.

Giấy kiểm định tài sản số: 2556/2010/SGD-TD ngày 09/10/2010 giữa Công ty TNHH QSIC Việt Nam và Ngân hàng TMCP Phương Đông - Sở Giao dịch.

Hợp đồng tín dụng số 000.09.00947 ngày 02/10/2009.



- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và Tài sản hình thành trong tương lai để vay vốn số: 000.09.00947/HĐTC/2009 ngày 02/10/2009 giữa NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG - SỞ GIAO DỊCH và CÔNG TY TNHH QSIC VIỆT NAM; Chứng thực của Trưởng ban quản lý Khu công nghệ cao TPHCM ngày 08/10/2009 số: 01/CCCT-DN, quyền số 01.
- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp QSD Đất, tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2009.
- Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và Tài sản hình thành trong tương lai số: 000.09.00947/HĐSĐBS/2010 ngày 22/11/2010 giữa NGÂN HÀNG TMCP PHƯƠNG ĐÔNG - SỞ GIAO DỊCH và CÔNG TY TNHH QSIC VIỆT NAM; Chứng thực của Trưởng ban quản lý Khu công nghệ cao TPHCM ngày 22/11/2010 số: 07/CCCT-DN, quyền số 01.
- Biên bản bàn giao tài sản ngày 22/06/2015.
- Đơn yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp ngày 18/09/2015.
- Biên bản thu giữ tài sản ngày 06/10/2015.
- Chứng thư thẩm định giá số: 68/TĐG-CT-AMAX ngày 29/02/2016 của Công ty Tư vấn Đầu tư & Thẩm định giá AMAX.

2.3 Giá khởi điểm: **53.832.000.000** đồng. (Bằng chữ: Năm mươi ba tỷ, tám trăm ba mươi hai triệu đồng).
 Giá khởi điểm không bao gồm các loại thuế, lệ phí khác liên quan đến việc nhận, chuyển giao tài sản bán đấu giá (nếu có); Người mua được tài sản bán đấu giá có nghĩa vụ nộp thuế và các khoản phí và lệ phí theo qui định của Pháp luật hiện hành. Mọi chi phí liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu, sử dụng cũng như lệ phí Công chứng Hợp đồng mua bán do khách hàng trúng đấu giá chịu.

2.4. Giá tài sản đã bán được thành công qua cuộc đấu giá:
 Bằng số: **54.800.000.000** đồng
 Bằng chữ: Năm mươi bốn tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn.

Điều 3: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

3.1. Thời hạn thanh toán:

Trong vòng 45 ngày (nếu ngày thanh toán cuối cùng rơi vào ngày thứ 7, chủ nhật thì ngày thanh toán cuối cùng sẽ được xác định là ngày làm việc tiếp theo kể từ khi phiên bán đấu giá kết thúc, người trúng đấu giá phải thanh toán một lần đủ số tiền mua tài sản nói trên (sau khi đã trừ tiền đặt trước). Nếu người trúng đấu giá không thanh toán đủ tiền đúng thời hạn thì sẽ bị coi là vi phạm thời hạn thanh toán tiền mua tài sản trúng đấu giá và bị mất tiền đặt trước đảm bảo thực hiện giao dịch hay số tiền đã thanh toán cho tài sản trước đó, khoản tiền này sẽ thuộc về bên có tài sản bán đấu giá là giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)

3.2. Phương thức thanh toán tiền mua tài sản:

- Người mua được tài sản bán đấu giá phải thanh toán đủ toàn bộ số tiền mua tài sản bán đấu giá (đã trừ đi 10% tiền đặt trước) ngay sau khi cuộc bán đấu giá thành công hoặc chậm nhất không quá 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày lập biên bản bán đấu giá tài sản. Người mua được tài sản bán đấu giá nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Cổ Phần Đấu giá Sài Gòn, 0111.10.0009047.003 tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Trung Tâm Kinh Doanh.

PH
CH
IG X
P. HỒ



Điều 4: THỜI HẠN, ĐỊA ĐIỂM GIAO TÀI SẢN

4.1 Thời hạn giao tài sản: Khách hàng trúng đấu giá phải thanh toán đầy đủ số tiền trúng đấu giá mới được nhận tài sản. Việc bàn giao tài sản và hồ sơ liên quan tới tài sản cho khách hàng trúng đấu giá sẽ được thực hiện trong vòng bốn mươi lăm (45) ngày và có thể gia hạn thêm kể từ ngày đơn vị có tài sản bán đấu giá nhận được đầy đủ số tiền của người trúng đấu giá. Việc bàn giao tài sản phải được lập thành văn bản. Kể từ thời điểm ký biên bản bàn giao tài sản, khách hàng trúng đấu giá bảo quản tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tài sản đã bàn giao.

4.2 Địa điểm giao tài sản: Tại nơi tài sản tọa lạc

Điều 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Bên có tài sản bán đấu giá có trách nhiệm bàn giao đúng, đầy đủ tài sản đã bán đấu giá theo Hợp đồng bán đấu giá số: 76/2016/HĐ-BĐGTS ngày 14/03/2016. Việc không thực hiện đúng cam kết nếu do lỗi của bên có tài sản thì bên có tài sản bán đấu giá có nghĩa vụ bồi thường.

Người trúng đấu giá có trách nhiệm thanh toán tiền theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng mua bán này. Việc không thực hiện đúng cam kết, thì bên có tài sản bán đấu giá và tổ chức bán đấu giá tài sản đơn phương hủy bỏ Hợp đồng. Số tiền người mua đã đặt trước không được hoàn lại và được xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp vi phạm do lỗi khách quan thì hai bên thương lượng cùng giải quyết. Lỗi chủ quan do bên nào gây ra thì bên đó phải bồi thường thiệt hại.

Hợp đồng này được lập thành 05 bản có giá trị như nhau. Tổ chức bán đấu giá, người trúng đấu giá, bên có tài sản bán đấu giá và cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và Công chứng mỗi người giữ một bản./.



HOÀNG HUY CÔNG



Nguyễn Đình Thiện

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 21/06/2016 và ngày 23/06/2016 (ngày hai mươi mốt và ngày hai mươi ba tháng sáu năm hai ngàn không trăm mười sáu).

Tại Công ty cổ phần đầu giá Sài Gòn 86 cư xá Nguyễn Văn Trỗi, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường 17, quận Phú Nhuận và tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, số 215 Trần Bình Trọng, phường 3, quận 5, TP Hồ Chí Minh.

Tôi, **Cao Hoàng Lan**, công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, TP Hồ Chí Minh.

CHỨNG NHẬN

Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 27 và 35, tờ bản đồ số 9 và 61 phường Tăng Nhơn Phú A và Tân Phú, quận 9, TP.HCM (theo tài liệu năm 2003), địa chỉ thửa đất: Lô I3-6 khu công nghệ cao TP.HCM, quận 9, TP.HCM có các bên tham gia:

TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ (Gọi tắt là bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU GIÁ SÀI GÒN

Do ông/bà : **HOÀNG HUY CÔNG**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Làm đại diện.

BÊN MUA ĐƯỢC TÀI SẢN (Gọi tắt là bên B)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI

Địa chỉ trụ sở : 43 Lý Nam Đế, phường Trà Bá, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai

Mã số doanh nghiệp : 5900650673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/11/2015.

Do ông/bà : **NGUYỄN ĐÌNH THIÊN**

Chứng minh nhân dân số : 025 330 621

Làm đại diện theo ủy quyền.

- Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng này, cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ liên quan đến việc công chứng hợp đồng, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng;
- Tại thời điểm công chứng, các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã đọc lại toàn bộ dự thảo hợp đồng này, đồng ý toàn bộ nội dung dự thảo hợp đồng, ký (điểm chỉ) vào hợp đồng này trước mặt tôi;
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản chính (mỗi bản chính gồm 03 (ba) tờ, 05 (năm) trang), có giá trị pháp lý như nhau, 01 (một) bản chính lưu tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, TP Hồ Chí Minh.

Số công chứng : **018706**, quyền số **06** TP/CC-SCC/HĐGD.

(Nho)

CÔNG CHỨNG VIÊN



Cao Hoàng Lan

Tuoz

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC & CC TP.HCM
Số: 1201/TĐ-PCCC (HĐPC.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - In 2007

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số..... ngày 26/9/2008
của: Công ty TNHH QSIK Việt Nam.

Người đại diện là ông/ bà: Bùi Thủy Hằng Chức danh Kế toán trưởng
(1) SỞ CẢNH SÁT PC&CC TP.HCM

**CHỨNG NHẬN:
Nhà máy QSIK Việt Nam.**

(2) Địa điểm: Lô I3-6 đường N2, khu công nghệ cao, quận 9, TP.Hồ Chí Minh.
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH QSIK Việt Nam.
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Cty. TNHH TK&TVXD R.D.T.Q và Cty. TNHH TVTK Cơ Điện Không Gian.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bậc chịu lửa công trình, lối thoát nạn, khoảng cách an toàn PCCC.
- Giao thông phục vụ xe chữa cháy.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn lối thoát nạn.
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) 1/. Lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn lối thoát nạn dọc theo lối đi trong nhà xưởng. 2/. Mỗi máy bơm chữa cháy phải có một ống hút riêng biệt. 3/. Trung tâm báo cháy phải được tiếp đất bảo vệ. 4/. Chủ đầu tư phải thông báo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa công trình vào sử dụng.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2008.

Nơi nhận:

- .. Như trên;
- .. C23-BCA;
- .. Phòng CS PC & CC Quận 9;
- .. Lưu CS PC & CC TP(HCM).

(4) GIÁM ĐỐC



THIẾU TƯỚNG Trần Triều Dương

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

[illegible]

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2019

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH 79. **006136**.T

(Cấp lần 1)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI-NHÀ MÁY DLG ANSEN**

Địa chỉ văn phòng/trụ sở chính: Lô I3-6, đường N2, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 37367286

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900650673-001

Ngày cấp: 05/10/2018

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
3. Có trách nhiệm áp dụng các biện pháp cần thiết, thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi xảy ra sự cố và thực hiện nghiêm chỉnh các hướng dẫn của cơ quan này.

IV. Điều khoản thi hành:

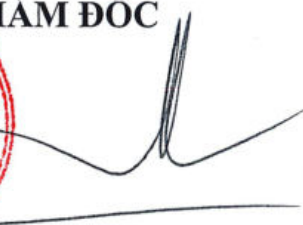
Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận: 

- Chi nhánh Công ty CPĐT XD Đức Long Gia Lai- Nhà máy DLG Ansen;
- Lưu VT; P.QLCTR (2b).
- Dự thảo: Minh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Nguyễn Thị Thanh Mỹ

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH: 79.006136.T do Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, cấp lần 1, ngày 04 tháng 01 năm 2019)

1. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại

Tên: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG ĐỨC LONG GIA LAI-NHÀ MÁY DLG ANSEN

Địa chỉ: Lô I3-6, đường N2, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên (ước tính)

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	20	16 01 06
2	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Rắn	20	08 02 04
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	360	18 02 01
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	50	18 01 02
5	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	600	19 06 01
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	50	18 01 03
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	1.500	17 02 04
8	Các thiết bị, bộ phận linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng CTNH)	Rắn	3.500	19 02 06
	Tổng số lượng		7.100	

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: (không có)

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hồi 14 giờ 30 ngày 26 tháng 01 năm 2010 tại công trình Nhà máy Q SIC.

Địa chỉ: Lô I3-6, Khu công nghệ cao, Quận 9, TP.HCM.

Chúng tôi gồm:

I/. Đại diện Sở Cảnh sát PC&CC TP.HCM:

1/ Đ/c Phan Minh Quyền - Cấp bậc: Thượng tá - Chức vụ: Trưởng Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 9.

2/ Đ/c Ngô Trí Đạt - Cấp bậc: Trung tá - Chức vụ: Đội trưởng đội kiểm tra PCCC, Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 9.

3/ Đ/c Nguyễn Hữu Nghị - Cấp bậc: Trung tá - Chức vụ: Cán bộ đội kiểm tra PCCC, Phòng Cảnh sát PC&CC Quận 9.

4/Đ/c Phạm Mạnh Tường - Cấp bậc: Trung tá - Chức vụ: Cán bộ thẩm duyệt PCCC - Phòng hướng dẫn chỉ đạo về phòng cháy

II/. Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Q SIC Việt Nam.

1/ Bà: Bùi Thúy Hằng : Kế toán trưởng.

III/. Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần xây dựng và kinh doanh địa ốc Tân Kỳ.

1/ Ông: Trương Phi Vũ : Chỉ huy phó thi công.

IV/. Đại diện đơn vị Tư vấn giám sát: Công ty TNHH TV&TXD Tín Thuận Phát.

1/ Ông: Bùi Thanh Hùng : Giám đốc dự án.

V/ Đại diện đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty TNHH TMKT Đức Dương.

1/ Ông: Hoàng Đức Thoại : Giám đốc.

VI/ Đại diện Ban quản lý Khu công nghệ cao.

1/ Ông: Nguyễn Thanh Hùng : Phụ trách PCCC.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu công trình trình Nhà máy Q SIC tại địa chỉ trên.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

Hồ sơ nghiệm thu gồm:

1-Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật công trình:

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1201/TD-PCCC(HDPC) ngày 24/10/2008 của Sở Cảnh sát PC&CC TP. HCM và bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt.

1/3

- Biên bản kiểm tra thi công về PCCC ngày 14/07/2009 của đại diện Sở Cảnh sát PC&CC TP.Hồ Chí Minh.

- Báo cáo của chủ đầu tư về tình hình tiến độ thi công xây dựng công trình.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công.

- Biên bản nghiệm thu hệ thống PCCC giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công..

- Biên bản đo điện trở tiếp đất hệ thống chống sét.

- Xuất xứ các thiết bị, phương tiện PCCC lắp đặt trong công trình.

- Tài liệu hướng dẫn, vận hành các hệ thống PCCC.

- Bản vẽ hoàn công các hạng mục liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

2- Hiện trạng thi công công trình:

- Quy mô công trình gồm: 01 tầng trệt và 02 tầng lầu.

- Đã thi công xây dựng hoàn thành phần kiến trúc công trình.

- Đã thi công lắp đặt hoàn thành hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường, hệ thống báo cháy tự động và hệ thống chống sét.

3- Nội dung kiểm tra, thử nghiệm:

- Kiểm tra phần kiến trúc liên quan về PCCC: Kiểm tra các kết cấu chịu lực của công trình như: tường, cột, sàn, mái; kiểm tra khoảng cách an toàn PCCC, lối thoát nạn, số lượng cầu thang bộ.

- Kiểm tra hệ thống chống sét: kiểm tra vị trí hồ tiếp địa, dây dẫn sét, vị trí đặt kim thu sét và biên bản đo điện trở nối đất của hệ thống chống sét.

- Kiểm tra vị trí, số lượng đèn chiếu sáng sự cố.

- Kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy: Kiểm tra bể chứa nước chữa cháy, máy bơm chữa cháy, các họng nước chữa cháy, lăng vòi chữa cháy.

- Thử nghiệm tính năng hoạt động của hệ thống cấp nước chữa cháy: Tại họng nước chữa cháy ở vị trí xa nhất tại lầu 2 (tầng 3), mở van của họng nước, cho máy bơm hoạt động, phun nước vào vị trí đã chọn trước nhận thấy chiều cao của tia nước đặc đầu lăng lớn hơn 6m.

- Thử xác suất 05 đầu báo cháy khói và 01 đầu báo Beam tại các khu vực sản xuất tầng 1, 2, 3 cho thấy các đầu báo cháy hoạt động tốt đảm bảo phát hiện nhanh, chính xác.

- Kích hoạt tại mỗi tầng 01 công tắc khẩn nhận thấy các công tắc khẩn đều hoạt động tốt.

4- Kết luận và kiến nghị:

* Kết luận:

- Công trình thi công đúng theo bản vẽ thiết kế và thực hiện đầy đủ các kiến nghị theo nội dung giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 1201/TD-PCCC(HDPC) ngày 24/10/2008 của Sở Cảnh sát PC&CC TP. HCM.

Tham
2/1

- Các hệ thống PCCC tại thời điểm kiểm tra hoạt động tốt, đảm bảo cho công tác phòng cháy và chữa cháy tại công trình.

- Đoàn kiểm tra đồng ý nghiệm thu đưa công trình vào hoạt động.

* Kiến nghị:

- Tổ chức huấn luyện cho nhân viên các kiến thức cơ bản về PCCC, thao tác sử dụng các thiết bị, phương tiện và hệ thống PCCC.

- Đơn vị thi công có trách nhiệm hướng dẫn chủ đầu tư về các thao tác, sử dụng các hệ thống PCCC.

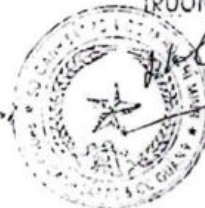
- Chủ đầu tư có trách nhiệm duy trì liên tục khả năng hoạt động của các hệ thống PCCC như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 05 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận theo nội dung biên bản và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN
CƠ SỞ



ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG PHÒNG



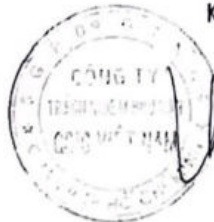
Trưởng phòng Phan Minh Quyền



TRẦN VĂN TUẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC



KS. Bùi Thanh Hùng



Bùi Thùy Hằng

Cham
n/a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: **121** /HĐ-BQLCDA-XLNT

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 21/6/2012;

Căn cứ Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia môi trường;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh- giai đoạn 1”;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-KCNC ngày 31/5/2017 của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao nhiệm vụ tiếp nhận, quản lý các công trình, cơ sở hạ tầng ngân sách đầu tư trong Khu Công nghệ cao và tổ chức vận hành, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thực hiện bảo trì công trình; thực hiện các hoạt động dịch vụ công cộng, các hoạt động dịch vụ có thu phí trong Khu Công nghệ cao và hoạt động dịch vụ khác theo yêu cầu của nhà đầu tư;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại Văn phòng Ban quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, hai bên gồm có:

BÊN A: BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Đại diện (Ông): **PHẠM HỮU MINH** Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách.

(Theo Quyết định số 309/QĐ-KCNC ngày 29 tháng 10 năm 2019)

Địa chỉ: Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, P.Tân Phú, Quận 9, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 37 360462, 37 307390.

- Fax: (08) 3736 0470.

Tài khoản: 31410002531451 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Mã số thuế: 0306678152.

BÊN B: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Đại diện (Ông): **ĐẶNG CÔNG BÌNH** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mã số thuế: 0315016980.

Điện thoại: (028) 3736 7186.

Tài khoản: 8895858 tại Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Trung Sơn.

Bên A và Bên B cùng thống nhất ký kết Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các điều khoản như sau:

Điều 1. Điểm đầu nối.

Vị trí đầu nối: Hồ ga BS2/N2 đường N2.

Quy cách điểm đầu nối: Theo văn bản đề nghị đầu nối nước thải của công ty.

Điều 2. Khối lượng nước thải.

Khối lượng nước thải đăng ký: m³/ ngày.đêm

Điều 3. Chất lượng nước thải.

1. Quy định nước thải tiếp nhận đưa vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh: Bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất (nước thải công nghiệp).

2. Chất lượng nước thải của Bên B trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải của Bên A phải đảm bảo trong tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao theo tiêu chuẩn “Chất lượng nước thải đầu vào nhà máy xử lý tập trung – Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh - giai đoạn 1” ban hành kèm theo Quyết định số 214/QĐ-KCNC ngày 30/12/2009 (Phụ lục 2);

3. Cơ sở xác định chất lượng nước thải của Bên B được căn cứ vào kết quả quan trắc chất lượng nước thải hàng quý của bên B hoặc kết quả kiểm tra giám sát môi trường của các cơ quan chức năng, kết quả lấy mẫu nước thải đột xuất của Bên A.

4. Tiêu chuẩn chất lượng nước thải sau xử lý của Bên A trước khi xả ra môi trường đạt: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.

Điều 4. Chất lượng dịch vụ.

Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định dịch vụ xử lý nước thải trong suốt thời gian hiệu lực của Hợp đồng.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải (trong tiêu chuẩn quy định của Khu Công nghệ cao) theo đăng ký của Bên B.

2. Thông báo đến Bên B các thay đổi liên quan đến nội dung Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải (nếu có).

3. Tiếp nhận và có biện pháp giải quyết kịp thời những thắc mắc, khiếu nại của Bên B về các vấn đề liên quan đến thu gom, xử lý nước thải.

4. Khi thực hiện công việc bảo dưỡng và sửa chữa tuyến ống thu gom cũng như hệ thống xử lý nước thải, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước 7 ngày và khôi phục hoạt động trong thời gian sớm nhất để hạn chế gián đoạn việc xử lý nước thải của Bên B.

5. Bên A có quyền lấy mẫu đột xuất để kiểm tra chất lượng nước thải của Bên B nếu thấy cần thiết.

6. Qua phân tích mẫu nước thải lấy đột xuất, nếu kết quả phân tích mẫu phát hiện có các chỉ tiêu ô nhiễm vượt tiêu chuẩn cho phép, thì Bên A và Bên B sẽ lập Biên bản ghi nhận sự việc trình cấp thẩm quyền xử lý.

7. Đối với các đơn vị có lắp đặt hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải (đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh nghiệm thu): các chỉ tiêu được quan trắc sẽ là cơ sở để Bên A đánh giá chất lượng nước thải của bên B.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

1. Đầu nối hoàn chỉnh hệ thống thoát nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo đúng các quy định của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Chịu trách nhiệm về tính chất và thành phần các chất ô nhiễm có trong nước thải, nếu phát hiện có sự thay đổi thành phần hoặc gia tăng nồng độ các chất ô nhiễm hay các hiện tượng bất thường thì Bên B phải kịp thời thông báo trước cho Bên A bằng các hình thức: fax, email và văn bản trong ngày.

3. Tạo điều kiện, cử nhân sự phù hợp để phối hợp với Bên A và Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành Phố Hồ Chí Minh khi tiến hành thực hiện việc lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải định kỳ hoặc đột xuất.

4. Thanh toán đầy đủ, đúng kỳ hạn toàn bộ chi phí dịch vụ xử lý nước thải.

5. Bồi thường và buộc thực hiện các biện pháp khắc phục khi gây thiệt hại cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Giá dịch vụ thoát nước và phương thức thanh toán.

1. Mức phí:

Phí dịch vụ xử lý nước thải công nghiệp: 0,24USD/m³ (chưa thuế VAT 10% - căn cứ theo Quyết định 5754/QĐ-UBND ngày 28/12/2007 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về một số cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào Khu Công nghệ cao thành phố).

Thời điểm tính phí xử lý nước thải: Bắt đầu từ kỳ 9 (từ ngày 21 tháng 8 năm 2020).

Số tiền thanh toán phí xử lý nước thải sẽ theo hóa đơn phát hành tại thời điểm đề nghị thanh toán theo từng tháng.

Lượng nước thải xử lý được xác định bằng:

Đối với đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải: Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước cấp sử dụng của Bên B theo hóa đơn tiền nước hàng tháng.

Đối với đơn vị có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đã được Ban Quản lý Khu Công nghệ cao nghiệm thu: Lưu lượng nước thải được tính theo chỉ số của đồng

hồ. Trong trường hợp đồng hồ hư hỏng, lưu lượng nước thải được áp dụng như đơn vị không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

Trường hợp phí xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp thay đổi thì biểu giá mới sẽ được áp dụng và Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B ngay sau khi Bên A nhận được chính thức biểu giá mới. Thời điểm bắt đầu áp dụng biểu giá mới sẽ căn cứ vào thời điểm mà cơ quan có thẩm quyền quy định.

2. Phương thức thanh toán:

a) Bên B thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải đối với nước thải công nghiệp hàng tháng bằng tiền đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được phiếu thông báo thanh toán. Giá trị thanh toán được tính theo tỷ giá Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn tại thời điểm xuất hóa đơn.

Tên tài khoản: Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao Thành phố.

Số tài khoản: 31410002531451 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

b) Quá thời hạn 07 ngày kể từ ngày Bên B nhận được giấy thông báo (căn cứ theo ngày Bên B ký nhận thông báo thanh toán phí dịch vụ xử lý nước thải) mà vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Bên A, thì Bên B phải thanh toán thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Đông Sài Gòn.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng.

Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, nếu một bên muốn thay đổi, hoặc bổ sung nội dung Hợp đồng đã ký, thì bên đó phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày. Bất kỳ thay đổi nào sẽ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và ký bởi hai bên (phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng). Nếu phụ lục sửa đổi, bổ sung có những điều khoản trái với điều khoản của hợp đồng thì xem như điều khoản đó trong Hợp đồng đã được sửa đổi.

Điều 9. Chấm dứt Hợp đồng.

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được chấm dứt khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

1. Sau khi thực hiện xong Hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới hoặc không gia hạn hợp đồng thì tiến hành thủ tục thanh lý Hợp đồng.

2. Khi một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng hoặc vi phạm những qui định pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động xả thải thì Hợp đồng sẽ được chấm dứt nếu như vi phạm đó đã được một trong hai Bên nhắc nhở bằng văn bản mà vẫn không khắc phục.

3. Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản chung.

1. Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm là thỏa thuận toàn bộ giữa hai bên (Bên A và Bên B) về các vấn đề được nêu trong Hợp đồng.

2. Hai bên cam kết hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Hợp đồng.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp hai bên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần thiện chí. Nếu thương lượng không thành, thì việc tranh chấp sẽ do cơ quan có thẩm quyền hoặc do Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

4. Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký. Hợp đồng này sẽ tự động được gia hạn hàng năm trừ khi Bên A hoặc Bên B có ý kiến khác.

5. Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được lập thành sáu (06) bản, mỗi bên giữ ba (03) bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A *nh*



Phạm Hữu Minh

ĐẠI DIỆN BÊN B *ph*

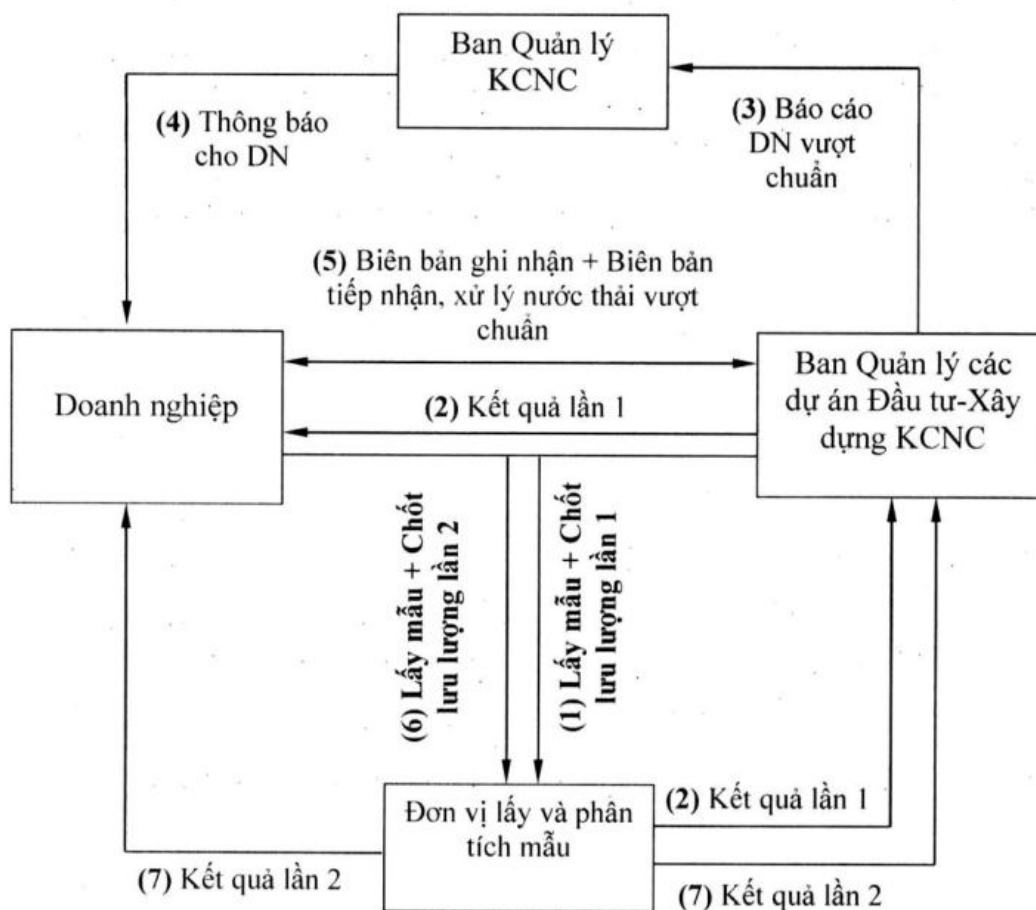


Đặng Công Bình

Phụ lục 1 QUY TRÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC LẤY MẪU ĐỘT XUẤT

Công tác lấy mẫu nước thải đột xuất: **Nhà máy xử lý nước thải thuộc Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu Công nghệ cao TP.Hồ Chí Minh (gọi tắt là Nhà máy XLNT)** sẽ tiến hành lấy mẫu đột xuất nước thải đầu ra của Doanh nghiệp khi nghi ngờ hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải của Doanh nghiệp khi đổ vào hệ thống thu gom xử lý nước thải có các chỉ tiêu vượt tiêu chuẩn cho phép của Khu Công nghệ cao (theo Phụ lục 2). Quy trình và phương thức lấy mẫu như sau:

1. Sơ đồ quy trình lấy mẫu đột xuất



2. Quy định chung về công tác lấy mẫu nước thải đột xuất

2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm đầu nối hồ ga kiểm tra thoát nước thải của Doanh nghiệp vào hệ thống tuyến ống thu gom nước thải tập trung Khu Công nghệ cao.

2.2. Đơn vị lấy và phân tích mẫu: Là đơn vị có Giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp (theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 13/12/2014 của Chính Phủ) và có các chỉ tiêu phân tích phù hợp với yêu cầu lấy mẫu.

Nhằm đảm bảo tính vẹn toàn của mẫu để kết quả phân tích được chính xác, các đơn vị lấy và phân tích mẫu sẽ là các đơn vị có bán kính nằm trong khoảng 10 km từ Khu Công nghệ cao, bao gồm:

1. Viện Môi trường và Tài nguyên.

2. Trung tâm Công nghệ và Quản lý Môi trường.
3. Công ty TNHH EUROFINS Sắc Ký Hải Đăng.
4. Trung tâm Công nghệ và Quản lý môi trường và tài nguyên.
5. Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Liên đoàn Quy hoạch và điều tra tài nguyên nước Miền Nam.
7. Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Miền Nam.

3. Quy trình lấy mẫu và xử lý kết quả nước thải vượt chuẩn:

Gồm 7 bước

Bước 1: Lấy mẫu lần 1

Bên A sẽ gọi điện thoại thông báo trước cho Bên B (từ 01 giờ đến trước 03 giờ) để Bên B cử nhân sự phối hợp với Bên A và đơn vị lấy và phân tích mẫu thực hiện việc lấy mẫu, ký vào Biên bản lấy mẫu và chốt chỉ số đồng hồ lưu lượng nước (nhân sự chứng kiến của Bên B phải được phân công/ủy quyền chịu trách nhiệm về công tác lấy mẫu).

Trong trường hợp **Nhà máy XLNT** lấy mẫu đột xuất mà Doanh nghiệp không cử người đại diện, **Nhà máy XLNT** sẽ đề xuất sự chứng kiến của đại diện Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu Công nghệ cao (viết tắt Ban Quản lý Khu Công nghệ cao) và việc lấy mẫu vẫn được tiến hành theo đúng quy định.

Bước 2: Trả kết quả phân tích mẫu lần 1

- Kết quả phân tích mẫu là kết quả được Đơn vị lấy và phân tích mẫu (theo mục 2.2 của Quy trình này) thực hiện phân tích đối với mẫu nước thải được lấy ở Bước 1 của Quy trình này và kết quả này là cơ sở để xác định tình trạng vượt chuẩn của Bên B

- Đối với các doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải **vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Khu Công nghệ cao:

- + Bên A sẽ thông báo kết quả phân tích mẫu lần 1 (bằng file mềm) đến Bên B trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được kết quả phân tích mẫu từ đơn vị phân tích mẫu.

- + Bên B phải chịu chi phí phân tích mẫu lần 1.

- Đối với các Doanh nghiệp có kết quả phân tích mẫu mà hàm lượng chất ô nhiễm trong nước thải **không vượt tiêu chuẩn** quy định xả thải của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Bên A thanh toán chi phí phân tích mẫu.

Bước 3: Báo cáo việc Doanh nghiệp vượt chuẩn

Bên A sẽ báo cáo bằng văn bản gửi Ban Quản lý Khu Công nghệ cao về tình hình xả thải vượt chuẩn của Bên B.

Bước 4: Thông báo kết quả phân tích mẫu (Đối với các Doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn)

Ban Quản lý Khu Công nghệ cao sẽ có văn bản thông báo đến các Doanh nghiệp về việc doanh nghiệp vi phạm xả nước thải có hàm lượng các chất ô nhiễm vượt tiêu

chuẩn nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung; yêu cầu Doanh nghiệp liên hệ với Ban Quản lý các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao để ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn.

Bước 5: Ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, thỏa thuận thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn

Sau thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày có Thông báo kết quả phân tích mẫu (đối với các Doanh nghiệp có nước thải vượt chuẩn), Bên A sẽ mời đại diện Bên B (người đại diện pháp luật hoặc được ủy quyền) đến làm việc, thảo luận và hai bên sẽ tiến hành ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn và Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Bắt đầu tính phí xử lý nước thải vượt chuẩn và thu theo kỳ thu phí xử lý nước thải hàng tháng của Doanh nghiệp.

- Thời gian khắc phục nước thải vượt chuẩn, thời gian ký Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn tùy thuộc vào thỏa thuận giữa Ban Quản lý các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao và Doanh nghiệp.

- Trường hợp đến thời hạn khắc phục nước thải vượt chuẩn mà Bên B không khắc phục, Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở. Nếu Bên B vẫn không khắc phục nước thải vượt chuẩn, Bên A sẽ báo cáo, đề xuất Ban Quản lý Khu Công nghệ cao xem xét chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

- Trường hợp Bên B không hợp tác, không ký Biên bản ghi nhận nước thải vượt chuẩn, Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn, tranh chấp về kết quả phân tích mẫu (theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải), Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở, đồng thời báo cáo cho Ban Quản lý Khu công nghệ cao để Ban Quản lý Khu Công nghệ cao chủ trì xử lý trước khi Bên A đề xuất chấm dứt Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải.

Bước 6: Lấy mẫu lần 2

Sau khi Doanh nghiệp thực hiện khắc phục xử lý nước thải vượt chuẩn, Ban Quản lý các dự án Đầu tư – Xây dựng Khu Công nghệ cao sẽ phối hợp với Doanh nghiệp tiến hành lấy mẫu nước thải lần 2 để xác định nồng độ ô nhiễm trong nước thải sau khi khắc phục đồng thời ghi nhận chỉ số đồng hồ lưu lượng nước lần 2. Chi phí phân tích mẫu nước thải lần 2 do Doanh nghiệp thanh toán.

Bước 7: Trả kết quả phân tích mẫu lần 2

Nếu kết quả phân tích mẫu nước thải lần 2 tiếp tục vượt chuẩn, Bên A và Bên B sẽ gia hạn thời gian khắc phục tại Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn. Nếu kết quả phân tích mẫu nằm trong chuẩn cho phép của Ban Quản lý Khu Công nghệ cao thì hai bên sẽ thanh lý Biên bản tiếp nhận và xử lý nước thải vượt chuẩn và tính toán chi phí xử lý nước thải vượt chuẩn.

4. Trường hợp doanh nghiệp có hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải

Phí xử lý nước thải vượt chuẩn được tính toán như sau:

- Đối với thời gian vượt chuẩn liên tục trên 1 giờ: Tính vượt chuẩn theo chỉ số lưu lượng và chỉ tiêu vượt chuẩn của trạm quan trắc.

- Đối với thời gian vượt chuẩn liên tục dưới 1 giờ: Không tính vượt chuẩn.

Phụ lục 2

**TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO**



**TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ CỤC BỘ
THẢI VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ TẬP TRUNG - KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM**

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐV TÍNH	NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO NMXLNT TẬP TRUNG
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetracloetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân	mg/l	0,005
24	Tổng N	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁷
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1,0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Thu gom và vận chuyển chất thải rắn thông thường

(rác thải sinh hoạt) không nguy hại

Số: 29 /HĐ-SHTPCo-KDDV

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm có:

BÊN A: Công Ty TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Đại diện : Ông ĐẶNG CÔNG BÌNH Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Lô I3-6 đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại : (028) 37367186

Mã số thuế : 0315016980

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Đại diện : Ông NGUYỄN ĐỨC HIỀN Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : 46/26 Nguyễn Cửu Vân, P17, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

VPGD : Khu G3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại : (028) 3730 5276

Fax: (028) 3730 5274

Mã số thuế : 0300376966

Tài khoản : 31410000264937 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Bên A và Bên B đồng ý thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ với các điều khoản sau:

Điều 1. Nội dung dịch vụ.

1.1 Bên B nhận thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt) không nguy hại cho Bên A.

Địa điểm thu gom: Lô I3-6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM.

Thời gian thu gom và vận chuyển: theo thỏa thuận của hai bên.



1.2 Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký.

Điều 2. Đơn giá và phương thức thanh toán.

2.1 **Đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường (rác sinh hoạt): 206.000 đồng/ m³**

Ghi chú

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Thuế VAT sẽ điều chỉnh theo Nghị định của Nhà Nước.
- Đơn giá trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 **Phương thức thanh toán:** Cuối mỗi tháng, căn cứ vào khối lượng chất thải rắn thông thường không nguy hại (*rác sinh hoạt*) Bên B đã thu gom và vận chuyển thực tế được hai bên xác nhận, Bên B xuất hóa đơn tài chính cho Bên A và Bên A thanh toán cho bên B theo hình thức chuyển khoản sau 07 đến 10 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn đỏ.

Điều 3. Trách nhiệm hai bên.

3.1 Trách nhiệm của Bên A.

3.1.1. Có trách nhiệm bố trí khu vực chứa chất thải rắn thông thường không nguy hại (*rác sinh hoạt*) để thuận tiện cho Bên B thu gom và vận chuyển.

3.1.2. Khi Bên B đến thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt, Bên A sẽ có nhân viên giám sát và xác nhận khối lượng thực tế phát sinh để làm cơ sở thanh toán hàng tháng. Bên A thanh toán chi phí cho việc thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt hàng tháng cho bên B sau khi nhận được giấy báo đề nghị thanh toán dịch vụ và hoá đơn tài chính của Bên B.

3.1.3. Đảm bảo toàn bộ khối lượng rác thải sinh hoạt mà bên B thu gom, vận chuyển tại các thùng chứa rác của bên A đều phải là rác sinh hoạt không độc hại và không được trộn lẫn với các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định của pháp luật.

3.1.4. Trường hợp khối lượng rác sinh hoạt phát sinh ngoài dự kiến, bên A phải báo trước cho Bên B trước 36 giờ để Bên B điều động thêm chuyến xe lấy rác như quy định tại Điều 1.

3.2 Trách nhiệm của Bên B.

3.2.1. Bảo đảm thu gom và vận chuyển toàn bộ chất thải rắn thông thường không nguy hại (*rác sinh hoạt*) thỏa thuận tại Điều 1.

3.2.2. Phương tiện chuyên chở được trang bị những thiết bị bảo đảm theo đúng quy định của ngành vệ sinh môi trường.

3.2.3. Trong trường hợp xe (máy móc) chuyên dụng hư hỏng, Bên B sẽ sắp xếp, bố trí thay thế phương tiện để vận chuyển, bốc xếp toàn bộ chất thải trong ngày.

3.2.4. Bên B từ chối thu gom, vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu phát hiện các loại chất thải nguy hại, các chủng loại rác khác đã được phân loại theo quy định pháp luật và những chất liệu không hợp pháp, gây cháy, nổ

hoặc hoá chất độc hại trộn lẫn trong thành phần chất thải rắn thông thường của Bên A.

3.2.5. Bên B vận chuyển, bốc xếp rác của Bên A về Trạm Trung chuyển 691 đường Quang Trung, phường 8, Q. Gò Vấp, TP HCM.

Điều 4. Chấm dứt hợp đồng.

Hợp đồng này được chấm dứt trước thời hạn khi xảy ra một trong những trường hợp sau:

– Hai Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn theo những điều kiện mà hai Bên chấp thuận và ký kết thực hiện.

– Khi Bên A hoặc Bên B vi phạm những điều khoản của hợp đồng này. Việc chấm dứt hợp đồng sẽ được một trong hai bên báo cho bên kia trước 07 (bảy) ngày bằng thông báo kể từ ngày hai bên lập biên bản vi phạm.

Điều 5. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

– Điều chỉnh đơn giá thu gom theo các quy định của UBNDTP hoặc các Sở ban ngành liên quan.

– Các trường hợp sau đây sẽ tiến hành tạm ngưng thực hiện hợp đồng:

+ Bên A không trả tiền cung ứng dịch vụ theo nội dung hợp đồng.

+ Do các điều kiện bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn hoặc các trường hợp khác có tính chất tương tự.

Điều 6. Điều khoản chung.

6.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được gia hạn từng năm một. Nếu có nhu cầu kết thúc dịch vụ, các bên phải có văn bản thông báo cho bên còn lại ít nhất trước 15 ngày khi hợp đồng kết thúc theo quy định tại Khoản 1.2 Điều 1 hợp đồng này. Nếu trong thời gian thực hiện một trong hai bên có nhu cầu thay đổi nội dung đã ký trong hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia trước 15 ngày để cùng nhau giải quyết.

6.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Nếu có tranh chấp không thỏa thuận được thì vụ việc được đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo Luật định, kết luận của Tòa án là chung thẩm.

6.3 Sau khi thực hiện xong hợp đồng, hai Bên hoàn tất nghĩa vụ với nhau và không ký lại Hợp đồng mới (hoặc Phụ lục hợp đồng) thì hợp đồng này có thêm giá trị tự thanh lý.

6.4 Hợp đồng này được lập thành 06 bản tiếng Việt, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 03 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Đặng Công Bình

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Đức Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM PHẾ LIỆU
Số:0101/2024/HĐKT

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực từ ngày 1/1/2017.
- Căn cứ Luật Thương Mại của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 có hiệu lực từ ngày 1/1/2006.
- Căn cứ vào Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 1/1/2022.
- Căn cứ vào Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.
- Căn cứ vào chức năng của công ty **TNHH TM NAM THUẬN PHÁT**.
- Căn cứ nhu cầu công ty **TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**.

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2024. Chúng tôi đại diện hai bên gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

- Địa chỉ: Lô I3-6, Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM.
- Điện thoại: 0283 7367186
- Mã số thuế: 0315016980
- Đại diện: **Nguyễn Thanh Lâm** Chức vụ: Giám đốc
- Tài khoản số :

BÊN B: CÔNG TY TNHH TM NAM THUẬN PHÁT

- Địa chỉ: Số 03, Đường 215, P.Tân Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
- Điện thoại: 0978167639
- MST: 0317242865
- Đại diện: **Trần Đức Thuận** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán cho Bên B các phế liệu phát sinh tại nhà máy của Bên A, địa chỉ: Lô I3-6, Đường N2, Khu Công Nghệ Cao, P. Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM. Danh mục bán phế liệu thanh lý được ghi rõ tại mục 3.2 của hợp đồng.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A

- Toàn bộ phế liệu phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của Bên A phải được tập trung thu gom, phân loại lưu giữ trong kho chứa bên A, chờ tiến hành bàn giao bên B thu gom, vận chuyển.
- Việc giao nhận hàng giữa hai bên được thực hiện theo nhu cầu thực tế phát sinh và sự thỏa thuận giữa hai bên. Khi có phát sinh, Bên A thông báo bằng điện thoại cho bên B về số lượng phế liệu cần thu gom trước 48 giờ.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi khi giao nhận như hỗ trợ xe nâng, cung cấp hóa đơn, giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy. Cử người đại diện có đủ thẩm quyền và trách nhiệm để hướng dẫn, giám sát và ký xác nhận giao nhận hàng phế liệu.

2.2. Trách nhiệm của bên B

- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom phế liệu tại nhà máy bên A.
- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy theo pháp luật hiện hành trong quá trình vận chuyển và xử lý.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của bên A.

ĐIỀU 3: SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ

3.1 Số lượng phế liệu được xác định bằng phương pháp cân, thực hiện tại kho bên A. Sau khi xác định số lượng, hai bên cùng lập biên bản hoặc giấy tờ có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên

3.2 Đơn giá thu mua (bao gồm thu gom, vận chuyển):

STT	TÊN	ĐVT	GIÁ
1	Giấy carton	Kg	2.600
2	Nhựa ABS	Kg	7.000
3	Nhựa PVC	Kg	6.000
4	Nhựa PET	Kg	5.000
5	Nhựa PC	Kg	6.000
6	Sắt	Kg	8.500
7	Chân linh kiện	Kg	12.000
8	Đồng thau	Kg	100.000
9	Nhôm	Kg	40.000
10	Đồng	Kg	155.000
11	Mút xốp	Kg	8.000
12	Pallet ván ép	Cái	4.000
13	Gỗ vụn	Kg	0
14	Pallet nhựa	Cái	55.000
15	Bã chít điện tử	Kg	285.000

Lưu ý: Đơn giá này có thể điều chỉnh thay đổi theo giá cả thị trường mà 2 bên đã thỏa thuận. **Đơn giá đã bao gồm thuế VAT.**

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 4.1 Căn cứ vào số lượng hàng phế liệu thu gom thực tế hàng tháng có xác nhận của đại diện hai bên, bên A sẽ phát hành hóa đơn tài chính cho bên B.
- 4.2 Bên B thanh toán cho bên A bằng tiền mặt/ chuyển khoản.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 5.1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý chỉnh sửa hay hủy bỏ hợp đồng mà không có sự đồng ý của hai bên, nếu có gì khó khăn hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thỏa thuận giải quyết và được thể hiện bằng phụ lục hợp đồng.
- 5.2. Trường hợp xảy ra tranh chấp, hai bên sẽ cùng bàn bạc thảo luận để giải quyết vấn đề phát sinh trên tinh thần thiện hợp tác. Nếu không tự giải quyết được, mọi tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa Án Nhân dân Thành phố Thủ Đức giải quyết. Phán quyết của Tòa Án Nhân dân Thành phố Thủ Đức là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thực hiện.
- 5.3. Hợp đồng có thời hạn hai (02) năm kể từ ngày ký và tự thanh lý sau khi hai bên hoàn thành xong trách nhiệm và nghĩa vụ. Trước khi hết hạn hợp đồng 30 ngày hai bên sẽ thông báo về vấn đề gia hạn hợp đồng.
- 5.4. Trong trường hợp một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì bên đó phải thông báo bằng văn bản cho bên còn lại trước 30 ngày để tiến hành các thủ tục cần thiết.
- 5.5. Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Thanh Lâm

ĐẠI DIỆN BÊN B



Trần Văn Chuẩn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường)

Số: 2601/2024/HĐKT/TL-DLG

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2006;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301761350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 13/07/1999 (chứng nhận thay đổi lần thứ 11 ngày 30/05/2023) cho Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập;
- Căn cứ giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 3-4-5-6.021.VX của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 2 ngày 04/01/2021 (Thay thế các giấy phép hành nghề liên quan đến hoạt động hành nghề chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập đã được cấp phép trước đó);
- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 01 năm 2024, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Địa chỉ : Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM, Việt Nam

Mã số thuế : 0315016980

Điện thoại : 0283 7367186

Đại diện : Ông **NGUYỄN THANH LÂM**

Chức vụ: **Giám Đốc**

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÀNH LẬP

Địa chỉ trụ sở : 39 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM, Việt Nam

Mã số thuế : 0301761350

Điện thoại : 028 3860 3072

Fax : 028 3974 5075

Đại diện : Ông **TĂNG TỰ THẾ**

Chức vụ: **Giám đốc**

Tài khoản : 3938999 tại Ngân hàng Eximbank PGD Tân Phú Chi nhánh Bình Phú TP HCM

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường của Bên A theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.
- Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập tại địa chỉ: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, Xã Nhuận Đức, Huyện Củ Chi, Thành phố HCM.
- Trường hợp trong quá trình Bên B tiếp nhận chất thải nguy hại mà phát hiện Bên A để lẫn bất kỳ loại chất thải nào khác không nằm trong danh mục chất thải nguy hại chuyển giao theo hợp đồng ký kết thì bên B sẽ từ chối tiếp nhận khối lượng chất thải bị lẫn đó. Hai bên sẽ tiến hành bàn bạc để đưa ra quyết định thống nhất.
- **Thời hạn hợp đồng:** 01 năm kể từ ngày ký đến hết ngày **31/01/2025**.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

- Số lượng chất thải Bên A chuyển giao cho Bên B dựa trên khối lượng thực tế giao nhận thông qua Biên bản giao nhận giữa hai bên.
- Chứng từ chất thải nguy hại sẽ thể hiện số lượng chất thải nguy hại thực tế mà Bên A chuyển giao cho Bên B.

2.2 Danh mục chất thải và đơn giá xử lý

STT	Tên Chất Thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	25.000
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Kg	08 02 04	10.000
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	10.000
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Kg	18 01 02	10.000
5	Pin, Ắc quy chì thải	Kg	19 06 01	10.000
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Kg	18 01 03	10.000
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Kg	17 02 04	10.000
8	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa	Kg	19 02 06	10.000



STT	Tên Chất Thải	ĐVT	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)
	các chi tiết có các thành phần nguy hại)			
9	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại (khác với các loại nêu tại mã 15 02 11 hoặc phân nhóm mã 17 04)	Kg	15 02 12	10.000
10	Chất thải công nghiệp thông thường	Kg	-	2.000

Ghi chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm thuế VAT (theo quy định hiện hành của nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn);
- Khối lượng chất thải thu gom tối thiểu là 3.000kg/chuyến; nếu khối lượng chất thải <3.000kg/chuyến thì tính thêm phí vận chuyển là 2.000.000VNĐ/chuyến;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam (Kg).
- Giá trị sẽ được tính trên khối lượng thực tế giao nhận giữa hai bên.

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

- Địa điểm thu gom chất thải tại: Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP.Thủ Đức, TP.HCM.
- Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường.

3.2 Phương tiện vận chuyển

- Các xe vận chuyển chất thải đều được dán logo có đầy đủ tên Công ty thực hiện vận chuyển và ghi rõ loại chất thải vận chuyển là chất thải nguy hại theo đúng quy định của Nhà nước hiện hành trước khi rời khỏi khu vực thu gom của bên A về nhà máy xử lý chất thải nguy hại của bên B.
- Quá trình vận chuyển được che chắn kỹ càng, tránh tình trạng rơi trên đường. Công ty TNHH TM Xử lý Môi trường Thành Lập cam kết chịu mọi trách nhiệm nếu xảy ra sự cố trong quá trình vận chuyển từ kho của bên A về nhà máy của bên B tại địa chỉ: Lô 147 Tổ 3 Ấp Bàu Trăn, Xã Nhuận Đức, Huyện Củ Chi, Thành phố HCM.

3.3 Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 30 ngày làm việc kể từ khi Bên B phát hành hóa đơn.
- Hồ sơ thanh toán gồm: “Hóa đơn tài chính do Bên B cung cấp” và “chứng từ CTNH đã được ký tên, đóng dấu”.
- Bên A phải chịu phí phạt chậm 0.3% nếu quá 30 ngày mà chưa thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

761356
CÔNG TY
TNHH
CÔNG M
MÔI TR
NH L
HỒ CH
6980-C
TY TNHH
N TỬ
ANSEN
P HỒ CH

- Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.
- Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Bên A.
- Thông báo thời gian thu gom cho bên B ít nhất là 02 (hai) ngày làm việc bằng email hoặc văn bản.
- Thanh toán kinh phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 3.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.
- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải tại nhà máy của Bên B (tại Lô 147 Tổ 3, ấp Bàu Trăn, xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định hiện hành về quản lý chất thải công nghiệp của Nhà nước Việt Nam.
- Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.
- Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.
- Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.
- Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh vấn đề cơ quan môi trường xử phạt do bên B xử lý không đúng quy định hoặc xử lý không kịp thời, bên B chịu trách nhiệm.
- Không nhận chất thải ngoài danh mục đã báo giá cũng như chất thải có tính chất khác biệt so với mẫu báo giá.
- Bên B phải lập 01 bộ “Chứng từ chất thải nguy hại” gồm 03 liên theo phụ lục III Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và giao cho Bên A trong ngày thu gom chất thải.

ĐIỀU 5. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà

do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

- Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 6. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại. Nếu muốn hủy hợp đồng thì phải thông báo trước cho đối phương 30 ngày.
- Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.
- Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.
- Các biên bản thỏa thuận kèm theo là bộ phận không thể tách rời và có hiệu lực theo hiệu lực của Hợp đồng này.
- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký và tự thanh lý sau khi hai bên hoàn thành xong trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản tiếng Việt. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CHỦ NGUỒN THẢI)
GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH LÂM

ĐẠI DIỆN BÊN B
(ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN XỬ LÝ)
GIÁM ĐỐC



TĂNG TỰ THẾ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **9101** /TB-STNMT-CTR

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 9 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN

Thực hiện Quyết định số 1239/QĐ-STNMT-CTR ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước;

Căn cứ kết quả kiểm tra ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN (địa chỉ: Lô I3-6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh);

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung

Công ty Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN hoạt động sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng tại địa chỉ Lô I3-6, đường N2, Khu Công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0315016980 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 11 năm 2021, (2) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7534124041 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao cấp, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 24 tháng 12 năm 2020.

Tổng số lao động là 80 người. Tổng diện tích mặt bằng sản xuất khoảng 4.252,9m². Hoạt động kể từ năm 2020. Công suất thiết kế: 10.000.000 sản phẩm/năm, công suất thực tế: 600.000-700.000 sản phẩm/năm.

Tại thời điểm kiểm tra, Công ty hoạt động bình thường.

2. Kết quả kiểm tra

2.1. Hồ sơ pháp lý về môi trường, tài nguyên nước

- Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử dân dụng công nghệ cao Đức Long Gia Lai” tại Khu công nghệ cao, Quận 9 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đức Long Gia Lai - Nhà máy DLG ANSEN. Tuy nhiên, Công ty chưa báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường



trường theo khoản 3 Điều 2 Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Sở đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 79.006136.T do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần 1 ngày 04 tháng 01 năm 2019.

- Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 195/HĐ.DLG-VU/2022 ngày 01 tháng 4 năm 2022 với Công ty Cổ phần môi trường Việt Úc (*địa chỉ tại số 389 Lê Đại Hành, phường 11, quận 11*) để thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp thông thường; ký Hợp đồng số 27/HĐ-SHTTPCo-KDDV ngày 24 tháng 4 năm 2019 với Công ty Phát triển Khu Công nghệ Cao Tp.HCM để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.2 Nguồn thải phát sinh và biện pháp giảm thiểu

2.2.1. Khí thải

Khí thải phát sinh từ công đoạn sấy board và được xử lý theo quy trình: Bụi → Chụp hút → Quạt hút → Ống khói → thải ra môi trường.

2.2.2. Nước thải

Hoạt động của Công ty không phát sinh nước thải sản xuất.

Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 16 m³/ngày và được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn; sau đó dẫn ra cống thoát nước chung của Khu Công nghệ cao.

2.2.3. Quản lý chất thải

- Chất thải nguy hại: Công ty có bố trí riêng khu vực lưu trữ chất thải nguy hại, có phân loại, có dán nhãn phân loại chất thải nguy hại theo quy định và đã thực hiện chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường Việt Úc.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Công ty có bố trí kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và chuyển giao cho Công ty Cổ phần môi trường Việt Úc.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty có bố trí khu vực lưu chứa chất thải và chuyển giao chất thải cho Công ty Phát triển Khu Công nghệ Cao Tp.HCM.

2.3. Thực hiện chế độ báo cáo

Công ty đã thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ năm 2021.

3. Kết luận

Qua kết quả kiểm tra, chưa phát hiện Công ty vi phạm quy định pháp luật bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.

4. Yêu cầu

Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu Công ty thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Kiểm tra đảm bảo chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn hiện hành và quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định.

- Rà soát thực hiện thủ tục hồ sơ giấy phép môi trường theo quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thời điểm nộp hồ sơ căn cứ tại Điểm d, Khoản 22, Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Đảm bảo thực hiện các nội dung theo Quyết định số 58/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo kết quả kiểm tra cho Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN;
- P.TNMT thành phố Thủ Đức; BQL KCNC (để biết);
- PGĐ Sở Nguyễn Thị Thanh Mỹ (để b/c);
- Thanh tra Sở, CCBVMT (để biết);
- Lưu VT, Chi (7b)

TL.GIÁM ĐỐC
KT.TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Thị Diễm Thúy





CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 714304

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000146040

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024	kWh	29.590	-	63.163.228
	(kèm theo bảng kê số 606336639 ngày 01 tháng 02 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					63.163.228
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			5.053.058
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			68.216.286
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi tám triệu hai trăm mười sáu nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 01/02/2024 23:54:12



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 1109778

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000146040

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024	kWh	16.059	-	34.623.051
	(kèm theo bảng kê số 609653287 ngày 02 tháng 03 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					34.623.051
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.769.844
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			37.392.895
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi bảy triệu ba trăm chín mươi hai nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/03/2024 14:04:14



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 1355062

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TP.HCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000146040

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024	kWh	15.288	-	38.538.165
	(kèm theo bảng kê số 612350920 ngày 02 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					38.538.165
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			3.083.053
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			41.621.218
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu sáu trăm hai mươi một nghìn hai trăm mười tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/04/2024 08:29:39



**CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC**

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 1884775

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000146040

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024	kWh	11.464	-	26.947.121
	(kèm theo bảng kê số 615776130 ngày 02 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					26.947.121
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.155.770
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			29.102.891
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi chín triệu một trăm linh hai nghìn tám trăm chín mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/05/2024 12:33:45



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TNHH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 2126462

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000146040

Số tài khoản (Account No): 221409841 Tại TM CP SAI GON

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	15.306	-	27.679.754
	(kèm theo bảng kê số 619865793 ngày 01 tháng 06 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					27.679.754
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.214.380
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			29.894.134
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 02/06/2024 00:04:51



CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH -
CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC

Mã số thuế (Tax Code): 0300951119-011

Địa chỉ (Address): 647 Tỉnh lộ 43, Khu phố 4, Phường Tam Bình, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 1900545454

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC - Số TK: 1234567997 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TTU

Số (No): 2663657

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, TPHCM, VN

Mã khách hàng (Customer's Code): PE12000146040

Số tài khoản (Account No): 221409841 Tại TM CP SAI GON

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	15.754	-	28.845.635
	(kèm theo bảng kê số 621866129 ngày 02 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					28.845.635
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			2.307.651
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			31.153.286
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Ba mươi một triệu một trăm năm mươi ba nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)



Được ký bởi: CN TỔNG CTY ĐIỆN LỰC TP.HCM
TNHH - CTY ĐIỆN LỰC THỦ ĐỨC
Ngày ký: 03/ 07/ 2024 04:43:49

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00000517

Ngày (Date) 05 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 0053B5E4D606024952AD6FCBA270267999

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 01/2024; Từ 04/01/2024 đến 01/02/2024 (Chỉ số mới:16874-Chỉ số cũ:16308 =566)	m3	566	12.100	6.848.600
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					6.848.600
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		342.430
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					7.191.030
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bảy triệu một trăm chín mươi một nghìn không trăm ba mươi đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 05/02/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 05/02/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): X5C4TK_6PKB

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00000721

Ngày (Date) 06 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 004DD2300867A64DE0B94204F5F0E1D03D

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 02/2024; Từ 01/02/2024 đến 04/3/2024 (Chỉ số mới:17651-Chỉ số cũ:16874 =777)	m3	777	12.100	9.401.700
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					9.401.700
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		470.085
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					9.871.785
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): <i>Chín triệu tám trăm bảy mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng chẵn.</i>					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 06/03/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 06/03/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 44CNC590JXQ0

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00000919

Ngày (Date) 08 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 0085DBD990FD81467D93C89D64D539ADFF

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 3/2024; Từ 04/3/2024 đến 03/4/2024 (Chi số mới:18284-Chi số cũ:17651 =633)	m3	633	12.100	7.659.300
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					7.659.300
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		382.965
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					8.042.265
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Tám triệu không trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 08/04/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 08/04/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): QPCLH8LN5W4P

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00001116

Ngày (Date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 006266DB73D5BE46DB9953DE269F034A86

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 4/2024; Từ 03/4/2024 đến 04/5/2024 (Chỉ số mới:18923-Chỉ số cũ:18284 =639)	m3	639	12.100	7.731.900
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					7.731.900
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		386.595
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					8.118.495
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Tám triệu một trăm mười tám nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 08/05/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 08/05/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): JAC7F2VW7AEE

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00001315

Ngày (Date) 06 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 0095AB97BAC95F4D09AD9617D330A93AB1

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 5/2024; Từ 04/5/2024 đến 03/6/2024 (Chỉ số mới:19258-Chỉ số cũ:18923 =335)	m3	335	12.100	4.053.500
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					4.053.500
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		202.675
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					4.256.175
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 06/06/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 06/06/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 11CVS8KDJKQW

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00001515

Ngày (Date) 09 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 0065E1FF3AFB20476994D3CE18953ACF66

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 6/2024; Từ 03/6/2024 đến 04/7/2024 (Chỉ số mới:19666-Chỉ số cũ:19258 =408)	m3	408	12.100	4.936.800
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					4.936.800
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		246.840
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					5.183.640
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Năm triệu một trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 09/07/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 09/07/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): WZCNUL6EM4NV

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00001711

Ngày (Date) 07 tháng (month) 08 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 003CA15F07A97449D2A3C1563423517322

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 7/2024; Từ 04/7/2024 đến 03/8/2024 (Chi số mới:20011-Chi số cũ:19666 =345)	m3	345	12.100	4.174.500
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					4.174.500
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		208.725
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					4.383.225
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Bốn triệu ba trăm tám mươi ba nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 07/08/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 07/08/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): R3CEI7018PEJ

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM

Mã số thuế (Tax code): 0306678152

Địa chỉ (Address): Km 1001 Xa Lộ Hà Nội, Phường Tân Phú, Thành phố Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel): 02837307391

Số tài khoản (Bank account):

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): 00001907

Ngày (Date) 06 tháng (month) 09 năm (year) 2024

Mã CQT (Code): 0058EE89BC84AC4E6B90735CB8735EEBE7

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Mã số thuế (Tax code): 0315016980

Địa chỉ (Address): Lô I3-6 Đường N2, Khu Công nghệ cao, P Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP HCM, VN

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản Số tài khoản (Bank account):



STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Tiền nước Kỳ 8/2024; Từ 03/8/2024 đến 03/9/2024 (Chỉ số mới:20509-Chỉ số cũ:20011 =498)	m3	498	12.100	6.025.800
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					6.025.800
Thuế suất GTGT (VAT rate):		5%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		301.290
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					6.327.090
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Sáu triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn không trăm chín mươi đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Tổng cục thuế (General Dept. of TX)

(Chữ ký số)

(Digital signature)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi: TỔNG CỤC THUẾ

Ký ngày: 06/09/2024

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): Ban Quản Lý Các Dự án

Đầu Tư - Xây Dựng Khu

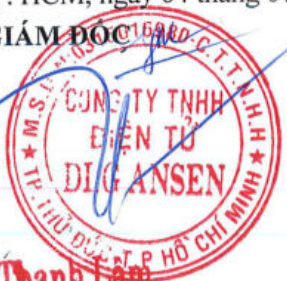
Công Nghệ Cao TP.HCM

Ký ngày (Signing Date): 06/09/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): WZC9TL0MDMD0

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

TỈNH/THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01.DLG/2024/3-4-5-6.021.VX				
1.Chủ xử lý CTNH 1: Công ty TNHH TM Xử lý Môi Trường Thành Lập Địa chỉ văn phòng : 39, Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. HCM Văn phòng đại diện : Lô 147, Tổ 3, ấp Bàu Trăn, Xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, TP.HCM ĐT: 028.3860.3072			Mã số QLCTNH:3-4-5-6.021.VX				
2.Chủ xử lý CTNH 2:..... Địa chỉ văn phòng:..... Địa chỉ cơ sở:.....			Mã số QLCTNH:..... ĐT:..... ĐT:.....				
3.Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Điện tử DLG Ansen Địa chỉ văn phòng: Lô I3-6, đường N2, Khu Công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. HCM ĐT: 028. 3736 7186			Mã số QLCTNH: 79.006136.T				
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	X			16 01 06	2	Nghiên, HR
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	X			18 01 02	0	
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	78	Súc rửa, TC
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	X			19 02 06	420	phá dỡ, Nghiên - HR
5	Pin, ắc quy chì thải	X			19 06 01	2	TH, Súc rửa, TC
6	Giẻ lau, găng tay có thành phần nguy hại	X			180201	58	TD - HR
Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa khẩu nhập:.....							
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4							
7.1.Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH1: Hồ Minh Đặng Ký: Ngày: 04/07/2024							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt chủ hành nghề QLCTNH 2 (chủ tái sử dụng):Ký:.....Ngày:.....							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)			8. Chủ hành nghề QLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 (hoặc chủ tái sử dụng xác nhận đã tái sử dụng CTNH đúng mục đích ban đầu)				
TP. HCM, ngày 04 tháng 07 năm 2024 GIÁM ĐỐC  Nguyễn Thanh Lâm (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			TP. HCM, ngày 11 tháng 7 năm 2024 GIÁM ĐỐC  Công Tư Chế (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				
@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4☑							
Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

Phạm Thị Giang

Lô I3-6, đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A,
TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngày 03 tháng 01 năm 2024

Số:

Có:

Địa chỉ (bộ phận): 408/16 Nguyễn Xiển, KP Gò Công, Phường Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Xuất tại kho (ngăn lô): Nguyên liệu

Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao, TP. TĐ, TP. HCM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Phế liệu băng keo N090		KG		700		
	Cộng				700		

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 03 tháng 01 năm 2024.

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Hiếu

Yours
Very truly
Yours

Hồ Bá Công

Sau một xác nhận từ người dùng

Hà Minh Long

Nguyễn Khoa Trí

Nguyễn Thanh Lâm

Duyet online

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lô I3-6, đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A,
TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 Nợ:
Số: Có:

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MT NAM THUẬN PHÁT

Địa chỉ (bộ phận): 408/16 Nguyễn Xiển, KP Gò Công, Phường Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Lý do xuất kho: Xuất Kho phế liệu .

Xuất tại kho (ngăn lô): Nguyên liệu

Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao, TP. TĐ, TP. HCM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng bia Carton		KG		90		
2	Mút xốp		KG		35		
3	Nhựa		KG		77		
4	Pallet		PCS		31		
	Cộng						

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ)

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 05 tháng 02 năm 2024.

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

KT Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Hiền


Đỗ Xuân

Nguyễn Minh Hiền

Mẫu số: 02 - VT

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Lô I3-6, đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A,
TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 02 năm 2024

Nợ:

Số:

Có:

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MT NAM THUẬN PHÁT

Địa chỉ (bộ phận): 408/16 Nguyễn Xiển, KP Gò Công, Phường Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Lý do xuất kho: Xuất Kho phế liệu.

Xuất tại kho (ngăn lô): Nguyên liệu

Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao, TP. TĐ, TP. HCM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng bia carton		Kg		20		
2	Pallet phế liệu (ván ép)		Cái		20		
3	Chất thải CN không nguy hại		Kg		20		
4	Mút xốp		Kg		25		
	Cộng						

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ)

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 05 tháng 02 năm 2024.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Minh Hiền


Đỗ Anh


Hồ Bá Công


Phạm Thị Giang

Xe 15C-06942

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lô I3-6, đường N2, Khu Công Nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A,
TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, Nợ:

Số:

Có:

Họ tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH MTV SX TM DV MT NAM THUẬN PHÁT

Địa chỉ (bộ phận): 408/16 Nguyễn Xiển, KP Gò Công, Phường Long Thạnh Mỹ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh

Lý do xuất kho: Xuất Kho phế liệu .

Xuất tại kho (ngăn lô): Nguyên liệu

Địa điểm: Khu Công Nghệ Cao, TP. TĐ, TP. HCM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Phế liệu		Xe		1		
	Cộng						

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ)
- Số chứng từ gốc kèm theo: _____

Ngày tháng năm 20 .

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Kí Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Hiền

Đức Liêm

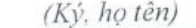
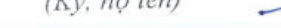
Nguyễn Minh Hiền

Xe. 15C-064.97

Xe: 15C-064.97

8478

Người lập phiếu  Người nhận hàng  Thủ Kho  P.Kế toán  Giám đốc nhà máy
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, đóng dấu)

Mai thị ý như trên Minh thủ **Hồ Bá Công** Hà Thị Thùy Trang

Duyệt online

Xe 15C-064-97



Bộ phận: **Kho**

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Ngày 09 tháng 05 năm 2024
Số:

Nợ :
Có :

MST : 0317242865

Lý do xuất Kho: Xuất Kho phế liệu, Rác thải CN T.5/2024

Xuất tại Kho (ngăn lô): **Kho rác công nghiệp** Địa điểm: **Khu CNC, Tp.Thủ Đức, TP.HCM**

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng bìa carton		KG		60	1	
2	Chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại		KG		70		
3	Pallet ván ép		cái		3		
	Tổng cộng						

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 09 tháng 05 năm 2024

Thủ Kho
(Ký, họ tên)

Giám đốc nhà máy
(Ký, đóng dấu)

Duyet online

Ymk

(Ky, họ tên)



(Ký, họ tên)

(Ký, đóng dấu)

**CÔNG TY TNHH
ĐIỆN TỬ
DLG ANSEN**

Mai Thị Yến Nhi Ủy viên UBND xã

Kà Lohi Lohung Lorang



Giám đốc nhà máy
(Ký, đóng dấu)

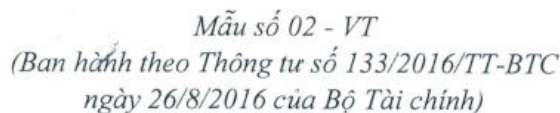
Nguyễn Xuân Lâm

Nguyễn Thanh Lâm

Hồ Bá Công Hà Thị Thùy Trang

ng
Nguyễn Thanh Lâm

Nguyễn Thanh Lâm



Bộ phận: **Kho**

PHIẾU XUẤT KHO

No' :

Có :

MST : 0317242865

Địa chỉ: số 03, Đường 215, Hoàng Hữu Nam, Phường Tân Phú, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Lý do xuất Kho: **Xuất Kho phế liệu, Rác thải CN T.7/2024**

Địa điểm: **Khu CNC, Tp.Thủ Đức, TP.HCM**

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng bìa carton		KG		35		
2	Chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại		KG		50		
3	Pallet ván ép		cái		4		
	Tổng cộng						

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 22 tháng 07 năm 2024

Giám đốc nhà máy
(Ký, đóng dấu)

Ma Thi y' Nlu.

Trick with the


Hồ Bá Công

Ha Thi Thuy Trang

ng
Nguyễn Thanh Lâm

Nguyễn Thanh Lâm



Đơn vị: Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN

Bộ phận: Kho

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 31 tháng 08 năm 2024

Số:

Nợ:

Có:

Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM THUẬN PHÁT

MST: 0317242865

Địa chỉ: số 03, Đường 215, Hoàng Hữu Nam, Phường Tân Phú, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Lý do xuất kho: Xuất kho phế liệu, Rác thải CN T.8/2024

Xuất tại Kho (ngăn lô): Kho rác công nghiệp

Địa điểm: Khu CNC, Tp.Thủ Đức, TP.HCM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng bìa carton		KG		126		
2	Chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại		KG		80		
3	Pallet ván ép		cái		4		
4							
	Tổng cộng						

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 31 tháng 08 năm 2024

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ Kho
(Ký, họ tên)

P.Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc nhà máy
(Ký, đóng dấu)

Mai Thị Ý Nhi

Trần Văn Nam

Thủ Kho

Hà Thị Thùy Trang







Đơn vị: Công ty TNHH Điện tử DLG ANSEN

Bộ phận: Kho

Mẫu số 02 - VT
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 24 tháng 08 năm 2024

Số:

Nợ:

Có:

Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NAM THUẬN PHÁT

MST : 0317242865

Địa chỉ: số 03, Đường 215, Hoàng Hữu Nam, Phường Tân Phú, TP.Thủ Đức, TP.Hồ Chí Minh

Lý do xuất kho: Xuất kho phế liệu, Rác thải CN T.8/2024

Xuất tại Kho (ngăn lô): Kho rác công nghiệp

Địa điểm: Khu CNC, Tp.Thủ Đức, TP.HCM

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thùng bìa carton		KG		60		
2	Chất thải công nghiệp thông thường không nguy hại		KG		100		
3	Pallet ván ép		cái		2		
4							
	Tổng cộng						

Tổng số tiền (viết bằng chữ):

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 24 tháng 08 năm 2024

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ Kho
(Ký, họ tên)

P.Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc nhà máy
(Ký, đóng dấu)

Mai Thùy Như

Trần n'li' Hồ Bá Công

Hà Thị Thùy Trang

Nguyễn Thanh Lâm



Bộ phận: **Kho**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Số:

Có :

Khu CNC, Tp.Thủ Đức, TP.HCM

Số chứng từ gốc kèm theo:

Giám đốc nhà máy
(Ký, ~~đóng dấu~~ 5876980)

Thị Thuý Trang



MATERIAL SAFETY DATA SHEET

Phần 1 : Giới thiệu

1.1. Product Details:

Tính chất hóa học	: Chuẩn bị dựa trên Isopropanol và hydrocarbon hỗn hợp
Tên Sản Phẩm	: LEAD FREE NO CLEAN LIQUID FLUX
Mã Sản phẩm	: BW#200-RH
Ver	: P.15
Sử dụng sản phẩm	: BW#200-RH flux được thiết kế sử dụng cho qui trình hàn sóng tự động
D.O.T. Nhóm cảnh báo	: Hỗn hợp chất lỏng dễ cháy

1.2 Nhận dạng công ty

Tên nhà cung cấp	: BILLIONWAYS VIET NAM COMPANY LIMITED
Nhà máy	: Mui Con Dai Hamlet, Phuoc Hiep, Cu Chi District, HCMC, Vietnam
Văn Phòng đại diện ở Hải phòng	: 441 Da Nang Street, Dong Hai 1 Ward, Hai An District, Hai Phong City Viet Nam
Số điện thoại liên hệ trong giờ làm việc	: +84 – 0357 17 09 80

Phần 2. Nhận dạng môi nguy hiểm

OSHA/HCS trạng thái	: This material is considered hazardous by the OSHA Hazard Communication Standard (29 CFR 1910.1200)
Classification of the substance or mixture	: FLAMMABLE LIQUIDS - Category 2 TOXIC TO REPRODUCTION (Fertility) - Category 2 TOXIC TO REPRODUCTION (Unborn child) - Category

GHS label elements
Hazard pictograms



Hazard statements
H225
Prevention

: Highly flammable liquid and vapour.

LEAD FREE LIQUID FLUX BW#200-RH

P210	: Tránh xa tia lửa, ngọn lửa và bề mặt nóng
P233	: Giữ kín trong thùng chứa
P242	: Chỉ sử dụng các công cụ không phát ra tia lửa
P243	: Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện
P264	: Rửa kỹ các khu vực tiếp xúc sau khi xử lý
P271	: Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc ở nơi thông gió tốt

Response

P301+P330+P331	: NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Không gây ói mửa
P305+P351+P338	: NẾU VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Hủy bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ dàng để làm. Tiếp tục rửa
P370+P378	: Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột, sương mù nước. Bột chịu cồn là phương tiện chữa cháy được ưu tiên, nhưng nếu không có sẵn, có thể sử dụng bình xịt nước mịn.

Storage

P402+P404	: Bảo quản ở nơi khô ráo. Bảo quản trong hộp kín
P403+P235	: Bảo quản ở nơi thông thoáng. Giữ mát

Disposal

P501	: Nếu không thể tái chế, hãy thải bỏ các chất bên trong đến nhà máy xử lý chất thải đã được phê duyệt và các thùng chứa đến bãi chôn lấp (xem Phần 13 của SDS này).
------	---

Phần 3. Thành phần/thông tin về thành phần

Ingredient name	C.A.S Number	% Weight
Isopropyl Alcohol	67-63-0	60 - 80 □ 0.07
Mixed Hydrocarbon	-	15 - 20 □ 0.07
Modified Rosin	-	0.9 - 1.3 □ 0.03
Proprietary ingredients	-	1.5 - 2.0 □ 0.03

Không có thành phần bổ sung nào, theo hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở nồng độ áp dụng, được phân loại là nguy hiểm cho sức khỏe hoặc môi trường và do đó cần phải báo cáo trong phần này

Phần 4 Biện Pháp sơ cứu

Tiếp xúc với mắt	: Rửa ngay bằng nước sạch trong 15-20 phút, nhận được sự chăm sóc y tế khẩn cấp
Tiếp xúc với da	: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và rửa sạch da bằng nước xà phòng nhẹ.
Hít Phải	: Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí ngay lập tức. Nếu thở khó khăn, quản trị oxy. Nhận sự chăm sóc y tế khẩn cấp
Nuốt phải	: KHÔNG GÂY NÓI. Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người bất tỉnh. Nhận sự chăm sóc y tế khẩn cấp

Phần 5: Biện Pháp chữa cháy

Nguy cơ cháy nổ:

Mỗi nguy hiểm chính trong các vụ hỏa hoạn thường là hít phải khí cháy nóng và độc hại hoặc thiếu oxy (hoặc cả hai). Có nguy cơ nổ vừa phải từ sản phẩm này nếu có liên quan đến hỏa hoạn với số lượng thương mại. Lính cứu hỏa nên cẩn thận và có biện pháp phòng ngừa thích hợp. Bất kỳ vụ nổ nào cũng có khả năng sẽ lan truyền lửa sang các vật liệu xung quanh. Có thể sử dụng phun nước để làm mát thùng phuy khi xảy ra hỏa hoạn, giảm nguy cơ nổ. Hơi từ sản phẩm này nặng hơn không khí và có thể tích tụ trong các hố thu, hố và các không gian thấp khác, tạo thành hỗn hợp có khả năng gây nổ. Họ cũng có thể quay lại khoảng cách đáng kể.

Phương tiện chữa cháy:

Trong trường hợp hỏa hoạn, sử dụng carbon dioxide, hóa chất khô, bột, sương mù nước. Bột chịu cồn là phương tiện chữa cháy được ưu tiên, nhưng nếu không có sẵn, có thể sử dụng bình xịt nước mịn. Cố gắng ngăn chặn sự tràn đổ, giảm thiểu sự đổ tràn vào cống hoặc dòng nước.

Chữa cháy :

Nếu một lượng đáng kể sản phẩm này gây ra hỏa hoạn, hãy gọi cho đội cứu hỏa. Có nguy cơ xảy ra phản ứng dữ dội hoặc nổ nếu một lượng lớn sản phẩm này bị cháy. Thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến nghị là bộ dụng cụ chữa cháy đầy đủ và thiết bị thở. Làm mát các thùng chứa kín, không bị hư hỏng tiếp xúc với lửa bằng cách phun nước.

Flash point:	: 14°C (57°F) Upper Flammability Limit	: 12%
Lower Flammability Limit	: 2% Autoignition	
Temperature	: 399°C	
Flammability Class	: Flammable Category 2 (GHS); Highly Flammable (AS1940).	

Phần 6: Biện pháp báo cáo tai nạn

Sự cố rò rỉ: Trong trường hợp xảy ra sự cố tràn lớn, hãy ngăn chặn sự cố tràn vào cống hoặc nguồn nước. Sơ tán khu vực tràn dầu và không cho những người không cần thiết và không được bảo vệ vào. Hãy gọi ngay cho đội cứu hỏa. Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ bao gồm cả bảo vệ mắt/mặt. Tất cả các vùng da nên được che phủ. Xem bên dưới trong phần Bảo vệ cá nhân về các Tiêu chuẩn của Úc liên quan đến thiết bị bảo hộ cá nhân. Các chất liệu phù hợp làm quần áo bảo hộ bao gồm Viton, Nitrile, cao su butyl, PE/EVAL, Replyer. Thiết bị bảo vệ mắt/mặt tối thiểu phải bao gồm kính bảo hộ. Nếu có khả năng đáng kể là hơi hoặc sương có khả năng tích tụ trong khu vực dọn dẹp, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng mặt nạ phòng độc. Thông thường, không cần dùng mặt nạ phòng độc khi sử dụng sản phẩm này. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngờ nào, hãy tham khảo Tiêu chuẩn Úc được đề cập dưới đây (phần 8). Nếu không, thông thường không cần thiết.

Phần 7 : Thao tác và bảo quản

Các biện pháp phòng ngừa	: Bảo quản trong các thùng chứa có lỗ thông hơi thích hợp, sử dụng thiết bị không phát ra tia lửa khi làm việc với hoặc xung quanh sản phẩm này. Thùng chứa phải được nổi đất trước khi chuyển vì hơi dư có thể bốc cháy. Không cắt, khoan, mài hoặc hàn trên hoặc gần thùng chứa này. Các thùng chứa rỗng chứa cặn sản phẩm, do đó hãy thay thế nút chai và vứt bỏ thùng chứa theo Quy định của Liên bang, Tiểu bang hoặc địa phương
Thao tác	: Tránh tiếp xúc với mắt. Tránh tiếp xúc lâu dài hoặc lặp đi lặp lại với da. Dập tắt mọi ngọn lửa trần trụi. Loại bỏ các nguồn gây cháy. Tránh tia lửa. Không hút thuốc. Không được đổ vào cống rãnh
Bảo quản	: Tránh xa ánh nắng trực tiếp và các nguồn nhiệt hoặc tia lửa khác.

LEAD FREE LIQUID FLUX BW#200-RH

	Không hút thuốc ở khu vực bảo quản. Giữ thùng chứa đóng kín và ở nơi thông gió tốt
Độ nhạy đặc biệt	: Nhiệt độ cao và chất oxy hóa
Nhiệt độ bảo quản	: Nhiệt độ môi trường xung quanh
Thời hạn sử dụng trung bình	: 12 tháng

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm và bảo vệ cá nhân

Bảo vệ mắt	: Kính chắn hóa chất và tấm che mặt. Không được đeo kính áp tròng.
Bảo vệ tay và cơ thể	: Găng tay không thấm hóa chất. Quần áo làm việc tiêu chuẩn. Giày hoặc ủng bảo hộ - chống hóa chất. Nếu có khả năng bị bắn tung tóe, hãy đeo tạp dề không thấm hóa chất.
Bảo vệ hô hấp	: Nếu mức phơi nhiễm vượt quá PEL/TLV, hãy sử dụng mặt nạ phòng độc được NIOSH phê duyệt cho hơi hữu cơ.
Thông gió	: Luôn duy trì thông gió đầy đủ và xả khí tại khu vực làm việc..
Other	: Phải có vòi sen an toàn và trạm rửa mắt. Nhân viên phải được đào tạo về cách sử dụng và xử lý an toàn các hóa chất độc hại. Sử dụng thực hành vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống rượu hoặc sử dụng nhà vệ sinh

Phần 9 : Tính chất vật lý và hóa học

PEL (Isopropyl Alcohol)	: 300ppm
TLV (Isopropyl Alcohol)	: 300ppm
PEL (Proprietary ingredients)	: NE
TLV (Proprietary ingredients)	: NE
Physical state	: Liquid
Appearance	: Transparent light yellowish liquid or colorless
Odor	: Light alcohol and hydrocarbon
Boiling Point	: 82°C - 90 °C
Vapor Pressure	: 33 mmHg at 20°C
Vapor Density (air=1)	: 2.1
Flash point (T.O.C.)	: 14°C (57°F)

LEAD FREE LIQUID FLUX BW#200-RH

Autoignition Temperature	: 401°C (752°F)
Flammability Limit in air (%)	: Lower: 2% Upper: 12%
Specific Gravity (water=1)	: 0.740 ± 0.07
Solubility in water	: Partially soluble
Solid content (% by wt)	: 4.0 ± 2.0 %
Evaporation Rate (butyl acetate=1)	: 2.3
Percent Volatile (by weight)	: ~90%

Phần 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng: Sản phẩm này không có khả năng phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện bảo quản bình thường. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngờ nào, hãy liên hệ với nhà cung cấp để được tư vấn về đặc tính thời hạn sử dụng

Các điều kiện cần tránh: Sản phẩm này nên được bảo quản ở nơi mát mẻ, tốt nhất là dưới 30°C. Giữ thùng chứa đóng chặt. Giữ thùng chứa và các khu vực xung quanh được thông gió tốt. Tránh xa nguồn tia lửa hoặc lửa. Xử lý và mở thùng chứa cẩn thận. Bất kỳ thiết bị điện nào trong khu vực sản phẩm này phải được chống cháy.

Tính không tương thích: chất oxy hóa..

Phân hủy cháy: Đốt cháy tạo thành carbon dioxide, và nếu không hoàn toàn, carbon monoxide và có thể khói. Nước cũng được hình thành. Ngộ độc carbon monoxide gây đau đầu, suy nhược, buồn nôn, chóng mặt, lú lẫn, mờ mắt, rối loạn khả năng phán đoán và bất tỉnh, sau đó là hôn mê và tử vong.

Phản ứng trùng hợp: Sản phẩm này sẽ không trải qua phản ứng trùng hợp

Phần 11. Thông tin độc tính

Giới hạn phơi nhiễm	: Xem Phần 8 để biết thành phần
Isopropyl alcohol	: LD50: 5045 mg/kg (acute oral, rat) LD50: 3600 mg/kg (oral, mouse) : LD50: 12800 mg/kg (acute dermal, rabbit) : LC50: 16000 ppm (8 hours acute inhalation, rat)

Phần 12. Thông tin sinh thái

Không dễ sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải

Phần 13. Cân nhắc thải bỏ

Thải bỏ: Sản phẩm này có thể được tái chế nếu không được sử dụng hoặc nếu nó không bị nhiễm bẩn đến mức không phù hợp với mục đích sử dụng. Nếu nó đã bị ô nhiễm, có thể thu hồi sản phẩm bằng cách lọc, chưng cất hoặc một số phương pháp khác. Nếu cả hai lựa chọn này đều không phù hợp tại nhà, hãy cân nhắc việc đốt có kiểm soát hoặc liên hệ với công ty xử lý chất thải chuyên nghiệp.

LEAD FREE LIQUID FLUX BW#200-RH

Phần 14. Thông tin vận tải

Road transport ADR/RID	
UN No	: 1219
Class	: 3
Item	: 3b
Hazard symbol	: Flammable liquid
Kemler number	: 33
Maritime transport	: IMO
UN No	: 1219
Class	: 3
Packing group	: II
Hazard symbol	: Flammable liquid
Marine pollutant	: No

Phần 15. Thông tin về các quy định

Vật liệu nguy hiểm theo định nghĩa của Thông số kỹ thuật liên lạc nguy hiểm đối với hóa chất nguy hiểm và hàng nguy hiểm

Phần 16. Thông tin khác

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN NÀY CHỨA CÁC BẢN SỬA ĐỔI SAU ĐÂY: Các cập nhật được thực hiện theo việc thực hiện các yêu cầu của GHS. Số sửa đổi: Rev. A

Ngày sửa đổi: 18 tháng 6 năm 2021

Thông tin trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được coi là chính xác và chỉ được cung cấp để cung cấp thông tin, xem xét và điều tra.

BillionWays không bảo đảm, không đưa ra tuyên bố và không chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ hoặc phù hợp của dữ liệu này đối với việc sử dụng của bất kỳ người mua nào. Dữ liệu trên Bảng dữ liệu an toàn này chỉ liên quan đến sản phẩm này và không liên quan đến việc sử dụng với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào. Tất cả các sản phẩm hóa chất chỉ được sử dụng bởi hoặc dưới sự chỉ đạo của nhân viên có trình độ kỹ thuật, những người nhận thức được các mối nguy hiểm liên quan và sự cần thiết phải cẩn thận hợp lý khi xử lý. Các quy định về truyền thông về mối nguy hiểm yêu cầu nhân viên phải được đào tạo cách sử dụng Bảng dữ liệu an toàn làm nguồn thông tin về mối nguy hiểm.



Vui lòng đọc tất cả các nhãn cẩn thận trước khi sử dụng sản phẩm.

SDS này được chuẩn bị phù hợp với tài liệu SWA "Chuẩn bị Bảng dữ liệu an toàn cho các chất nguy hiểm"

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	Tiêu đề Title	MSDS An toàn hóa chất keo 201	Phiên bản Rev	0
	Số T.Liệu Doc No.	MSDS-2901-2018	Trang Page	2 / 9

1, Thông tin hóa chất và thông tin nhà sản xuất :

- Tên hóa chất : Keo 201 (2-cyanoethyl acrylate)
- Mã hàng:
- Tên nhà sản xuất: Công ty TNHH Đông Á Synthetic (Chu Hải)
- Địa chỉ: Chu Hải Amethyst Road 2372 Khu công nghiệp Mei Wah 2 tầng, 1, 2, 3
- Điện thoại: 86-756-8508810

2, Một bản tóm tắt về sự nguy hiểm :

Các mối nguy và tác động quan trọng: Sản phẩm này là tiêu chí phân loại theo tiêu chuẩn GHS

- Khẩn cấp Tổng quan: Khi tiếp xúc với nước, sẽ lan vào mắt, mũi và họng và kích ứng khi hít phải hoặc tiếp xúc với da.
- Có thể gây hại: Rò rỉ, hít phải, tiếp xúc mắt hoặc tiếp xúc với da trong quá trình vận chuyển
- Hít phải: chất lỏng hoặc khí trên mũi, cổ họng, phổi có tác dụng kích thích .
- Mắt: tiếp xúc tức thời gây đau mắt.
- Da: Nguyên nhân tiếp xúc trực tiếp với da.
- Nuốt phải: Có thể gây thương tích.
- Tác động môi trường tiềm ẩn: Không biết.

Phân loại GHS

Nguy hiểm về thể chất và hóa học:

- Chất nổ: có thể được phân loại
- Khí dễ cháy: không áp dụng
- Chất dễ cháy: không áp dụng
- Khí oxy hoá: Không áp dụng
- Gas dưới áp suất: không áp dụng
- Chất lỏng dễ cháy: Loại 4
- Chất rắn dễ cháy: Không áp dụng
- Các chất tự phản ứng: không được phân loại
- Chất lỏng tự phát: không được phân loại
- Chất rắn tự phát: Không áp dụng
- Các chất tự sưởi ấm: không được phân loại
- Các chất phát ra các khí dễ cháy khi tiếp xúc với nước: Không áp dụng.
- Chất oxy hoá: Không áp dụng.
- Chất rắn oxy hóa: Không áp dụng.
- Peroxit hữu cơ: Không áp dụng.
- Chất ăn mòn kim loại: Không được phân loại

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS An toàn hóa chất keo</i> 201	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-2901-2018	<i>Trang</i> Page	3 / 9

Có hại cho sức khỏe con người

- Độc tính cấp tính (đường uống): Không được phân loại
- Độc tính cấp tính (qua da): Không được phân loại.
- Độc tính cấp tính (hít: khí): Không áp dụng.
- Độc tính cấp (hít: Hơi): Không được phân loại.
- Độc tính cấp tính (bụi, khói): Không được phân loại.
- Ăn mòn da / kích ứng: Loại 2.
- Tổn thương mắt nghiêm trọng / kích ứng mắt: Loại 2B.
- Dị ứng đường hô hấp: không phân loại.
- Dị ứng da: loại 1.
- Đột biến tế bào mầm: không được phân loại.
- Khả năng gây ung thư: Không được phân loại.
- Độc tính sinh sản: Không được phân loại.
- Hút độc cơ thể mục tiêu - tiếp xúc đơn: không đề cập đến.
- Độc tính tới cơ quan đặc biệt (tiếp xúc nhiều lần): Không có.

Nguy cơ về môi trường

- Thủy sinh vật cấp tính: Không được phân loại.
- Chậm sống Nguy hiểm Môi trường thủy sinh: Chưa được phân loại.

Nhãn GHS.

- Từ tín hiệu: cảnh báo.
- Mô tả nguy hiểm: Chất lỏng dễ cháy.



- Gây kích ứng da.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	Tiêu đề Title	MSDS An toàn hóa chất keo 201	Phiên bản Rev	0
	Số T.Liệu Doc No.	MSDS-2901-2018	Trang Page	4 / 9

-Gây kích ứng mắt.

-Có thể gây dị ứng da.



-Phải đeo kính.

-Phải đeo găng tay an toàn (găng tay polyethylenc).

3, Thông tin và thành phần hóa học :

-Tên hoá học: 1. 2-cyanoethyl acrylate

2. Phụ gia

-Công thức phân tử: 1. CH₂C (CN) COOC₂H₅

2. bí mật thương mại

-Thành phần: 1. nội dung ≥ 99%

2. nội dung ≤ 1%

-Số CAS: 1. 7085-85-0

2. bí mật thương mại

-Tạp chất và phụ gia, được xếp vào loại sản phẩm: Không

4, Các biện pháp sơ cứu :

-Hít phải: Nếu hít phải, hít vào không khí trong lành, tiến hành điều trị y tế chuyên nghiệp.

-Tiếp xúc mắt: Rửa với nhiều nước trong 15 phút và tìm sự chăm sóc y tế.

-Tiếp xúc với da: Nếu tiếp xúc với da, rửa vùng da tiếp xúc với xà phòng và nước, nếu có đau, tìm tư vấn y tế.

-Nuốt phải: Nếu nuốt phải, rửa miệng bằng nhiều nước, uống thật nhiều nước và tìm tư vấn y tế ngay. Đối với những người vô thức, Không đặt bất cứ thứ gì trong miệng.

5, Các biện pháp chữa cháy :

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS An toàn hóa chất keo</i> 201	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-2901-2018	<i>Trang</i> Page	5 / 9

- Dập tắt: bình chữa cháy bột khô (carbon dioxide khô)
- Các quy trình hỏa hoạn chuyên biệt: đeo khẩu trang hoặc mặt nạ
- Thương tích đặc biệt: Sự đốt cháy không đầy đủ và nhiệt độ cao có thể gây bỏng vật lý.
- Trong một môi trường khép kín và nhiệt độ cao, nó có khả năng cháy nổ.
- Chất chống cháy không phù hợp: không rõ
- Thiết bị bảo vệ: một số lượng lớn các loại vải bảo vệ và mặt nạ khí

6, Xử lý ngẫu nhiên rò rỉ :

- Loại bỏ tất cả các nguồn lửa.
- Rất nhiều vết rò rỉ: lau, sạch sẽ, thoáng khí, phủ cát hoặc đất sét bọc khăn thấm.
- Một lượng nhỏ rò rỉ: ngâm bằng chất hấp thụ, loại bỏ chỗ rò rỉ.

7, Vận hành và lưu trữ :

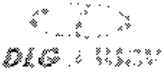
Các biện pháp phòng ngừa:

- Tránh tiếp xúc với da và mắt, tránh tiếp xúc với các tác nhân điều trị bề mặt, và tránh xa tầm với của trẻ em. Sử dụng
- Khi sự chú ý dễ giữ không khí lưu thông, được lưu trữ ở nơi mát mẻ.

8, Kiểm soát liên lạc và bảo vệ cá nhân :

- Giới hạn phơi nhiễm cho phép: ACGIH (2011): TLV-TWA 0,2 ppm (2-ethyl cyanoacetat)
- Bảo vệ hô hấp: sử dụng bình thường mà không được bảo vệ
- Thiết bị thông gió: Thiết bị thông gió đặt gần khu vực hạn chế phát thải
- Găng tay bảo hộ: găng tay polyethylen
- Bảo vệ mắt: kính hoặc kính bảo hộ
- Quần áo hoặc thiết bị bảo vệ: sử dụng bình thường, không được bảo vệ

9, Tài sản vật lý và hóa học :

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS An toàn hóa chất keo</i> 201	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-2901-2018	<i>Trang</i> Page	6 / 9

- Ngoại hình: chất lỏng vàng không màu hoặc vàng nhạt
- Mùi: mùi độc đáo
- Giá trị PH: không có tiêu chuẩn
- Điểm sôi: 60 ~ 62 °C (667 Pa)
- Điểm nóng chảy: không có tiêu chuẩn
- Điểm chớp cháy: 85 °C
- Trọng lượng chính xác: 1,05 (20 °C)
- Độ hòa tan: hòa tan trong toluene, axeton, ethyl acetate
- Độ nhớt (mPa · s): 1,0 đến 5,0 (25 ° C)
- Mật độ hơi nước: không có tiêu chuẩn

10, Tính ổn định và phản ứng :

- Sự ổn định hóa học: một lượng nhỏ hơi nước hoặc thậm chí một lượng không khí nhỏ, có thể dẫn
- Sự không tương thích: Amin như nước, rượu, các hợp chất cơ bản
- Polyme Nguy hiểm: Có thể xảy ra trùng hợp nhanh
- Tránh điều kiện: nhiệt độ cao, độ ẩm cao, ánh sáng rực rỡ

11, Thông tin về độc tính :

- Độc tính cấp tính: LD50 (uống)> 5000mg / kg (lớn)
- LD50 (qua da)> 2000 mg / kg (thỏ)
- Độc tính cấp tính: Không có dữ liệu
- Kích ứng da: Loại 2
- Kích ứng mắt: Loại 2B
- Dị ứng: loại 1 (da)
- Tác động gây đột biến: Không có dữ liệu)
- Tính gây ung thư: Không có dữ liệu

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS An toàn hóa chất keo</i> 201	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-2901-2018	<i>Trang</i> Page	7 / 9

- Độc tính sinh sản: Không có dữ liệu
- Cơ quan đích cụ thể: Không được phân loại

12, Thông tin sinh thái :

- Tác động Sinh thái: Không có dữ liệu

13, Xử lý chất thải :

- Phương pháp xử lý chất thải: chất thải keo nhỏ giọt vào trong nước
- Sẽ yêu cầu xử lý. (Thực hiện theo luật: "Chất thải rắn

14, Thông tin vận tải :

Vận chuyển

IMO / IMDG

Thẻ loại: Không áp dụng

Phân loại Bao bì: Không áp dụng

Số UN: Không áp dụng

Phí vận chuyển: không áp dụng

Các chất ô nhiễm biển: Không áp dụng

Vận tải hàng không

ICAO / IATA

Thẻ loại: Không áp dụng

Phân loại Bao bì: Không áp dụng

Số UN: Không áp dụng

Tên chuyển bay phù hợp: Không áp dụng

15, Thông tin quy định :

- Tất cả các thành phần được liệt kê trong một bản kiểm kê chi tiết các chất hóa học hiện có của Trung Quốc.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS An toàn hóa chất keo</i> 201	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-2901-2018	<i>Trang</i> Page	8 / 9

-Quy định Quản lý An toàn Hóa chất Nguy hại: Không áp dụng (Danh mục hoá chất độc hại năm 2015, Danh mục các chất độc hại)

- Vận tải đường bộ các quy định về hàng nguy hiểm: Không áp dụng

- Sử dụng các chất độc hại Pháp lệnh Bảo hộ Lao động: Không áp dụng (Hàng tồn kho chất độc hại tổng thể, Hàng tồn kho Chất độc cao)

-Nhập khẩu lần đầu tiên của hóa chất và xuất nhập khẩu các chất độc hại Quy định về môi trường: Không áp dụng

(Trung Quốc nghiêm cấm nhập khẩu và xuất khẩu phụ lục thư mục hoá chất độc hại)

- Quy định Kiểm soát Hóa học: Không áp dụng (Phụ lục Danh mục Hóa chất Kiểm soát)

- Thực tiễn quản lý xuất nhập khẩu ODS: Không áp dụng

(Danh mục ODS Xuất nhập khẩu Trung Quốc từ lần đầu tiên đến đợt thứ 6)

-Các quy định về kiểm soát hóa chất tiền chất: Không áp dụng (Danh mục và các thành phần khác nhau của Hóa chất tiền thân)

Luật Phòng, chống ô nhiễm chất thải rắn: keo thải sau xử lý, áp dụng theo Nghị định, Điều HW13

900-014-13 Chất (Danh mục chất nguy hại quốc gia Phụ lục A)

Các biện pháp kiểm soát ô nhiễm gây ra bởi các sản phẩm thông tin điện tử: Không áp dụng được (Điều 3 (4))

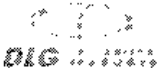
Xử lý các thiết bị điện gia dụng và sản phẩm điện tử Kiểm soát và Kiểm soát ô nhiễm Các chính sách về Công nghệ: Không áp dụng (a) Tổng quát (b) Định nghĩa 3)

Phân loại hoá chất và công khai nguy hiểm GB 13690-2009: Có thể áp dụng một phần

16, Thông tin khác :

-Các "mối nguy hiểm vật lý và hóa học của các chất khác nhau", "nguy hại cho sức khoẻ con người", "mối nguy về môi trường" của việc đánh giá, ở Nhật Bản

-Việc đánh giá "Các nguyên tắc Công nghệ Đánh giá Sản phẩm" này được thực hiện như là một chuẩn.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	MSDS An toàn hóa chất keo 201	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-2901-2018	<i>Trang</i> Page	9 / 9

-Thông tin này dựa trên kinh nghiệm cơ bản của chúng tôi, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về hậu quả của bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại. (Ngoại trừ Bên ngoài pháp luật)

-Thông tin này không ràng buộc về mặt pháp lý đối với việc sản xuất các nguyên liệu thô khác. Vì vậy, khách hàng có thể hỗ trợ thử nghiệm riêng của họ để đáp ứng

Điều quan trọng là yêu cầu của riêng mình phù hợp với sản xuất của chính mình.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	BẢNG DỮ LIỆU VỀ AN TOÀN CHÌ MSDS	<i>Phiên bản</i> Rev	01
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1312-2017	<i>Trang</i> Page	2 / 7

I) Thông tin hóa chất và thông tin nhà sản xuất :

Tên hóa chất : Chì Lead free
Mã hàng: FLY905-CW-4
Tên nhà sản xuất: Yik Shing Tat Industrial Co.,Ltd
Địa chỉ: Qianjin second Rd, 75 Zone, 76 Section Xixiang, Baoan District, Shenzhen, P.R. China
Điện thoại: 86-755-2757 3328

II) Thành phần của dung dịch hóa chất / dung môi :

STT	Thành Phần	Tỉ lệ %	Phân loại nguy hiểm
1	Sn	96.5%	
2	Ag	3%	
3	Cu	0.5%	

III) NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Trạng thái	Chất rắn
Tổng quan về tình trạng khẩn cấp	Hơi bốc lên trong quá trình hàn gây kích ứng mắt và có thể gây đau đầu và kích thích hệ hô hấp hoặc nguy hại. Tiếp xúc kéo dài hoặc lặp lại với hơi khói trong suốt quá trình hàn có thể dẫn đến phản ứng dị ứng ở người nhạy cảm, dẫn đến triệu chứng hen. Có hại nếu hít phải hoặc nuốt phải.
Đường xâm nhập	☐ Da ☐ Mắt ☐ Hô hấp ☐ Tiêu hóa
Cơ quan	Khói flux: mắt, màng nhầy và hệ hô hấp.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	BẢNG DỮ LIỆU VỀ AN TOÀN CHỈ MSDS	<i>Phiên bản</i> Rev	01
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1312-2017	<i>Trang</i> Page	3 / 7

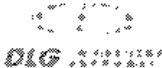
Tác động tiềm ẩn về sức khoẻ phơi nhiễm của ACUTE (nghiêm trọng trong thời gian ngắn)	
Hít phải	Hơi nóng chảy trong quá trình hàn có thể gây kích ứng và tổn thương màng nhầy và hệ hô hấp.
Tiếp xúc với mắt	Hơi do tiếp xúc với khói từ việc hàn.
Tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cục bộ do tiếp xúc với tia hoặc khói.
Tiêu hóa	Có thể có hại nếu nuốt phải. Hầu hết các chất hàn dán sẽ đi qua cơ thể không bị hấp thụ.
Hấp thụ qua da	Không
Ảnh hưởng tiềm ẩn về sức khoẻ của phơi nhiễm CHRONIC (kéo dài)	
Hít khói và bụi do sản phẩm này sản xuất có thể nguy hại trong trường hợp nuốt phải, hít phải. Sản phẩm này có thể nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (gây kích ứng, chất nhạy cảm), mắt tiếp xúc (gây kích ứng).	

IV) Các biện pháp sơ cứu:

Các phương pháp sơ cứu đối với các đường tiếp xúc khác nhau:
Tìm kiếm trợ giúp y tế để điều trị, quan sát và hỗ trợ thêm nếu cần. Tiếp xúc với mắt : Rửa mắt với nhiều nước và chăm sóc y tế. Tiếp xúc với da Tiếp xúc kéo dài và lặp lại với da trần có thể gây kích ứng. Rửa nhẹ nhàng và kỹ lưỡng da bị dính phải bằng nước máy và xà bông Hít : Loại bỏ người khỏi tiếp xúc với khói. THỨC ĂN : Loại bỏ răng giả nếu có. Nếu còn tỉnh táo uống vài ly nước hoặc sữa. Làm nôn ra bằng cách đưa ngón tay vào cổ họng. Hạ đầu để nôn mửa sẽ không trở lại miệng và cổ họng. Không bao giờ cho bất cứ người nào bất tỉnh uống gì cả. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

V) Các biện pháp chữa cháy

Khả năng cháy ☐ Yes ☒ No
Điểm bắt cháy (T.O.C) N.E.
Nhiệt độ tự bắt lửa N.E.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	BẢNG DỮ LIỆU VỀ AN TOÀN CHỈ MSDS	<i>Phiên bản</i> Rev	01
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1312-2017	<i>Trang</i> Page	4 / 7

Tính dễ cháy Giới hạn phần trăm thể tích trong không khí N.F.				
Phương tiện chữa cháy	☐ Water	☒ Carbon Dioxide	☐ Alcohol Foam	☐ Dry Chemical
Các sản phẩm đốt cháy nguy hiểm Carbon monoxide, carbon dioxide.				
Tác động nổ	Không xác định			
Độ nhạy xả tĩnh điện	☐ Yes	☒ No		
Thủ tục chữa cháy đặc biệt Tránh hít khói. Mang dụng cụ thở độc lập nếu vật liệu này ở gần lửa.				

VI) Phương pháp xử lý và bảo quản

Lưu trữ : Lưu trữ ở 3 -10 °C trong bình chứa kín. Lưu trữ ở nơi khô ráo.

Phòng ngừa xử lý : Giữ các thùng chứa kín khi không sử dụng.

Đề phòng cá nhân : Rửa tay sau khi dán bột hàn và trước khi ăn hoặc hút thuốc. Cần cẩn thận để loại bỏ dán từ dưới móng tay.

VII: KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Kiểm soát Kỹ thuật

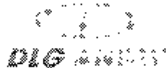
Sử dụng thùng quy trình, thông gió thải cục bộ, hoặc các thiết bị kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức không khí thấp hơn giới hạn phơi nhiễm được khuyến cáo. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra bụi, khói hoặc sương thì sử dụng thông gió để tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí dưới mức giới hạn phơi nhiễm.

Bảo vệ cá nhân :

Mắt : Kính an toàn hoặc kính bảo hộ phải được sử dụng.

Hô hấp : Khi thông khí không đủ để loại bỏ khói từ khu vực thở, phải có mặt nạ thở an toàn được chứng nhận hoặc thiết bị thở tự chứa.

Tay Mang găng tay cao su hoặc vải để tránh tiếp xúc với da.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	BẢNG DỮ LIỆU VỀ AN TOÀN CHÌ MSDS	<i>Phiên bản</i> Rev	01
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1312-2017	<i>Trang</i> Page	5 / 7

Thực hành công tác vệ sinh

Rửa tay thật kỹ sau khi xử lý hóa chất.

VIII : Đặc điểm vật lý hóa chất

Physical State at 20 °C	Solid (Paste).	Specific Gravity (water = 1 at 25 °C)	>7
Boiling Point (760 mm Hg)	N.A.	Melting Point	217~221°C
Vapor Pressure (mm Hg at 20 °C)	N.A.	Evaporation Rate (butyl acetate = 1)	<0.1
Vapor Density (air = 1)	N.A.	Percent Volatile (by volume)	<1%
Solubility in Water (% by weight)	Insoluble	Volatile Organic Compound (VOC)	N.A.
PH	N.A.	Odor Threshold	N.E.
Freezing Point (760 mm Hg)	N.A.	Coefficient of Water / Oil Distribution	N.E.
Appearance and Odor	Gray metallic paste with mild odor.		

IX : Tính ổn định và phản ứng ☺ Ổn định ○ Không ổn định

Điều kiện cần tránh : Không thành lập.

Không tương thích với : Các chất khác nhau

Phản ứng với các chất oxy hóa.

Phân hủy : Nguy hiểm

Các sản phẩm : Không áp dụng.

Khả năng ăn mòn : Không áp dụng.

X : THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Ảnh hưởng độc và mãn tính đối với con người

Khói thuốc và bụi do sản phẩm này sản xuất có thể nguy hại trong trường hợp nuốt phải, hít phải.

Sản phẩm này có thể nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (gây kích ứng, chất nhạy cảm), mắt

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	BẢNG DỮ LIỆU VỀ AN TOÀN CHÌ MSDS	<i>Phiên bản Rev</i>	01
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1312-2017	<i>Trang Page</i>	6 / 7

tiếp xúc (gây kích ứng).

ẢNH HƯỞNG MUTAGENIC: Không có sẵn.

Sản phẩm có thể độc hại đối với máu, thận, phổi, hệ thần kinh, hệ sinh sản, lá lách, não, hệ tiêu hóa, đường tiêu hóa, đường hô hấp trên, da, hệ thần kinh trung ương, mắt, ống kính hoặc giác mạc, tuyến giáp. Tiếp xúc lâu dài với chất này có thể gây hại cho cơ quan đích. Việc tiếp xúc nhiều lần với chất độc hại có thể gây ra sự suy thoái về sức khỏe nói chung do sự tích tụ trong một hoặc nhiều cơ quan của con người.

XI : THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Phần này có thể phát triển trong tương lai. Khả năng phân hủy sinh học Dữ liệu không được thiết lập. Không xác định được Dữ liệu Độc hại về Nước.

XII : CÂN NHẮC XỬ LÝ

Các phương pháp xử lý chất thải

Solder dán có thể được tan chảy để lấy lại các kim loại hàn.

THẬN TRỌNG: Các thùng chứa rỗng có thể chứa dư lượng sản phẩm. Tuân theo tất cả các biện pháp đề phòng nhãn.

XIII - THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

Phân loại : DOT

Không phải là tài liệu được kiểm soát bởi DOT (Hoa Kỳ).

Phân loại ADR / RID

Không được kiểm soát theo ADR (Châu Âu).

Phân loại TDG

Không được kiểm soát theo TDG (Canada).

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	BẢNG DỮ LIỆU VỀ AN TOÀN CHỈ MSDS	<i>Phiên bản</i> Rev	01
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1312-2017	<i>Trang</i> Page	7 / 7

XIV - THÔNG TIN VỀ LUẬT PHÁP

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm này được liệt kê trong EPA (Environmental Protection

Cơ quan) TSCA (Đạo luật Kiểm soát Chất độc) Hàng tồn kho. B2 D2B

Châu Âu

Chỉ thị của Hội đồng Châu Âu 67/548 / EEC

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	Tiêu đề Title	MSDS KYZEN E5615	Phiên bản Rev	0
	Số T.Liệu Doc No.	MSDS-1403-2018	Trang Page	2 / 8

1. Thông tin hóa chất và thông tin nhà sản xuất :

- Tên sản phẩm: KYZEN E5615
- Tên nhà sản xuất: KYZEN
- Nhà phân phối : RMG Technologies Vietnam Co., Ltd.
- Địa chỉ: 159/59 Tran Van Dang Str., Ward 11, District 3, HCM City, Vietnam
- Số điện thoại : +84 28 3931 7620
- Fax: +84 28 3931 7620

2. Nhận diện mối nguy hiểm

· Phân loại chất hoặc hỗn hợp

Sản phẩm không được phân loại theo Globally Harmonised System (GHS)

Yếu tố nhãn

- Các thành phần nhãn hiệu GHS
- Biểu tượng cảnh quan
- Tín hiệu từ
- Báo cáo nguy hiểm

Các mối nguy hiểm khác

- Kết quả đánh giá PBT và vPvB

PBT: Không áp dụng.

vPvB: Không áp dụng.

3. Thành phần / Thông tin về các thành phần

Đặc tính hóa học: Hỗn hợp

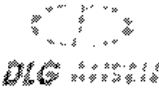
Miêu tả: Hỗn hợp các chất được liệt kê dưới đây với các chất bổ sung không nguy hiểm.

Các thành phần nguy hiểm:		
111109-77-4	Dipropylene glycol dimethyl ether	10-<25%
29911-27-1	Dipropylenc glycol n-propyl ether	3-<10%

4. Biện pháp sơ cứu

Mô tả các biện pháp sơ cứu

- Thông tin chung: Không có các biện pháp đặc biệt.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	Tiêu đề Title	MSDS KYZEN E5615	Phiên bản Rev	0
	Số T.Liệu Doc No.	MSDS-1403-2018	Trang Page	3 / 8

- Sau khi hít phải: Cung cấp không khí trong lành; tham khảo ý kiến bác sĩ trong trường hợp cần thiết.
- Sau khi tiếp xúc với da: Nói chung sản phẩm không gây kích ứng da.
- Sau khi tiếp xúc mắt: Rửa mắt mở mắt trong vài phút dưới nước chảy.
- Sau khi nuốt: Nếu có các triệu chứng bất thường vẫn tiếp tục hỏi bác sĩ.
- Thông tin cho bác sĩ:
- Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng, cả cấp tính và mãn tính. Không có thêm thông tin liên quan. Chỉ định sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt khi cần thiết : không có thêm thông tin có liên quan.

5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện dập tắt

Các chất chống cháy thích hợp: CO₂, bột hoặc nước phun. Chồng lửa lớn bằng phun nước hoặc bột chống cồn.

Các nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

Không có thêm thông tin có liên quan.

Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

Thiết bị bảo vệ: Không yêu cầu biện pháp đặc biệt.

6. Các biện pháp giảm thiểu tai nạn

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và các thủ tục khẩn cấp: Không yêu cầu.

Những phòng ngừa thuộc về môi trường:

Pha loãng với nhiều nước.

Không cho phép vào cống / mặt nước hoặc nước ngầm.

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch: Hấp thụ với vật liệu liên kết lỏng (cát, diatomite, chất kết dính axit, chất kết dính phổ quát, mùn cưa).

Tham khảo các phần khác

Không có chất nguy hiểm được giải phóng.

Xem Phần 7 để biết thông tin về cách xử lý an toàn.

Xem Mục 8 để biết thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân.

Xem Mục 13 để biết thông tin về việc thải bỏ.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	MSDS KYZEN E5615	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1403-2018	<i>Trang</i> Page	4 / 8

7. Xử lý và lưu trữ

Xử lý:

- Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn : Không yêu cầu các biện pháp đặc biệt.
- Thông tin về bảo vệ cháy, nổ: Không yêu cầu phải có biện pháp đặc biệt.

Điều kiện lưu trữ an toàn, bao gồm bất kỳ sự không tương thích

· Lưu trữ:

- Yêu cầu phải đáp ứng các kho và kho chứa: Không có yêu cầu đặc biệt.
- Thông tin về việc bảo quản trong một kho chứa chung: Không bắt buộc.

8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

- Thông tin bổ sung về thiết kế cơ sở vật chất kỹ thuật: Không có thêm dữ liệu; xem mục 7.

· Thông số điều khiển

- Thành phần với các giá trị giới hạn yêu cầu giám sát tại nơi làm việc:

Sản phẩm không chứa bất kỳ số lượng vật liệu có liên quan với các giá trị quan trọng cần phải được giám sát tại nơi làm việc.

- Thông tin bổ sung: Các danh sách hợp lệ trong quá trình làm việc được sử dụng làm cơ sở.

· Kiểm soát phơi

- Thiết bị bảo vệ cá nhân:

- Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh chung:

Các biện pháp phòng ngừa thông thường phải được tuân thủ khi xử lý hóa chất.

- Bảo vệ hô hấp: Không bắt buộc.

Bảo vệ tay:

Các vật liệu làm găng tay phải không thấm và bền với sản phẩm / chất / chế phẩm.

Do các bài kiểm tra thiếu nên không đưa ra khuyến cáo về vật liệu làm găng tay cho sản phẩm / pha chế / hỗn hợp hóa học.

Lựa chọn vật liệu làm găng tay khi xem xét thời gian thâm nhập, tỷ lệ khuếch tán và suy thoái

· Chất liệu của găng tay

Vì sản phẩm là một sự pha chế của một số chất nên không thể tính toán được sự đề kháng của vật liệu làm găng tay trước khi ứng dụng.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	MSDS KYZEN E5615	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1403-2018	<i>Trang</i> Page	5 / 8

- Thời gian xuyên thấu của vật liệu làm găng tay

Thời gian xuyên thấu chính xác phải được phát hiện bởi nhà sản xuất găng tay bảo hộ và phải được theo dõi.

- Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ được đề nghị trong quá trình bơm

9. Tính chất vật lí và hóa học

Hình thức	Chất lỏng
Màu sắc	Không màu
Mùi	Nhẹ
Ngưỡng về mùi	Không xác định.
Giá trị pH ở 20 ° C	7,5
Điểm nóng chảy / Dãy nóng chảy	Chưa xác định.
Nhiệt độ sôi	93 ° C
Nhiệt độ bốc hơi	> 93 ° C
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không áp dụng
Nhiệt độ phân hủy	Không xác định
Tự bốc cháy	Sản phẩm không tự bốc cháy
Nguy hiểm khi nổ	Sản phẩm không gây nguy hiểm cho nổ.
Giới hạn nổ	Không xác định
Áp suất hơi ở 20 ° C	23 hPa
Mật độ ở 20 ° C	0,985 g / cm ³
Mật độ tương đối	Không xác định
Mật độ hơi	Không xác định
Tỷ lệ bốc hơi	Không xác định
Tính hòa tan trong / Khả thi với	Nước: Hòa tan hoàn toàn
Hệ số phân chia (n-octanol / nước)	Không xác định.
Độ nhớt	Không xác định.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS KYZEN E5615</i>	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1403-2018	<i>Trang</i> Page	6 / 8

Hàm lượng dung môi	VOC (EC) 0,00%
Thông tin khác	Không có thêm thông tin có liên quan

10. Độ ổn định và phản ứng

Phản ứng

- Ổn định hóa học
- Nhiệt độ phân hủy / điều kiện để tránh: Không phân hủy nếu được sử dụng theo quy cách.

Khả năng phản ứng nguy hiểm : Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến.

Điều kiện cần tránh : Không có thêm thông tin có liên quan.

Tài liệu không tương thích: Không có thêm thông tin có liên quan.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm.

11. Thông tin về độc tính

Thông tin về các ảnh hưởng độc hại

- Độc tính cấp tính:
- Tác dụng kích ứng ban đầu:
- Trên da: Không có tác dụng kích ứng.
- Trên mắt: Không có tác dụng kích ứng.
- Nhạy cảm: Không có phản ứng nhạy cảm.
- Thông tin về độc tính bổ sung:

Sản phẩm không thuộc đối tượng phân loại theo phương pháp tính của EU

Hướng dẫn phân loại cho các chế phẩm như được phát hành trong phiên bản mới nhất.

Khi sử dụng và xử lý theo các yêu cầu kỹ thuật, sản phẩm không có bất kỳ ảnh hưởng có hại nào đối với kinh nghiệm của chúng tôi và thông tin cung cấp cho chúng tôi

12. Thông tin sinh học

Độc tính

Độc tính về nước: Không có thêm thông tin liên quan.

Tính bền bỉ và khả năng phân hủy: Không có thêm thông tin có liên quan.

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	<i>Tiêu đề</i> Title	<i>MSDS KYZEN E5615</i>	<i>Phiên bản</i> Rev	0
	<i>Số T.Liệu</i> Doc No.	MSDS-1403-2018	<i>Trang</i> Page	7 / 8

Hành vi trong các hệ thống môi trường:

- Khả năng tích lũy sinh học : Không có thêm thông tin liên quan.
- Tính lan truyền trong đất : Không có thêm thông tin liên quan.
- Thông tin sinh học bổ sung:
- Ghi chú chung:

Cấp độ nguy hại đối với nước 1 (Quy định của Đức) (Tự đánh giá): hơi độc hại đối với nước
Không cho phép sản phẩm bị pha loãng hoặc một số lượng lớn để tiếp cận nước ngầm, đường nước hoặc hệ thống nước thải

- Kết quả đánh giá PBT và vPvB
- PBT: Không áp dụng.
- VPvB: Không áp dụng.
- Tác dụng phụ khác

Không có thêm thông tin có liên quan.

13. Các cân nhắc khi thải bỏ

- **Các phương pháp xử lý chất thải**
- Khuyến nghị Số lượng nhỏ có thể được xử lý cùng với chất thải gia đình.
- **Đóng gói không sạch:**
- Đề nghị: Việc thải bỏ phải được thực hiện theo các quy định chính thức.
- Các chất tẩy rửa đề nghị: Nước, nếu cần thiết cùng với các chất tẩy rửa.

14. Thông tin vận tải

- Số UN
- ADR, ADN, IMDG, IATA Không được điều chỉnh

Tên vận chuyển đúng của LHQ

- ADR, ADN, IMDG, IATA Không được điều chỉnh
- (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển
- ADR, ADN, IMDG, IATA
- Lớp không được kiểm soát
- Nhóm đóng gói

 DLG ANSEN ELECTRONICS NHÀ MÁY DLG ANSEN	Tiêu đề Title	MSDS KYZEN E5615	Phiên bản Rev	0
	Số T.Liệu Doc No.	MSDS-1403-2018	Trang Page	8 / 8

· ADR, IMDG, IATA Không điều chỉnh

· Môi nguy hiểm môi trường:

· Chất gây ô nhiễm biển: Không

· Đề phòng đặc biệt cho người sử dụng

Không áp dụng.

· Vận tải hàng rời theo Phụ lục II của

MARPOL73 / 78 và Bộ luật IBC

Không áp dụng.

· "Quy định mẫu của Liên hợp quốc":

15. Thông tin quy định

· Các quy định về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất hoặc hỗn hợp

· Các thành phần nhãn hiệu GHS

· Biểu tượng cảnh quan

· Tín hiệu từ

· Báo cáo nguy hiểm

· Đánh giá an toàn hóa học:

Đánh giá An toàn Hóa chất chưa được thực hiện.

16. Thông tin khác

Thông tin ở đây được dựa trên dữ liệu sẵn có từ các nguồn đáng tin cậy và chính xác nhất

Kiểm thức của KYZEN Corporation vào thời điểm xuất bản ấn phẩm này. KYZEN không bảo đảm, thể hiện hay ngụ ý, khả năng thương mại hay tính phù hợp cho một mục đích cụ thể, quá trình thực hiện hoặc sử dụng thương mại. Người sử dụng tự chịu trách nhiệm về việc xác định sự phù hợp và tính đầy đủ của thông tin đó đối với đơn vị của họ và áp dụng các biện pháp phòng ngừa an toàn phù hợp. Các thuộc tính vật lý được liệt kê bên trong là các giá trị tiêu biểu dựa trên các mẫu được kiểm tra và không được hiểu là phân tích bảo đảm của bất kỳ lô cụ thể nào hoặc như chi tiết kỹ thuật cho sản phẩm. Thông tin này không nhằm mục đích bao hàm tất cả về cách thức và điều kiện sử dụng, xử lý và lưu trữ. Các yếu tố khác có thể liên quan đến điều kiện an toàn hoặc xem xét hiệu suất. Tài liệu này không được coi là bảo hành hoặc đại diện mà KYZEN giả định về trách nhiệm pháp lý hoặc tài chính.

PHỤ LỤC 1.2

VĂN BẢN PHÁP LÝ

CỦA KHU CÔNG NGHỆ CAO

1. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 333/QĐ-BTNMT ngày 23/03/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Dự án Dự án “Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh”;
2. Giấy phép xả thải số 544/GP-BTNMT ngày 08/03/2019, thời hạn đến hết ngày 08/03/2029;

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:333.../QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc : Phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh” tại quận 9, thành phố Hồ Chí Minh

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 91/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh” họp ngày 12 tháng 01 năm 2004;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Hạ tầng Kỹ thuật Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh” đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 12 tháng 01 năm 2004 và những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu tại Công văn số 91/CV-KCNC ngày 24 tháng 02 năm 2004 của Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Chủ dự án). Báo cáo được phê duyệt không bao gồm nội dung về khai thác đất, cát phục vụ san lấp mặt bằng Khu công nghệ cao Tp. Hồ Chí Minh (dưới đây gọi là Khu công nghệ cao).

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Chỉ được tiếp nhận vào Khu công nghệ cao các dự án đầu tư thuộc những ngành sản xuất như đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp muốn thu hút các dự án thuộc những ngành sản xuất khác với đăng ký trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường vào Khu công nghệ cao, Chủ dự án phải báo cáo các cơ quan hữu quan, trong đó có Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường xem xét quyết định.

2. Thực hiện phân khu chức năng Khu công nghệ cao như quy hoạch đã được phê duyệt; Diện tích đất trồng cây xanh phải được quy hoạch hợp lý và đảm bảo ít nhất 15% diện tích mặt bằng của Khu công nghệ cao.

3. Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và giai đoạn hoạt động của Khu công nghệ cao bảo đảm đạt các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường TCVN 5945-1995, cột B và TCVN 6984:2001 ứng với $Q=50-200m^3/s$, cột F2 trước khi thải vào lưu vực sông Tắc.

4. Trong quá trình thi công xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao phải bảo đảm các Tiêu chuẩn Việt Nam về Môi trường liên quan đến chất lượng không khí TCVN 5939-1995; 5940-1995; 6991-2001 và 6994-2001.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp và rác thải sinh hoạt trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng và vận hành Khu công nghệ cao bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường; thu gom, vận chuyển, bảo quản và xử lý các loại chất thải nguy hại theo các quy định tại Quyết định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế Quản lý chất thải nguy hại.

6. Đảm bảo kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã đề xuất và lưu giữ số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

7. Thực hiện nghiêm túc Quy chế bảo vệ môi trường khu công nghiệp được ban hành kèm theo Quyết định số 62/2002/QĐ-BKHCMNT ngày 09 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).

8. Báo cáo bằng văn bản về những thay đổi so với nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý bằng văn bản của các cơ quan liên quan, trong đó có sự đồng ý của Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Định kỳ 06 tháng kể từ khi Quyết định này có hiệu lực và sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra.

Điều 5. Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh theo dõi, giám sát và kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường này; Xem xét và xác nhận Dự án đủ điều kiện được đi vào hoạt động chính thức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh,
- UBND Tp. Hồ Chí Minh (để chỉ đạo),
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh (để phối hợp)
- Lưu VT, HS, Vụ TĐ.

lưu VT

KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỨ TRƯỞNG



Phạm Khôi Nguyên



Số: 114 / QĐ-KCNC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1”.

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 19/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính Phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2006/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường;

Căn cứ Quy chuẩn số QCVN 24: 2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-KCNC ngày 05/7/2004 của Trưởng ban quản lý Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật – dự toán hạng mục Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1 do Công ty Cổ phần công nghệ Biển Xanh lập tháng 1/2005;

Căn cứ Quyết định số 597/QĐ-GT ngày 24/02/2005 của Sở Giao thông công chánh về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán gói thầu Thiết bị xử lý nước thải – Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải Khu công nghệ cao giai đoạn 1;

Theo văn bản số 214/CV ngày 01/3/2007 của Công ty Cổ phần Công nghệ Biển Xanh về việc đề nghị xử lý sơ bộ pH trước khi xả thải vào nhà máy xử lý nước thải;

Xét Tờ trình số 57/TTr-QHXDMT ngày 29/12/2009 của Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường về việc đề nghị công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1”.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố “Tiêu chuẩn chất lượng nước thải đầu vào của nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh – Giai đoạn 1” (tài liệu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ nội dung ở Điều 1, Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường có trách nhiệm quản lý việc thoát nước thải cục bộ của các nhà đầu tư trong Khu công nghệ cao; Công ty Phát triển Khu công nghệ cao có trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao – Giai đoạn 1 theo đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các Phòng Quản lý Quy hoạch, Xây dựng và Môi trường, Xúc tiến Đầu tư và Hợp tác Quốc tế, Doanh nghiệp; Giám đốc Công ty Phát triển Khu Công nghệ cao; các phòng chức năng và các đơn vị trực thuộc Ban quản lý Khu Công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Lưu./.



TRƯỞNG BAN *zab*

Lê Thái Hỷ



**TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI ĐÀU VÀO NHÀ MÁY XỬ LÝ
NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHỆ CAO TP.HCM - GĐ1**
(Ban hành theo Quyết định số 21.1. /QĐ-KCNC ngày 30. tháng 12. năm 2009
của Ban quản lý Khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh)

ST	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ GIỚI HẠN
1	Nhiệt độ	°C	< 60°C
2	pH	-	5 - 9
3	BOD ₅	mg/l	250
4	COD	mg/l	600
5	SS	mg/l	300
6	Asen	mg/l	0,1
7	Cadimi	mg/l	0,02
8	Chì ✓	mg/l	0,5
9	Clo dư	mg/l	2
10	Crom (VI)	mg/l	0,1
11	Crom (III)	mg/l	2
12	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5
13	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	100
14	Đồng	mg/l	1
15	Kẽm	mg/l	2
16	Mangan	mg/l	1
17	Niken	mg/l	1
18	Phốt pho hữu cơ	mg/l	10
19	Tổng Phốt pho	mg/l	14
20	Sắt	mg/l	10
21	Tetraclôetylen	mg/l	0,1
22	Thiếc	mg/l	1
23	Thủy ngân ✓	mg/l	0,005
24	Tổng Nitơ	mg/l	60
25	Tricloetylen	mg/l	0,3
26	NH ₃ (Tính theo N)	mg/l	29
27	Florua	mg/l	2
28	Phenol	mg/l	0,05
29	Sulfua	mg/l	0,5
30	Xianua	mg/l	0,1
31	Tổng Coliform	No/100ml	37.10 ⁷
32	Tổng hoạt động phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt động phóng xạ β	Bq/l	1

Chất lượng nước thải sau xử lý tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt cột A - Bảng giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp theo Quy chuẩn số QCVN 24:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT- BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh cho Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ tại Km 1001, xa lộ Hà Nội, đường D1 Khu công nghệ cao, phường Tân Phú, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh) được xả nước thải từ Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào nguồn nước với các nội dung sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: rạch Gò Công tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Vị trí xả nước thải: tại phường Long Thạnh Mỹ, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Tọa độ xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°), như sau:

X: 1199251

Y: 618283

3. Phương thức xả nước thải: 



- Từ ngày Giấy phép có hiệu lực đến ngày 31 tháng 5 năm 2021, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, rồi xả ra hồ sinh thái, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2021 đến ngày Giấy phép hết hiệu lực, nước thải sau xử lý được dẫn xả ra mương quan trắc, sau đó xả ra mương thoát nước chung của khu vực, cuối cùng xả ra rạch Gò Công theo phương thức tự chảy, xả mặt, ven bờ.

4. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày đêm.

5. Lưu lượng xả thải lớn nhất là 9.000 m³/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải:

Thông số và giới hạn giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$ và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A với hệ số $K = 1$. Cụ thể như sau (Bảng 1):

Bảng 1: Thông số ô nhiễm và giới hạn tối đa của thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	50
3	pH	-	6 đến 9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3
5	COD	mg/l	60,75
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	40,5
7	Asen	mg/l	0,041
8	Thủy ngân	mg/l	0,004
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,041

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tối đa
11	Crom (VI)	mg/l	0,041
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	0,405
17	Sắt	mg/l	0,81
18	Tổng xianua	mg/l	0,057
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05
21	Sunfua	mg/l	0,162
22	Florua	mg/l	4,05
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,05
24	Tổng nitơ	mg/l	16,2
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,24
26	Clo dư	mg/l	0,81
27	Tổng PCB	mg/l	0,002
28	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
29	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
30	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000

7. Thời hạn của giấy phép: mười (10) năm.

Điều 2. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh chỉ được phép xả nước thải vào nguồn nước theo nội

dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này nếu bảo đảm các yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13.
3. Thực hiện quan trắc nước thải:
 - a) Quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số: nhiệt độ, pH, COD, TSS, tổng Nitơ, tổng Phốtpho và lưu lượng nước thải.
 - b) Quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý theo tần suất một (01) tháng/lần tại vị trí mương quan trắc trước khi xả ra mương thoát nước chung của khu vực đối với các thông số như quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và lưu lượng nước thải.
4. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành hồ để phòng ngừa, ứng phó sự cố với dung tích tối thiểu 17.000m³ trước ngày 01 tháng 6 năm 2021.
5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp phép.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước và môi trường ở Trung ương và địa phương; kết nối kết quả quan trắc tự động về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, đồng thời báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố, bất thường đối với hệ thống xử lý nước thải.
7. Định kỳ hằng năm, báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh và gửi về cơ quan có thẩm quyền theo quy định.
8. Trường hợp Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường có nội dung quy định về chất lượng nước thải sau xử lý, quan trắc, giám sát nước thải sau xử lý khác với Giấy phép này thì thực hiện theo quy định của Giấy phép.

Điều 3. Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2125/GP-BTNMT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý các dự án Đầu tư - Xây dựng Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (02);
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở TN&MT thành phố Hồ Chí Minh;
- Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng Cục môi trường;
- Cục thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, HSCP (TNN-NT-038.18) (02), TNN (02).

4

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



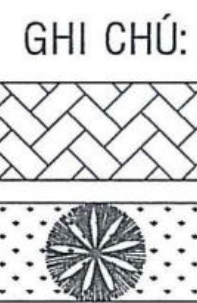
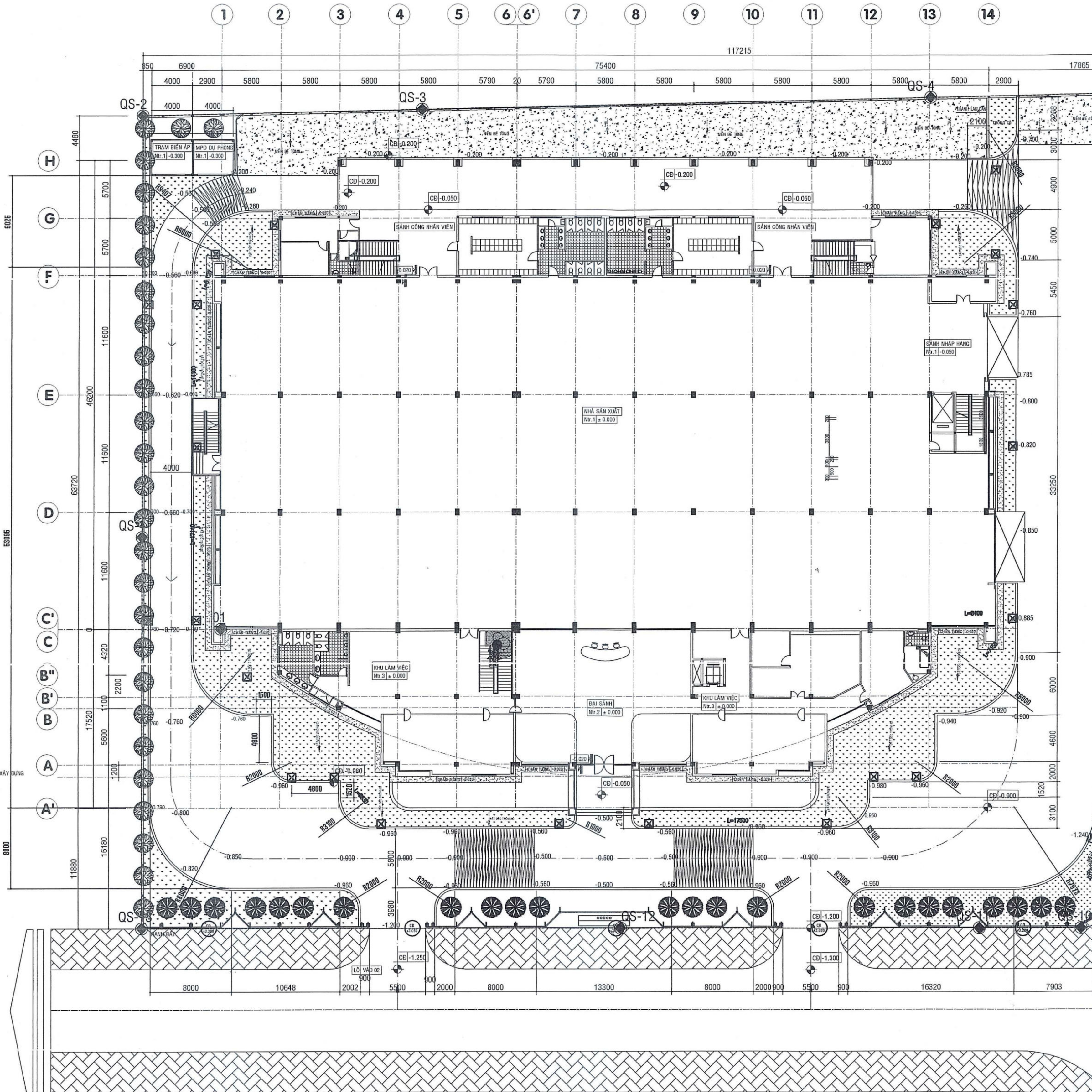
Võ Tuấn Nhân



PHỤ LỤC II

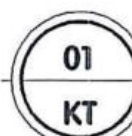
BẢN VẼ

1. Bản vẽ hoàn công mặt bằng trệt tổng thể của nhà máy;
2. Bản vẽ hoàn công mặt bằng lầu 1;
3. Bản vẽ hoàn công mặt bằng lầu 2;
4. Bản vẽ hoàn công mặt bằng trệt (Hiệu chỉnh khu văn phòng và khu phụ trợ);
5. Bản vẽ hoàn công mặt bằng lầu 1 (Hiệu chỉnh khu văn phòng và khu phụ trợ);
6. Bản vẽ hoàn công mặt bằng lầu 2 (Hiệu chỉnh khu văn phòng và khu phụ trợ);
7. Bản vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước mưa;
8. Bản vẽ hoàn công mặt bằng thoát nước thải;
9. Bản vẽ hoàn công đường ống thu gom, thoát khí thải.



GHI CHÚ:
HÈ LÁT GẠCH BLOCK TỰ CHÈN
ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH

--- RANH QUY HOẠCH
--- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG



MẶT BẰNG TRỆT TỔNG THỂ
TỈ LỆ: 1/150

ĐÃ KIỂM TRA
Theo Xác định 659/KCN-C. Q.H.Đ.ĐT.
Ngày tháng năm 2010.....
PHÒNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

- 01: LÀ GIAO ĐIỂM CỦA TRỤC C' VÀ TRỤC 1
+ 01: CÁCH CỘT MỐC QS13 LÀ: 30.405mm
+ 01: CÁCH CỘT MỐC QS12 LÀ: 49.079mm
+ 01: CÁCH CỘT MỐC QS11 LÀ: 80.146mm
02: LÀ GIAO ĐIỂM CỦA TRỤC C' VÀ TRỤC 14
+ 02: CÁCH CỘT MỐC QS11 LÀ: 29.412mm
+ 02: CÁCH CỘT MỐC QS12 LÀ: 46.558mm
+ 02: CÁCH CỘT MỐC QS13 LÀ: 88.196mm

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT

STT	THÀNH PHẦN (M ²)	DIỆN TÍCH(M ²)	TỈ LỆ(%)
1	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	8506.7m ²	100%
2	TỔNG DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	4253.3m ²	50,0%
	+ XUỐNG ĐT	3409,0m ²	40,1%
	+ VĂN PHÒNG	732,2m ²	8,6%
	+ PHỤ TRỢ	112,1m ²	1,3%
3	CÂY XANH	1530,4m ²	17,99%
4	ĐƯỜNG NỘI BỘ	2723,4m ²	32,01%
5	MẶT ĐỘ XÂY DỰNG		50,0%

BẢNG LIỆT KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH

TÊN TRỤ	SỐ HIỆU ĐIỂM	TOA ĐỘ		CẠNH(M)	GHI CHÚ
		X (m)	Y (m)		
QS-1	1	1200106.513	615310.390	40,04	TRỤ XI MĂNG
QS-2	2	1200178.144	614953.074	27,45	TRỤ XI MĂNG
QS-3	3	1200159.600	614973.315	50,00	TRỤ XI MĂNG
QS-4	4	1200125.830	615010.184	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-5	5	1200068.771	615013.796	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-6	6	1200062.318	614992.673	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-7	7	1200067.696	615018.644	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-8	8	1200074.416	614992.179	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-9	9	1200056.411	614968.439	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-10	10	1200066.459	614964.634	45,54	TRỤ XI MĂNG
QS-11	11	1200063.101	614957.113	35,28	TRỤ XI MĂNG
QS-12	12	1200063.101	614957.113	35,28	TRỤ XI MĂNG
QS-13	13	1200063.101	614957.113	35,28	TRỤ XI MĂNG
QS-14	14	1200063.101	614957.113	35,28	TRỤ XI MĂNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH QSIK VIỆT NAM

CÔNG TRÌNH:
NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH
QSIK VIỆT NAM
LÔ 1 3-6 KHU CÔNG NGHỆ CAO
TP HỒ CHÍ MINH

BẢN VẼ HIỆU CHÍNH

CHỖ DÁN

CHỖ DÁN

TÊN BẢN VẼ

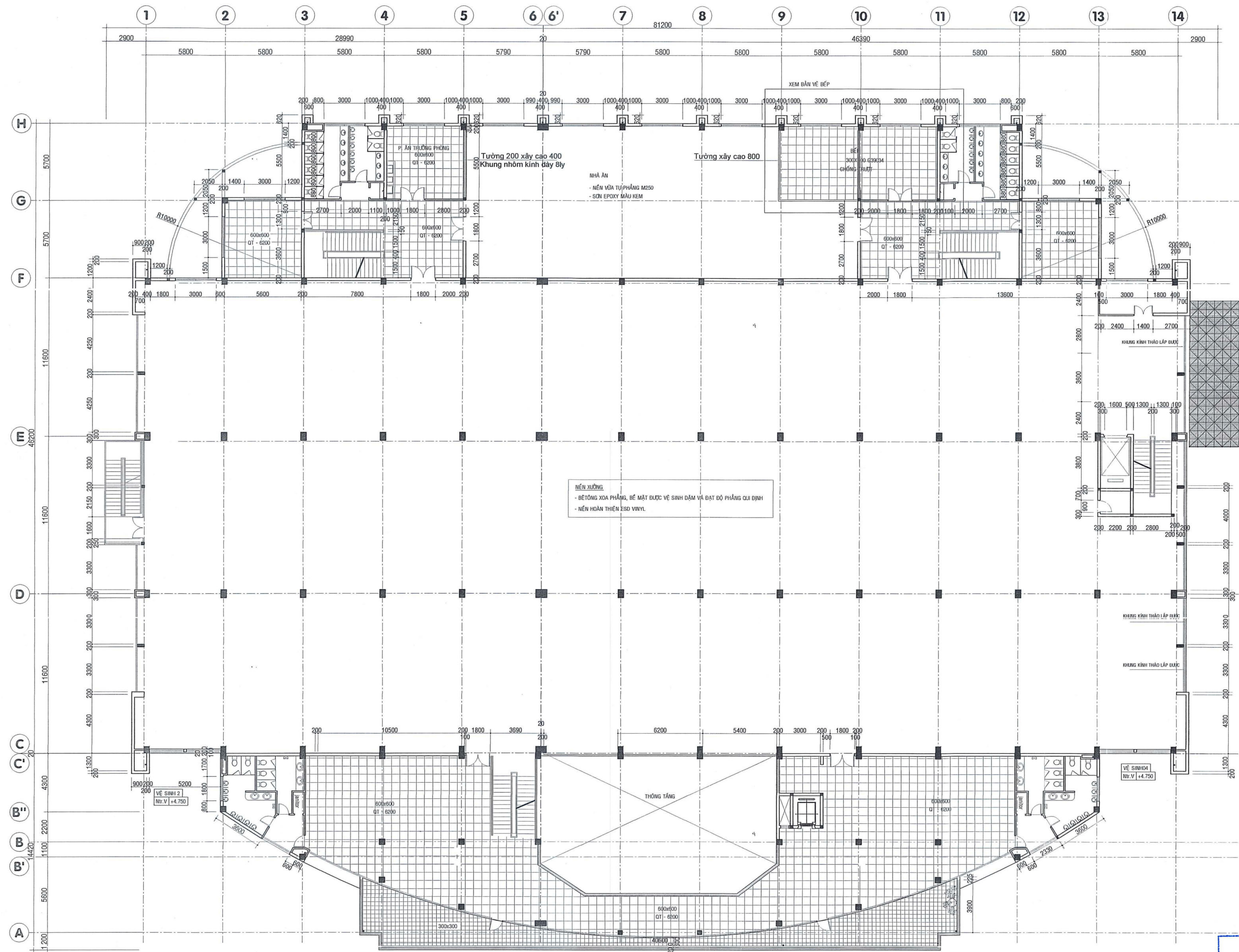
MẶT BẰNG LẦU 2

CHỖ DÁN

CHỖ DÁN

CHỖ DÁN

CHỖ DÁN



MẶT BẰNG LẦU 1 TL 1:100

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

HỆ THỐNG - REVISIONS				
F				
E				
D				
C				
B				
A				
LẦN VẼ	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM Duyệt CHECKED	

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:

CÔNG TY QSC

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:

ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG
TÂN KỸ
CONSTRUCTIONS - SERVICES J.S CO.
45 NGUYỄN VĂN TRƯỜNG, QUẬN TÂN PHÚ, TP. HCM
TEL: 0903 123 456 | FAX: 0903 123 456
WWW.TANKY.COM.VN

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

TRẦN VĂN TUẤN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
SITE MANAGER

PHẠM NGỌC TRUYỀN

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY QSC

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: KHU CÔNG NGHỆ CAO - GP

NGÀY MẪU - DATE:

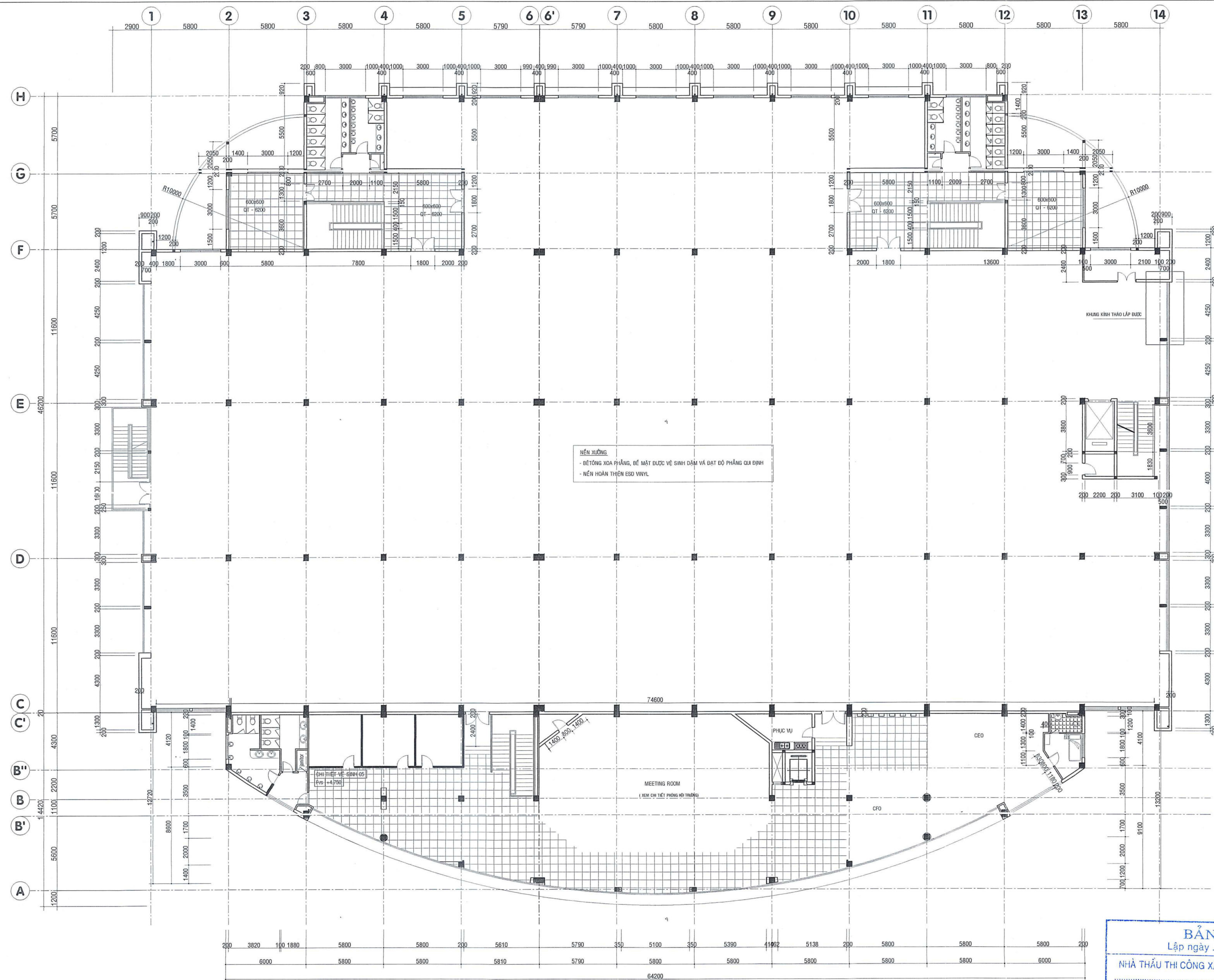
NHÀ XƯỞNG - VÁN PHÒNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

MẶT BẰNG LẦU 1

ĐÃ KIỂM TRA
Theo: xác nhận: 659/KSC/...
Ngày: ... tháng ... năm 2010...
PHÒNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Lập ngày: ... năm ...
NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG: CHỦ ĐẦU TƯ
Cty. CP. XD & KĐ: Cty. TNHH
Tên: ...
NGƯỜI LẬP: ... GIÁM ĐỐC: ... GIÁM SÁT A: ... GIÁM SÁT B: ...
TÂN KỸ
TRẦN VĂN TUẤN



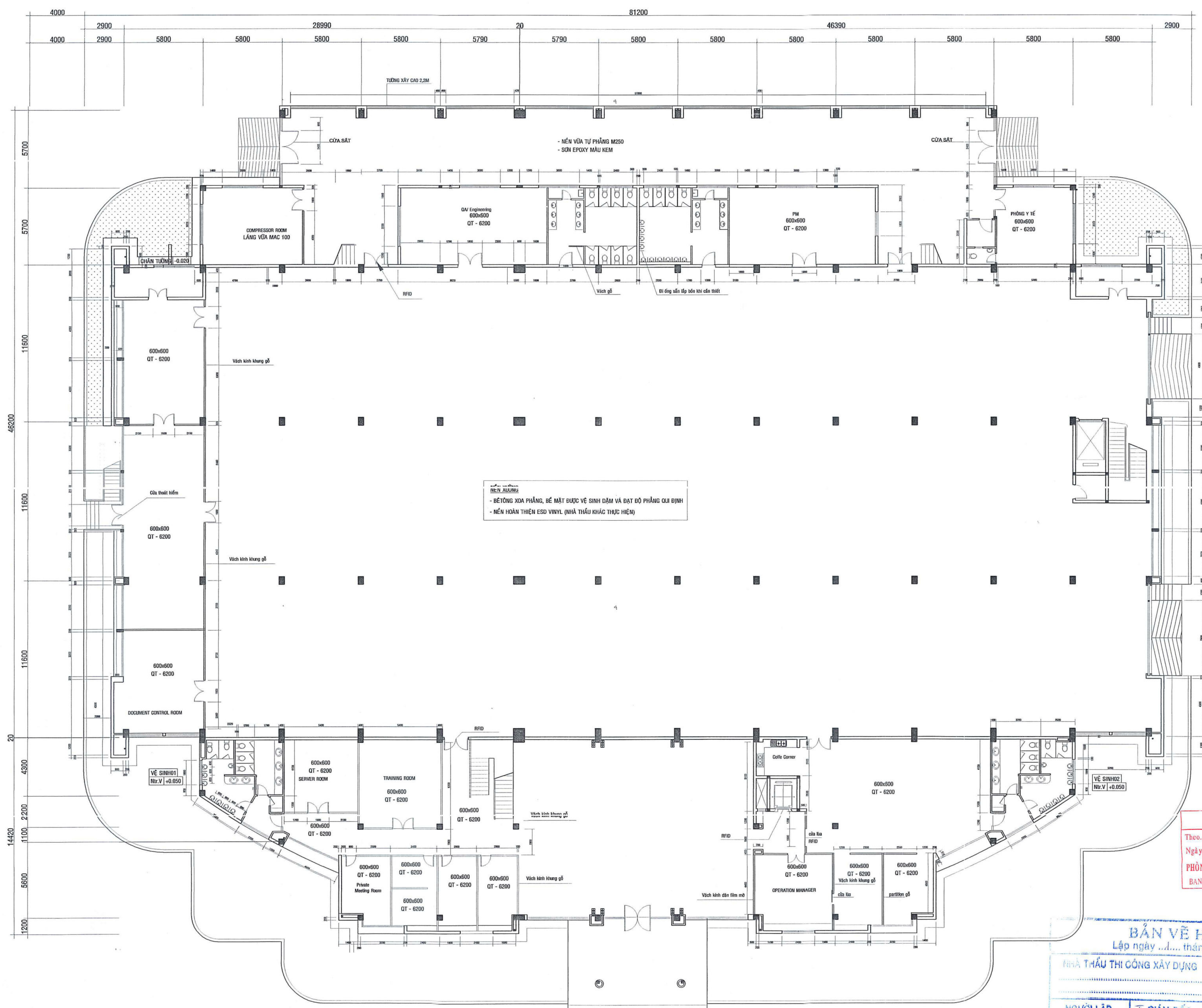
MẶT BẰNG LẦU 2 TL 1:100

ĐÃ KIỂM TRA
Theo xác nhận của KINH DOANH XÂY DỰNG
Ngày tháng năm 20.....
PHÒNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM.

GẠCH WC (TẤT CẢ) : - NỀN : 300x300 CERAMIC SOK B02 - MỖ ĐÚC - LÁT XÉO	
BẢN VẼ KỸ THUẬT Lập ngày tháng năm 20.....	
NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG	CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP <i>Trần Văn Tuấn</i>	GIÁM SÁT <i>Trần Văn Tuấn</i>
GIÁM ĐỐC <i>Trần Văn Tuấn</i>	GIÁM ĐỐC <i>Trần Văn Tuấn</i>

BẢN VẼ HOÀN CÔNG AS BUILT DRAWING			
HỆ THỐNG - REVISIONS			
F			
D			
C			
B			
A			
TH	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KÝ CHỮ SIGNATURE
CÔNG TY GSIC			
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR			
QUẢN LÝ - PROJECT			
ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG TAN KY CONSTRUCTIONS - SERVICES J.S CO. 40 LƯƠNG VĂN KHUAM STREET TAN KHUAT DISTRICT HCMC TEL: 0903 47 77 77 FAX: 0903 47 77 77 Email: www.tanky.com.vn			
TỔNG GIÁM ĐỐC GENERAL DIRECTOR			
TRẦN VĂN TUẤN			
CHIEF MANAGER			
PHẠM NGỌC THÚA			
TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT			
NHÀ MÁY GSIC			
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: KHU CÔNG NGHỆ CAO - GP			
MÔ TẢ - NOTES			
NHÀ XƯỞNG - VÁN PHÔNG			
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME			
MẶT BẰNG LẦU 2			
DOCUMENT NO: 2009			
DRAWING NO: KT-GS			
PL			

Trần Văn Tuấn



GHỊ CHÚ - LEGEND:
- BÀN VẼ NÀY PHỤC VỤ CHO VIỆC TH CÔNG CỦA NHÀ THẦU XÂY DỰNG; CÁC CHI TIẾT NỘI THẤT CHỈ ĐỂ DỰ Y

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

HIỆU CHỈNH - REVISIONS

F		
E		
D		
C		
B		

A			
LƯN	NGÀY	MÔ TẢ	Kiểm
VER	DATE	DESCRIPTION	CHECKED

ĐỒ BẰNG TỰ - CLIENT:

CÔNG TY QSIIC

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

DỰ ÁN - PROJECT:

ĐƠN VỊ TH CÔNG XÂY DỰNG
TAN KY
CONSTRUCTIONS - SERVICES J.S Co.
ALANG VAMNH STREET HANOI VIETNAM 100000
Tel: 0938.547.437 Fax: 0938.547.437
Email: www.tanky.com.vn

YOUNG GIAM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

TRẦN VĂN TUẤN

CHỈ HUY TRƯỞNG CT
SITE MANAGER

PHẠM NGỌC HIẾU

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

NHÀ MÁY QSIIC

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION: KHU CÔNG NGHỆ CAO - Q9

NGÀY BẮT ĐẦU - WORK:

NHÀ XƯỞNG - VĂN PHÒNG

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

ACCOUNTING NO:

DATE:/...../2020

DRAWING NO:

BL:/...../2020

PL:

ĐÃ KIỂM TRA

Theo: XÁC NHẬN: 659/KINC-SHXDNT.

Ngày: 18/03/2020 tháng 03 năm 2020

PHÒNG QUY HOẠCH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Lập ngày 18/03/2020

GACH WC (TẮT CÀ)

NHÀ THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

- NỀN: 300x300 CEMENT ĐÁNG TỰ ĐỨC - LÁT XÉO

- TƯỜNG: 60x60 ĐỒNG KÍNH P67702N - TAICERA

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

GIÁM SÁT A

GIÁM ĐỐC

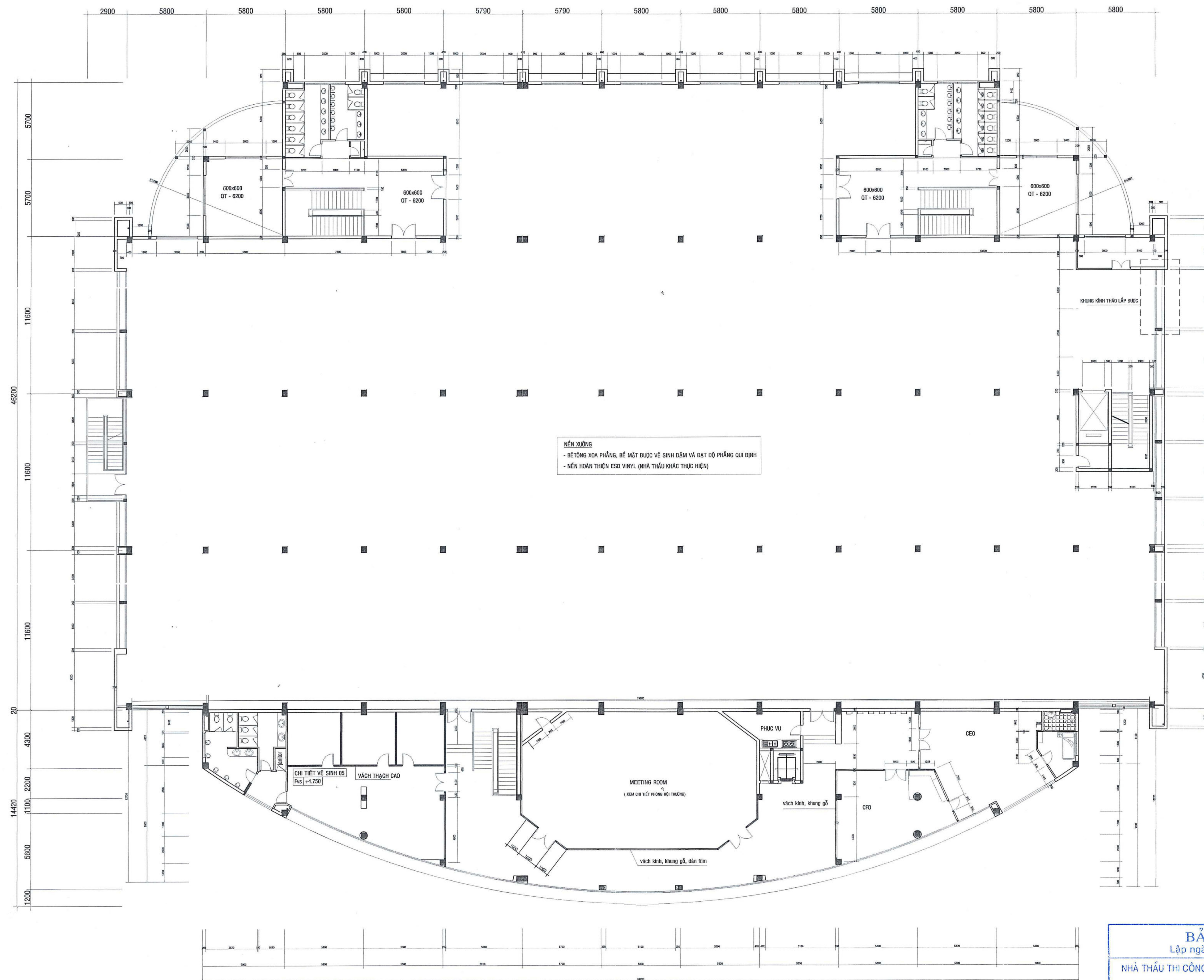
Trần Văn Tuấn

Đỗ Đình Kiên

MẶT BẰNG TRỆT TL 1:100
(HIỆU CHỈNH KHU VĂN PHÒNG VÀ KHU PHỤ TRỢ)

12

12



MẶT BẰNG LẦU 2 TL 1:100
(HIỆU CHỈNH KHU VĂN PHÒNG VÀ KHU PHỤ TRỢ)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
AS BUILT DRAWING

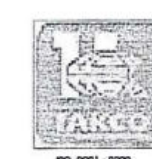
HIỆU CHỈNH - REVISIONS			
F			
E			
D			
C			
B			
A			
LẦN VẼ	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	Kiểm tra CHECKER

ĐƠN VỊ THI CÔNG - CLIENT:

CÔNG TY QSC

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:

ĐƠN VỊ THI CÔNG - PROJECT:



ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY DỰNG

TAN KY

CONSTRUCTIONS - SERVICES J.S Co.

40 LƯƠNG VĂN KIỆM STREET, PHƯỜNG 10, QUẬN 5, TP. HCM

Tel: 0904 427 100 Fax: 0904 427 100

Email: www.tanky.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR

TRẦN VĂN TUẤN

CHIEF MANAGER

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

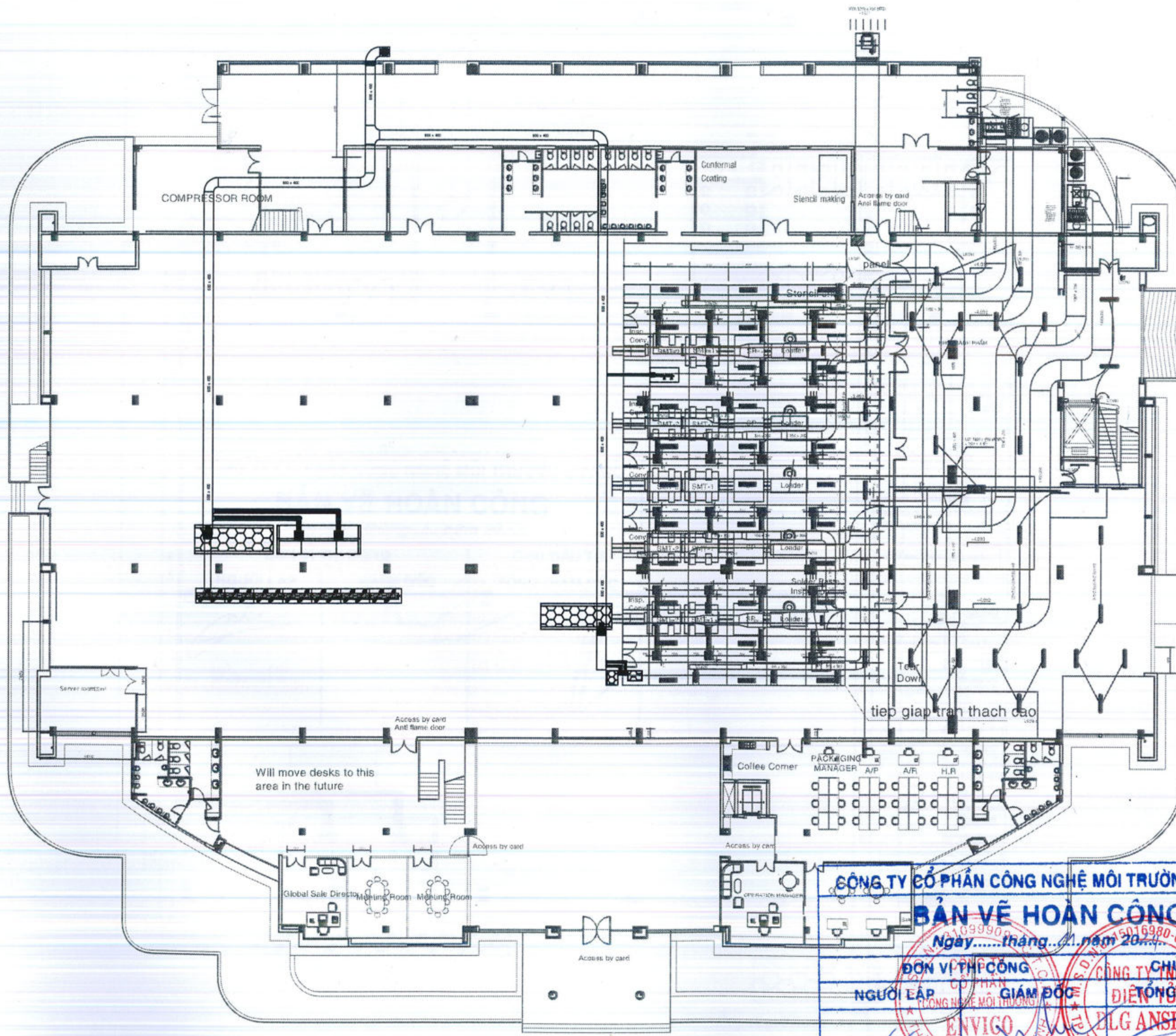
PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ

PHẠM NGỌC THỊ



GHI CHÚ / NOTE

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ / ISSUED FOR

- ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DESIGN
- ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
EXECUTION DESIGN
- ☐ THI CÔNG
CONSTRUCTION
- ☒ HOÀN CÔNG
AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Địa điểm / Address: Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
City: Ho Chi Minh City, Vietnam

KIỂM TRA
CHECKED

PHÊ DUYỆT
APPROVED

NHÀ THẦU / CONTRACTOR



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
ENVICO-ENVIRONMENT TECHNOLOGY CORPORATION

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Add: Floor 3, Indochina Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu st., Đa Kao, District 1, Ho Chi Minh city

Website: www.congnghemoitruong.net/envico.vn
ĐT: 028.6679 7205 - 0909794445

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT NAME

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Địa điểm: Lô 13-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HẠNG MỤC / ITEM

HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM VÀ THOÁT KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	THS. NGUYỄN VĂN HUY	
THIẾT KẾ DESIGNED	KS. PHẠM ANH KHOA	
VẼ DRAWING	KS. NGUYỄN HỒNG HẬU	
KIỂM TRA CHECKED	KS. THÁI HỮU NHÂN	

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHÍ THẢI

TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	BẢN VẼ SỐ DRAWING NO
1:300	11/2024	DW-ED-HC-AS01

BẢN VẼ THUỘC BẢN QUYỀN ENVICO.
MỌI SẠO CHÉP, SỬA CHỮA, TẠO XUẤT BẢN ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ ĐỒNG Ý CHÍNH THỨC CỦA ENVICO

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN VỊ THI CÔNG

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

CHỦ ĐẦU TƯ

DIỆN TỬ

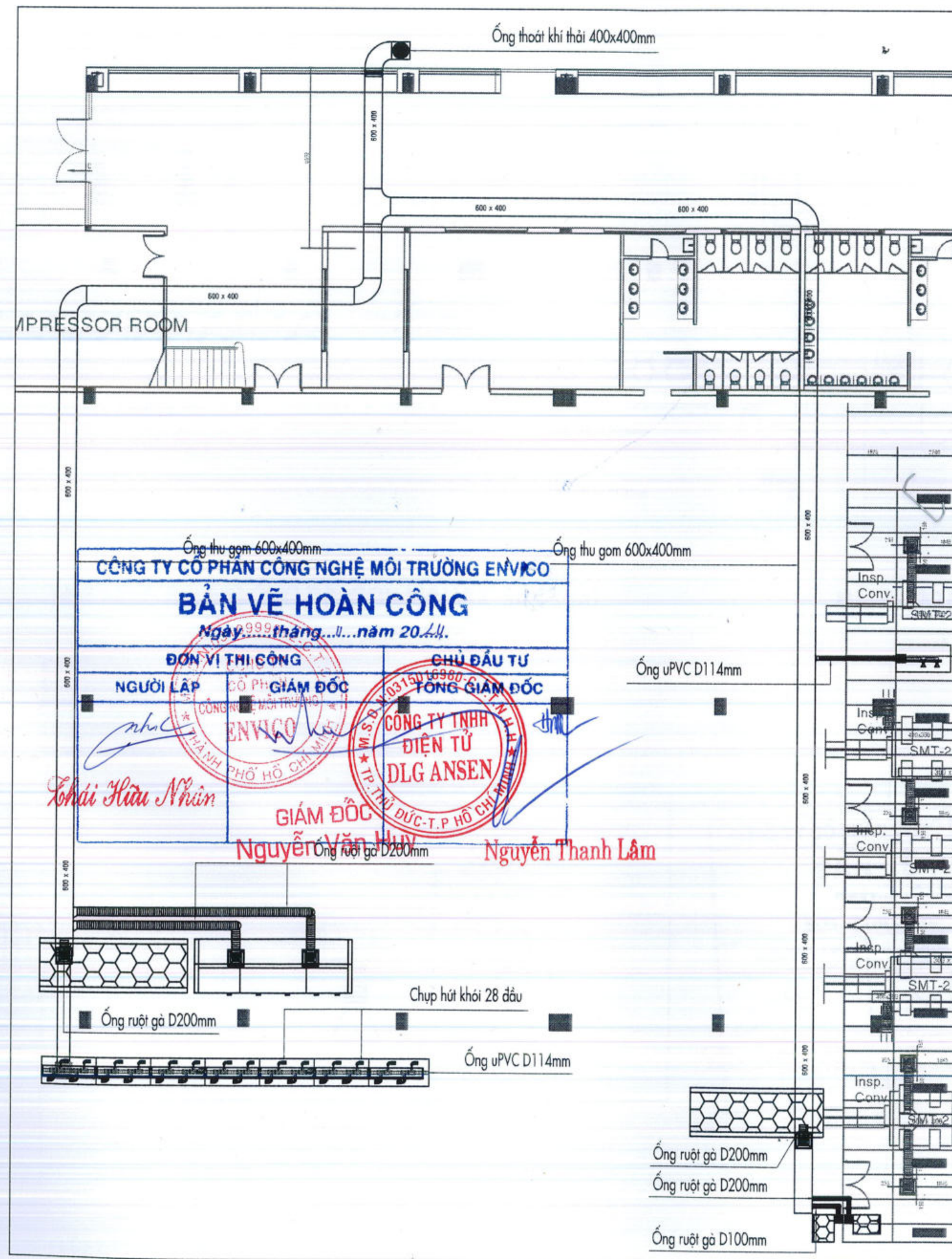
DLG ANSEN

Thái Hữu Nhân

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

Nguyễn Thanh Lâm



GHI CHÚ / NOTE

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ / ISSUED FOR

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DESIGN
☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
EXECUTION DESIGN
☐ THI CÔNG
CONSTRUCTION
☒ HOÀN CÔNG
AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Địa chỉ / Address: Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại / Phone: 028.6679 7205 - 0909794445

KIỂM TRA
CHECKED

PHÊ DUYỆT
APPROVED

NHÀ THẦU / CONTRACTOR



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
ENVICO ENVIRONMENT TECHNOLOGY CORPORATION
Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Add: Floor 3, Indochina Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu st., Đa Kao, District 1, Ho Chi Minh city
Website: www.congnghemoitruong.net/envico.vn
ĐT: 028.6679 7205 - 0909794445

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT NAME

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Địa điểm: Lô 13-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HẠNG MỤC / ITEM

HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM VÀ THOÁT KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	ThS. NGUYỄN VĂN HUY	
THIẾT KẾ DESIGNED	KS. PHẠM ANH KHOA	
VẼ DRAWING	KS. NGUYỄN HỒNG HẬU	
KIỂM TRA CHECKED	KS. THÁI HỮU NHÂN	

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHÍ THẢI

TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	BẢN VẼ SỐ DRAWING NO
1:200	11/2024	DW-ED-HC-AS02

BẢN VẼ THUỘC BẢN QUYỀN ENVICO.
MỌI SAI CHÉP, SỬA CHỮA, TÁI XUẤT BẮC ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ ĐỒNG Ý CHÍNH THỨC CỦA ENVICO

GHI CHÚ / NOTE

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ ISSUED FOR

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ CONCEPT DESIGN	☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT EXECUTION DESIGN
☒ THI CÔNG CONSTRUCTION	☒ HOÀN CÔNG AS BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER
CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
Đại diện / Represented by
Địa chỉ / Address: 10/10 Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại / Phone: 0909794445 Fax:

KIỂM TRA
CHECKED
PHÊ DUYỆT
APPROVED

NHÀ THẦU / CONTRACTOR
ENVICO
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
ENVICO ENVIRONMENT TECHNOLOGY CORPORATION
Địa chỉ / Address: Tầng 3, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Add: Floor 3, Indochina Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu st., Da Kao, District 1, Ho Chi Minh city
Website: www.congnghemoitruong.net/envico.vn
ĐT: 028.6679 7205 - 0909794445

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT NAME
CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
Địa điểm: Lô 13-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

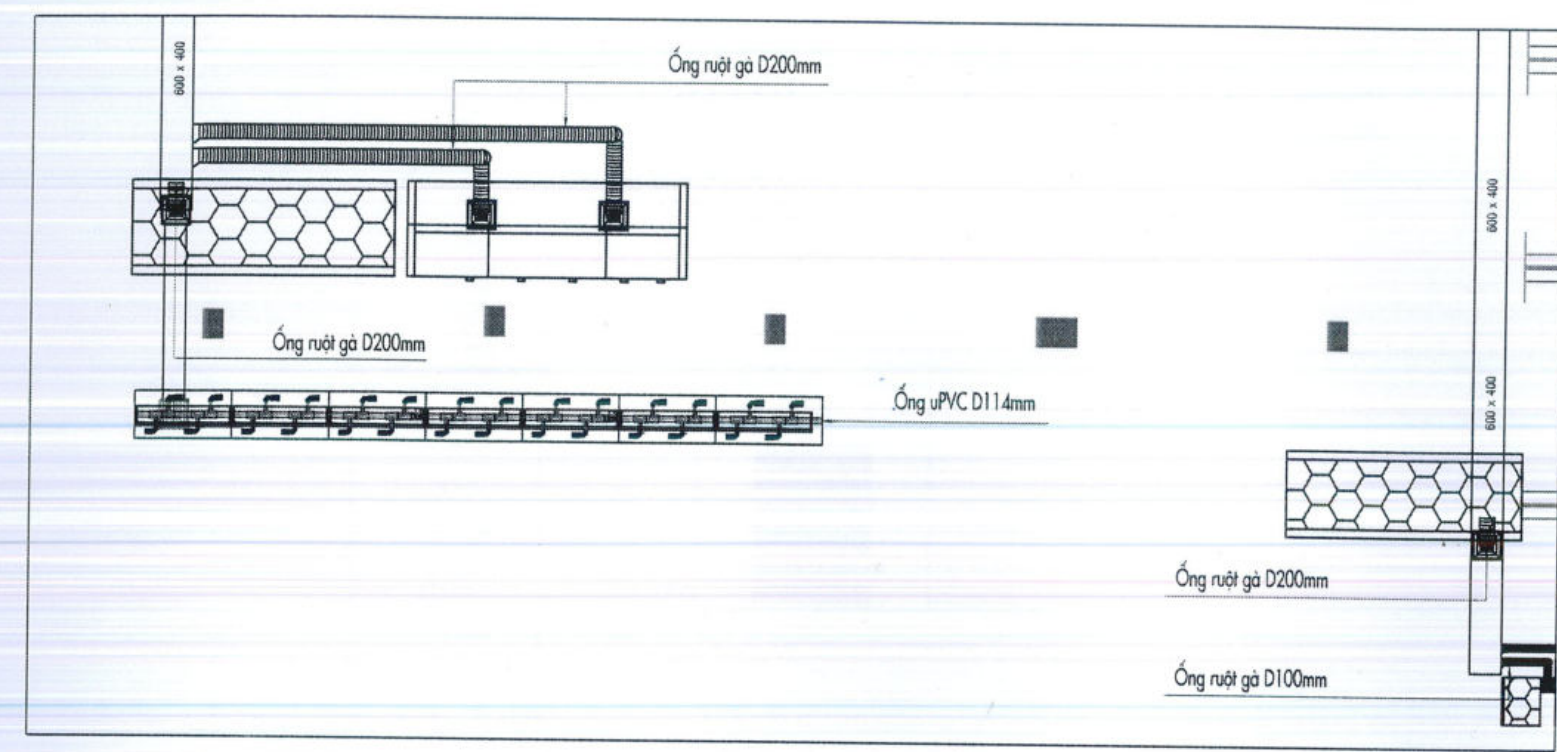
HÀNG MỤC / ITEM
HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM VÀ THOÁT KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	THS. NGUYỄN VĂN HUY	
THIẾT KẾ DESIGNED	KS. PHẠM ANH KHOA	
VẼ DRAWING	KS. NGUYỄN HỒNG HẬU	
KIỂM TRA CHECKED	KS. THÁI HỮU NHÂN	

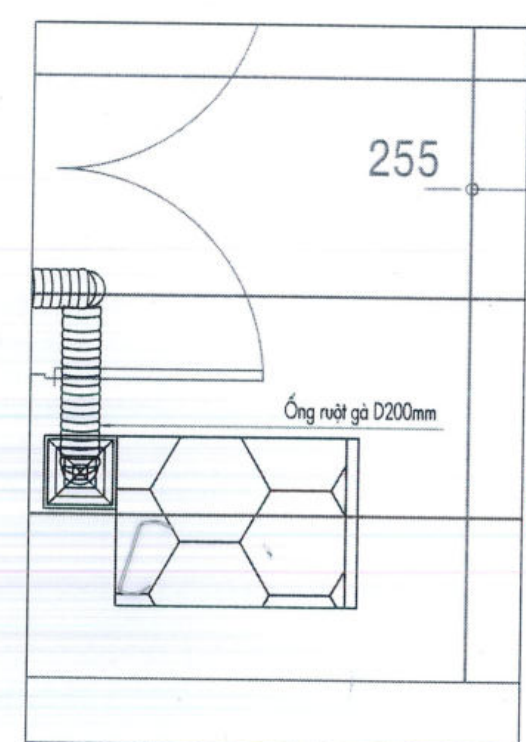
TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME
CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHÍ THẢI

TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	BẢN VẼ SỐ DRAWING NO
1:200	11/2024	DW-ED-HC-AS03

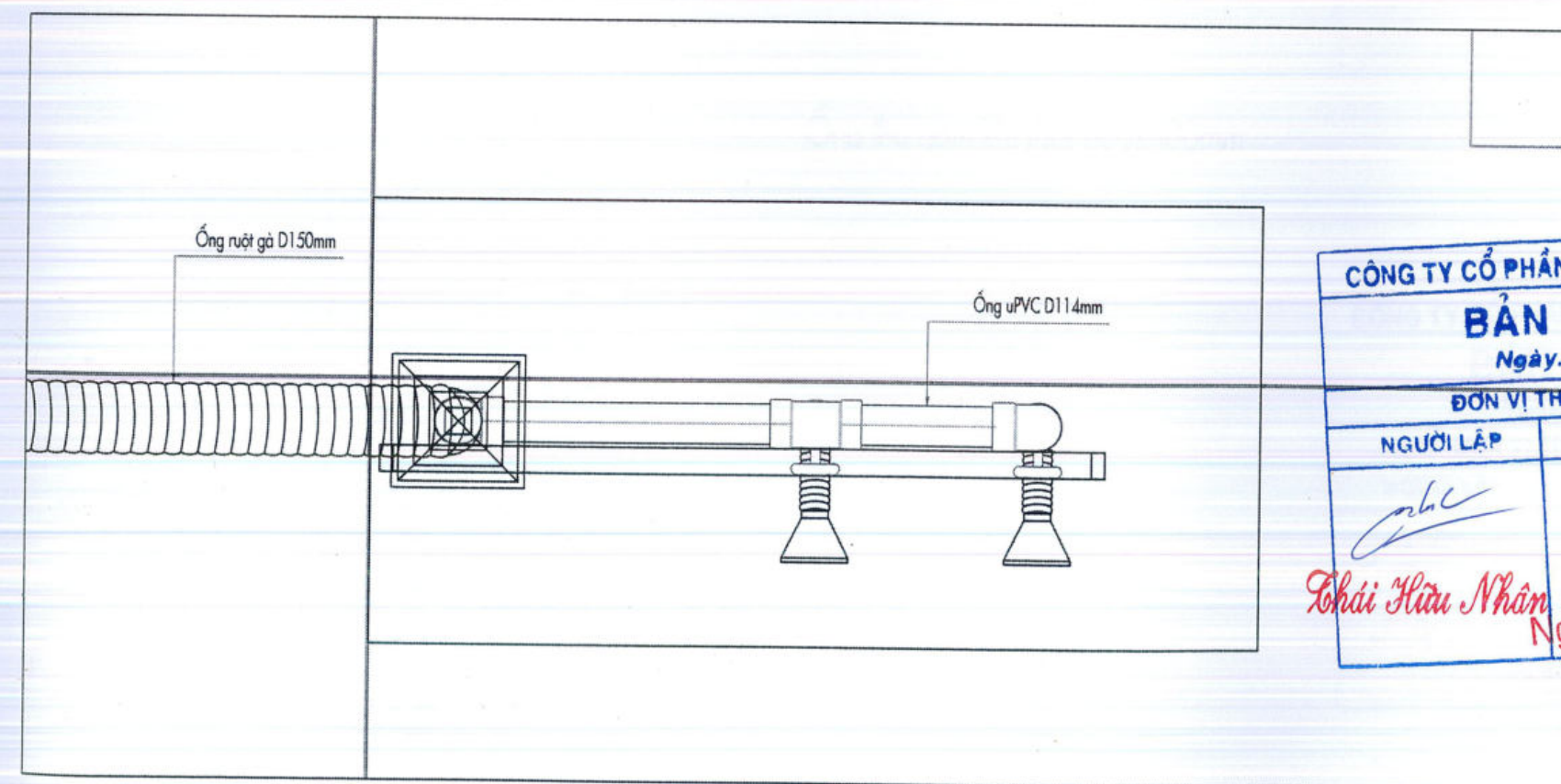
BẢN VẼ THUỘC BẢN QUYỀN ENVICO.
MỌI SẠO CHÉP, SỬA CHỮA, TÁI XUẤT BẮN ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ DỒNG Ý CHÍNH THỨC CỦA ENVICO



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHU VỰC SẢN XUẤT



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHU VỰC COB



MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THU GOM KHU VỰC SMT

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....tháng...năm 2024

ĐƠN VỊ THI CÔNG		CHỦ ĐẦU TƯ
NGƯỜI LẬP	GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC

Thái Hữu Nhân
Nguyễn Văn Huy
Nguyễn Thanh Lâm

600 x 400

Ống thoát khí thải 400x400mm

Ống thu gom khí thải 600x400mm

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng...năm 2024.

ĐƠN VỊ THI CÔNG

NGƯỜI LẬP

GIÁM ĐỐC

Thái Hữu Nhân

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy

Nguyễn Thanh Lâm

GHI CHÚ / NOTE

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ / ISSUED FOR

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DESIGN

☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
EXECUTION DESIGN

☐ THI CÔNG
CONSTRUCTION

☒ HOÀN CÔNG
AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN

Địa chỉ / Add: Lô 13-4, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại / Tel: Fax:

KIỂM TRA
CHECKED

PHÊ DUYỆT
APPROVED

NHÀ THẦU / CONTRACTOR



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
ENVICO ENVIRONMENT TECHNOLOGY CORPORATION

Địa chỉ / Add: Tầng 3, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Add: Floor 3, Indochina Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu st., Da Kao, District 1, Ho Chi Minh city
Website: www.congnghemoitruong.net/envico.vn
ĐT: 028.6679 7205 - 0909794445

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT NAME

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Địa điểm: Lô 13-4, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HẠNG MỤC / ITEM

HỆ THỐNG ĐƯỜNG ống THU GOM VÀ THOÁT KHÍ THẢI

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	THS. NGUYỄN VĂN HUY	
THIẾT KẾ DESIGNED	KS. PHẠM ANH KHOA	
VẼ DRAWING	KS. NGUYỄN HỒNG HẬU	
KIỂM TRA CHECKED	KS. THÁI HỮU NHÂN	

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

CHI TIẾT ĐƯỜNG ống THOÁT KHÍ THẢI

TỈ LỆ SCALE	NGÀY DATE	BẢN VẼ SỐ DRAWING NO
1:25	11/2024	DW-ED-HC-AS04

BẢN VẼ THUỘC SỞ HỮU CỦA ENVICO.
MỌI SẠO CHÉP, SỬA CHỮA, TÁI XUẤT BẢN ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ DỒNG Ý CHÍNH THỨC CỦA ENVICO

CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG VÀ LỖ LẤY MẪU

Lỗ lấy mẫu Ø90mm

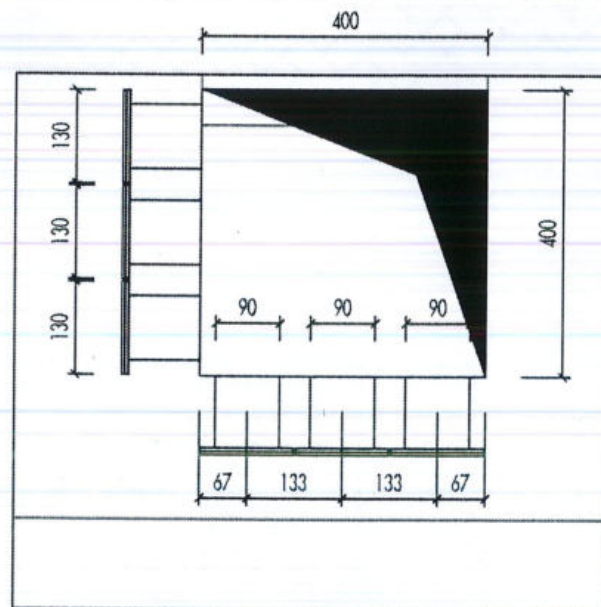
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng...năm 2024.

ĐƠN VỊ THI CÔNG

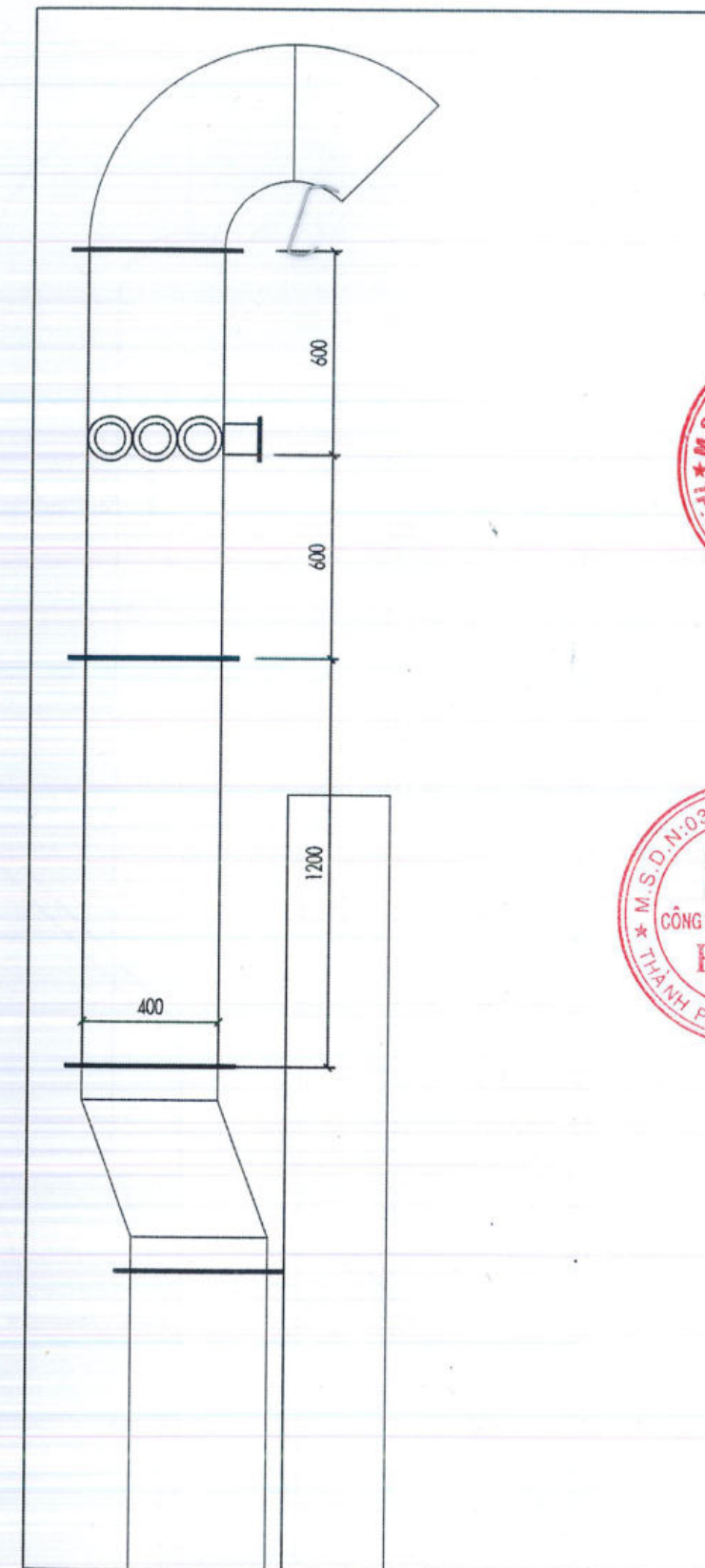
NGƯỜI LẬP	GIÁM ĐỐC
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

Thái Hữu Nhân **GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Văn Huy
Nguyễn Thanh Lâm

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
 M.S.D.N: 0315016980-C.T. TP. HCM
 ĐỨC-T. P. HỒ CHÍ MINH



CHI TIẾT VỊ TRÍ LỖ LẤY MẪU



CHI TIẾT HÌNH CHIẾU CẠNH LỖ LẤY MẪU

GHI CHÚ / NOTE

GIẢI ĐOẠN THIẾT KẾ / ISSUED FOR

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
 CONCEPT DESIGN
☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
 EXECUTION DESIGN
☒ HOÀN CÔNG
 AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ / OWNER

CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
 Địa điểm / Design:
 Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Dự án: _____
 Fax: _____

KIỂM TRA
 CHECKED

PHÊ DUYỆT
 APPROVED

NHÀ THẦU / CONTRACTOR



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ENVICO
 ENVICO ENVIRONMENT TECHNOLOGY CORPORATION
 Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà Indochina, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
 Chi Minh
 Address: Floor 3, Indochina Tower, 4 Nguyen Dinh Chieu st., Da Kao, District 1, Ho Chi Minh City
 Website: www.congnghemoitruong.net/envico.vn
 ĐT: 028.6679 7205 - 0909794445

TÊN CÔNG TRÌNH / PROJECT NAME

CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

Địa điểm: Lô C3-6, Đường N2, Khu công nghệ Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

HẠNG MỤC / ITEM

ĐƯỜNG ỐNG, LỖ LẤY MẪU

GIÁM ĐỐC
 DIRECTOR

THS. NGUYỄN VĂN HUY

THIẾT KẾ
 DESIGNED

KS. PHẠM ANH KHOA

VẼ
 DRAWING

KS. NGUYỄN HỒNG HỮU

KIỂM TRA
 CHECKED

KS. THÁI HỮU NHÂN

TÊN BẢN VẼ / DRAWING NAME

CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG VÀ LỖ LẤY MẪU

TỈ LỆ
 SCALE

NGÀY
 DATE

BẢN VẼ SỐ
 DRAWING NO

1:20

11/2024

DW-BD-HC-AS05

BẢN VẼ THUỘC BẢN QUYỀN ENVICO.
 MỌI SẠO CHÉP, SỬA CHỮA, TÁI XUẤT BÀN ĐỀU PHẢI ĐƯỢC SỰ ĐỒNG Ý CHÍNH THỨC CỦA ENVICO

PHỤ LỤC III

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

1. Phiếu kết quả kiểm nghiệm nước thải ngày 28/03/2023;
2. Phiếu kết quả kiểm tra nghiệm nước thải ngày 07/06/2023;
3. Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải ngày 27/09/2023;
4. Phiếu kết quả thử nghiệm khí thải ngày 08/11/2023;
5. Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải ngày 27/12/2023;
6. Phiếu kết quả thử nghiệm khí thải ngày 27/12/2023;
7. Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải ngày 21/03/2024;
8. Phiếu kết quả thử nghiệm khí thải ngày 21/03/2024;
9. Phiếu kết quả thử nghiệm nước thải ngày 25/07/2024.
10. Phiếu kết quả thử nghiệm khí thải ngày 25/07/2024.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Tel : 028.62959784 - Fax: 028.62959783

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.2001

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
Đ/c: Lô I3-6, Đường N2, KCN Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP. HCM
3. Thông tin mẫu :
Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước của khu CNC(*)
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong can nhựa 5 lít
5. Ngày nhận mẫu : 28/03/2023
6. Thời gian thử nghiệm : 28/03/2023 – 04/04/2023
7. Ngày trả kết quả : 05/04/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn Khu công nghệ Cao	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,77	5 - 9	TCVN 6492:2011
02	TSS	mg/l	51	300	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅ (20°C)	mg/l	35	250	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	62	600	SMEWW 5220C:2017
05	N-NH ₄ ⁺	mg/l	9,4	29	TCVN 5988:1995
06	Tổng Nitơ	mg/l	16,1	60	TCVN 6638:2000
07	Tổng Phospho	mg/l	2,6	14	SMEWW 4500-P.B&E:2017
08	Dầu mỡ khoáng	mg/l	< 1	5	SMEWW 5520B&F:2017
09	Tổng Coliform	MPN/100ml	2,1 x 10 ³	37.10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; (*): Thông tin do khách hàng cung cấp



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234950

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH
2. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
Đ/c: Lô I3-6, Đường N2, KCN Cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, TP Thủ Đức, TP. HCM
3. Thông tin mẫu :
Nước thải tại hồ ga cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước của khu CNC(*)
4. Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong can nhựa 5 lít
5. Ngày nhận mẫu : 07/06/2023
6. Thời gian thử nghiệm : 07/06/2023 – 13/06/2023
7. Ngày trả kết quả : 14/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn Khu công nghệ Cao	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,91	5 - 9	TCVN 6492:2011
02	TSS	mg/l	54	300	TCVN 6625:2000
03	BOD ₅ (20°C)	mg/l	38	250	TCVN 6001-1:2008
04	COD	mg/l	71	600	SMEWW 5220C:2017
05	N-NH ₄ ⁺	mg/l	22	29	TCVN 5988:1995
06	Tổng Nito	mg/l	56	60	TCVN 6638:2000
07	Tổng Phospho	mg/l	1,9	14	SMEWW 4500-P.B&E:2017
08	Dầu mỡ khoáng	mg/l	< 1	5	SMEWW 5520B&F:2017
09	Tổng Coliform	MPN/100ml	2,4 x 10 ³	37.10 ⁷	TCVN 6187-2:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện; (*): Thông tin do khách hàng cung cấp

PTN/Số: HA.23.07967.2

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH**
- Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**
Lô I3-6, đường N2, Khu công nghệ cao, phường Tăng Nhơn Phú A, TP. Thủ Đức, TP. HCM
- Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.07967.2	Nước thải hồ ga cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước	10°51'3" 106°48'14"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011	Trong

- Ngày lấy mẫu: 27/09/2023 Thời gian thử nghiệm: 27/09/2023 - 04/10/2023
- Ngày trả kết quả: 04/10/2023
- Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
8	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
9	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.07967.2
1.	pH ^(*) (a)	--	6,07
2.	TSS ^(*) (a)	mg/L	<15
3.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	28

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.07967.2
4.	COD ^(*) (a)	mg/L	72
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	7,0
6.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	9,5
7.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	0,63
8.	Dầu khoáng ^(*) (a)	mg/L	KPH
9.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	940

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

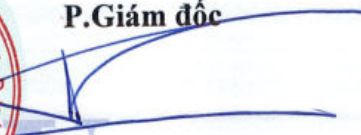
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm


Đặng Nguyễn Minh Khôi



P. Giám đốc


Nguyễn Thùy Diễm



HAIAU
ENVIRONMENTAL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.23.12869.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.23.12869.01	Ống thải đầu ra HTXL khí thải	10°51'3" – 106°48'11"

4. Ngày lấy mẫu: 08/11/2023

Ngày trả kết quả: 15/11/2023

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	n-Propanol ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm ³
2	Metylen clorua ^(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,04 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.23.12869.01	
1.	n-Propanol ^(*)	mg/Nm ³	22,8	980
2.	Metylen clorua ^(*)	mg/Nm ³	27,3	1.750

Ghi chú: ^(): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts**QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ*

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc



Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PKQ/Số: HA.23.12869.02

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.23.12869.02	Ống thải đầu ra HTXL khí thải	10°51'3" – 106°48'11"

4. Ngày lấy mẫu: 27/12/2023

Ngày trả kết quả: 03/01/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	n-Propanol ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm ³
2	Metylen clorua ^(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,04 mg/Nm ³

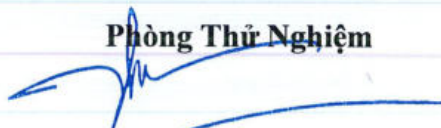
6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.23.12869.02	
1.	n-Propanol ^(*)	mg/Nm ³	16,5	980
2.	Metylen clorua ^(*)	mg/Nm ³	31,9	1.750

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc



Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.23.12869.03

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2024



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu
HA.23.12869.03	Hồ ga cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước	10°51'1" – 106°48'14"	Theo TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

4. Ngày lấy mẫu: 27/12/2023

Ngày trả kết quả: 03/01/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
8	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
9	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCNC
			HA.23.12869.03	
1.	pH ^(*) (a)	--	6,86	5-9
2.	TSS ^(*) (a)	mg/L	75	300
3.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	98	250
4.	COD ^(*) (a)	mg/L	194	600

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCNC
			HA.23.12869.03	
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)(*)	mg/L	25,4	29
6.	Tổng Nito(*) ^(a)	mg/L	37,3	60
7.	Tổng Photpho(*)	mg/L	4,3	14
8.	Tổng dầu mỡ khoáng(*) ^(a)	mg/L	KPH	--
9.	Coliform(*)	MPN/100mL	3700	37×10 ⁷

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

Phòng Thử nghiệm

P. Giám đốc

Nguyễn Thị Trang

Nguyễn Thùy Diễm



HAIAU

ENVIRONMENTAL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.24.01340.02

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3. Loại mẫu: Nước thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Phương pháp lấy mẫu
HA.24.01340.02	Hố ga cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước	10°51'1" – 106°48'14"	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5999:1995, TCVN 6663 – 14:2018, TCVN 8880 – 2011

4. Ngày lấy mẫu: 21/03/2024

Ngày trả kết quả: 28/03/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH ^(*) (a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TSS ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6625:2000	5 mg/L
3	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	1,0 mg/L
4	COD ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	3 mg/L
5	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ ,B&C:2017	1 mg/L
6	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	TCVN 6638:2000	3 mg/L
7	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	SMEWW 4500-P,B&E:2017	0,03 mg/L
8	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,3 mg/L
9	Coliform ^(*)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3MPN/100mL

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCNC
			HA.24.01340.02	
1.	pH ^(*) (a)	--	6,69	5-9
2.	TSS ^(*) (a)	mg/L	81	300
3.	BOD ₅ ^(*) (a)	mg/L	73	250
4.	COD ^(*) (a)	mg/L	156	600
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺) ^(*)	mg/L	16,8	29

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải KCNC
			HA.24.01340.02	
6.	Tổng Nito ^(*) (a)	mg/L	32,4	60
7.	Tổng Photpho ^(*)	mg/L	2,80	14
8.	Tổng dầu mỡ khoáng ^(*) (a)	mg/L	KPH	--
9.	Coliform ^(*)	MPN/100mL	2.700	37×10 ⁷

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

^(a): Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444

KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc

Nguyễn Thủy Diễm

HAIAU

ENVIRONMENTAL



1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

PPT/Số: HA.24.01340.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH TM DV TƯ VẤN TÂN ĐẠT THÀNH**2. Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN**

Lô I3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3. Loại mẫu: Khí thải

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
HA.24.01340.01	Ống thải đầu ra HTXL khí thải	10°51'3" – 106°48'11"

4. Ngày lấy mẫu: 21/03/2024

Ngày trả kết quả: 28/03/2024

5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	n-Propanol ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	PD CEN/TS 13649	1 mg/Nm ³
2	Metylen clorua ^(*)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	CEN/TS 13649:2014	0,04 mg/Nm ³

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 20:2009/ BTNMT
			HA.24.01340.01	
1.	n-Propanol ^(*)	mg/Nm ³	6,2	980
2.	Metylen clorua ^(*)	mg/Nm ³	3,6	1.750

Ghi chú: ^(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts

QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với một số chất hữu cơ

Phòng Thử Nghiệm



Nguyễn Thị Trang



P. Giám đốc



Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc

2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh

3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 06671/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.2718.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TM DV TV TÂN ĐẠT THÀNH Ngày lấy mẫu : 25/07/2024
Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN Loại mẫu : Khí thải
Lô i3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú
A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Vị trí lấy mẫu : 24.2718.KT1: Bên trong ống thải đầu ra của HTXL khí thải khu vực sản xuất

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				24.2718.KT1
1	Metylclorua ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,81)
2	n-Propanol ^(d)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=1,5)

Ghi chú:

- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 1,2 do VIMCERTS 304 thực hiện;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Giám đốc

Phụ trách PTN

ph

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 06670/2024/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 24.2718.NT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH TM DV TV TÂN ĐẠT THÀNH
Ngày lấy mẫu : 25/07/2024
Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH ĐIỆN TỬ DLG ANSEN
Loại mẫu : Nước thải
Lô i3-6, Đường N2, Khu công nghệ cao, Phường Tăng Nhơn Phú
A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Vị trí lấy mẫu : 24.2718.NT1: Hố ga cuối cùng trước khi vào hệ thống thoát nước

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				24.2718.NT1
1	pH ^(b)	-	TCVN 6492:2011	7,13
2	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(b)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	35
3	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(b)	mg/L	SMEWW 2540D:2017	33
5	Tổng Nitơ ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	33
6	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,065
7	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500- NH ₃ .B&C:2017	27,6
8	Tổng dầu, mỡ khoáng ^(b)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (LOD=0,3)
9	Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1.700

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2024

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



S. Nguyễn Như Hiền

